HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 15 tháng 2 & 3 năm 1994

TÂN NIÊN GIÁP TUẤT





TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA

Tel: (714)531-6693 • Fax: (714) 531-7965

Phát hành hai tháng một kỳ - số 15 tháng 2 & 3, 1994

Đại diện tại Florida:

Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068 • Tél: (904)282-2419

Đại diện tại Âu Châu:

Mr & Mrs Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris, France • Tél: 45.83.19.12

Đại diện tại Na Uy:

Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway

Đại diện tại Canada:

Trân Sa, P.O.Box 232, Station "C", Toronto, On. M6J 3P4. Tél: (416) 762-4659 và (416) 652-1384 • Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ. H3S 1K4. Tel: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh., 102 - 830E. Sixth Ave. Van., BC V5T - 1M1. Tel: (604) 873-1697 • Mạnh Tường & Nam, 5000 7è Ave. Ouest # 03, Charlesbourg, Québec, G1H 6Z7. Tél: (418) 626-2280, (418) 654-8933. Fax: (418) 626-2280

Đại diện tại Australia:

Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149.

Tél: 011-61-3-8071797

Đại diện tại Đông Âu:

Nguyễn Quốc Vũ - Trần Ngọc Tuấn

Sokolovska 33 / 240 - 18600, Praha 8 - Czech Republic - Fax: (422) 235 99 83



Chủ trương:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Thế Giang, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Trần Vũ, Trương Vũ.



Chủ biên:

Khánh Trường

Phụ tá chủ biên:

Phan Tấn Hải

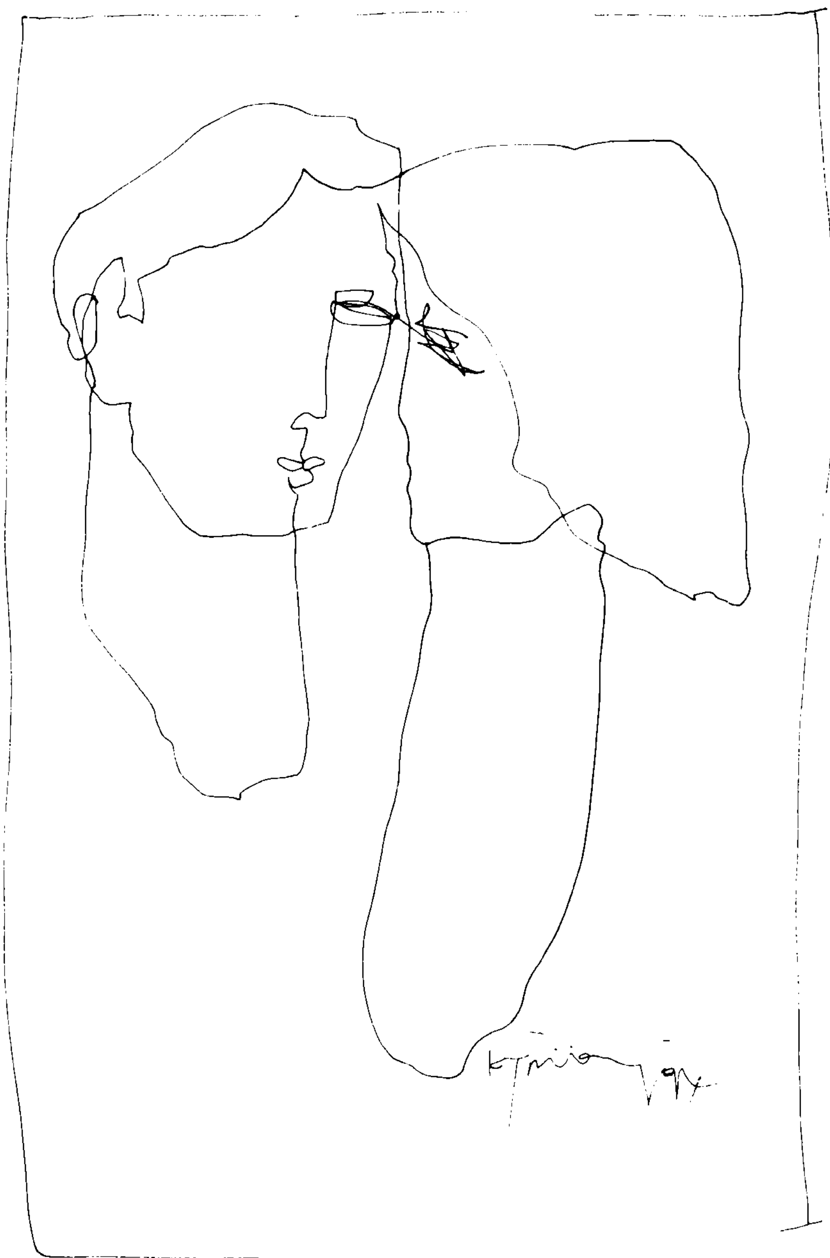
Nghiên cứu lý luận:

Đỗ Hữu Tài

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



PHAN NGUYEN
Sơn dần trên bố.



Từ số này, số phone và fax mới của HỢP LƯU sẽ là:

Tel: **(714) 531-6693** • Fax: **(714)531-7965**



MỤC LỤC

Tranh bìa: **Lê Phổ** : Les pavots *cavas 45.3 / 4 X 31-7 / 8 inches*

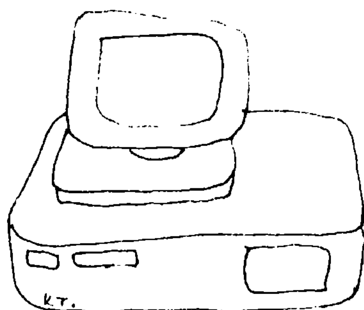
Phụ bản màu: tranh **Phan Nguyên**

Minh họa: **Đinh Cường, Hoàng Lập Ngôn, Khánh Trường**





thư tòa soạn



Hợp Lưu số này được xem là số đầu tiên bước vào năm mới, một năm nữa, năm thứ tư tính từ số ra mắt.

Tuy chưa hết sóng gió, nhưng *Hợp Lưu* đã có đủ lạc quan để tin, những bước chân sắp tới, trong tương lai, sẽ là những bước chân vững vàng. Độc giả, nếu theo dõi từ số đầu, đều dễ dàng nhận ra cố gắng và nỗ lực của anh chị em chủ trương, cũng như không thể phủ nhận, rằng *Hợp Lưu*, qua từng số, là từng bước tiến, từ hình thức đến nội dung. Mặt dù vẫn còn rất nhiều non, vụng, nhưng bằng cố gắng, học hỏi, tinh thần khắc phục khó khăn, hy vọng sự non, vụng ấy sẽ dần dần bị đào thải, để những người đang làm công tác văn học, nghệ thuật yên lòng gởi gấm sáng tác của họ, và để độc giả có được món ăn tinh thần giá trị.

Cũng bắt đầu từ năm thứ tư, *Hợp Lưu* sẽ chuyên hẳn về biên khảo, phê bình, lý luận văn học, nghệ thuật, đồng thời chú trọng, khai phá, giới thiệu mọi tài năng cũ cũng như mới, không phân biệt trong, ngoài. Phần chính trị, như chúng tôi đã loan báo từ số trước, sẽ do tạp chí *Đối Thoại* đảm trách. Cũng có nghĩa, một số anh em trong ban chủ trương *Hợp Lưu*, thiên về lĩnh vực này, sẽ chuyển qua coi sóc, điều hành *Đối Thoại*, hầu mỗi tờ báo sẽ có được tính nhất quán, chuyên biệt, giúp các tác giả không còn bị lúng túng khi gởi bài cho tòa soạn, "chẳng hiểu có đúng với chủ trương đường lối của tờ báo hay không?", và độc giả, tùy sở thích, có thể chọn cho mình một món ăn hợp khẩu. Nhân đây, xin được xác minh: hai tạp chí *Đối Thoại* và *Hợp Lưu*, là hai cơ sở độc lập, từ điều hành đến nội dung. Những anh chị em bên *Đối Thoại*, đa số đều không chuyên trong lãnh vực văn học, nghệ thuật, ngươci lại, ban chủ trương *Hợp Lưu*, hầu hết là những người sáng tác thơ, văn, hội họa... Dĩ nhiên, tinh thần vẫn là tinh thần chung: cùng nỗ lực đem tài sức của mình đóng góp cho đất nước bằng con đường ôn hòa, cởi mở, và xây dựng. Tuy nhiên không phải vì thế mà hai tờ báo sẽ chịu sự chi phối của nhau. Sở dĩ chúng tôi cần minh xác, cốt để tránh hiểu lầm. Bởi vì, dù muốn dù không, sự hiểu lầm trên ít nhiều đã có trong dư luận độc giả.

Lại cũng bắt đầu từ năm thứ tư, ban chủ trương thiết tha mong mỏi quí văn hữu, độc giả tích cực hơn nữa trong việc cộng tác với *Hợp Lưu*. Chúng tôi vẫn luôn luôn quan niệm, *Hợp Lưu* là một diễn đàn tự do, không của riêng ai. Nó là gia tài chung của tất cả người Việt Nam đang sống bên ngoài hoặc bên trong quốc gia, và bởi vậy, nó phải được quan tâm, săn sóc, bồi dưỡng bằng mọi tấm lòng, mọi trí tuệ của mọi tầng lớp quần chúng. Nói cách khác, thành tựu của *Hợp Lưu* phải được xem như một thành tựu tập thể. Một người, một cá nhân, dù tài giỏi đến bao nhiêu, vẫn vô phương đáp ứng trọn vẹn đòi hỏi rộng lớn, đến vô tận, của sự toàn bích trong lãnh vực văn học nghệ thuật. Do đó, nếu không được quí văn hữu, độc giả nâng đỡ, giúp sức, *Hợp Lưu* sẽ không thể tiến dài, tiến xa, như ước mơ chung.

Về mặt điều hành, bước vào năm thứ tư, *Hợp Lưu* sẽ tăng số in, tìm thêm đại diện tại nhiều quốc gia chưa có đại diện, đưa tờ báo đến tận tay những độc giả muốn tìm đọc. Tất nhiên công việc không dễ dàng, nhưng chắc chắn chúng tôi sẽ làm được. Nhiều quốc gia mãi tận Châu Phi, Mông Cổ, các tiểu quốc thuộc Liên Bang Nga (cũ) cũng đã biết đến *Hợp Lưu*, điều đó chứng tỏ, *Hợp Lưu* đã trở thành một nhu cầu tinh thần cần thiết cho những người Việt Nam đang sống rải rác trên mặt địa cầu vẫn còn quan tâm đến văn học, nghệ thuật nước nhà.

Cuối cùng, *Hợp Lưu* xin được giới thiệu sơ lược nội dung số báo này.

Trước tiên, là kịch bản "*Xuân Hồng*" của Nguyễn Huy Thiệp, một trong những kịch bản nhà *Tân Thư* (thuộc *Hợp Lưu*) sẽ in trong tương lai gần, cùng với tuyển tập thơ "*Bài Thơ Của Một Người Yêu Nước Mình*" của Trần Vàng Sao. Về sáng tác văn học ngoài nước, *Hợp Lưu* đặc biệt giới thiệu một loạt năm cây viết nữ: Phan Thị Trọng Tuyến, Vương Đan, Phạm Thị Ngọc, Phạm Chi Lan, Lê Thị Sông Phố, cùng một truyện ngắn rất mới của Donald Barthelme, nhà văn Mỹ, do phụ tá chủ biên Phan Tấn Hải chuyển ngữ. Về phần biên khảo, lý luận: vẫn ngòi bút rất bén và rất tinh tế của nhà phê bình Đặng Tiến, trong loạt bài về nhà thơ Hoàng Cầm, cùng bài viết về thơ phổ nhạc của nhạc sĩ lão thành Phạm Duy, các bài lý luận của Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn, Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Tiến Văn... Ngoài ra, còn có rất nhiều tác phẩm thi ca của nhiều nhà thơ nổi tiếng, trong và ngoài nước..

Hợp Lưu hy vọng, với lượng bài vở vừa giới thiệu, sẽ giúp độc giả tìm thấy đôi giờ thoải mái, nhân một năm mới, đã đến.

Hợp Lưu

Kính mời văn hữu, độc giả
đóng góp bài vở, tranh ảnh, tài liệu... cho số đặc biệt:

MAI THẢO

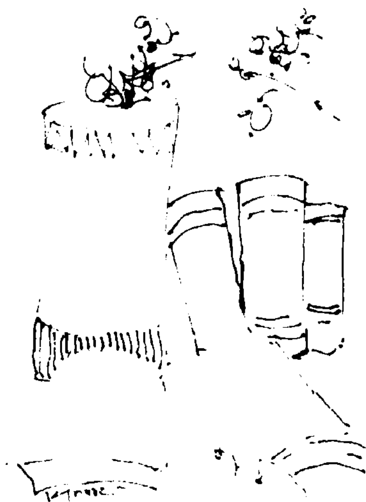
năm mươi năm hệ lụy với văn chương

Hạn chót nhận bài: Ngày 5 tháng 3, năm 1994.



LẠI NGUYÊN ÂN

thần thoại, văn học, văn học huyền thoại



Ngày nay, nhắc đến khái niệm *thần thoại* (trong tiếng Việt vài chục năm gần đây còn có thêm từ *huyền thoại*, cũng một hàm nghĩa này) - ta tưởng như chẳng có gì để bàn thêm về lý thuyết. Những hiểu biết và quan niệm chung về nó đã trở thành kiến thức giáo khoa. Chúng ta hiểu nó như là sáng tạo của trí tưởng tượng tập thể toàn dân, phản ánh hiện thực dưới dạng nhân cách hóa cảm tính cụ thể, dưới dạng những *sinh thể* có linh hồn mà dù là quái tượng, là phi thường đến mấy thì đầu óc của cư dân nguyên thủy vẫn coi là hoàn toàn có thực. Từ những mảnh vỡ còn sót lại của ý thức nguyên thủy dưới dạng các nghi lễ hội hè, các truyện kể (về các thần thánh tạo lập và cai quản trần gian, các anh hùng cứu nhân độ thế, các loài ma quỷ đe dọa và quấy nhiễu loài người...), giới nghiên cứu văn hóa hình dung ra những phổ hệ thần thoại của các dân tộc, những "thế giới" thần linh, tuyệt đối, trong đó đã hòa trộn đến mức không thể phân biệt rạch ròi đâu là lịch sử thực của quá trình hình thành dân tộc, đâu là cái ý thức (cố nhiên là bị khúc xạ, bị thần thoại hóa) của cộng đồng dân tộc về lịch sử và tiền sử của mình.

Chúng ta cũng hiểu thần thoại như là trạng thái đầu tiên của cái mà về sau sẽ được gọi bằng "ý thức xã hội" của một cộng đồng người - một cộng đồng dân tộc "liên dân tộc". Cố nhiên từ "ý thức" dùng ở đây là một ước lệ, và đây là một "ý thức nguyên hợp", tức là trong nó chưa phân lập khái niệm với hình tượng, trong nó bao hàm đồng thời gắn bó cả khoa học, tôn giáo,

nghệ thuật, văn học, tư tưởng, chính trị v.v... Nói gọn lại, là cả một thế giới quan - thế giới nguyên thủy.

Nếu vài điều sơ lược nêu trên tạm coi là những nhận thức chung, ai nấy đều biết, về thần thoại, thì trong nhận thức của chúng ta, trong nghiên cứu văn hóa của ta, vẫn còn một số phương diện liên quan đến thần thoại và ý thức thần thoại chưa được chú ý.

1. Ta chưa chú ý đến mối liên hệ giữa văn học với thần thoại. Vẫn biết rằng thần thoại là cái "ý thức xã hội" phổ quát đầu tiên bao hàm cả "văn học", rằng thần thoại là cái kho tàng đầu tiên cung cấp văn liệu, thi liệu cho một nền văn học dân tộc sẽ hình thành dần dần về sau, nhưng trong nghiên cứu các giai đoạn văn học dân tộc, hầu như chưa có nhà nghiên cứu nào tập trung khảo sát xem cái kho thần thoại thuần Việt (bản địa) và những kho tàng thần thoại quanh vùng (ví dụ Trung Hoa) để lại dấu ấn ra sao trong văn học dân tộc qua các thời đại.

2. Với nhận thức (mà ngày nay có lẽ đã trở nên thiếu chính xác) rằng từ sau thế kỷ XIX - thế kỷ của văn học chủ nghĩa hiện thực - thì văn học ở qui mô thế giới đã tẩy sạch dấu ấn của thần thoại và không cần khả năng nào nữa để thần thoại trở lại với văn học. Từ đây nảy ra thái độ cố tình không chấp nhận (hoặc nếu có thì coi là hiện tượng bệnh hoạn lỗi thời) đối với những dạng sáng tác huyền thoại ở văn học thế kỷ XX.

3. Với nhận thức rằng "ý thức nguyên hợp" đã mất đi khi phân lập thành các hình thái ý thức riêng biệt (chính trị, tôn giáo, triết học, khoa học, nghệ thuật v.v...) chúng ta tưởng rằng thế giới quan thần thoại cũng vĩnh viễn lùi vào quá khứ, bởi vậy, hầu như ta bỏ qua không xem xét các hiện tượng ý thức (thậm chí siêu ý thức) nảy sinh ở ngay các xã hội văn minh - các hiện tượng cũng ít nhiều mang "tính nguyên hợp", cũng lũng đoạn ý thức đám đông, và vì chúng có những nét tương đồng với kiểu thế giới quan thần thoại nguyên thủy nên có thể coi là hiện tượng "ý thức huyền thoại".

Tạm thời gác lại khía cạnh thứ nhất; dưới đây xin đề cập đến hai khía cạnh nói sau.

Chúng ta biết, có một quan niệm được thừa nhận khá rộng rãi (tuy không phải đã và sẽ hết tranh luận), theo đó thì chủ nghĩa hiện thực trong văn học thế giới (mà chủ yếu là văn học châu Âu) đạt đến mức phát triển cực thịnh ở thế kỷ XIX, với những nên tiểu thuyết hiện thực hùng hậu của Nga, của Pháp, của Anh, v.v... Theo lôgic thông thường, nếu chủ nghĩa hiện thực đã đạt đến đỉnh điểm phát triển ở văn học thế kỷ XIX thì văn học thế kỷ XX sẽ phải tìm những con đường khác. Nhưng quan niệm nêu trên lại đặt tất cả kỳ vọng tiến bộ nghệ thuật vào chủ nghĩa hiện thực. Cho nên, cũng với quan niệm đó, người ta hoặc mô tả lịch sử văn học thông qua nhị phân "hiện thực / phản hiện thực", hoặc mô tả bức tranh văn học thế kỷ XX như là cuộc đấu tranh văn học giữa chủ nghĩa hiện thực với các "chủ nghĩa" khác, được xem như "suy đồi", "hiện đại chủ nghĩa" (với hàm nghĩa đánh giá tiêu cực). Cũng

với quan niệm đó, bản thân phạm trù văn học hiện thực lại được phân chia bằng các thuộc tính ý thức hệ ("Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, "Chủ nghĩa hiện thực phê phán", thậm chí "Chủ nghĩa hiện thực tư sản"...) Đây không phải là chỗ để bàn lại về các thuật ngữ này, tôi chỉ nhắc lại để nhân đây nhận xét rằng, đã có cả một quan niệm, một tâm thế lý luận coi chủ nghĩa hiện thực như là dòng chính của văn học thế kỷ XX. Chính tâm thế này đã che mắt chúng ta, khiến chúng ta không lưu ý đến các xu hướng nghệ thuật đang nẩy sinh trong thực tiễn sáng tác nghệ thuật của thời đại.

Trong thực tế, như nhiều nhà nghiên cứu đã nhận xét, văn học nghệ thuật thế giới thế kỷ XX chứng kiến sự có mặt đồng thời của rất nhiều khuynh hướng đa dạng, thậm chí đối cực nhau. Ở hướng hiện thực chủ nghĩa không chỉ có sự miêu tả "giống như thực" mà còn có "nghệ thuật cụ thể", "văn học tư liệu", trong khi đó vẫn có "văn học biểu cảm lãng mạn", có cả "văn học trí tuệ triết lý", "kịch phi lý" v.v... và v.v... Trong vô số khuynh hướng nghệ thuật, ở thế kỷ XX lại hiện diện đậm nét khuynh hướng sáng tác huyền thoại.

Bùng nổ của văn xuôi Mỹ La Tinh trong đời sống văn học quốc tế từ những năm 60, về một mặt nhất định, khiến những ai thực sự nghiêm chỉnh không còn có thể xem thường vị trí của kiểu sáng tác huyền thoại trong văn học hiện đại. Thật ra, trong văn học thế giới suốt từ đầu đến cuối thế kỷ này, kiểu sáng tác huyền thoại vẫn luôn luôn sống động, thu hút nỗ lực của nhiều tác giả lớn. Đề cập đến khối lượng đa dạng các sáng tác thuộc loại này, chẳng hạn sau đây là một cách mô tả phân loại:

1) Những tác phẩm trong đó nhà văn tạo ra một hệ thống "huyền tích" riêng của mình. Ví dụ tác phẩm có tên (trong nguyên bản) là *Finnegan's Wake* của J.Joyce, các vở kịch và tiểu thuyết của Beckett...; 2) Những tác phẩm trong đó nhà văn tái tạo những cấu trúc tư duy của thần thoại nguyên hợp (xóa bỏ liên hệ nhân quả, trùng hợp một cách kỳ quái không gian và thời gian khác nhau, tạo ra nhân vật hai mặt, v.v...). Đây là trường hợp các sáng tác của F. Kafka, J.L. Borges, J. Cortazar, Akutagawa, Kobo Abe...; 3) Những tác phẩm trong đó nhà văn dựng lại những cốt truyện thần thoại cổ, có cải biên, hiện đại hóa ít nhiều (kịch của J. Anouilh, J. Giraudoux, J.P. Sartre...); 4) Những tác phẩm trong đó nhà văn đưa một số mô típ hoặc nhân vật huyền thoại vào câu truyện hiện thực, làm cho các hình tượng lịch sử cụ thể giàu thêm ý nghĩa phổ quát *(Giáo sư Faustus* của Th. Mann, *Nhâm Mã* của J. Updike); 5) Những tác phẩm trong đó nhà văn tái hiện những tầng sinh hoạt và tâm thức dân gian còn sống động những yếu tố của thế giới quan thần thoại (các tác phẩm của A. Carpentier, G. Amado, M. Asturias...); 6) Những tác phẩm trong đó nhà văn dùng hình tượng ngụ ngôn hoặc trầm tư trữ tình triết lý, hướng về những hằng số thái cổ của đời sống tự nhiên và nhân loại như ngôi nhà, bếp lửa, con đường, núi non, tuổi thơ, tuổi già, tình yêu, bệnh tật, cái chết... (văn xuôi của Kawabata, A. Platonow, thơ của R.M. Rilker, Saint John Perse). Ngoài các kiểu nêu trên còn thấy những tác phẩm

như *Nghệ Nhân Và Margarita* của Bulgalov và *Trăm Năm Cô Đơn* của Garcia Marquez, trong đó thống hợp nhiều kiểu sáng tác huyền thoại khác nhau ở cùng một tác phẩm - phương hướng mà Goethe đã làm trong *Faust* ở thế kỷ trước(1).

Nếu sự phân loại nêu trên chỉ là ước lệ thì ít ra nó cũng cho ta ý niệm về sự phong phú của sáng tác huyền thoại ở văn học thế kỷ XX. Cố nhiên so với các hệ thống thần thoại cổ xưa, vốn là sản phẩm trí tưởng tượng tự phát của các cộng đồng dân cư, thì các tác phẩm nêu trên đều là những sáng tác cá nhân có chủ ý của mỗi nhà văn. Chúng có hàng loạt khác biệt so với thần thoại nguyên hợp cổ xưa, cũng như một số khác biệt so với loại sáng tác huyền thoại của các thời đại trước (ở đây không dành chỗ để nêu những khác biệt này).

Nếu tạm coi Homer như một trong những tác giả vĩ đại đầu tiên của sáng tác huyền thoại, thì trong văn học nhân loại từ thời cổ đại đến tận thế kỷ XX, mạch sáng tác này vẫn là một dòng mạch liên tục, dẫu có những biến thái qua các thời đại.

*

Như thế, sáng tác huyền thoại - tức là phương diện thi ca vốn có trong thần thoại nguyên hợp cổ xưa - vẫn còn chỗ đứng trong văn học và văn hóa thế kỷ XX. Nhưng thần thoại cổ vốn là một ý thức nguyên hợp. Ý thức này đã phân hóa, phân lập trong sự tiến hóa của nhân loại thành các hình thái ý thức riêng biệt. Tuy vậy, ngay cả khi các hình thái ý thức độc lập đã "vận hành" bình thường theo các qui luật riêng của chúng, vẫn không có gì bảo đảm để không còn xuất hiện những hình tượng ý thức vẫn ít nhiều mang tính nguyên hợp. Chính các loại nghệ thuật, sau khi đã tách biệt nhau, vẫn tiếp tục có những dạng sáng tác ít nhiều mang tính tổng hợp, tức là phải nhất thiết bao hàm một vài loại hình nghệ thuật khác nhau (ví dụ sân khấu, điện ảnh).

Thần thoại nguyên hợp nguyên thủy không chỉ là thi ca, là sự "hiểu biết" (hoặc hiểu lầm!) về thế giới tự nhiên và xã hội, mà còn là nghi thức nghi lễ sùng bái. Đối với người tiếp nhận, nó không chỉ mang chất thơ mà còn mang tính chất đe dọa, đe nẹt, khủng bố. Cả hai yếu tố này vẫn còn được bảo lưu trong các dạng "ý thức huyền thoại hóa" hiện đại.

Cho đến thế kỷ XX, loài người trên hành tinh chúng ta vẫn còn có - dù ít ỏi - những tộc người sống biệt lập với thế giới bên ngoài, và đời sống tinh thần của họ vẫn chưa qua khỏi giai đoạn thần thoại. Ở khu vực những nước đang phát triển, người ta thấy những cộng đồng cư dân đông đảo vẫn còn giữ cả một "tầng" ý thức huyền thoại cổ trong tâm thức, trong nếp sống, trong phong tục... (Các nhà văn Mỹ La Tinh đặc biệt lưu ý đến hiện tượng này để thể hiện nó trong văn học). Ngay cả ở những xã hội văn minh, hiện đại của thế kỷ XX, người ta cũng chứng kiến sự xuất hiện và tác động của những dạng

"ý thức huyền thoại hóa" mới.

Thật ra thì điều vừa nói đã được nhận biết khá muộn. Là vì suốt mấy thế kỷ từ sau các thời Phục Hưng, Khai Sáng, với nhịp phát triển tân tiến của khoa học và công nghệ, người ta dễ bị chế ngự hóa bởi ảo tưởng về sự vận động theo hướng tiến bộ một chiều, mà quên mất hoặc xem nhẹ những "phản vận động" dưới các dạng thức khác nhau. Những luồng tư tưởng xuất hiện và chiếm lĩnh được những bộ phận cư dân rộng lớn, không tất yếu là những luồng tư tưởng tiến bộ. Một khi tính ảo tưởng, sai lầm ở nó đã bộc lộ thì việc nó có đông đảo công chúng chỉ tỏ rõ mức độ nguy hại của sự lừa mị. Nó không còn là sự ý thức, sự nhận thức, mà trở lại là sự huyền thoại hóa một chủ thuyết. Gọi nó là "ý thức huyền thoại hóa" là như vậy. Và suốt từ nhiều thế kỷ cho đến tận ngày nay, ta vẫn thấy xuất hiện những luồng ý thức huyền thoại hóa, với qui mô chiếm lĩnh cư dân khác nhau. Chẳng hạn "ý thức" về sứ mệnh khai hóa của những kẻ xâm lược ở cuối thế kỷ trước; "ý thức" về tính ưu đẳng của một "nòi giống" - dân tộc, màu da - đối với các nòi giống khác; "ý thức" về sứ mệnh của một giai tầng xã hội này đối với các giai tầng khác; "ý thức" về tính ưu việt của một chủ thuyết này đối với các chủ thuyết khác, v.v... và v.v... Có những luồng "ý thức huyền thoại hóa" đầy tính hiếu chiến, hung hăng, có những luồng "ý thức huyền thoại hóa" mềm mỏng nhưng không ít kiên trì. Từ thế kỷ trước cho đến tận thế kỷ này, những thủ lĩnh nhiều tham vọng vẫn không ngừng tự dựng lên quanh mình những huyền thoại - loại huyền thoại về phẩm cách vĩ nhân. Ngay ở các xã hội văn minh, người ta vẫn thấp thoáng nhận ra dấu vết của huyền thoại - huyền thoại về "xã hội tiêu dùng" - và người ta vẫn có nhu cầu tìm cho mình một vài thần tượng, hoặc nếu không thì cũng tìm lấy những gương mặt thay thế cho thần tượng dù đó chỉ là một ca sĩ, một tài tử, một ngôi sao thể thao.

Trong đời sống ý thức xã hội, một tư tưởng nảy sinh luôn luôn hàm chứa các khả năng: hoặc nó là tri thức tiệm cận chân lý, hoặc nó là một ảo tưởng, lầm tưởng; mặt khác, hoặc là nó được người ta đối thoại lại, tranh cãi lại, tức là được người ta đặt ngang giá với các tư tưởng khác, hoặc là nó được người ta sùng bái, tuyệt đối hóa. Một tư tưởng chứa đựng ảo tưởng, lừa mị, lại bị sùng bái, tất trở thành sự huyền thoại hóa. Chỉ sự đối thoại mới ngăn chặn khả năng huyền thoại hóa, nhưng không phải bao giờ cũng dễ dàng tạo được điều kiện cho sự đối thoại, vì vậy khả năng huyền thoại hóa một tư tưởng, một nhân vật, một tập đoàn... vẫn là khả năng hằng thường của nhân loại.

Chắc chắn là không dễ gì nhận ra được, xác định được dù chỉ một hiện tượng của ý thức huyền thoại hóa. Chắc chắn càng khó khăn hơn nếu có tham vọng mô tả cơ chế hình thành ý thức huyền thoại hóa trong các xã hội hiện đại. Tuy nhiên, có thể đoán được rằng ở những hiện tượng ý thức huyền thoại hóa ngày nay chất thơ không phải là nét trội (nó đã là lãnh vực "sáng tác huyền thoại" trong văn học như đã nói trên) trong khi đó chất đe nẹt, khủng bố lại đậm lên, bởi chỉ các xu hướng bảo thủ mới thích mượn sức mạnh răn

đc của huyền thoại. Việc nhận diện các hiện tượng ý thức huyền thoại, hơn nữa, việc "đối thoại" với chúng, việc ngăn chặn khả năng bị huyền thoại hóa của các luồng tư tưởng đang hình thành - không chỉ là việc của các nhà nghiên cứu mà còn là việc của các nhà phê bình, các nhà xã hội học, các nhà chính luận, của tất cả những ai quan tâm đến "sức khỏe tinh thần" của xã hội.

LẠI NGUYÊN ÂN
(Trong nước)

---

(1) Xem S.S. Averintsev và M.N. Epshtein - mục *Thần Thoại* trong *Từ Điển Bách Khoa Văn Học* (tiếng Nga) M. 1987, tr. 223-225.



CHẾ LAN VIÊN

để lại

Anh chả đem được đêm trăng nào vào huyệt
trong tổng số đêm trăng anh ngắm,
Tổng số mặt trời, anh đành bỏ lại, không mang đi.
Dù có liệm cho anh một nhúm gạo hạnh phúc,
một nhúm muối thi ca thì anh làm sao ăn được?
Đến bến Lú, sông Mê, các thứ ngon ngọt đem theo thành đắng ngắt.
Liệm cho anh triết học để làm gì?
Anh không mang đi. Anh chỉ còn để lại.
Để lại một câu thơ, một lời tạ tội
Để lại những lời "Nhớ lấy!" hoặc "Quên đi!"

dệt thảm

Người dệt thảm mặc rách và cuộc đời xám xịt
Ấy thế nhưng cái nghề dệt mà, ta cứ dệt thảm hoa
Lật trái trang thơ, may ra anh đọc được trên kia đời tôi một ít
Thơ không phản ảnh đời mình thì nó cũng phản ảnh những mùa hoa

CHẾ LAN VIÊN



PHẠM VIỆT CƯỜNG

phép lạ

thế mà chúng ta xa nhau đã mười năm nay
đã mười năm không còn được hôn bàn tay em nữa
tôi sống sót với điều đáng sợ đó
ngày ngày. tháng tháng. mười năm dài.

đâu có dễ dàng gì. ngần ấy buổi chiều.
ngần ấy sớm mai. ngần ấy đêm. ray rứt.
sức nặng của mùi hương em. nỗi dịu dàng. sự vắng mặt.
tôi với cuộc đời xa biệt biết bao nhiêu.

có lẽ sẽ không bao giờ tôi hiểu tại sao
em lặng lẽ hiện ra. em âm thầm biến mất.
khi chúng ta nhìn thấy nhau lần thứ nhất
tôi đâu biết rằng đó sẽ là sự khởi đầu
nên không bao giờ kịp chuẩn bị cho lần cuối
cho thảm kịch mãi mãi xa lạ này: mất nhau.

nước mắt em còn mặn trên môi tôi. bỏng cháy.
mỗi đêm dài, nghìn câu hỏi vu vơ
chỉ một nỗi đau tươi rói này là nỗi đau xưa
một cách bệnh hoạn, tôi hôn vết thương mình mê mải

em truy nã tôi nơi trú ẩn sau cùng: giấc mộng
không cách gì trốn chạy. không thể nào chống đỡ
rồi một ngày không còn nghe tiếng cười em nữa
chỉ có đôi mắt buồn từ cuối những đêm mơ
ngó theo tôi lủi thủi một mình. trượt ngã.
biết sống làm sao sáng nắng với chiều mưa.

giữa mênh mông đêm tôi khép kín đời mình
ngọn lửa thanh xuân lụi tàn mười năm trước
mới đó mà tóc tôi đã ít nhiều sợi bạc
không biết có nếp nhăn nào ở đuôi mắt em chưa
trót cầm cố tuổi trẻ cho em ngày đó
nên suốt mười năm tôi lãng đãng già nua

tôi chẳng còn giấc mộng nào ghê gớm nữa
hết cơn say, nằm khắc khoải với đêm tàn
xa em rồi đâu có gì kềm giữ
tự-do-tôi đẫm rượu mười năm
nghĩ cũng lạ, chỉ một cơn gió thoảng
mà đổ vỡ đời như địa chấn kinh hoàng

đã mười năm trọng thương. mười năm hấp hối.
tôi lập lại với mình khi ngó chiều rơi
ngày xưa tôi tin phép màu khiến xui hạnh ngộ
nên chúng ta nhận ra nhau giữa mấy tỉ con người
mà sự cách xa chỉ có nghĩa là cái chết
rồi hôm nay tôi nhận ra trong nỗi ngậm ngùi:
tôi được ban phát thêm điều kỳ diệu khác
là dù không-có-em tôi vẫn yên lành sống thở

sao có nhiều phép lạ đến thế trên đời?
những phép lạ buồn rầu và đáng ghét, em ơi...

tháng mười một đêm nào

lạnh sầu
những giấc mơ huy hoàng
tan nát
bởi những vì sao kia là nước mắt muôn đời khao khát
nên lệ nhớ
đã
đầm đìa môi hôn đau
đã hun hút
những dặm đường
mưa gió
sẽ tìm nhau

ngọn lửa xa

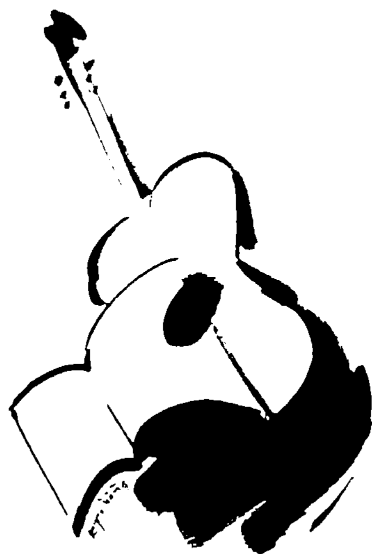
đến buổi-chiều-tối, xa vắng hết
một mình uống cạn chén phôi pha
dọn bữa tiệc đời trong bóng tối
nụ cười em như ngọn lửa xa

PHẠM VIỆT CƯỜNG
(Trong "*Trôi Đi Cùng Tháng Chạp*")



VƯƠNG TRÍ NHÀN

trả giá ắt là đau đớn



● Tại sao văn học ta rơi vào tình trạng lúng túng như hiện nay? ● Hỗn loạn âm tính và hỗn loạn dương tính. ● Vai trò của tỉnh táo hiểu biết. ● Hãy bắt đầu bằng cách tự phê phán.

Cũng như nhiều đồng nghiệp đang cầm bút, tôi thường lẩn mẩn nghĩ ngợi tới vị thế của nhà văn trong xã hội hiện thời về tình hình văn học nói chung. Các ý nghĩ đến rồi lại đi, rời vụn, mâu thuẫn, lúc thế này lúc thế khác. Bản thân tôi mỗi khi nghĩ xong điều gì cũng thích tự phản bác; trong tâm trí luôn luôn có những cuộc đấu khẩu mà sự thắng bại khó lòng xác định rành mạch. Dưới đây tôi thử ghi lại một số ý nghĩ loại đó dưới dạng đối thoại, những mong tìm thấy sự đồng cảm của bạn bè, đồng nghiệp.

- Có phải là văn học hiện thời đang mất giá, và nếu đúng như thế thì lỗi tại ai?

- Theo tôi biết, một người như nhà văn Tô Hoài rất hay nói về điều này. Đại khái ông bảo hơn nửa thế kỷ cầm bút, tình cảnh chưa bao giờ tang thương như bây giờ: sách ra loạn xạ, hay dở lẫn lộn; đầu sách có tăng, nhưng số in từng cuốn ngày mỗi giảm. Nhuận bút thì thê thảm không ai tưởng tượng ra nổi. Trong một thiên truyện mang tên: *Anh Hùng Bí Vận* (trong tập t Thời Gió Bụi, nxb Lao Động 1993); Nguyễn Khải kể chuyện một xã anh hùng nay tụt hậu, và chạnh lòng nghĩ tới nghề văn, cảm thấy thân phận mình thật cũng

chẳng khác những người dân làm cói ở xã N. nọ "lẫm liệt một thời mà bây giờ thì... tội nghiệp quá!"

Nói chung, tôi cũng thấy mọi chuyện xảy ra đúng như các bậc đàn anh ấy đã nói. Khác chăng là khác ở cách cắt nghĩa tại sao lại có thảm trạng ấy. Và *tiên trách kỷ, hậu trách nhân*, tôi thấy có phần lỗi ở những người làm văn học. Chúng ta nên tự soát xét lại, nên thấy rằng có thời gian ta đã được chiều chuộng quá, giờ phải trả giá, sự trả giá bao giờ cũng đau đớn, song khách quan mà xét, tình cảnh hiện nay là đáng với số đông người cầm bút chúng ta.

- Anh không giở trò chơi trội đấy chứ? Trong khi cả những người ở các ngành khác cũng thông cảm với chúng ta thì anh lại tự túm ngực chửi mình. Chẳng nhẽ anh không thấy hồi trước xã hội rất trọng đãi văn chương. Còn hiện nay, sự quan tâm của xã hội đến chúng ta suy giảm hẳn, vì thế mới xảy ra những cảnh xé rào bậy?

- Tôi biết có một thời cả xã hội cùng đọc mấy quyển sách xoàng xĩnh mà đến nay, không ai buồn đọc lại nữa. Dĩ nhiên là hồi ấy mấy nhà văn thời danh là những cái tên thường xuyên được nhắc nhở trên cửa miệng mọi người, còn bây giờ thì có bao nhiêu thú vui khác thu hút họ, nói tới văn chương, mặt họ dửng dưng không chút xúc động. Nhưng tôi cho như thế là phải. Chả nên tiếc những "ngày oanh liệt" hôm qua làm gì. Thà không có còn hơn sự thương cảm nông nổi bốc dồng của một thời ấu trĩ. Cái đích mà văn học cần phải chinh phục lớn hơn nhiều. Tôi cũng cho rằng nên sớm từ bỏ cái ý nghĩ là trong giới chúng ta có nhiều người tài ba mà chưa được đối xử xứng đang. Tôi muốn nói ngược lại, trong chúng ta nhiều cái tên nghe khá kêu, mà thực chất không có gì, rồi đây sẽ bị lãng quên rất nhanh. Nói chung công việc chúng ta làm được vừa mỏng manh, đạm bạc, vừa nhiều của giả. Trong một xã hội khép kín thì một ít giá trị dang dở được ngộ nhận, được đồng nhất với chân tài, đó là điều dễ hiểu. Nhưng trong xã hội cởi mở hôm nay, sự sụt giá lại là dễ hiểu nốt. Chỉ những ai quen sống bám vào sự ngộ nhận mới luyến tiếc thời xưa cũ.

- Tôi không ngờ anh lại nhẫn tâm đến thế! Anh không làm được gì, nên tưởng chung quanh anh ai cũng trắng tay như mình, và muốn lộn xộn bát nháo cho "bình đẳng" cả một lượt.

- Tôi tự nhận thấy mình chưa tồi tàn đến mức trắng trợn, hư vô. Tôi chỉ muốn mọi người cùng nhìn vào một sự thực, là những cái chúng ta làm được chưa bao nhiêu, thành tựu thua kém cả ông, cha, chứ đừng nói không là gì, so với thế giới. Tôi biết là khi xuất phát, nhiều ngòi bút ở ta có tài, song do thiếu công phu tu luyện, do phải tự đốt cháy lên ngay lập tức để tồn tại nên những cái các anh các chị ấy làm ra lắm khi nham nhở, bất thành nhân dạng. Trong một thời gian dài, nhiều tác phẩm có giá trị trong quá khứ không được in lại, sách hay của thế giới bị cấm cửa không được dịch, nên thứ hàng tầm tầm ấy có giá, thậm chí được tô lên là những tác phẩm có sức sống lâu bền. Song không thể bằng lòng với những giá trị dang dở đó, không thể hãnh diện theo kiểu "cứ chân đất mà đi vào lịch sử" mãi được.

- Anh không nên có cái giọng diễu cợt vậy. Chính anh cũng biết sở dĩ chúng ta chưa làm được nhiều là do hoàn cảnh quá khó khăn. Để chúng ta có thể ngày mỗi hoàn thiện, xã hội phải ưu ái hơn, giúp đỡ chúng ta nhiều hơn.

- Đồng ý, nhưng có nhiều cách giúp. Nghiêm khắc, yêu cầu cầu cao cũng là giúp, mà dễ dãi, bỏ qua cho nhau mọi yếu kém cũng là giúp. Trong hai cách này, cách thứ hai chỉ có hại chứ không có lợi. Tiếc thay, đây lại là cách nhiều người chúng ta mong đợi - những người không sống nổi với cơ chế thị trường và luôn nghĩ về thời bao cấp với nhiều tiếc nuối.

- Anh hãy nói rõ hơn ý nghĩ của mình.

- Chẳng có gì là rắc rối cả. Tôi chỉ muốn bảo sở dĩ nhiều người chúng ta nản lòng và muốn chạy khỏi đời sống cạnh tranh hôm nay vì thực lực quá yếu. Mà sở dĩ chúng ta yếu ớt như vậy, vì được chiều chuộng quá - vâng, chiều chuộng thực sự, chứ không phải kinh bỉ như có người đã nói. Trước những thành phần xoàng xĩnh của chúng ta xã hội đã quá rộng lượng. Hy vọng nhiều, chờ đợi nhiều, mà chiếu cố lại càng nhiều nữa. Sự chiều chuộng ấy, hôm qua là cần, nhưng giờ đây nghĩ lại, nó là yếu tố khiến chúng ta giẫm chân tại chỗ, bé nhỏ, còi cọc, không lớn lên được.

- Anh nói gì lạ vậy, tôi không tin. Để những ưu tiên về tinh thần sang một bên, hãy nói một việc liên quan trực tiếp đến mọi người - chuyện trả công, chuyện nhuận bút. Không phải hôm nay mà từ mấy chục năm nay, nhuận bút vẫn bị coi là quá thấp, khiến không ai sống nổi với nghề văn.

- Quá thấp, đồng ý. Nhưng là thấp so với một số tác phẩm có giá trị. Còn đối với đa số các tác phẩm xoàng xĩnh, thứ hàng phổ biến từ tay chúng ta, thì nhuận bút vậy đã là cao, chả thế mà, khi phát hiện ra điều này, khối người không chịu bỏ công viết nữa, chỉ mãi chạy theo đầu sách, bôi số trang ra thật nhiều. Chất lượng luôn có vấn đề thì nhuận bút ngày càng thấp, tưởng cũng không có gì lạ. Rộng hơn câu chuyện nhuận bút, tôi muốn nói về sự kiếm sống, về thu nhập của nghề viết. Theo quan sát trong những năm qua, có một loại người rất tài trong việc khai thác cái gọi là uy thế nhà văn, tận dụng nó để nuôi bản thân và gia đình.

- Chưa bao giờ chúng ta phè phỡn no nê như... như những người nắm các đầu mối kinh tế.

- Chỗ này tôi cũng thấy như anh. Về sự hưởng thụ, nói chung nghề của ta thật thanh đạm. Nhưng nếu có dịp xem những người làm kinh tế xoay sở mới biết, họ lao tâm khổ tứ, họ năng động kinh khủng. Còn chúng ta, một thời gian dài, chúng ta ỷ vào năng khiếu, nên viết quá dễ dãi. So với thứ lao động uể oải, cầm chừng của giới viết văn từ trước đến giờ, thì sự hưởng của chúng ta là rất xứng đáng.

- Anh không điên chứ? Nghề cầm bút xưa nay vẫn được mệnh danh là một nghề sáng tạo cao quí.

- Vâng. Trên lý thuyết thì như vậy, nhưng trong thực tế thì không hẳn. Lúc đi họp cần phát biểu trước bàn dân thiên hạ, hoặc lúc tụ bạ vui vầy nhiều

người trong chúng ta thích hô lên thật to rằng mình đau đời lắm, tâm huyết lắm, rằng mình thường xuyên suy nghĩ lao lung, vất vả nặng nề như người mẹ mang thai. Nhưng khi cầm đến bút thì lại cẩu thả qua quýt, suy nghĩ hời hợt cốt cho xong chuyện để có bản thảo mang bán. Không gì khác, chính sự loạn xạ trong đời sống văn học hôm nay, là hậu quả trực tiếp của cách sống chúng ta đã sống hôm qua, nó là một sự trả thù man dại mà cũng tất yếu, nếu có thể nói như vậy.

- Suy diễn. Thành kiến. Độc ác. Tôi không hiểu được những điều anh nói.

- Mọi chuyện đâu có khó thấy đến như thế, chẳng qua các anh không muốn thấy thôi. Ở trên tôi đã nói trong nhiều năm, chúng ta xúm vào khen những cuốn sách quá xoàng xĩnh. Sự hỗn loạn bắt đầu từ đấy.

- Những tác phẩm ấy có thể còn thô sơ non nớt, chưa được trau chuốt, thậm chí có thể chưa hay, nhưng chân thành muốn phục vụ, muốn có ích ngay, thế là được rồi, anh còn đòi hỏi chi nữa?

- Nhưng bảo rằng chúng là những tác phẩm chói sáng, tuyệt vời, thì là không được, là gây mầm hỗn loạn. Hơn nữa vấn đề không phải là trót tôn vinh... nhầm một hai cuốn sách nào đó, chuyện ấy muốn quên đi cũng dễ. Vấn đề là một thời gian dài, các tiêu chuẩn nghệ thuật thật sự bị xem thường, chúng ta dễ dãi nâng đỡ nhau, chiếu cố nhau, lại càng hào phóng trong việc khen tặng nhau. Nhiều cuốn sách không đáng in cũng in. Nhiều người viết văn đáng lẽ chỉ nên ghé gẩm qua văn chương một chút, song cũng vào tận chiếu giữa, và do đó không có sự đào thải, nên vĩnh viễn ngồi đó tọa hưởng kỳ thành. Nghĩ tới họ, người đọc đâm ngán. Mà trước tiên là nhiều anh em cùng nghề cũng thấy ngán, người đã viết từ trước thì cùn mòn cẩu thả đi, người mới cầm bút thì cảm thấy lớp người đi trước không có gì đáng trọng, và nghề viết không công bằng dẹp để như như người ta nói. Gặp lúc thuận tiện, là họ xốc tới, viết ào ào, in ào ào, rồi nhân đó, chửi vung cả lên, vênh vang rằng mình có bạn đọc không kém ai hết.

- Hay lắm, anh đã bắt đầu chạm đến cái đời sống văn học hẩu lốn hôm nay rồi đấy. Chắc là thấy mọi chuyện nhốn nháo thế, anh thích lắm, hả dạ lắm!

- Không hẳn. Tôi cũng chả thích gì văn học thương mại. Cũng như nhiều người, tôi thấy một số tác phẩm ám chỉ hiện nay được viết với một lý tưởng thẩm mỹ tầm thường, tay nghề quá thấp nên biến thành những vụ trả thù hèn hạ. Nhưng văn học hôm nay vẫn có cái này mà tôi cho là khả thủ. Nó không tìm cách che giấu thực chất của mình. Có gì dơ bẩn, nó đã phô hết. Thành ra trong đối xử, có cái tiện. Đại khái, sự hỗn loạn hôm qua là một thứ bệnh đang ủ, lại che che giấu giấu, nên có thể gọi là một sự *hỗn loạn ẩn tính*, còn sự hỗn loạn hôm nay cứ chường hết cả ra, nên là một thứ *hỗn loạn dương tính*. Đã gọi là bệnh thì đằng nào cũng dở, nhưng nghĩ cho cùng, bệnh như hôm nay vẫn dễ chữa hơn.

- Thật khó hình dung một người hơn hai chục năm gắn bó với đời sống văn học sinh động của chúng ta như anh, mà ăn nói lại hồ đồ như vậy! Tôi ngờ

rằng, không ai trong giới cầm bút đồng tình với anh cả. Trong ý nghĩ của số đông những cây bút loại trên dưới năm mươi như anh nhất là trong tâm khảm khác các bậc đàn anh, lớp trên nữa, thời gian trước đây là một thời gian phát triển hài hòa, tự nhiên nên cái nếp, cái thời lãng mạn như Nguyễn Khải đã gọi...

- Đó chỉ là bề ngoài. Cái nền nếp tĩnh lặng mà người ta hay nói chỉ là giả tạo.

- ... *Trong thời gian ấy chúng ta đã đào tạo được những nhà văn đáng tin cậy, những ngòi bút lao động nghiêm túc, mà bây giờ không sao có nổi. Tôi không thể tin những Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, hoặc hai người mà anh đã nêu lúc đầu, Tô Hoài, Nguyễn Khải, cùng là nhiều anh chị em khác, lại có liên quan đến cái mà anh gọi là đời sống hỗn loạn trước đây, dù chỉ là hỗn loạn "âm tính".*

- Nói thẳng về người khác bao giờ cũng khó, nhưng các trường hợp riêng thường khi lung linh sinh động đến mức mà hình dung về chúng lại là một cách tốt nhất để giúp người ta hiểu về cái chung. Bởi vậy dù rất ngần ngại, tôi cũng xin phép được nói một chút. Trong bốn người anh nêu lên, tôi chỉ xin nói về một người đã mất.

Muốn cho công bằng người ta phải nhận Xuân Diệu là một nhà thơ lớn và bây giờ tôi vẫn nghĩ thế. Song trong thời gian cuối đời có nhiều bài, ông dùng lý trí để viết. Uy tín Xuân Diệu lớn quá thành thử mấy chục năm sự lổ mổ không đều của nhà thơ Xuân Diệu không ai dám viết. Tưởng rằng đó là việc riêng của tác giả *Thơ Thơ*. Có biết đâu rằng mặc dù là một thứ lao động cá thể, song sự sáng tạo trong văn học vẫn tồn tại như một sự nghiệp chung. Anh không thể viết tốt nếu cái nền chung quanh quá tồi. Khi cái nền chung này xao động, không ổn định, hơn nữa bị phá hoại, thì anh cũng không ngồi yên mà viết được nữa kia.

- *Tóm lại là anh thấy tất cả đều có lỗi.*

- Cũng gần như thế.

- *Không ai thoát khỏi số phận chung của chúng ta hôm qua.*

- Nhiều người có vẻ nổi lên trên cái nền kém cỏi ấy, song, suy cho cùng vẫn không ra thoát, vẫn lãnh đủ phần trách nhiệm và thực tế cả những đau đớn ê chề khi cái nền chung ấy thay đổi.

- *Vậy bắt đầu phải làm gì?*

- Một số người thích kêu to lên để chung quanh thương hại, hoặc ngồi than thở. Một số khác mất hết lòng tin, cho rằng xã hội đã chả cần mình, mình cũng chả cần xã hội nữa, tóm lại là muốn làm gì thì làm, đến đâu thì đến. Riêng tôi, tôi không tin rằng mọi chuyện hỏng hết, mà cần phải đóng góp vào việc vượt qua cái thời điểm xót xa hôm nay. Công thức muôn đời vẫn là: Hãy tự cứu lấy mình. Có điều trong việc tự cứu này, đầu tiên phải tự nhận thức cho sòng phẳng, tự biết mình là ai, chỗ mạnh chỗ yếu của mình là gì, mình mười phần tốt đẹp mà bị rẻ rúng hay thật ra mình cũng hư hỏng nốt. Chỉ bao giờ ta hiểu rõ rằng sự lạc hậu ở ngay chính mình, thì lúc đó ta mới

có cơ khá lên được. Đây là một công.việc khó, rất cần đến sự sáng suốt, sự tỉnh táo hiểu biết, tóm lại cần đến lý trí, là điều mà điều trớ trêu thay, văn học ta lâu nay vẫn từ chối. Ở nước nào cũng vậy, ở xã hội ta, cả thời phong kiến lẫn thời Pháp thuộc cũng vậy, văn nhân đồng nghĩa với người có học vấn (chứ không phải chỉ có năng khiếu), nhưng mấy chục năm nay, ở ta, hai khái niệm ấy bị tách rời, và tôi cho rằng, cả trong những năm bao cấp, lẫn trong những năm kinh tế thị trường, gần đây văn học ở ta phát triển khó khăn, lý do là ở sự tách rời ấy.

- A ha! Thế là thò đuôi khỉ rồi nhé! Nói xuôi nói ngược một hồi, cuối cùng hóa ra anh muốn đề cao cái ngành lý luận phê bình của mình. Thế nhỡ các nhà văn ở ta thích quan niệm rằng nếu một người không có năng khiếu, thì có đọc đến vài vạn quyển sách chăng nữa, cũng chẳng viết nên một câu thơ cảm động lòng người - mà trong thực tế sáng tác vẫn vậy, thì anh nghĩ sao, liệu anh còn cảm thấy có quyền bàn bạc với mọi người, và anh có còn tin ở cái đơn thuốc của anh nữa không?

- Vâng, tôi biết nhiều nhà văn ở ta tuy không nói ra, nhưng vẫn nghĩ bụng: lý luận phê bình đánh đấm lắm chỉ tổ bị ghét, mà có xúm vào khen thì cũng không có gì để giới sáng tác trọng. Gần đây, người ta lại còn hay bảo, tự mình, các nhà văn ở ta vốn rất hồn nhiên, trong sáng, chẳng qua giới lý luận phê bình nhiễu sự hay đưa ra các thuyết vơ vẩn, nên đời sống văn học mới nẩy sinh một vài vấn đề không lành mạnh. Và người ta e dè, ngần ngại muốn gạt chúng tôi sang một bên. Biết thế nên dạo này một số anh em viết phê bình cũng chẳng buồn viết nữa, hoặc ngồi chơi xem các nhà văn nhà thơ tâng bốc lẫn nhau, hoặc quay về nghiên cứu văn học quá khứ. Nhưng có làm gì cái số phận riêng mấy cây bút phê bình chúng tôi, điều quan trọng là lối thoát của cả nền văn học, và trong việc này, nếu phải nhắc lại ngàn lần tôi vẫn nhắc, rằng chúng ta không thể thiếu sự tỉnh táo, sáng suốt, không thể thiếu lý tính được.

VƯƠNG TRÍ NHÀN
(Trong nước)



NGUYỄN VĂN PHỤNG

tâm sự nhỏ của một người có nhà ở chợ

Hai con sống giữa chợ lòng ba không yên
tiếng râm ran buổi chợ đông
mùi hôi thối buổi chợ chiều
cái khó đèo lên đầu ba khi nhìn ra thấy quán xá
mặt trời không thấy dưới những tán dù
cả ngày không thấy con chim đậu trên cây
không thấy con bướm bay qua vườn ba thuở nhỏ
gió lộng thổi tới mùi nấu ăn
thổi tanh mùi cá

Hai con tắm trong tiếng ồn
tắm trong mùi mưng mức thối

Cả đất nước khó khăn nhà ở cũng còn cái khó
ba chỉ cần một một chỗ tránh nắng che mưa
một chỗ ăn cơm và một góc khiêm nhường cho con học
con người ước mơ nhiều ba cũng từng ước mơ
không phải cho ba mà cho con có nơi chạy nhảy
có nơi bắt nắng, có nơi đuổi chuồn chuồn...

Đời phố chợ không thấy cây, chỉ thấy trái
quả ớt tựu thành ra sao các con chưa rõ
chỉ thấy sẵn ớt mua về ăn mà không biết nơi trồng có nắng gió
không thấy công tưới phân, không thấy người làm cỏ
không thấy cái gốc của mọi vấn đề,
chỉ thấy người ăn xài,
                    người trả tiền,
                              mà không thấy người lao động
không thấy con cá bán ra giữa chợ
                    phải qua bao nhiêu trời biển rộng
qua bao bàn tay con người...

Vẫn biết cuộc đời đâu phải thuận mua vừa bán
đâu phải món hàng mà mặc cả
nhưng khi nhìn ra quanh mình có người lúc nào cũng ngã giá
lúc nào cũng cò kè bớt một thêm hai
sợ lớn lên con học câu phi thương bất phú
đem cuộc đời đổi lấy miếng ăn
đổi lấy một chỗ ngồi có nhiều bổng lộc
con sẽ không thấy cái gốc của chỗ ngồi,
cái gốc của mọi điều phải trái
sự thật không ở phía cán cân có đặt đồng tiền thì nặng
không phải ở phía có sự đồng tình bao giờ cũng đúng.

Hai con sống giữa chợ cố giữ lòng đừng chợ búa
vẫn biết tấm lòng con người có lúc nắng chiều mưa
nhưng tấm lòng con người không thể thuận bán vừa mua

Tấm lòng con người không thể thuận bán vừa mua

tháng giêng hai

Tôi mặc áo, mang giày. Buổi sáng
xin chào một ngày, thắp điếu thuốc lá đen,
Đà Lạt.

Chào mưa bụi bay ngoài trời
chào tháng giêng hai đang tới

Điếu thuốc lá dõm. Ném xuống đất.
Dí dưới chân giày.

Đất nước tôi đang còn bề bộn.

Buổi sáng,
chúng ta bắt đầu một ngày với nhiều lo nghĩ
mặt trời trôi trong mưa
lòng tôi trôi với tháng giêng hai...

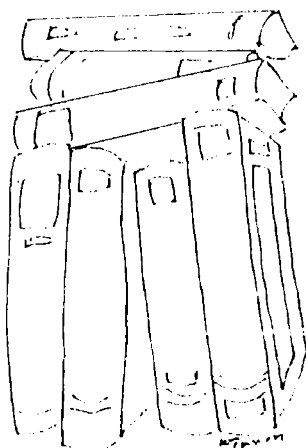
Tháng giêng hai. Dù trời đang còn rét.

NGUYỄN VĂN PHỤNG
(Trong nước)



NGUYỄN THANH HÙNG

chủ thể phân ly trong văn học



Lịch sử đã gán cho nhà văn, nhà thơ những danh hiệu. Chưa vừa ý, nghệ sĩ lại mật phong cho mình những vinh dự khác. Văn thi tài, thật sự hiểu rõ hơn ai hết, càng tìm cách tụng xưng mình càng làm mình bé nhỏ thêm, càng thỏa mãn ngất ngây bởi hương trầm ngợi ca thì càng tự thú mình đã chết.

Tiếc thay, vật lộn với cuộc sống lấm lem và tinh tường ranh mãnh đến trác việt cỡ Gorki mà cũng không đi đến tận cùng bản chất sáng tạo nằm ngay trong châm ngôn thấm đầy ý thức nhân bản: *Con người, hai tiếng ấy vang lên kiêu hãnh và tự hào biết bao.* Xem nhà thơ, là *"con mắt, lỗ tai của của giai cấp, của nhân dân và thời đại"* là sự đánh mất mình, vi phạm chủ thể sáng tạo văn học đầu tiên. Đành rằng lịch sử là chân lý nhưng lịch sử vẫn vi phạm sai lầm. Chỉ có con người là đúng vì khả năng điều chỉnh. Công xã Paris không thể lặp lại để chu đáo hơn; không sớm, không muộn hơn và giá đừng kéo nhau về cố thủ ở đồi Mông-mác. Cách mạng tháng Mười cũng không thể lặp lại nữa, như đã xảy ra ở cung điện Mùa Đông. Lê-nin không thể dự liệu được tất cả những diễn biến tương lai.

Văn nhân thi sĩ đừng lạm dụng lịch sử và ai hết ngoài mình. Cũng đừng bám vào công tích hay thành quả. Đó chỉ là điều tận cùng được tổng kết bằng trái tim lạnh giá và lược qui đời sống. Văn học hãy đi sâu mô tả, tái tạo tinh thần thời đại phong phú trên đường đi tới chân lý lịch sử. Chân lý đó không gần và một lèo thẳng tắp, sự thật của đời sống và lẽ phải của trái tim hiện ra, vì lẽ phải nằm ở phía tình thương đối diện với mình. Văn học là kết quả của một thiên tư không đổi, một vận động không ngừng, trong đó cái quan trọng không phải là kết quả mà là những khám phá.

Chủ thể văn học trước hết là con người minh triết. Minh triết nào phải là

chân lý được nhận thức, là hiền trí của đức tự tu. *Tri nhân tắc triết, ái nhân tắc minh.* Biết người là triết lý, biết yêu người là sáng, lại nói biết người cũng là trí, biết mình là minh (*Tri nhân giả trí, tự tri giả minh*). Đó là sự minh triết tròn đầy. Minh triết với ý nghĩa tôn trọng con người nên chỉ lấy lễ mà đối xử, lấy văn chương mà khắc họa, xem lời nói là nơi tình yêu nương náu và ấm áp sự khoan dung, bởi hiểu biết theo minh triết là tha thứ. Dù có lấy luật làm trọng, con người minh triết vẫn chỉ nói bóng nói xa, nói *Hà Tây chết cây SàiGòn*. Con người có ngu đâu, hiền minh và đồng sinh cùng trời đất cơ mà. Có người có ta là lẽ phải hợp lòng người. *Vì trong lẽ phải có mình có ta*. Nhu cầu của văn học không nặng về chân lý mà nặng về sự thật và lẽ phải ở đời. Bởi thế chủ thể trong văn học cũng không thể đơn độc giữa đời và đại diện duy nhất cho bản thân. Nhà văn khám phá sự thật và lẽ phải trong đối cực ta và mình, nên đây là điểm phân ly đầu tiên trong sự bỡ ngỡ, lạ lùng giữa quần thể nhân gian. Phân ly chủ thể để nối liền những khoảng cách giữa con người với nhau và lấp đầy những khoảng trống trong số phận mỗi người.

Ngoài ra văn học phải tuân theo qui luật rót đầy nhu cầu và tình yêu của chủ thể. Đó là sự cân bằng nội tại giữa khách quan và chủ quan, giữa giả tưởng và chân thật, giữa tự nhiên và ước lệ, giữa cá nhân và tập thể, giữa cái tôi và siêu tôi, giữa tác giả và nhân vật, giữa ngã và vật, giữa thiện cảm và phản cảm, giữa chạy trốn và đào sâu vào hiện thực. Nói chủ thể phân ly cũng là nói đến khả năng hóa thân và đồng cảm để nếm trải, chiêm nghiệm những số phận khác nhau trong những trạng huống, tình cảnh có thể dự đoán và thử đặt mình vào trong đó mà suy ngẫm và bộc lộ.

Vì vậy, cái mới, cái độc đáo bao giờ cũng được nhìn bằng con mắt đầu tiên. Nhà văn với tư cách con người tiếp nhận, thụ cản cuộc sống, trở thành chủ thể văn học đắm mình vào thế giới nghệ thuật của mình. Trong mỗi người chúng ta có hay không một ước mong triền miên, trước một thế giới vượt ra ngoài cõi đời thông tục, tưởng vọng về nơi linh hồn của mình có thể trầm ngâm nghiệm sinh số phận riêng tư của nó. Đó là lúc chủ thể nhà văn bắt được nguồn mạch của đời sống và ngắm nhìn cõi lòng theo dòng sinh hóa của thế gian. nó cố gắng bắt lấy tinh thần ngay trong dòng vận động, trực tiếp liên hệ với tâm linh nội hiện. Bằng vô thức đó, thiên nhiên trong bản thể con người viết ra định mệnh của nó. Ở đây không có cưỡng bức, không đổi hướng, không sao nguyên, chỉ có dòng vận động tự do phơi mở. Đó là nguyên tắc thẩm mỹ trên tinh thần "vĩnh tịch" phương Đông.

Nhà văn bị lôi cuốn bởi thực tại của cái đang hiện hữu và bị ràng buộc bởi điều duy nhất diệu kỳ của đời sống, ngay cả khi nhà văn chỉ nói về một giọt mưa thầm thì, tiếng tách nẩy của rễ cây và tiếng rung của đôi vú. Chủ thể văn học ở nhà văn cực kì nhạy bén và phân ly, tận kiệt vắt mình cho sáng tạo. Phân ly cao độ và hợp nhất cũng cao độ và bao giờ cũng trên cái nền trọn vẹn, chỉnh toàn về khách thể-chủ thể rồi chủ thể-khách thể. Cái hiện hữu trong chủ thể không thể nhìn sự thật nếu hiện thực đời sống bị xé nhỏ và cắt đứt

hơi thở con người sáng tạo. Một hiện tồn chân thật không những chỉ là những thời điểm tạm lắng dừng, giành cho quan sát, phân tích uyên bác, tự ý thức lương tri, mà còn là thời biến trong tâm thức và thể chất nhà văn vun vút lao qua không gian được triển nở thành viễn cảnh nhiều mặt, được chủ thể kết hợp để bắt kịp những hiện sinh cụ thể, những kinh nghiệm đời sống đã khải thị cho. Chủ thể nhà văn, một mặt khác quyết liệt hiện thực hóa khả năng cá nhân. Trong đó trí tuệ đóng vai trò rất nhỏ so với trực giác, tâm tư, tình cảm và nguồn sống.

Hiệu lực của văn chương là gì nếu không phải là tạo lập một trạng thái của đời sống khả cảm, gây cho ta không khí, màu sắc và hương thơm của bầu trời, bãi dâu, đồng cỏ bằng con mắt ban đầu hân hoan, một ý thức lành mạnh chân thực và cận nhân tình để tổng hợp cái mênh mông của chân trời góc biển, những phối cảnh nhọc nhằn lắng kết của thời gian. Càng lý giải, minh chứng thì giác quan càng tê liệt đi, cảm xúc càng vón vì phải tiếp xúc quá lâu với thực tại lạnh lùng.

Chủ thể văn học phải tạo nên sự liên hệ giữa linh hồn và thể xác chứa chất những huyền nhiệm về đời sống siêu linh, tâm thức, khôi phục lại bản chất người trong những liên hệ với vai trò khác nhau của cá nhân. Với nhà văn thì tư trào, khuynh hướng, thế giới quan mới chỉ chạm chân vào tư giới sáng tạo. Tư chất ấy duy chỉ mình anh ta có. Cá nhân có một ý nghĩa và giá trị tuyệt đối như Uýt-man đã nghĩ, không phải với tư cách là thực thể tách rời đời sống mà sự hòa hợp liên kết với nó bằng những kiểu cách phân ly để dính chặt vào đời hơn. Tư chất nghệ sĩ của của chủ thể là những ràng buộc tinh thần và và năng lực tái tạo thực tại sinh động đời sống thông qua vai trò cái tôi, nhân vật và hình tượng.

Vả chăng cũng cần ghi nhận yếu tố tinh thần trong nhận thức về văn học cùng với khả năng mềm dẻo, nhu động của ngôn từ nghệ thuật ẩn hiện làm cho chủ thể văn học thêm tự do, phiêu du, lưu lạc trong tư tưởng, ý chí, tâm hồn, thói quen và trong tưởng tượng thi vị của mình và của người khác. Hưng phấn trong kiếm tìm sự thật và cái đẹp, nên tác phẩm văn học mê mải muốn nói lên tất cả trong một lần những quy luật làm cứ liệu răn đe, những tất yếu làm người ta yên lòng, những ngẫu nhiên làm con người hy vọng. Tính bất định và ngẫu nhiên càng bị khám phá bao nhiêu thì cuộc đời càng ẩn mật bấy nhiêu.

Rút cuộc cái ngẩu nhiên thành mối liên hệ hấp dẫn hơn cái lôgic. Cấu trúc ý thức về đời sống càng mạch lạc, chắc sẽ sản sinh ra mô hình luận lý về hiện thực chứ không phải là một tác phẩm nghệ thuật. Ý thức căn sâu về điều gì, sẽ làm rối tung cái bản nhiên của nó. Đó là tính hiện thực theo nghĩa xác định của từ bởi sự nhạy cảm để lĩnh hội trực tiếp, tức khắc, không qua trung gian, mạnh mẽ và trong sáng một sự chân thành đến giản dị, bất ngờ để được tin cậy, không gây trở ngại cho tiếng nói đời sống dùng để truyền đạt thực tại trong tính phức tạp trọn vẹn và nhất quán của nó.

Chủ thể văn học là một thân phận bi thương vì nó vừa là con đường, vừa là kẻ đi trên con đường đó. Paxternăk nói *mục đích của chủ thể văn học là sự hy sinh bản thân mình*, cũng như thiên nhiên chỉ có duy nhất một mục đích trùng khớp vào sự sống không thể biết hết, không thể dừng. Những gì con người lạm dụng tư cách chủ thể của thế giới hiện thực và cố tình can thiệp thô bạo vào đời sống tự nhiên thì đó là việc của người, và thảm họa về sau thiên nhiên không chịu trách nhiệm.

Con người không phải là chủ thể của thực tại đời sống mà là chủ thể của những ý nghĩa đời sống đối với con người. *"Từ con vật biết suy nghĩ"* con người trở thành *"công dân vũ trụ"* hòa vào sự hiện sinh không điều kiện, vĩnh cửu và tuyệt đối làm nên yếu tố diệu kỳ có mặt khắp nơi. Cây cối cho người sinh mệnh của nó, cho người phương tiện sống như chiếc bàn cái tủ. Nhưng mùi véc-ni, sơn dầu lán nôn mửa trẻ thơ, làm nhức nhối không gian hít thở và tầm mắt dõi nhìn con nhện giăng tơ, con thạch sùng lem lẻm môi son trên vách. Mỗi chân bàn góc tủ và tường hoa chắn mãi sẽ bị mối xông. Phá vỡ tổ ấm con người, lỗi đâu tại cây. Dòng nhựa sống thao thiết và dè xẻn để tự vệ trong thớ lá, đường gân, nhẫn nại trong từng mạch rễ vùi sâu, trải mình âm thầm trong đất, trong đá tìm kiếm tằn tiện và tỏa hương làm cho mối mọt không hề bén mảng.

Cái chết một phần hay tất cả chẳng bao giờ có tư cách chủ thể. Ai cũng phải chết. Vì vậy lo khắc phục làm gì, và vì thế mà thời gian trở thành vật báu đang trôi qua trước con mắt xót xa. Đời người sẽ mất nửa phần thú vị nếu con người không nhận ra bằng tất cả những nuối tiếc: cuộc đời là giấc mộng, là một kiếp phù sinh nhất thời nhưng dào dạt. Chủ thể văn học là kẻ hái hoa quả và nhũ hương mộng mơ tặng cho đời như đem cho họ chất bổ linh hồn. Chủ thể văn học luôn luôn phân ly vì nó sống giữa những đối cực, giữa hai miền chân thực và mơ ước của hiện thực đời sống và sáng tạo nghệ thuật. Chủ thể ấy cũng sống trong nghịch lý thường tại, giữa *"phần lớn con người còn là người và phần lớn con người chưa hẳn là người"*... Đó là con người thiếu hoàn hảo vừa tầm thường vừa thánh đạo, vừa vô lý vô tâm, kiêu sa điên rồ với những vui buồn, thành kiến, nhiệt tình và sơ xuất. Chủ thể nhà văn "vào cuộc" liền quên ngay kế hoạch sáng tạo chỉ còn dốc đổ tình yêu vào hình tượng con người và ý nghĩa mà nó chuyển đưa.

Yêu thương cuộc đời nên thường nghi ngờ trí tuệ. Có thể nào hình dung một cuộc sống mà lại không có tai ương do hỏa hoạn, bão lụt gây ra, không một vụ hải tặc thuyền nhân, không có cuộc chia ly đẫm sương hoặc không có một người đàn bà cuồng si ham hố, một tu sĩ nhạt dần thánh chí. Không thể tin một xã hội sa đọa hơn, chỉ vì một mục sự trốn theo ca nữ, một thủ tướng hy sinh ghế ngồi cho má phấn. Chẳng lẽ một xã hội văn minh, đạo đức lại không có những hợp đồng trục trặc, đổi ý, một cuộc thay ngựa giữa dòng, không tội lỗi, không ăn năn, không tì vết, không cả ngạc nhiên và hy vọng. Thế giới ấy, không có văn chương nữa.

Con người gọi là chủ thể nhưng thường là tự dao động ở hai nửa tròn đầy. "*Uống rượu thì nửa say mới thôi, ngắm hoa thì bán khai mới đẹp* (Lý Mật Am). Nếu con người và cuộc sống đang trên dòng chảy của vận động thì chỉ những gì chưa hoàn tất, những gì còn đang dở lại phù hợp với sự chân thực và hữu tình hơn. Xêda cao quý, là bạo chúa, mưu mô và mê đắm trong tình trường Clêôpát, suýt bỏ rơi La Mã. Đavít tàn ác và dại dộ, thành tín rồi lại bội giáo. Đức Khổng Khâu có khách đến thăm, nói dối đi vắng, khách vừa quay gót liền dạo khúc đàn quen cho khách biết mình vẫn ở nhà. Sếchxpia di chúc cho vợ cái gường "tốt thứ nhì" còn chiếc giường hạng nhất giành ai? Mintơn hờ hững, Lép Tônxtôi xung khắc với vợ đến nỗi phải lang thang và bỏ thân ở một ga xép vắng miền Nam nước Nga. Gớt, tám chục tuổi đầu còn cưới vợ bé, dắt theo cậu con trai lớn luôn đỏ mặt thẹn thùng. Vậy thì có phải nhiệt hứng và sự xao động tâm can, chứ không phải chỉ là trí tuệ neo giữ làm bến đỗ cho thế giới nhân tính đó sao?

Sự thiếu lý trí và sự bất thường trong hóa thân và phân thân, sự dở hơi và ngẫu hứng của con người và chủ thể văn học làm cuộc sống được kích hoạt, đáng yêu và hợp tình người hơn. Chủ thể văn học phân ly theo nguyên lý "khuyết nghi" của mỹ học phương Đông là vậy. Không biết hết thì để chỗ cho nghi ngờ và không bao giờ nghĩ rằng cuộc sống hiện thực mở ra trọn vẹn và hoàn kết trong sự vật, con người và toàn bộ vũ trụ đang sống. Có lẽ vì thế mà chủ thể văn học cần phải phân ly như một tinh thể, tự vỡ ra để tìm đến những kết hợp vô tận với đời sống, với vũ trụ và với những bí ẩn của con người trong con người. Chủ thể văn học là sự "trích ngang" của hình tượng tác giả trong tác phẩm.

Ngày nay người ta khám phá ra những cơ năng khác của con người, cũng tham dự vào việc tạo ra môi trường sống mà chủ thể tri giác, tiếp xúc trực tiếp bằng những bộ phận cảm giác *(Merkorgan)* và bằng những bộ phận chuyển dịch *(Wirkorgan)* để tạo ra một thế giới tạo tác *(Wirkwelt)*. Các "quãng sống động" của đời người trôi qua các thời điểm biến hiện, bao gồm những quan điểm của người nhìn thực tại, đều ít nhiều liên quan đến tâm linh chủ thể. Tri thức về con người, về chủ thể là quan trọng nhưng vẫn không thay thế được hiện thực con người. Đây là khuynh hướng triết học ngày nay, thời đại đặt giá trị được kiểm chứng qua chức năng lên trên chân lý rỗng. Những yếu tố biến đổi chủ thể quan trọng hơn sự phân tích khách thể.

Chúng ta biết rằng khi một quan năng, cơ thể biến đổi thì cái nhìn cũng biến đổi theo. Một khi tâm trạng được cải hóa thì sự vật cũng nhân đó mà xuất hiện những khía cạnh mới. Cần đẩy nhanh quá trình nghiên cứu lấy chủ thể làm đối tượng suy tư. Hãy để phạm vi hiện tượng khách thể cho khoa học. Văn học cần phải bước thêm một bước nữa thực hiện chủ thể trong bản thân con người. Tăng cường trực cảm và "siêu việt thể" nội tâm là làm rõ phần tâm linh, một trong những yếu tố nhiệm màu trong sâu thẳm con người. *Việc cao cả nhất con người có thể làm được là khai hoang một khu mới trong cái*

thế giới tâm linh bí mật của cái đẹp ở con người (Anhxtanh).

Trong lịch sử nhân loại chưa một tác phẩm nào phải ra hầu tòa mà chỉ có tác giả của nó đứng trước vành móng ngựa. Cái nghịch lý đeo đuổi nhà văn như một định mệnh tàn nhẫn phải chăng là hãy sáng tạo trong tự do hết mình, tự do mở tất cả các cánh cửa sinh lực của đời mình cho máu lệ, cốt tủy tuôn ra tràn đẫm yêu thương và căm giận vào cuộc đời đang đối mặt mà không mong cầu bù đắp.

Không có tự do con chim thôi không hót nữa. Không có tự do, nhà văn không thể phản ánh được điều gì tốt đẹp, kể cả tự vẽ chân dung mình. Bởi vì tự do là trạng thái tinh thần sảng khoái nhất, là cơ hội tuyệt trần để sự thật được nói ra. *"Tự do, không có nó người ta không thể đến gần những gì lớn lao"* (Paxternăk).

Nhà văn với tư cách chủ thể sáng tạo văn học là người ý thức rất rõ khác vọng tự do. Sáng tạo văn học là một hành vi dũng cảm kiếm tìm, phơi bày và bảo vệ sự thật, lẽ phải và chân lý. Đấy cũng là một hoạt động cân bằng nội tại tâm trí, một cách nuôi dưỡng tự do tinh thần có khả năng bất diệt. Thơ lánh đục của Nguyễn Trãi, *"Ngục Trung Nhật Ký"* của Hồ Chí Minh và những vần thơ đau đáu buồn mà mập mạp chất đời bình dị sáng trong của Paxternăk. Tự do từ bản thể tinh thần phát ra dù có cấp độ cuồng phong vẫn chỉ là một cây rung trong cả rừng đại ngàn chưa động lá. Văn học với cách hiểu là sự giải thoát tâm hồn, sự cứu rỗi sinh linh, sự vỗ cánh của ý tưởng nhưng không thể bay lên bởi lướng vướng ngôn từ, không bao giờ có thể trực tiếp biến thành hành động thực tế.

Vũ khí phê phán không thể thay thế sự phê phán bằng vũ khí.

Nhà văn, bất luận biến hóa trong chủ thể nào, dù phân ly đến thế nào, cũng đừng bao giờ ly gián với nhân dân để biến văn chương thành vô ích. Có thể không thông minh, không khôn khéo, mưu lược hơn ai, nhưng nhà văn hơn đời trái tim chẳng bình yên, luôn cất lời ru vỗ. Dũng cảm giúp người ta vượt mọi khó khăn, nhưng đam mê làm nhà văn thập thững đi qua cái chết.

Sức mạnh nào đã đưa họ vào "mê lộ" ấy?

Gốc rễ vẫn là khát vọng tự do, thứ tự do luôn đối mặt và thách thức với những gì bất toàn và ngang trái. Nhà văn với ý thức chủ thể sáng tạo văn nghệ không việc gì phải tuyên ngôn nhảm nhí ngoài tuyên ngôn nghệ thuật chân chính về đạo lý và công bình, về ước mong một hiện thực rạng rỡ, một cuộc đời hạnh phúc giàu ý nghĩa. Tự do sáng tạo nghệ thuật ở chủ thể trước hết là tự do sống trong xã hội con người và khả năng sống trong con người. Xã hội con người cần ở nhà văn tiếng nói trong môi trường nhân ái và những gì ở dạng tiềm năng và sức sống trong con người chưa được phát triển vẫn là hiện thực lớn lao, mới mẻ cần được nhà văn khám phá, sáng tạo và trình bày sâu sắc hơn.

NGUYỄN THANH HÙNG
(Trong nước)



LUÂN HOÁN

bạn và rượu

• *Tặng* Phạm Nhuận

Chưa biết yêu đã tập tành uống rượu
men lưu linh lót dạ bốn mươi năm
em bữa nọ, véo đùi chơi một cái
rượu bung da thơm ngát chỗ đang nằm

Bạn đã đến cụng ly năm bảy bận
trái sầu non treo lẫn trái sầu già
trong khoảnh khắc, cạn ly, thành huynh đệ
đất cùng trời vạn tuế lũ chúng ta

Rượu đã biến thành một phần cơ thể
như dải, đàm, nước tiểu, máu, mồ hôi
ai bảo rượu không hòa tan với lệ
mà nhân sinh cạn được cốc tuyệt vời

Bạn ngất ngưỡng tỉnh say quên cả sống
cùng với hoa với nguyệt với giai nhân
lòng vô lượng ngàn sau ai dễ biết
ngoài tửu đồ, một lũ nặng phong vân

Rót tràn nhé. Châm thêm cho đủ đậm
nhạc cùng thơ, văn họa vọc mà chơi
rượu chưa hẳn tiếp hơi người dựng nghiệp
cũng đưa chân phiêu lãng ít chặng đời

Ta được uống. Được say bao nhiêu bận?
cuối mỗi cuộc chơi là một cuộc tan hàng
mỗi lần ngắm lũ chai ly ngã đạn
nghe như mình rơi tuột chẳng âm vang

Cảm ơn bạn. Cảm ơn đời. Cảm ơn rượu
trời đất trống không. Chai cốc trống không
lòng cũng rỗng? Ồ không. Lòng không rỗng
hương bạn chơi. Hương rượu ủ men nồng

LUÂN HOÁN
(Mời Em Lên Ngựa)



ĐẶNG TIẾN

thơ hoàng cầm, truyền thống và hiện đại

(*Tiếp theo kỳ trước*)

II. ANH ĐƯA EM VỀ SÔNG ĐUỐNG



Hoàng Cầm, tranh Hoàng Lập Ngôn

Đến với một nhà thơ, hành trình không phải lúc nào cũng đơn giản, cho dù rằng nhà thơ ấy, với mình đã là thân thuộc, như trường hợp tôi tìm đến Hoàng Cầm. Tôi thuộc thơ Hoàng Cầm từ bài *Bên Kia Sông Đuống* làm thời kháng chiến chống Pháp. Câu thơ Hoàng Cầm được trích dẫn nhiều nhất có lẽ là:

Quê hương ta lúa nếp thơm nồng
Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp

Lời thơ đẹp, trong sáng, hùng hồn ngợi ca màu sắc quê hương, trong một giai đoạn kháng chiến gian nan, 1948. Chúng ta yêu câu thơ vì giá trị văn chương, nhưng cũng vì nó lồng trong tình dân tộc nồng nàn đang bị bức bách và thử thách; về sau, đọc lại, vẫn yêu, vì câu thơ đã hòa màu vào kỷ niệm để làm máu thịt của cuộc sống. Nhưng nếu tách lìa ra khỏi bối cảnh lịch sử và tâm cảm thì không biết câu thơ còn giữ trọn vẹn hương sắc không. Tuy nhiên, Hoàng Cầm, suốt thời kháng chiến, là thời hoa niên, chỉ làm vài ba bài thơ như thế. Thơ anh sau này khác đi, tân kỳ hơn, tình tứ hơn và *phi thời đại* hơn:

Chị đi, một chuyến chơi xanh cỏ
Quay bánh linh xa miết triệu vòng
Nhặt sợi- vô-cùng thêu áo gối
Mau về mừng cưới...

(nhớ Em không?)
(Chị Em Xanh, 1970. BKSĐ, tr 57)

Đoạn thơ chỉ có một chữ khó: *linh xa*, là bánh xe linh hiển của thời gian, giữa không gian *vô cùng*, trong đó hạnh phúc con người mong manh tơ mỏng. Ngôn ngữ và tư tưởng Hoàng Cầm mới mẻ, nhưng vẫn tiếp nối truyền thống của thơ mới, và nhắc chúng ta nhớ *Vũ Trụ Ca* của Huy Cận:

Lá biếc đưa thoi xuyên vĩnh viễn
Gió là sợi thắm của thời gian
(Áo Xuân, 1942)
Ngồi xe nhật nguyệt cùng thiên nhiên
Làm bạn đi đường về vô định
(Xuân Hành, 1943)

Đến những câu thơ này của Hoàng Cầm thì thật là sáng tạo:

Ta con bê vàng lạc dáng chiều xanh
đi mãi tìm sim chẳng chín
(Về Với Ta, 1960, BKSĐ tr. 135)

Câu thơ long lanh những thanh sắc gọi về tuổi thơ hoàng kim và bích ngọc, lấp lánh *vàng xanh* qua một loạt nguyên âm mở (a, ang...) ngất ngây, chao đảo, dưới trời chiều, rồi thu vào màu sim tím, gian truân, rón rén sau những nguyên âm khép (i, im...). Buổi chiều xanh, không biết tự thời nào:

Một chiều xanh, một chiều xanh huyền hoặc
(Hàn Mạc Tử)

Hay bầu trời Rimbaud

Par les soirs bleus d'été j'irai par les sentiers
(Chiều hạ xanh những lối mòn chân nhỏ...)

Những dấu chân chim sẽ đưa ta về với ca dao:

Đói lòng ăn nửa trái sim
Uống lưng bát nước đi tìm người thương

Thơ Hoàng Cầm ghé đến lòng đời, tình đã nhỡ một mùa sim.

Người đọc có thể ngạc nhiên vì hình ảnh *con bê vàng*, tuổi thơ của tác giả, hình tượng bất ngờ, thậm chí không thuận lý, nhưng cú pháp, từ pháp hợp lý. Hoàng Cầm táo bạo trong cấu trúc hình ảnh mà không vi phạm quy luật ngôn ngữ, nhờ đó mà thơ anh, dù cầu kỳ, vẫn gần người đọc, và tính hiện đại vẫn tiếp nối truyền thống - chưa kể là nhạc điệu phong phú, dìu dặt dắt dìu độc giả đi sâu vào rung cảm và tưởng tượng.

Cũng có người cho rằng thơ anh bí hiểm. Hình ảnh bê vàng và sim tím nhắc tôi một đoạn khai tâm về thơ của Bùi Giáng. *Đi vào cõi thơ... thế nghĩa là gì? Anh lùa bò vào đồi sim trái chín? Một mặt anh lưu tâm trái chín rừng sim? Một mặc anh cũng lưu tâm chiếu cố cho những con bò, đừng để chúng lạc lối vào sâu trong rú rậm rồi mất lối trở ra (...) Ta ngồi dưới gốc cây sim lắng tai nghe bò đương gặm cỏ, thong dong đưa tay với một cành, hái một trái chín ăn chơi... Bỗng dưng? Bỗng dưng nảy ra một sự tình kỳ bí: bàn tay ta vừa chạm*

tới một trái sim riêng lẻ, thì suốt dãy rừng, toàn thể ngàn sim lục bỗng chấn động vang lừng. Đó là bí quyết lạ lùng. Một bí quyết bất khả truyền." (Đi Vào Cõi Thơ). Cuộc kỳ ngộ bằng hình ảnh giữa hai nhà thơ chỉ là tình cờ, nhưng cũng phản ánh những rung cảm chung trong một thế hệ thi ca. Người này, vô tình, giải thích người kia.

Tuy nhiên, những câu thơ *lạc dáng chiều xanh* "kỳ bí" như thế không nhiều trong thơ Hoàng Cầm, và nói chung, chúng ta đều có thể phân tích, giảng giải được. Ngược lại, khó giải thích những câu thơ đơn giản mà chúng ta đã gặp, đã phân tích:

Đường đê chợ Trầm sang mùa tu hú

(Vợ Liệt Sĩ)

Kỹ thuật không có gì. Những từ ngữ quyện vào nhau và tự tạo lên sức gợi cảm. Sự đơn giản đi gần tới văn xuôi - mà vẫn không phải là văn xuôi. Một số nhà nghiên cứu về thơ, như Roger Caillois, đã nêu lên đặc tính này của thơ hiện đại.

Giản dị hơn nữa là câu nhiều người thuộc:

Anh đưa em về sông Đuống

Có gì mà câu thơ bình dị ấy cứ vương vấn mãi trong lòng ta? Bình dị, nhưng dịu dàng, đằm thắm, thiết tha: *anh đưa em về*. Cõi về đó là quê hương, là an bình, là kỷ niệm, là hạnh phúc. Thơ, và tình yêu, là một cõi về. Về một dòng sông, *sông Đuống*: âm vang nghe cách trở truân chuyên, mà thiết tha khẩn khoản.

Thơ Hoàng Cầm, sáng tác qua năm mươi năm, lấp lánh muôn màu ngàn vẻ, nhưng đều đồng qui về một chữ *Về*. *Về sông Đuống, về Kinh Bắc*, về cõi em, *về với anh*, về với ta. Có tập thơ mang tên *Mưa Thuận Thành*, một cơn *mưa về nguồn*, như hình ảnh của Tản Đà, *nước non nặng một lời thề*, hay thơ Hoàng Cầm:

Giọt mưa phương Nam có về Kinh Bắc
Mưa đi về Anh mưa đi về nguồn.

(Giọt Mưa Phương Nam, 1991, BKSĐ tr 121)

Tuyển tập *Bên Kia Sông Đuống*, gồm có 56 bài, trong đó 35 bài mang chữ **về**. Bản thân bài *Bên Kia Sông Đuống* được cấu trúc trên điệp khúc: *Bây giờ đi đâu? Về đâu?*. Thơ Hoàng Cầm là một lối về, một cõi về, một cõi mơ về, một tiếng gọi về:

Dóng dã gọi về đồng sương
đôi ba người lận đận

(Về Với Ta, 1960, BKSĐ tr. 135)

Có thể đây là một phản ánh trọn vẹn của thơ Hoàng Cầm, nổi tiếng từ vở kịch thơ *Kiều Loan* khởi thảo năm 1942. Kiều Loan, *Cô Gái Điên*, là kẻ lạc mất đường về. Điên, là đánh mất cõi về. Nhân vật chính trước khi chết, cầu khẩn tình yêu:

Tôi chỉ xin nàng đôi giọt lệ

Cài lên lá cỏ... phía quê hương
(Kiều Loan, 1942)

Quê hương, là Thuận Thành, là Kinh Bắc, nhưng còn là cõi mênh mông. Từ 1942, Hoàng Cầm hai mươi tuổi, đã có những câu linh cảm, báo trước toàn bộ thi phẩm của mình:

Níu tay cười xuống hoàng hôn cũ
Với mắt em về bến hóa sinh
(Lại Gặp, 1942, BKSĐ tr. 24)

Tập thơ cuối cùng Hoàng Cầm thông báo sẽ in, sẽ mang cái tên tiêu biểu: *Về Cõi Thật Người*. Thơ Hoàng Cầm đậm đà tình dân tộc, nhưng không phải là thơ địa phương. Từ bến quê hương, Hoàng Cầm tìm về cõi người chính xác - *Cõi Thật Người*, do đó, thơ anh, từ những *màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp*, vươn lên tình người, rất rộng, rất cao.

*

Cuộc sống hiện đại là một dòng sông ngày mỗi xa nguồn. Khái niệm và ý thức quê hương ngày một nhạt phai trong tâm tưởng con người hiện đại, con người đô thị.

Lìa nguồn là qui luật của tiến hóa. Nhưng con người cảm nhận ly cách đó mỗi nơi, mỗi lúc, mỗi người, một cách khác nhau. Thế hệ Hoàng Cầm - bản thân Hoàng Cầm (sinh năm 1922) chứng kiến sự tan rã, tàn phai của một nền văn hóa trên một đất nước mất chủ quyền, rồi triền miên đắm chìm trong lửa khói. Hai cuộc chiến tranh dân tộc chồng lên trận tranh chấp lớn lao giữa hai nền văn minh, mới và cũ, Đông và Tây. Dân tộc có chiến thắng vẫn để mất đi ít nhiều bản sắc văn hóa, như con chim thắng trận đã phải mất lông mất cánh. Anh chiến sĩ trong Hoàng Cầm chóng quên hào quang chiến thắng để lặng nghe những tàn phai, tan tác rồi tự hỏi về cuộc đời, về con người, về bản thân:

Anh đứng đây là đâu
Em cười như lá mỏng
(Anh Đứng Đây Là Đâu, 1988, BKSĐ tr. 62)

Đơn giản và hàm súc. Câu hỏi hiện đại và hiện sinh, là niềm hoang mang lớn lao của nhân loại; con người đã tìm ra chỗ đứng, nhưng mất tọa độ trước những biến chuyển vật đổi sao dời, nhanh chóng và toàn bộ, có phần tự nhiên, có phần áp đặt. Trong hỗn mang của thời đại và hoang mang của tâm linh, nụ cười, tia hạnh phúc bỗng mong manh. *Em cười như lá mỏng*: có cái gì đó vô cùng quý giá, nhưng hết sức đơn giản, rất mực phôi pha, làm cho con người hoang mang trở thành hoảng hốt, Hoàng Cầm những lúc sống thật với lòng mình, từ chiều sâu thăm thẳm của tâm thức, thỉnh thoảng bật ra những câu thơ, những hình ảnh bình dị mà hàm súc như vậy. Một câu hỏi lớn của loài người vừa vụt chao nghiêng tia nắng trên tờ lá mỏng: thơ Hoàng Cầm là

ngọn gió lạc mùa bất chợt thổi tạt qua trần gian, một ngày thu muộn màng và hiu hắt.

III. CHỊ ĐƯA EM ĐẾN BẾN NÀY

Bên kia sông Đuống, quê hương Hoàng Cầm long lanh quá khứ, với những buồn vui ngày ngày tháng tháng, trong khung cảnh đồng quê thân thuộc, tầm thường: tre lũy, bèo ao, đê quai, bến Sấm. Có tiếng *ếch cõng mưa rào, tiếng chào mào khát nắng*. Và tiếng *tu hú gọi mùa*. Làm thơ, bao giờ cũng tô son điểm phấn ít nhiều lên cuộc sống, như cô gái bất hạnh:

Mua hoa đắt rẻ tùy phiên chợ
(Bênh, BKSĐ tr. 81)

Đời sống trong thơ Hoàng Cầm vui ít, buồn nhiều, và thường xuyên vất vả. Việc đồng áng xen lẫn với quang gánh bán buôn. Đặc biệt về thủ công nghiệp, nghề gốm Bát Tràng chiếm trọn tập thơ *Men Đá Vàng* (1973) trong khi *Tiếng Hát Quan Họ* (1956) làm nền cho một tập thơ khác. Lao động chuẩn bị những hội hè đình đám, niềm vui chóng qua không lấp được bao nhiêu lận đận gieo neo. Chỉ thấy cảnh trai tài gái sắc giao duyên qua lời ca, tiếng hát, mà không nghe được những uất nghẹn, tan tác, thì chưa cảm nhận đầy đủ tâm cảnh của Hoàng Cầm.

Ám ảnh lớn của Hoàng Cầm là niềm cô đơn trơ trọi, thể hiện rất sớm qua hình tượng cô gái điên hay *Mẹ con đàn lợn âm dương - chia lìa đôi ngả* (1948) sẽ trở lại với con *bê vàng lạc dáng chiều xanh - Đêm nay mẹ chẳng về chuồng* (1960). Nhà thơ, ở bất cứ tuổi nào vẫn mang tâm tình đứa trẻ con hoang mang đợi mẹ. Thơ Hoàng Cầm là một lối khấn thầm:

Khấn thầm như mẹ lỡ đò ngang
Miệng hé hạt na nhòa bến vắng
Bao giờ mẹ về
Buộc yếm đào phai vỗ hát ru
(Đợi Mùa, BKSĐ tr. 48)

Giữa những tang thương, dường như cảnh chia lìa làm nhà thơ đau đớn nhất. Anh vẫn tin ở cuộc đời, và niềm tin thiết tha, sâu sắc nhất, có lẽ là tình cảm dành cho tuổi trẻ mai sau:

Ta ru em
Lớn lên em đừng tìm mẹ phía cơn mưa
(Về Với Ta, 1960, BKSĐ tr. 15)

Hình ảnh người chị trở đi trở lại là bóng dáng người mẹ nối dài. Trong bài *Đợi Mùa*, hai hình ảnh lồng vào nhau, trên đường về chợ:

Tưởng như mẹ về
vai áo toạc ba vá chằng tơ dứa
Tưởng như Chị về

Tơ tóc đêm xưa giờ rễ tre
Bao giờ Chị về...
Bao giờ mẹ về...
Không
Đã chết năm tu hú gọi rừng già
(Đợi Mùa, BKSĐ tr. 48)

Hình ảnh người chị trẻ trung và gần gũi hơn nên gợi cảm gợi tình hơn, hàm chứa nhiều rung cảm đa nghĩa, tạo ra được những câu thơ đẹp hồn nhiên, nghịch ngợm

Cách nhau ba bước vào vườn ổi
Chị xoạc cành ngang
Em gốc cây
(Quả Vườn Ổi, BKSĐ tr. 39)

Làm thơ, với Hoàng Cầm, trong chừng mực nào đó, là giữ chân tuổi thơ dưới một gốc cây. Chờ mong và mơ mộng.

Người mẹ đẩy con ra đời, người chị đưa em vào đời

Em mười hai tuổi tìm theo chị
Qua cầu bà Sấm bến cô Mưa
Đi...
ngày tháng lụi
tìm không thấy
Dải yếm lòng trai mải phất cờ
(Quả Vười Ổi, BKSĐ tr. 39)

Hình ảnh người chị từ phái tính đưa đến dục tính tế nhị, kín dáo, thi vị: *hai đứa lung linh lơi yếm áo*. Có lúc người em còn ước mơ *cưới chị xanh thiêm thiếp* (Chị Em Xanh, 1970). Ta nên hiểu đây là giấc mơ hạnh phúc bao la trước vũ trụ, mà người đàn bà là biểu tượng. Hoàng Cầm đi sâu vào lòng đời theo bước chân người chị. Bao nhiêu âm hao của cuộc sống, tiếng tu hú trên quai đê, tiếng bạc má trên cành chanh, tiếng chào mào trên cành nhãn đã đến với anh theo giọng lảnh lót của người chị. Những bài thơ hay nhất, bạo nhất về chị, Hoàng Cầm đã làm ba mươi năm sau - lúc đã ngoài bốn mươi năm mươi tuổi - đã quá tuổi thơ ngây, để *ngủ lại giấc mơ dang dở*. Ngoài thơ ra, con người làm sao có thể *ngủ lại giấc mơ*? Nên hiểu thơ Hoàng Cầm trên chiều hướng đó; và trong giới hạn thu hẹp lại, những bài thơ về chị Trúc của Nguyễn Bính cũng nên hiểu như vậy, thay vì đặt những câu hỏi vớ vẩn và dung tục.

IV. HỘI YẾM BAY

Dục tính là một yếu tố quan trọng trong thơ Hoàng Cầm vì nó là bản năng, sâu xa của cuộc sống và đồng thời cũng là hương sắc của trần gian. Bản năng

thiết yếu lồng vào nhu cầu thẩm mỹ. Những hình ảnh thiêng liêng nhất của quê hương cũng lâng lâng mùi da thịt

Chùa Phật Tích ruỗi trong màn lụa bạch
Tượng Quan Âm má ửng bồ quân
Chuông chiều cởi yếm...
(Đêm Thuỷ, 1959, BKSĐ tr. 15)

Dục tính trong thơ Hoàng Cầm, từ bản năng thiên nhiên, đã trở thành một yếu tố văn hóa trong xã hội cổ truyền, giống trong tranh tượng dân gian. Nó không phải là tự nhiên chủ nghĩa, không phải là "Người gái thiên nhiên" như trong thơ Đinh Hùng

Ngoài thiên nhiên nở bừng thân mỹ nữ
(...) Làm đôi người cô độc thuở sơ khai
(Mê Hồn Ca)

Thỉnh thoảng cũng có hình ảnh tự nhiên, nhưng không nhiều:

Ngoài hồ cô giặt lụa
Vỗ vào lưng đêm giăng
Nước lạnh chấm hai đầu vú
(Cô Gái Giặt Lụa, BKSĐ 113)

Thân thể người đàn bà căng đầy nhựa sống nhưng giới hạn trong những điều kiện xã hội và văn hóa nhất định:

Chũm cau căng nứt mạch tằm
Yếm may ba ngày mẹ vá lại
Khuya nghe buồng động bóng đêm rằm
(Đêm Mộc, 1959, BKSĐ tr. 19)

Ngành dân tộc học ngày nay đã trưng nhiều tư liệu về những lễ lạc, hội hè trong hình thái xã hội cổ sơ, giải phóng con người ra khỏi những cấm ky, ràng buộc. Hoàng Cầm gợi lại cảm giác trước cuộc *Thi Đánh Đu:*

Luồn tay ôm say
giấc bay lay đỉnh núi
Tuột hàng khuy lơi yếm tóc buông mành
Đùi chảy búp dài thon nhún vội
Bàng hoàng tia chớp liệng nghiêng xanh
(BKSĐtr. 72)

Dục tính được nhà thơ làm nổi bật và thi vị hóa, vừa cô đọng vừa tan loãng trong một không gian ngất ngây, lao đao nhờ những âm thanh, hình ảnh và chuyển động trong thơ, Hoàng Cầm dẫy tưởng tượng - tôi tạm gọi dự cảm huyễn dục - đến "huyền sử" một *Hội Yếm Bay* với nhiều cô gái, vốn là tiên nữ bị đày xuống trần gian, cùng cởi bỏ xiêm y:

Ngũ sắc chen nhau cầu lễ hội
Nuột nà cởi bỏ áo hoa khôi
Em không buộc thắt lưng thon nữa
Thả búp tròn căng nuột ấy... ơi!

Nguồn sống tuôn thơm nhựa ứ đầy
Một chiều khổ cực bốn chiều say
Đã phanh yếm mỏng thì quăng hết
Những nếp xiên hờ giả bộ ngây
(Tập Lá Diêu Bông, tr 76)

Trong dự cảm huyễn dục, Hoàng Cầm cao hứng
Lệnh tám cõi tốc xiêm y chới với
Sững mình em vùn vụt hút lên xanh
(Tập Lá Diêu Bông, tr. 83)

Dục tính trong thơ Hoàng Cầm, táo bạo lắm, thì cũng đến vậy thôi, khôngh có cái rạo rực, dồn nén như trong *Gái Quê* của Hàn Mạc Tử; nhục cảm ở đây, có lúc chỉ là phương tiện cho Hoàng Cầm làm một câu thơ hay và lạ. Dù ý có suồng sã, lời vẫn trau chuốt, có khi trang trọng, chứ không có ý bông đùa như Bùi Giáng. Về mặt này, tôi đã trích dẫn nhiều thơ anh mà ít bình luận - vì thơ anh tự nói lên được phong cách và nội dung. Lời bàn - về dục tính - e rằng dung tục một cách không cần thiết.

Hoàng Cầm là người làm thơ có ý thức rất rõ và rất cao về thiên chức của mình. Thơ phải nâng cao tình người và làm đẹp cuộc sống, ngoài ra anh không phục vụ một ý đồ nào khác cho bản thân hay cho thời thế. Nếu một lúc nào đó có bài nọ bài kia phù hợp với một giai đoạn lịch sử, thì bất quá chỉ là "*những bước không hò hẹn, đã bước trùng nhau một ngã đường*" như lời thơ Huy Cận.

Hoàng Cầm làm thơ liên tục nhưng rời rạc trong hơn năm mươi năm. Những bài thơ xiêu lạc như những chiếc lá lìa cành
Rồi lại chiều mai lại sớm kia
Lá không in dấu phận chia lìa
Cứ lang thang phố nhờ cơn gió
Nhè nhẹ sang hè rẽ lối khuya
(Tập Lá Diêu Bông, tr. 77)

Với anh, tôi muốn làm cơn gió
Lùa những lưu ly lại Cội Về
Lá bao nhiêu lá mai về đất
Đường Mê thân gió vẫn tê tê

V. MÙA THU TỎA NẮNG

Nguồn cảm hứng của Hoàng Cầm rì rầm, róc rách qua phong cảnh quê hương, khi vướng vào kỷ niệm, một nhan sắc, bỗng ngời lên thứ ánh sáng diệu kỳ bao la, ngây ngất

Ai về bên kia sông Đuống
Có nhớ từng khuôn mặt búp sen
Những cô hàng xén răng đen
Cười như mùa thu tỏa nắng

Dịu dàng, đằm thắm và trong sáng, nụ cười ngời lên ánh mắt, dù rằng câu thơ không nói gì về đôi mắt. Ánh nắng và mùa thu vẫn tỏa ra từ cái nhìn hồn nhiên, đôn hậu, tỏa niềm hạnh phúc ấm và sáng lên đời sống nông thôn ảm đạm xa xăm. Câu thơ sáu chữ đã xuất hiện trước thời Nguyễn Trãi, nhưng không thông dụng về sau, nhịp thơ tự do và khoan thai, nhẹ nhàng, cởi mở. Bốn âm bằng liên tiếp, trầm lặng và cởi mở *"Cười như mùa thu"*, bỗng lóe lên tia sáng sắc cạnh của hai âm trắc *tỏa nắng.* Những khuôn mặt hiền hòa tự nhiên ngời sáng, như tia nắng thu bất chợt. Chúng ta nhớ mãi ánh nắng cuối thu đầu truyện *Đôi Bạn* của Nhất Linh: *"Ở ngoài, như ý mong ước của Trúc, trời bỗng nắng to".*

Về, cô hàng xén, Thạch Lam đã có một câu thật "quyền": *"Các cô hàng nước, cùng với các cô hàng xén kĩu kịt đi chợ Đông chợ Đoài, là cái tinh hoa thuần túy của người Việt Nam từ xửa từ xưa đến giờ"* (1).

Tinh hoa người Việt... Lời ca ngợi tùy hứng có phần quá đáng, vì hình tượng cô hàng xén chỉ xuất hiện trong văn học Việt Nam trong một giai đoạn ngắn, phản ánh thời kỳ quá độ trong xã hội nông nghiệp đang bắt đầu hướng về thành phố, vừa chuyển hàng đi, vừa nhận hàng đến, qua cô hàng xén.

Thân mẫu Hoàng Cầm là một cô gái quan họ và một cô hàng xén. Những cô gái Kinh Bắc kết bạn quan họ giữa những mùa đồng áng và hội hè, thường rủ nhau đi buôn bán, và các cô thường hát:

Đi buôn khắp cả phố phường
Tôi buôn chẳng được lạc đường về chợ Đồng Xuân (2)

Thân mẫu Hoàng Cầm buôn bán vì sinh kế, đôi vai *"trĩu nặng đôi bờ, chăm chút nuôi con ăn học"* và hình ảnh bà cụ (1891-1961) vẫn thường xuất hiện trong thơ.

Bên kia Sông Đuống
Mẹ già nua còm cõi gánh hàng rong
Dăm miếng cau khô
Mấy lọ phẩm hồng
Vài thiếp giấy đầm hoen sương sớm
(BKSĐ tr. 31)

Hình ảnh bà cụ thấp thoáng trên những đường quê quạnh vắng, *"Bước cao thấp bên bờ tre hun hút"*, hoặc trên những chuyến đò ngang *"miệng hé hạt na nhòa bến vắng"*, làm nhớ đến một bà Tú Xương chưa xa xôi lắm, và câu thơ Lưu Trọng Lư:

Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước dậu thưa

Cô hàng xén răng đen cũng như *nụ cười đen nhánh* là những hình ảnh đẹp

gợi lại trong ta một nhan sắc xa xưa, đã in sâu vào mộng mị, và màu đen đối lập với ánh nắng thu hay của trưa hè.

*

Ta có câu ca dao: "*Yêu người yêu cả đường đi*", Đơn giản và chân xác. Bóng dáng cô hàng xóm trên "*đường đê, chợ Trâm sang mùa tu hú*" dã chồng lên hình ảnh cô gái quan họ.

Đêm hội Lim về
đê quai rảo bước
Đuối tà lụa nhạt
Ánh trăng đẫm ấm dường sương
(...) Em về đồng chiêm đất rạn chân chim
Em đi mưa ngâu nước ngập đồi chè
(...) Chân Em dài đi không biết mỏi
Má hồng em lại nổi
đồng mùa nước lụt mông mênh
(BKSĐ tr 64)

Đường tình không tuổi, theo trời đất chuyển màn, từ *đồng chiêm đất rạn* qua *đồi chè nước ngập. Bước chân mạ còn đê mê cát mịn* lại phải bấm sâu vào *đường trơn mưa lạnh*. Xuôi ngược dọc ngang, những nẻo đường trong thơ Hoàng Cầm hẹn hò nhau ở một ngã ba, đường đến nhau và đường tìm về. Hai còn đường ấy, đều *về với ta.*

V. NGƯỜI PHỤ NỮ NÔNG THÔN

Nàng thơ của Hoàng Cầm là những phụ nữ lao động, lam lũ cật lực. Gánh hàng xén còn là lao động nhẹ, có được gánh hàng thì chưa phải là nghèo. Đất quan họ không phải là nghèo, nhưng vẫn có những người cùng khổ.

Chúng ta rình nhìn trộm cô gái *Tắm Đêm*, một đêm trăng, *tung tóe gội gàu trăng nước giếng*. Ta sẽ đau lòng thấy thân thể cô gái đầy vết sẹo.

Em gánh gạo về nhà phú hộ
Nứt vai thành sẹo lá lan dao
Em chở nứa sang bờ duyên phận
Tay đóng bè chân xuôi thác ghềnh
Tuổi đã rách vá gì cho kịp
Da mỡ đông tuốt sẹo ngang thân
... Phấn mùa trăng thoa mờ sẹo tuổi
(BKSĐ tr. 83)

Trên đời không gì đẹp và quý bằng thân thể người đàn bà. Và những vết sẹo do lao động hay roi vọt cứa ngang rạch dọc là những nhục nhằng chung cho nhân loại. Người phụ nữ lam lũ và tất tả vẫn giữ nét duyên dáng linh

động:

Tàn cọ em che đàn gà mới nở
Em vực bê vàng lững dáng chiều xanh
Đắp con đê quai súng soài đất đỏ
Trận mưa vừa rồi không rụng hoa chanh
(...) Một tay em che ngọn đèn bạt gió
Một tay quấy nồi cám lợn kê vàng
Như đêm đêm tay kia ôm bé ngủ
Tay này thắp hương... dế thức quanh tường.
(Vợ Liệt Sĩ, Mưa Thuận Thành, Tr. 32)

Nói đến người phụ nữ Việt Nam, không thể chỉ dừng lại ở làn môi khóc mắt mà phải nhắc đến mồ hôi, nước mắt, những vất vả và thiệt thòi. Điều ấy, nhà thơ chỉ thì thầm, nhưng vẫn rõ giọng Người phụ nữ hiện lên dịu dàng trên nền trời quê hương, giữa tiếng *ếch nhái, ễnh ương, chẫu chuộc,* tiếng chim *bạc má, cú vọ, tu hú, bồ các, chìa vôi,* cạnh con mèo mướp trong xó bếp, cánh chuồn chuồn, bươm bướm, đàn kiến lửa ngoài sân, cái *giun đất lòng thòng mỏ con gà trụi*, giữa những cành ổi, cành nhãn, cành chanh, *ngọn bí lông thơ hoa xoan lả tả* và bao nhiêu hình ảnh thân thương khác. Người phụ nữ trong thơ Hoàng Cầm không quyến rũ vì nhan sắc nhưng đáng yêu đáng nhớ, bóng dáng linh hoạt, năng nổ, tận tụy, cà cam phận.

Tiếng hát theo em đi vớt bèo
Em vớt được mấy chùm sao sáng
Vớt đôi mắt nhìn theo.
(...) Tiếng hát theo em đêm về xay lúa
Cối xoay tròn biết thuở nào xong
Tai cối đuổi nhau mãi mãi
Biết bao giờ nên vợ nên chồng?
(BKSD tr 102)

Thơ về lao động, hiện thực và tình tứ như vậy, xưa nay không nhiều lắm đâu. Thỉnh thoảng lắm ta mới gặp ở Nguyễn Bính.

Ví chăng nhớ có như tơ nhỉ
Em thử quay xem được mấy vòng
Ví chăng nhớ có như vừng nhỉ
Em thử lào xem được mấy thưng

Thường thường, những cô gái lầu hoa, người em sầu mộng... dễ đẹp dễ thơ hơn người phụ nữ ngày ngày vật lộn với thực tại. Và làm thơ, đọc thơ là để quên thực tại, chủ yếu là lao động, do đó, thơ hay về người phụ nữ lao động hiếm và quý. Và khó làm.

Trong xã hội phong kiến, nghèo khó dễ tạo ra đau thương. Thảm kịch người đầy tớ:

Người ở gái trót mê anh đánh cá
Cụ Tiên đuổi ra khỏi làng

Nửa đêm ùm một tiếng
Nước lạnh khép mặt người
(BKSĐ 110)

Hay cô gái bị bức bách lấy lẽ nhà giàu, "*mảnh gương rạch ngang cổ*", chết rồi còn bị xã hội lên án.

Sai lấy mo cau
Úp xuống mặt người chết
Cho manh chiếu bó xác
Chôn ngay đầu làng
Trên mồ cắm một thanh tre
Đề bốn chữ "vô luân vô đạo".
(BKSĐ 111)

Xã hội phong kiến, khe khắt và bất công nghiền nát những mối tình và những giấc mơ.

Chúng ta yêu nhau có tội tình gì
Phải đến giữa đình trói tay ngả vạ
(BKSĐ 110)

Có những cặp tình nhân *đói nghèo chẳng được sánh đôi*", những chàng trai *nghèo đói phải xa quê*, những phụ nữ *nón quai thao úp bụng - Khăn gói lìa quê...*

Quê Kinh Bắc của Hoàng Cầm nổi tiếng là nhiều hội hè, đình đám, nhiều dịp vui giải trí cho nhân dân... Nhưng trong thực tế, những cuộc vui chung hào nhoáng và ồn ào không bù đắp được nhiều những nổi buồn riêng và những khó khăn của cuộc sống. Người nông dân cơ cực mua vui mang thân phận cây pháo.

Chuỗi pháo đùng thèm bay
bùng giấy đỏ liều thân.

Hoàng Cầm làm thơ ca ngợi quê hương và cuộc sống. Nói chung, thơ anh lạc quan vì tin vào cái đẹp, cái tốt, và tin vào hạnh phúc, nhưng vẫn mang nhiều nét buồn đau. Từ đó, thơ anh nhiều giai điệu và giàu nhân tính, chịu sự đọc lại và biết tra vấn độc giả. Ngôn ngữ khúc mắc, có lúc cầu kỳ lại càng làm nổi bật chất trí tuệ, một chất trí tuệ nhuần nhuyễn tình cảm, thường quay về quá khứ.

Thơ Hoàng Cầm là lẳng hương thầm của những cành hoa xa vắng.

VII. MỘT LỜI QUAN HỌ BAY LÊN DỐC

Năm 1956 Hoàng Cầm sáng tác và in tập thơ *Tiếng Hát Quan Họ*. Thời gian này anh phụ trách bài vở cho *Giai Phẩm Mùa Xuân*, đã tìm ra và tự ý cho đăng bài thơ *Nhất Định Thắng* của Trần Dần, ngòi thuốc nổ vụ án Nhân Văn Giai Phẩm về sau. Trần Dần bị bắt, Hoàng Cầm viết hồi ký *Con người*

Trần Dần để bênh bạn, đăng trên báo Nhân Văn số 1 giữa tháng 9-1956. Bài báo khá dài, phản ánh không khí văn nghệ, chính trị thời đó, đã được B. Gheorges Boudarel dịch trọn vẹn ra tiếng Pháp (3). Sau đó, Hoàng Cầm còn có bài thơ *Em Bé Lên Sáu Tuổi* (1956) và vở kịch thơ *Tiếng Hát* (1957) nổi tiếng vì tính cách phản kháng.

Nhắc lại chuyện cũ để tìm hiểu động cơ của tác giả khi làm tập thơ *Tiếng Hát Quan Họ,* một chủ đề cũ để làm một tập thơ mới, trong không khí đấu tranh chính trị thời đó. Về hai tập Giai Phẩm, Hoàng Cầm đã *"tự hào"*. *"Tuy chưa phải là những sáng tác xuất sắc, nhưng ít ra nó cũng nêu được một vấn đề gì có vấn đề xã hội trong thơ Văn Cao, có vấn đề chống công thức trong thơ Lê Đạt (...) Bài Thơ* Nhất Định Thắng *của Trần Dần ít ra nó cũng khác với lối làm thơ một chiều..." (4)*. Thế còn Hoàng Cầm, người đã có tập thơ in chung với Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần? *Tiếng Hát Quan Họ*, ngoài giá trị tâm cảm, nhất định phải có giá trị phản kháng.

Về tâm cảm, Hoàng Cầm sinh ra trong một gia đình quan họ, lớn lên trên quê hương quan họ, tập thơ ca ngợi một khía cạnh đặc sắc trong một vùng văn hóa. Nhưng tiếng hát quan họ còn là hình tượng, nó biểu dương cho nền văn nghệ tự do, bình đẳng, độc lập trước chế độ xã hội phong kiến. Thời điểm đầu 1955, Hoàng Cầm đòi quyền độc lập đó, trong một *"đề nghị chính sách văn nghệ"* (4) và tố giác thứ văn chương cung đình.

Vịnh người đi cày bằng đá
Không nói năng gì sau đuôi trâu
(BKSĐ tr 107)

Đây là một khuynh hướng quan trọng trong thơ Hoàng Cầm, chúng tôi chưa đào sâu, nhưng vì khuôn khổ và tính cách của bài viết, tôi sẽ trở lại vào một dịp khác.

Tiếng Hát Quan Họ nêu lên vai trò, tính cách của văn nghệ trong cuộc sống. Trước hết nó nhận làm một thành phần nhỏ của cuộc đời.

Chép hết bài ca chưa hiểu hết lòng người
Dựng được bài ca chưa xây dựng cuộc đời.
(BKSĐ tr 117)

Nhưng nghệ thuật làm cho cuộc sống cao lên, rộng rãi và đẹp hơn.

Tiếng hát quan họ
Và trai gái quê tôi trẻ đẹp vô cùng
Nhảy khỏi vòng nia
Nhảy sang vòng nong
Từ hòn đá ném ao vòng tròn rộng mãi
(...)Vòng nhỏ
Vòng to
Đến vòng nào nữa
Chân mây mở rộng từng mùa
(BKSĐ tr 118)

Cuộc đời là những vòng tục lụy, có hình thể quy định như những *vòng nong, vòng nia* hay vô định và bất tận như khi ta ném hòn đá xuống ao. Nghệ thuật giúp con người nới rộng những vòng nghiệp chướng.

"Vòng nong, vòng nia" là hình ảnh của nông thôn mà nhà thơ đã tích lũy; động tác *nhảy khỏi, nhảy sang* nhắc lại cảnh múa sạp của dân tộc Tây Bắc mà Hoàng Cầm đã dày công nghiên cứu và cải biến thành nghệ thuật trình diễn chuyên nghiệp, thời anh chỉ huy đoàn văn công Tổng Cục Chính Trị. "*Tôi đã nâng số lượng sạp từ 2 lên 8 cây, từ 2 diễn viên gõ sạp lên 8 và từng đoạn luân phiên với diễn viên múa,* vào *nhảy để 8 anh chị em khác ra ngồi gõ. Sau chiến thắng Na sản Tây Bắc 1953 tôi lại bổ sung (...) Toàn bộ tiết mục đã trở thành một khúc vũ hội tưng bừng (...) Múa quạt ở vùng xuôi hòa với múa xòe ở Tây Bắc, lượn của Đông Bắc quyện cả với múa nón của Trung Du (...), không nét nào trùng lặp với nét nào; các đường cong, nghiêng, thẳng của hình thể, phải đi đúng khuôn nhịp, không một đường uốn lượn nào được phép trật nửa bước ra ngoài (5).*

Nghệ thuật ở đây tạo điều kiện cho con người *nhảy khỏi vòng nia / nhảy sang vòng nong*" của cuộc sống. Quan họ cũng vậy thôi, là một nét đẹp xưa, quyến rũ và mong manh.

Mẹ kể chuyện ngày xưa xa lắm
Tháng tám ao hồ mát lặng
Làng quê còn níu lại hương sen
Hai mươi gái trai
Thả một con thuyền
Song song mười đôi
Mắt nhìn trong mắt
Nón nghiêng tăm tắp
Ngày mai ai chắc được gần ai

Bấy nhiêu con mắt
Cùng hát một câu
Nghe giọng biết người chung thủy
(BKSĐ tr 98)

Quan họ, trước tiên là tình bạn. Có gì đẹp bằng tình bạn thủy chung?

Đôi bạn quan họ không được kết hôn với nhau. Năm mười năm sau khi đi lấy chồng xa, cô gái vẫn nhớ *giọng người gầy như nhánh mai.*

Rồi chị Tư tay bồng tay bế
Mỗi năm một lần về quê hương
Đến thăm anh Năm so giọng cũ
Hát hết tuần trăng không hết thương
(BKSĐ tr 103)

Đẹp bao nhiêu những con người chung tình với một giọng hát, ngọn gió qua cầu.

Mẹ xưa dối bà, con nay dối mẹ
Tình không dối được nhịp cầu
(BKSĐ 100)

Làm thơ rất khó mà nói dối được lâu.

Cuộc đời, ở đâu, thời nào cũng vậy, đan kết những tranh chấp, bon chen. Tiếng hát quan họ giải thoát, so lời sánh giọng, người hát không nề hà hai chữ được thua.

Hát thi ba mươi sáu giọng bổng trầm
Tìm những anh chàng hát thua
(...) Chúng ta sẽ ướm làm chồng
Ngày hội năm sau
Anh sẽ bắc giàn hoa lý
Mời em về ngồi nghỉ
Khi nào em hát thua anh
(BKSĐ tr 99)

Nghệ thuật trong một giây lát nào đó, giải phóng con người nhọc nhằn và nhục nhằn, ra khỏi xã hội phong kiến đen ngòm.

Trai gái trong xã
Rút ống chân khỏi mực đen ngòm
Chạy ra bến sông khỏa ánh trăng mát rượi
Tiếng hát cất lên nhuộm mùi hoa bưởi
(BKSĐ tr 109)

Câu thơ Hoàng Cầm không hiện thực, không đúng với thực tế quan họ và xã hội, không ai thoát thân chạy ra bờ sông mà hát. Hát Quan Họ phải có nơi, có lúc, vào đám, vào hội, theo nghi thức, theo lề lối áo khăn, lời thưa tiếng gửi, làm gì có chuyện hát ào ào chân khỏa ánh trăng. Nhưng câu thơ đúng với biểu tượng văn nghệ: nhiệm vụ văn nghệ là giải phóng con người ra khỏi áp bức, của những chế độ, hay những hoàn cảnh, thực tại éo le. Trong chừng mực nào đó Quan họ giải phóng giai cấp. Cô gái quan họ dù có lúc trở thành Ỷ Lan phu nhân hay bà chúa thì bản thân quan họ vẫn khẳng định "*Tiếng hát không biết đi võng đào", và công phá những thành lũy của phong kiến.*

Tiếng hát chiều nay dá lắng tai nghe
Muốn cựa mình đổ xuống
Nghiền vụn tòa lầu ngất ngưởng
Xây nên trăm bực gập ghềnh
Để em có đường lên núi tìm anh.
(BKSĐ 114)

Vẫn là cái nhìn lý tưởng hóa. Tách rời ra khỏi xã hội, trong khuôn khổ những hội hè, tiếng hát quan họ là một giải phóng về nhiều mặt, kể cả giai cấp. Những liền anh liền chị là những nông dân hay thị dân nghèo kết nghĩa bằng nghệ thuật, không phân biệt địa vị. Giới khoa bảng, quan lại và tư sản không tham dự vào những sinh hoạt dân dã bình đẳng và phi giai cấp ấy.

Người hát kết bạn, luyện giọng, tổ chức, sáng tác, trình diễn, thưởng thức và phê phán, làm thành một xã hội khép với những lề lối, quy luật, tư duy, rung cảm riêng. Quan họ là một ốc đảo giữa xã hội nông nghiệp phong kiến, và tồn tại lâu dài, phần nào, nhờ thỏa hiệp. Hoàng Cầm cũng thừa nhận điều đó khi anh tố cáo gay gắt xã hội phong kiến qua cụ Tiên chỉ gian xảo và tàn ác.

Văn nghệ quan họ có giá trị nhất định và giới hạn nhất định. Nếu xem thơ Hoàng Cầm niềm u hoài, vọng lại một nền văn hóa nào đó vang bóng, thì chúng ta có được nhiều bài thơ hay, giữ lại và truyền đi những tình ý đẹp về quê hương đất nước. Nếu xem *Tiếng Hát Quan Họ* như một hoài bão, thậm chí một thông điệp thì chúng ta cần cập nhập hóa nó, bằng nhiều tác phẩm khác. Thời điểm gian nan 1956 tại Hà Nội, Hoàng Cầm làm được những bài thơ như vậy là đầy sĩ khí. Tôi không tiện nói nhiều về khuynh hướng phản kháng trong *Tiếng Hát Quan Họ* vì không hạp với nội dung bài này. Từ ấy đến nay, dù bị cô lập và cấm đoán in ấn, anh vẫn âm thầm sáng tác và tạo được tác phẩm giá trị, làm giàu làm có cho dòng thơ Việt giữa hai bờ truyền thống và hiện đại. Bằng tác phẩm và bằng cả cuộc đời, tác giả *Bên Kia Sông Đuống* đã đóng góp vào cuộc đấu tranh giải phóng đất nước và giải phóng văn nghệ, mãi cho đến lúc "*Nghe lửa reo chừng sắp mòn tuổi tác*".

VIII. MEN ĐÁ VÀNG:
NHỮNG MẢNH ĐỜI RẠN VỠ

Men Đá Vàng là tập thơ có sắc thái và địa vị riêng biệt trong tác phẩm Hoàng Cầm. *Truyện thơ về người thợ gốm Bát Tràng* làm 1973 in 1988, gồm phần dẫn nhập bằng văn xuôi thi vị, 13 trang và bốn chương thơ tự do, diễn tả tâm tình bốn nhân vật, ba người thợ gốm: cô gái Phong Kiều, người chồng, người cha và một người bạn đục đá. Truyện kể: người chồng mê chơi đi hoang, người vợ chờ mong hóa đá; chồng về hối hận khóc than, nước mắt thấm vào thân đá, bột đá hòa lệ thành "men đá vàng", người cha "*nghệ sĩ tạo hình*" nung lửa tạo nên men gốm, trên đó, cô gái Phong Kiều hồi sinh dưới hình tượng nghệ thuật: *"Từ chiếc bình men rạn nổi hình con phượng muôn màu ngậm mặt trăng nghiêng, cô gái Phong Kiều vươn vai đứng dậy (...) Trong bản tình ca hòa tấu tuyệt diệu của âm thanh, màu sắc, đường nét núi sông cây cỏ, Phong Kiều múa rẻo bàn tay làm hoa mưa hoa nắng. Cụ Hồng Châu đắm nhìn công trình sáng tạo tuyệt vời của con người Việt Nam và của chính mình."* (trang 20-21)

Dụng tâm tác giả khá rõ: một mặt ca ngợi nghệ thuật làm gốm lâu đời của quê cha, qua đó, anh nêu lên quá trình gian khổ của lao động nghệ thuật, mặt khác anh muốn dựa vào hư cấu đẫm máu huyền thoại để thí nghiệm một

ngôn ngữ thi ca mới, bằng cú pháp, nhịp điệu và hình ảnh khác lạ. Khi dồn hết tâm can vào việc kiến tạo ngôn ngữ, Hoàng Cầm cũng đã giải bày nhiều tình cảm riêng tư: *Men đá vàng* có lẽ là tác phẩm Hoàng Cầm mang nhiều ẩn ức và u uẩn nhất.

Trong việc suy nghĩ, biên khảo về thơ trước đây, trong một thời gian dài, đã xa, tôi có chịu ảnh hưởng nhà bác học Gaston Bachelard, về những mạch thơ tuôn ra từ thể chất, từ không gian, từ *tứ tượng* trong vũ trụ quan phương Tây: đất, nước, lửa và không khí. Khi đọc thơ Hoàng Cầm về nghề gốm, tự nhiên tôi nhớ lại Bachelard: gốm là hợp thể giữa đất và nước, thành hình trong ngọn lửa bừng trong không khí. Bachelard lại có những trang tuyệt vời về ngọn lửa tình và lửa dục (1) vào những suy nghĩ sâu sắc, độc đáo và thao tác quấy bột gột hồ, nhào bột dậy men (2). Gốm, từ vô thể biến thể thành hình thể, từ chất liệu vô tri hóa thân trong ngọn lửa, trở thành đường nét, màu sắc mang tâm tình, suy tư mơ ước của con người. Đẹp quá. Tôi mang ngọn lửa trần gian soi vào thi phẩm *Men Đá Vàng.*

Tôi cũng có ít hành trang khác. Trong *Về Kinh Bắc*, Hoàng Cầm đã có những chùm thơ về ngũ hành: *Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.* Lại có chùm thơ về thực vật: *Cỏ, cây, lá, quả*; về không gian: *gió, nước, khói, sương,* chứng tỏ có lúc nào đó, nhà thơ đã suy nghĩ về chất liệu, tư duy từ chất liệu. Trong cội nguồn thi hứng của anh, phải chăng đã có những giấc mơ thành hình từ thể chất, như Bachelard đã nói?

Và khi chọn nghề gốm để biểu trưng cho nghệ thuật, phải chăng lúc đầu— hay trong tiềm năng— Hoàng Cầm muốn tìm về những chất liệu sơ khai và *ánh lửa sơ sanh* để *nhào nặn* nên một tác phẩm mới? Nghề gốm Bát Tràng là cơ hội lý tưởng, là truyền thống của quê hương mà anh thuộc lòng ngõ ngách. Nghề gốm đòi hỏi cần lao, kỹ thuật, nghệ thuật và... may mắn, vì những thành quả bất ngờ gợi nên cõi huyền bí của thiên nhiên, chiều sâu tạo vật. Hòn đất vươn lên theo ngọn lửa, hóa thân thành chim muông, hoa lá, những rồng chìm phượng nổi, "*màu son của đất pha ánh biếc của nước non (...) màu vàng của ngô lúa pha ánh hồng những rạng đông huyền thoại*" (trang 18). Có cả tình yêu và tình dục bập bùng trong ánh lửa. Cô gái Phong Kiều, hình ảnh hoang tưởng của Nàng Thơ âu yếm với ba người đàn ông cùng một lúc, cầm tay người chồng "*đã ngày đêm canh sức lửa*", kề vai người bạn thợ đá, "*ôm cả hai vai anh, run rẩy đặt môi hôn lên vầng trán*" và "*đằm thắm nở nụ cười quyến rũ*" (trang 21) với chàng tuổi trẻ ái mộ nàng trên con đường đi tìm tình yêu và nghệ thuật.

Muốn đạt tới kết quả đó, bàn tay thao tác đã tư duy. Trí tuệ có khi chỉ nối dài tư duy của bàn tay. Nhào nặng thể chất, rung cảm bằng thể chất, bàn tay tiếp xúc, khám phá, mơ mộng và sáng tạo ngoài sự tham sự của trí tuệ. Đây là bài học của người thợ gốm, "*mười ngón tay chai tạc vó ngựa vàng cố lý*".

Một tiểu phẩm thủ công, khi vươn đến nghệ thuật cũng đòi hỏi tâm huyết.

Xưởng đất quánh ngà ngà pha lệ đỏ

Buồng gan hồng thạch
Dạ kim cương
(..) Nghe
lửa réo lò hồng
em níu vai anh mê ly
từng li ti mi li đất chín (trang 32-34)

Đến lúc người cha *nghệ sĩ tạo hình* truyền lịnh:

Men nâu đâu? Lên ngôi!
Men nâu lên
nình nịch vóc lực điền
vuông ngõ lúa
tròn ao cá chép
Vuông mùa xanh
tròn tiếp mùa vàng
(...) Men rạn lên ngôi
tia máu đan mành che bão táp
nẻo người đi chằng chịt mấy muôn năm
ngang dọc nước sông Hồng (trang 46-48)

Từ chuyện gốm Bát Tràng, Hoàng Cầm đã sa đà vào trong cảnh đất nước quê hương, qua địa lý, lịch sử, *cho Văn Lang, Hồng Bàng, lớp lớp cánh cung căng mùa dân tộc hát* , tiếng trống đồng Ngọc Lũ vang đến sao Đẩu sao Ngưu... Nhưng anh mỗi lúc một xa chủ đề trung tâm, là... cái lò nung gốm.

Truyện người thợ gốm lẽ ra sẽ giản dị là chuyện hai bàn tay tạo tác, dào luyện nhào nặn, nung đúc một chất liệu dẻo dai, gắn bó bền chắc keo sơn thành những đồ sành đồ sứ men ngọc men nâu nổi tiếng từ thời Trần thời Lý. Nhưng người đọc không thấy được sự hình thành của nghệ thuật qua những tác phẩm vững chải, rắn rỏi với thời gian, mà chỉ thấy sau nhiều đợt hô phong hoán vũ, những chia ly, tan tác, chủ yếu là tâm sự Hoàng Cầm, người cha xa con, người chồng ân hận, người bạn hồi tâm. Những tình cảm đó đáng kính đáng trọng, lời thơ tế nhị hơn những bài thơ tâm sự sau này trong tập *Lá Diêu Bông* (1993), nhưng vẫn làm loảng men đá vàng trong chủ đề. Hoàng Cầm yếu đuối, lạc đường vào tâm sự và lỗi hẹn với *Đá Vàng;* anh làm lỡ cuộc tình bỏng rát giữa lửa hồng và đất mịn.

Điều còn lại trong *Men Đá Vàng* sẽ là niềm nhớ mong da diết của người cha:

Thương con đừng thương
đá vàng men gọi ngồi thương
Con hỡi Phong Kiều về đó
men màu mơ giọt đỏ dọng lòng tay
rớm máu mẹ cha sinh
Thương cho chín thương
đá vàng men gọi men gọi mười thương

Con hỡi Phong Kiều về đó (Men đá vàng tr 50)

Hay bản tình ca tha thiết của người yêu:

Đá hãy lên men
nối khúc tiêu bồng cánh nhạn
... Em nhớ thương ai
Ta làm mưa đưa trầm ngải
Trải ngàn xanh về hàn đắp hồn đau
Sớm đã da non hồng phấn dậy thì
Em xót thương ai
Ta làm ánh chớp (...)
dìu sợi tóc mai về thềm mai lất phất
Em mong chờ ai
Ta làm rơm ổ
Chiều thu ru lá đỏ ấm vai gầy (Trang 60)

Men đá vàng mong được hiểu theo nghĩa thứ hai: lớp men nhớ nhung tráng lên kỷ niệm đau thương những cuộc đời tan tác, hơi men đắng cay bốc lên từ cảnh đá nát vàng phai, bình tan gương vỡ. *Men đá vàng khô se manh áo tân hôn cuối giường em gửi lại.* (Trang 39). Tác phẩm là những mảnh tan vỡ của ngôn từ, rạn nứt từ cuộc đời ngang trái.

ĐẶNG TIẾN

Noel 1993

---

(1) Thạch Lam, *Hàng Nước Cô Dần* trong *Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường.*

(2) *Dân ca Quan Họ Bắc Ninh*, nhiều tác giả, nhà xuất bản Văn Hóa Hà Nội, 1962 tr 17. Đọc thêm: *Quan Họ, Nguồn Gốc Và Quá Trình Phát Triển*, nxb Khoa Học Xã Hội Hà Nội 1978.

(3) Gheorges Boudarel Cent Fleurs e'closes dans la nuit Vietnam, Nxb Jacques Bertoin, Paris, 1991. tr 26 đến 46.

(4) Hoàng Cầm, *Con Người Trần Dần*, Nhân Văn Số 1 từ 10 đến 20 tháng 9-1956, Hà Nội, tr 2 và 4.

(5) Hoàng Cầm, Tử Phác với điệu múa Sạp tạp chí Âm Nhạc, Hà Nội số 4-1992 xuân 1993 tr 26.



HOÀNG CẦM

hội yếm bay

(Huyền sử)

Yếm hãm xuân tình em hé đôi
Ngồi bên Liễu Hạnh nhếch môi cười

Em phải quỳ run xe tóc lạnh
Từ nay giải yếm cấm buông lơi
Buồn pha lê thiên hư đổ vỡ
Trời phạt may ra hiểu lẽ người

Chị Liễu liều ném tan chén ngọc
Mù xanh thủng đáy chúa tiên rơi
Còn em đày xuống làm thị nữ
Tay trói chân cùm chợt biết vui

Bỗng có đêm vàng yêu mải miết
Biết đâu là đất nhớ đâu trời
Tỉnh mơ chợt thấy trần như lá
Ngợp chớp toàn thân những mắt người

Vội tìm chiếc yếm vua cha dặn
Định dấu bầu men lánh nẻo xa
Ngất núi ơ kìa anh vỗ nhịp
Bay cờ triệu yếm ríu ran ca

Ngũ sắc chen nhau cầu lễ hội
Nuột nà cởi bỏ áo hoa khôi
Em không buộc thắt lưng thon nữa
Thả búp tròn căng nuột ấy... ơi!

Nguồn sống tuôn thơm nhựa ứ đầy
Một chiều khổ cực bốn chiều say
Đã phanh yếm mỏng thì quăng hết
Những nếp xiêm hờ giả bộ ngây

Hương ngát em lồng kín cõi anh
Yếm đào trút lại phía vô linh
Đung đưa gác lửng nghênh xuân ấy
Đôi núm hồng em nở hết mình.

lá diêu bông

Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng
Chị thẩn thơ đi tìm
Đồng chiều
Cuống rạ...

Chị bảo
- đứa nào tìm được Lá Diêu bông
từ nay ta gọi là chồng

Hai ngày
Em tìm thấy Lá
Chị chau mày
- đâu phải Lá Diêu bông

Mùa đông sau
Em tìm thấy Lá
Chị lắc đầu
trông nắng vãn bên sông

Ngày cưới Chị
Em tìm thấy Lá
Chị cười
xe chỉ ấm trôn kim

Chị ba con
Em tìm thấy Lá
Xòe tay phủ mặt
Chị không nhìn

*

Từ thuở ấy
Em cầm chiếc Lá
đi đầu non cuối bể
Gió quê vi vút gọi
- Diêu bông hời...
... ới Diêu bông...!

HOÀNG CẦM
(Rét 1959)



HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

một chút sương mù trên bàn tay

• Đà Lạt 1983-1993

Bỏ quên đôi cánh
trên trời
Em về mặt đất
làm loài phù du
Tưởng cho anh cả thiên thu
Hóa ra một chút sương mù
trên tay

*

Người đi
ta ở phương này
Phố cao trời rộng
nhớ ngày lang thang
Sáng trưng mấy dặm hoa vàng
Ngẩn ngơ
màu áo nữ hoàng
năm xưa

*

Em đù
khát vọng khôn nguôi
Dấu chân ta
cũng mây trôi
tuyết mù
Thôi về khép cửa thiên thu
Người phù du
ta phù du
với người...

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG
Đà lạt
100 cô đơn



OCTAVIO PAZ
NGUYỄN TIẾN VĂN *dịch*

tương quan giữa thơ và...



I. THƠ, XÃ HỘI, NHÀ NƯỚC

Không có thành kiến nào tai hại và man rợ hơn cái thành kiến gán cho nhà nước những quyền lực trong vòm sáng tạo nghệ thuật. Quyền lực chính trị thì cùn trơ, bởi iếu tính của nó là đô hộ con người, cho dù í hệ để nguỵ trang có thể là gì chăng nữa. Mặc dù chẳng hề bao giờ có tự do tuyệt đối về diễn tả — tự do luôn luôn được xác định tương quan với những trở ngại nhất định và trong những giới hạn nhất định: chúng ta tự do tương quan với cái này hoặc cái kia — không khó phơi bầy ra rằng hễ nơi nào quyền lực xâm lấn mọi hoạt động của con người, thì nghệ thuật tàn tạ hoặc biến thành một hoạt động đầy tớ và máy móc. Một phong thái nghệ thuật là một thứ sống động, một phát minh liên tục trong một hướng nhất định. Không hề bị áp đặt từ bên ngoài, phát sinh từ những khuynh hướng sâu xa của xã hội, hướng đó trong một chừng mực nhất định không thể tiên đoán được, như thể sự tăng trưởng những cành của một cây. Mặt khác phong thái quan thức (official style) là sự phủ định tính tự phát sáng tạo: những đế quốc lớn thường có một hậu quả san bằng khuôn mặt thay đổi của con người và biến nó thành mặt nạ lặp đi lặp lại mãi không thôi. Quyền lực làm bất động, làm ổn cố sự phức biến của đời sống trong một cử chỉ đơn độc — vĩ đại, ghê gớm, hoặc kịch tính và, rốt cuộc, chỉ còn là đơn điệu. "Ta là nhà nước" là một công thức có ngĩa là sự tha hoá những khuôn mặt người, thay thế bằng những đường nét trơ như đá của một cái tôi trừu tượng bị thay đổi, cho đến khi thời gian kết liễu, thành một kiểu mẫu cho cả một xã hội. Phong thái, nó như một giai điệu, diễn tiến và đan bện thành những kết hợp mới lợi dụng vài thành tố tương đồng, bị sa đoạ chỉ còn là sự

lặp đi lặp lại.

Không có gì cấp thiết hơn là việc giải trừ sự lẫn lộn đã được thiết lập giữa cái gọi là ngệ thuật "cộng đồng" hoặc "tập thể" với ngệ thuật quan thức. Một đằng là ngệ thuật khởi hứng từ những niềm tin và lí tưởng của một xã hội; đằng khác, ngệ thuật bị lệ thuộc vào những qui tắc của một quyền lực bạo tàn. Những tư tưởng khác biệt và những khuynh hướng tâm linh — sự thờ phượng polis (thành thị), Kitô giáo, Phật giáo, Hồi giáo và v.v... — đã hoá thân trong những nhà nước và đế quốc đầy quyền lực. Nhưng hẳn sẽ là một sai lầm nếu chúng ta coi ngệ thuật Gothic hoặc ngệ thuật Romanesque như những sáng tạo của định chế giáo hoàng, hoặc những kiến trúc [Ấn Độ] ở Mathura như là sự biểu lộ của đế quốc do [hoàng đế] Kanishka dựng nên. Quyền lực chính trị có thể khơi dẫn, sử dụng, và trong một số trường hợp khích động dòng ngệ thuật. Nó không bao giờ có thể sáng tạo nên một dòng ngệ thuật. Hơn thế nữa: về lâu về dài nó thường có hậu quả làm cản trơ ngệ thuật. Ngệ thuật luôn luôn được nuôi dưỡng từ ngôn ngữ xã hội. Ngôn ngữ đó, cũng thế và trên hết, là một thị kiến về thế giới. Định chế giáo hoàng không sáng tạo ra Kitô giáo, mà là ngược lại; nhà nước tự do là chồi nẩy từ giai cấp tư sản, không phải cái sau này là do cái trước. Có vô vàn thí dụ như thế. Và khi một kẻ chinh phục áp đặt thị kiến về thế giới của mình lên một dân tộc — chẳng hạn: Hồi giáo ở Tây ban nha — thì nhà nước ngoại lai và toàn thể văn hoá của nó vẫn cứ là những áp đặt dị thể cho đến khi nào dân tộc kia thực sự đã đồng hoá quan niệm tông giáo hoặc chính trị kia thành của chính mình. Chỉ khi đó, tức là: khi thị kiến mới về thế giới trở thành một tín ngưỡng được chia sẻ và một ngôn ngữ chung, thì mới có được một ngệ thuật hoặc một thi ca trong đó xã hội tự thừa nhận. Vậy là, nhà nước có thể áp đặt một thị kiến về thế giới, ngăn cản những thị kiến khác trỗi dậy, và tiêu diệt những thứ nào làm che khuất thị kiến của mình, nhưng nó thiếu sự phong nhiêu để sáng tạo một thị kiến như thế. Và điều đó cũng xẩy ra với ngệ thuật: nhà nước không sáng tạo ra nó, nhà nước khó thể khuyến khích ngệ thuật mà không làm đồi truỵ nó và, thường thấy hơn, ngay khi nhà nước tìm cách lợi dụng nó, nhà nước làm nó biến dạng, ngộp thở, hoặc cải hoá nó thành một mặt nạ.

Ngệ thuật Ai cập, ngệ thuật Aztec, ngệ thuật Tây ban nha thời baroque và Thế kỉ lớn (XVII) của Pháp — viện dẫn những trường hợp lẫy lừng nhất — dường như bẻ lại những í tưởng trên. Những trường hợp này đều trùng hợp với hoàng cực của quyền lực tuyệt đối. Vậy nên, không lạ là nhiều người thấy trong ánh sáng của chúng một phản ánh về sự huy hoàng của nhà nước. Một sự cứu xét vắn tắt một số trong những trường hợp này sẽ giúp ta chỉnh lại sai lầm nọ.

Giống như mọi ngệ thuật của những cái mệnh danh là "văn minh lễ thức" ("ritualistic civilizations"), ngệ thuật Aztec có tính chất tông giáo. Xã hội Aztec chìm ngập trong bầu không khí của sự thiêng liêng, lúc thì u ám, lúc

lại sáng rỡ. Mọi hành vi đều thấm nhuần đạo. Ngay nhà nước cũng là một biểu hiện của đạo. Moctezuma còn hơn là một thủ lãnh: ông là một pháp sư. Chiến tranh là một ngi lễ: đại diện cho huyền thoại mặt trời trong đó Huitzilopochtli là Mặt trời vô địch, võ trang bằng thần lực xiuhcóatl, đánh bại Coyolxauhqui và chuỗi sao của hắn tức đám Centzonhiznahua. Cũng tính chất đó là đặc trưng của những sinh hoạt nhân sự khác: chính trị và ngệ thuật, thương mãi và công ngệ, liên hệ ngoại giao và gia đình xuất phát từ khuôn mẹ thiêng liêng. Đời sống công cộng và riêng tư là hai mặt của cùng một dòng sinh mệnh, không phaải những cõi riêng biệt. Chết đi hoặc sinh ra, đi ra trận hoặc đến lễ hội đều là những hành vi tông giáo. Vì vậy, thật là một sai lầm ngiêm trọng khi phân loại ngệ thuật Aztec là một thứ ngệ thuật nhà nước hoặc chính trị. Nhà nước và chính trị chưa đạt tới tự trị; quyền lực còn nhuốm mầu tông giáo và ma thuật. Ngệ thuật Aztec không thực sự biểu lộ những khuynh hướng của nhà nước mà là của tông giáo. Người ta sẽ bảo rằng đây chỉ là một cách chơi chữ, bởi tính chất tông giáo của nhà nước không hạn chế mà còn tăng cường quyền lực của nó nữa. Nhận xét này bất công: một tông giáo nhập thể trong một nhà nước, như xẩy ra với người Aztec, không giống một nhà nước được tông giáo phục vụ, như trường hợp La mã. Sự khác biệt rất quan trọng tới nỗi thiếu nó người ta không thể hiểu được chính sách của Aztec đối với [kẻ chinh phục] là Cortés. Thêm một điều nữa: ngệ thuật Aztec, theo ngĩa đen, là tông giáo. Tượng, thơ, và tranh không phải là "tác phẩm ngệ thuật"; chúng cũng chẳng phải là đại diện, mà đúng hơn là hiện thân, là những hiển hiện sống động của cái thiêng liêng. Tương tự như thế: tính chất tuyệt đối, toàn diện, và chuyên chế của nhà nước Mexico không có tính chính trị mà có tính tông giáo. Nhà nước là tông giáo: thủ lãnh, chiến sĩ, và dân thường macehuales là những phạm trù tông giáo. Những hình thức biểu lộ của ngệ thuật Aztec, cũng như những biểu lộ chính trị, cấu thành một ngôn ngữ thiêng liêng mà toàn xã hội san sẻ. (1)

Sự trái ngược giữa người La mã và người Aztec phơi bầy sự khác biệt giữa ngệ thuật linh thiêng và ngệ thuật quan thức. Ngệ thuật của người La mã mong vươn tới cái thiêng liêng. Tuy nhiên, nếu sự thông qua từ cái thiêng liêng tới cái thế tục, từ cái huiền thoại tới cái chính trị — như ta thấy nơi cổ Hi lạp hoặc vào cuối thời Trung cổ — là tự nhiên, thì bước nhẩy theo chiều ngược lại không hề tự nhiên. Thực tế, chúng ta đang xử lí đây không phải là một nhà nước tông giáo mà đúng ra là một tông giáo nhà nước. [Các vị hoàng đế La mã] Augustus hoặc Nero, Marcus Aurelius hoặc Caligula, "lạc thú của loài người" hoặc "quái vật rành rành", là những kẻ bị sợ hoặc được yêu, nhưng không phải là thần linh. Và những hình tượng mà họ tạo ra cốt để làm mình thành bất tử cũng không có thần tính. Ngệ thuật đế chế là một ngệ thuật quan thức. Mặc dù Virgil nhắm tới Homer và Hi lạp cổ đại, ông biết rằng sự nhất trí nguyên thuỷ đã mãi mãi tan tành. Sa mạc đô thị của thủ phủ nối tiếp vũ trụ của các liên bang, đồng minh, và tranh chấp của thành thị (polis) cổ

điển; tông giáo nhà nước thế chỗ của tông giáo công xã; thái độ nội tâm của các triết gia chiếm chỗ của lòng kiền thành xưa vốn thờ phụng ở những bàn thờ công cộng, như trong thời của Sophocles; ngi lễ công cộng biến thành một chức năng quan thức, và thái độ tông giáo đích thực biểu lộ bằng sự chiêm ngắm cô đơn; những tông phái triết lí và huyền môn nở rộ. Sự huy hoàng của thời đại Augustus — và sau này là thời đại [hoàng kim 138—180] của nhị đế Antonines không được làm chúng ta quên rằng có những giai đoạn ngắn ngỉ ngơi và hưu binh. Nhưng cả lòng nhân thông tuệ của một vài người, lẫn í chí của một số khác — dù cho họ có mang tên là [hoàng đế] Augustus hoặc Trajan — cũng không làm cho người chết sống lại được. Một ngệ thuật quan thức, vào những lúc thịnh đạt và cao điểm nhất ngệ thuật La mã là một ngệ thuật cung đình, nhắm vào một thiểu số chọn lọc.

Còn về văn học Tây ban nha thế kỉ 16 và 17 cùng quan hệ của nó với hoàng gia bên Áo: hầu như mọi hình thức ngệ thuật của thời kì đó đều nẩy sinh khi Tây ban nha mở cửa cho văn hoá Phục hưng, cảm thụ ảnh hưởng của Erasmus, và tham gia trong những khuynh hướng mở đường cho kỉ nguyên hiện đại (La Celestina, Nebrija, Garcilaso, Vives, anh em nhà Valdés, vân vân). Ngay cả những ngệ sĩ thuộc khuynh hướng mà Valbuena Prat gọi là: "phản động huyền môn" và "thời kì quốc gia", mà tính chất chung là chống đối lại lề lối châu Âu và "chủ ngĩa hiện đại" của thời đại hoàng đế, cũng chỉ phát triển những khuinh hướng và hình thức mà Tây ban nha đã chiếm hữu ít năm về trước. Thánh Juan phỏng theo Garcilaso (có thể qua tác phẩm "Garcilaso a lo divino" của Sebastién de Córdoba); Fray Luis de Léon chuyên tu tập những thể thơ đời Phục hưng, và trong tư tưởng của ông, Platon và Kitô giáo là đồng minh; Cervantes — là một khuôn mặt nằm giữa hai thời đại và là trường hợp một nhà văn thế tục trong một xã hội gồm tăng lữ và các nhà thần học — đã hấp thu những chất men của Erasmus trong thế kỉ 16," (2), ngoài việc chịu ảnh hưởng trực tiếp do văn hoá và đời sống tự do ở Í. Nhà nước và nhà thờ khơi mở, giới hạn, xén tỉa, và sử dụng những khuynh hướng này, nhưng không sáng tạo ra chúng. Và nếu ta quan tâm tập trung vào sự sáng tạo mang tính cách sáng tạo quốc tuý nhất của Tây ban nha — là kịch ngệ — điều làm ta ngạc nhiên chính là sự tự do và tự phát của nó nằm trong những qui ước của thời đại. Nói tóm lại, nền quân chủ nước Áo không sáng tạo nên ngệ thuật Tây ban nha mà, ngược lại, nó phân cách Tây ban nha khỏi tính hiện đại phôi thai,

Trường hợp của Pháp cũng không trưng ra bằng chứng thuyết phục được về tương quan nhân quả giả định giữa sự tập trung quyền lực chính trị và sự vĩ đại về mặt ngệ thuật. Cũng như trường hợp Tây ban nha, tính "cổ điển" của thời kì Louis XIV có được là nhờ sự bất ổn phi thường về triết lí, chính trị, và đời sống trong thế kỉ 16. Sự tự do tinh thần của Rabelais và Montaigue, chủ ngĩa cá nhân của những khuôn mặt trữ tình tột đỉnh — từ Marot và Scève tới Jean de Sponde, Desportes, và Chassignet, gồm luôn cả Ronsard và

d'Aubigné — chủ ngĩa hoa tình của Louise Labé và những kẻ "Tán vịnh nữ thân" ("les Blasonneurs du corps féminin") làm chứng cho sự tự phát, thanh thản, và sáng tạo tự do. Chúng ta cũng phải nói như thế về những ngệ thuật khác và ngay cả về chính sinh hoạt của thế kỉ cá nhân chủ ngĩa và vô chính phủ ấy. Không có gì xa với một phong thái quan thức, do một nhà nước áp đặt, hơn là ngệ thuật của thời kì Valois, vốn là sáng kiến, nhục cảm, kì hứng, vận động, tò mò đam mê và sáng suốt. Dòng nước này thâm nhập thế kỉ 17. Tuy nhiên, tất cả biến đổi ngay khi nền quân chủ được củng cố. Sau khi Hàn lâm viện được thành lập, các thi sĩ không những phải tranh thủ với sự giám sát của Giáo hội mà còn với cả sự giám sát của một Nhà nước đã trở thành qui phạm. Tiến trình triệt sinh lên tới cao điểm, nhiều năm về sau, với sự thu hồi Chỉ dụ Nantes [là chỉ dụ ban hành ở Nantes do Henri IV năm 1598 cho phép tín đồ Tin lành có dân quyền và tự do tín ngưỡng ở Pháp, trừ tại thủ đô Paris — bị thu hồi do Louis XIV năm 1685 dưới áp lực của Thiên chúa giáo La mã] và sự toàn thắng của phe Dòng Tên (Jésuites). Chỉ từ viễn kiến này ta mới nắm được í ngĩa đích thực của sự bút chiến về vở kịch Le Cid và những khó khăn của Corneittle, những rắc rối và chua chát của Molière, sự cô đơn của la Fontaine, và sau cùng là sự im lặng của Racine — một sự im lặng đáng quan tâm hơn là chỉ đơn giản giải thích bằng tâm lí và dường như đối với tôi nó giống như một tượng trưng cho trạng thái tâm linh của nước Pháp trong "Thế kỉ lớn" (le Grand Siècle) [tức thế kỉ 17] này. Những thí dụ này phơi bầy ra rằng ngệ thuật phải kinh sợ hơn là biết ơn một sự bảo hộ rốt cuộc lại đàn áp ngệ thuật với chiêu bài là chỉ đạo. "Chủ ngĩa cổ điển" của ông Vua Mặt trời [le Roi Soleil, tức Louis XIV] đã triệt tiêu sinh lực nước Pháp. Và không phải là cường điệu khi nói rằng chủ ngĩa lãng mạn, chủ ngĩa hiện thực, và chủ ngĩa tượng trưng của thế kỉ 19 là một sự phủ nhận sâu xa tinh thần của "Thế kỉ lớn" và là một cố gắng để hồi phục truyền thống tự do của thế kỉ 16.

Hi lạp cổ đại phơi bày ra rằng ngệ thuật công xã có tính tự phát và tự do. Không thể so sánh thành thị (polis) Athenai với nhà nước của hoàng đế La mã, thể chế giáo hoàng, nền quân chủ tuyệt đối, hoặc những nhà nước cực quyền hiện đại Quyền uy tối thượng ở Athenai là hội đồng công dân, chứ không phải một nhóm quan chức xa vời được bảo bọc bằng quân đội và cảnh sát. Sự bạo động trong cung cách Bi kịch và Hài kịch cổ [của Hi lạp cổ đại] xử lí những công vụ của thành thị giúp ta giải thích thái độ của triết gia Platon, là người mong muốn "sự can thiệp của nhà nước trong quyền tự do sáng tạo thi ca." Ta chỉ cần đọc các tác gia bi kịch — đặc biệt là Euripides — hoặc Aristophanes là ghi nhận được ngay sự tự do và duyên dáng vô song của những nhà ngệ sĩ này. Tự do biểu biện đó có nền tảng ở quyền tự do chính trị. Và ta còn có thể nói rằng cội rễ của thế giới quan của người Hi lạp là chủ quyền và nền tự do của thành thị. Jacob Burckhardt trong tác phẩm Lịch sử Văn hoá Hi lạp nói rằng: "Cùng trong năm Aristophanes cho diễn vở Mây thì cũng xuất hiện tập hồi kí chính trị cổ nhất còn lưu lại ở bất cứ nơi nào trên

trái đất, đó là tập Luận về Nhà nước Athenai. Suy tư chính trị và sáng tạo nghệ thuật chung sống trong một bầu khí hậu. Những hoạ sĩ và điêu khắc gia cũng hưởng sự tự do tương tự trong giới hạn của chuyên ngành, và trong những điều kiện họ được thuê làm. Khác với điều xẩy ra trong thời đại của chính chúng ta, những chính khách thời đó có được lương tri để tự chế không đặt qui luật cho các phong cách nghệ thuật.

Nghệ thuật Hi lạp tham gia trong những tranh luận của thành thị vì chính hiến pháp của thành thị đòi hỏi công dân được quyền tự do có í kiến về công vụ. Một nghệ thuật mang tính "chính trị" chỉ có thể nẩy sinh nơi nào có khả tính biểu hiện í kiến chính trị, tức là, nơi nào quyền tự do ngôn luận và tư tưởng thắng thế. Theo ngĩa này, nghệ thuật ở Athenai mang tính "chính trị", nhưng không phải trong cái ngĩa ti tiện ngày nay người ta chấp vào từ ngữ này. Đọc vở kịch Người Ba tư chúng ta học được cách nhìn đối phương với cặp mắt không bị ô uế vì những xuyên tạc của tuyên truyền. Và sự hung tợn của Aritophanes luôn luôn phóng về những công dân bạn [trong cùng thành thị]; những cực đoan ông viện ra để chế giễu kẻ thù là một phần trong bản tính của Hài kịch cổ. Sự hiếu chiến chính trị này của nghệ thuật phát sinh từ tự do. Không ai ngĩ tới việc ngược đãi Sappho bởi nàng ca tụng tình iêu thay vì những công cuộc chiến đấu của thành thị. Cần phải đợi đến thế kỉ 20 phe đảng và tồi tàn ta mới biết đến thứ ô nhục này.

Nghệ thuật Gôthic không phải là tác phẩm của các giáo hoàng và hoàng đế, mà là của các thành thị và dòng tu. Ta cũng có thể nói như thế về định chế trí tuệ tiêu biểu của thời Trung cổ, là đại học. Cũng giống trường đại học, nhà thờ lớn (cathedral) là sáng tạo của các công xã thành thị. Người ta thường nói rằng sự vươn lên thẳng đứng của những nhà thờ này biểu hiện khát vọng Kitô giáo hướng tới mai hậu. Cần phải nói thêm rằng nếu hướng của toà kiến trúc, căng thẳng và dường như tung lên trời cao, thể nhập í ngĩa của xã hội Trung cổ, thì cấu trúc của nó bộc lộ thành phần của chính xã hội đó. Thực thế, mọi thứ đều ném lên, hướng thiên; nhưng, đồng thời, mỗi bộ phận của công trình xây dựng này đều có đời sống riêng, cá tính và đặc tính, nhưng sự đa phức kia không phá tính nhất trí của toàn thể. Sự bố trí của ngôi nhà thờ lớn dường như giống như một sự thể hiện sống động của xã hội trong đó, trên cái nền của quyền lực quân chủ và phong kiến, những cộng đồng và phường bạn hình thành một hệ mặt trời phức tạp gồm các liên đoàn, liên minh, công ước, và khế ước. Sự tự phát tự do của các công xã, chứ không phải quyền uy của các giáo hoàng và hoàng đế, đã ban cho nghệ thật Gôthic cái vận động song hành của nó: một mặt, tung lên cao như một mũi tên; mặt khác, dàn trải chiều ngang, che chở và bao bọc mà không áp chế mọi giống, mọi loài, mọi cá thể trong sáng tạo. Nghệ thuật vĩ đại của thể chế giáo hoàng đúng thật là nghệ thật của thời kì baroque và đại diện tiêu biểu là [nhà kiến trúc và điêu khắc] Bernini.

Quan hệ giữa nhà nước và sáng tạo nghệ thuật phụ tùy, trong mỗi trường

hợp, vào bản tính của xã hội mà chúng thuộc vào. Nhưng nói chung — trong chừng mực có thể đạt tới kết luận trong một khu vực quá sức rộng lớn và mâu thuẫn đến thế — sự khảo sát lịch sử chứng thực sự kiện là không phải chỉ có việc nhà nước chưa từng bao giờ là kẻ sáng tạo ra một nền ngệ thuật có giá trị thực sự, mà thêm nữa là hễ mỗi lần nhà nước toan tính biến ngệ thuật thành một công cụ cho những mục tiêu của riêng nó, thì rốt cuộc nó làm biến tính và sa đoạ ngệ thuật ấy. Cho nên, "ngệ thuật cho thiểu số" hầu như luôn luôn là câu trả lời táo bạo của một nhóm ngệ sĩ, công khai hoặc thận trọng, đối kháng với một nền ngệ thuật quan thức của quyền hoặc sự tan rã của ngôn ngữ xã hội. Góngora ở Tây ban nha, Seneca và Lucan ở Lamã, Mallarmé trước những kẻ giả hình của Đệ nhị Đế chế và Đệ tam Cộng hoà Pháp, là những ví dụ về những ngệ sĩ, là những người bằng sự xác nhận nỗi cô đơn của họ và sự cự tuyệt công chúng của thời họ, đạt tới một sự cảm thông cao nhất mà một người sáng tạo có thể hoài vọng: sự cảm thông với đời sau. Nhờ vào những cố gắng của họ, ngôn ngữ không còn tan tác như một thứ tiếng lóng hoặc hoá đá trong công thức, nhưng nhờ tập trung mà thành tự giác và có được những quyền năng giải phóng.

Sự bí nhiệm của họ — không bao giờ hoàn toàn có tính bất khả xâm nhập, nhưng luôn mở ra cho những ai mạo hiểm vượt qua bức tường thành gợn sóng và gai góc của từ ngữ — giống như sự bưng bít của hạt giống. Bao che bên trong nó là đời sống tương lai còn ngủ say. Bao thế kỉ sau khi họ qua đời, sự tối tăm của những nhà thơ này trở thành ánh sáng. Và ảnh hưởng của họ thâm sâu tới nỗi mà, hơn là những thi sĩ của những bài thơ, họ có thể được gọi là thi nhân hoặc những kẻ sáng tạo ra thi nhân. Chim phượng hoàng, trái lựu, và bông lúa Eleusis mãi mãi là huy hiệu [đời đời phục sinh] của họ.

II. THƠ VÀ THỞ

Etiemble chủ trương rằng nguồn gốc của lạc thú thi ca không chừng có tính sinh lí học và, chính xác hơn, tính cơ bắp và hô hấp. Để biện minh cho sự xác quyết này ông nhấn mạnh rằng nhịp thơ Pháp Alexandrine [mỗi câu thơ có 12 âm tiết] — tức thời gian chúng ta cần để phát âm nó lên — trùng với tiết điệu của hơi thở. Điều này cũng đúng với thơ 11 âm tiết của Tây ban nha và của Í. Tuy nhiên, Etiemble không giải thích cách nào và tại sao ta cũng hân thưởng nhưng câu thơ nhịp dài hoặc ngắn hơn. Trong nhiều thế kỉ, câu thơ 8 âm tiết là thứ văn vần quốc tuý của Tây ban nha, và ngay cả sau cuộc cải cách của Garcilaso, 8 âm tiết của loại ballad vẫn tiếp tục được các nhà thơ thuộc ngôn ngữ Tây ban nha thường xuyên sử dụng. Có thể nào phủ nhận lạc thú khi chúng ta lắng nge và đọc câu thơ 8 âm tiết cổ xưa của chúng ta? Thế còn những câu thơ dài của Whitman — và thơ không vần của thời Elizabeth thì sao? Nhịp, đúng hơn, dường như phụ thuộc vào tiết điệu của ngôn ngữ thông thường — tức là, vào âm nhạc của nói chuyện, như Eliot đã

trình bày trong một luận văn rất nổi tiếng — hơn là vào sinh lí học. Nhịp thơ đã có mặt trong mầm mống nơi nhịp của câu nói. Tiết diệu của lời nói mang sử tính. Độ nhanh, độ chậm, hoặc âm diệu mà ngôn ngữ tiếp thu vào thời điểm này hoặc nọ, qua miệng này hoặc nọ, có khuynh hướng kết tinh về sau thành tiết diệu thơ. "Tiết diệu của thời đại" là một cái gì còn hơn là một thành ngữ bóng bẩy, và hẳn có thể viết một loại lịch sử của mỗi nước — và của mỗi người — trên nền tảng là tiết diệu sống của họ. Tiết diệu đó — nhịp độ của hành động, tư tưởng, và đời sống xã hội — cũng đồng thời và trên hết là tiết diệu của lời nói.

Tốc độ chóng mặt và tung cánh vi vút của Lope de Vega trở thành một cuộc tản bộ uy nghi, trì trọng qua ngôn ngữ nơi Calderón; thơ của Huidobro là một chuỗi ngôn từ tuôn ra, hợp với tính khí của ông và của cả thế hệ tiếp sau Thế chiến I, vừa khám phá ra tốc độ cơ giới; tiết điệu của văn vần César Vallejo bắt nhánh từ ngôn ngữ xứ Pêru.... Lạc thú thi ca là lạc thú của lời nói và dựa nền vào ngôn ngữ của một thời đại, một thế hệ, và một cộng đồng.

Etiemble cũng nhận xét rằng đối với André Spire — một nhà lí thuyết thơ tự do của Pháp — lạc thú thi ca được giảm trừ vào một loại thể dục, trong đó cặp môi, lưỡi, và những bắp thịt khác nơi miệng và cuống họng tham dự. Theo lí thuyết tài tình này, một ngôn ngữ tiếp thu một chuỗi những vận động cơ bắp để được nói ra. Những câu thơ đem lại cho ta lạc thú bởi chúng khêu gợi và kích thích những vận động cơ bắp gây thích thú. Điều này giải thích tại sao một số câu thơ "nghe hay", trong khi những câu khác, có cùng một số âm tiết, lại không làm được như thế; để một câu thơ đẹp, từ ngữ phải sắp xếp trong câu sao cho dễ phát âm. Giống như một kẻ chạy thi trong một cuộc đua có chướng ngại, người ngâm một bài thơ nhẩy từ lời này sang lời khác, và lạc thú người đó rút ra từ cuộc đua này, gồm những khúc quanh và nhảy vọt trong một mê lộ vừa khiêu khích vừa mơn trớn các giác quan, chẳng khác nào lạc thú của một kẻ đấu võ hoặc bơi lội. Mọi điều nói trước đây về thơ như là hơi thở cũng áp dụng được cho những í tưởng này: tiết diệu không phải là âm thanh cô lập, hoặc í nghĩa đơn thuần, hoặc lạc thú cơ bắp, mà là mọi thứ hoà chung, trong sự thống nhất không thể lìa tan.

III. WHITMAN: THI SĨ MĨ

Walt Whitman là nhà thơ lớn hiện đại duy nhất dường như không trải qua sự bất phù hợp với thế giới của ông. Hoặc ngay cả sự cô đơn; độc thoại của ông là một bản đồng ca bát ngát. Không hồ nghi gì là có, ít nhất, hai con người nơi ông: nhà thơ công chúng và con người riêng tư, kẻ che giấu các thiên hướng dục tình đích thực của mình. Nhưng tấm mặt nạ ông mang — thi sĩ của dân chủ — là cái gì còn hơn là một mặt nạ: nó là bộ mặt thực của ông. Bất chấp một số thông giải gần đây, giấc mộng thi ca và giấc mộng lịch sử hoàn toàn trùng hợp nơi ông. Không có sự gián đoạn nào giữa niềm tin của

ông và thực tại xã hội. Và sự kiện này,còn cao hơn — tôi muốn nói, còn rộng hơn và í ngĩa hơn — bất kì trường hợp tâm lí nào. Vậy, sự độc đặc của thi ca Whitman trong thế giới hiện đại chỉ có thể giải thích được trong ánh sáng của một sự độc đặc khác, còn lớn hơn, và bao trùm luôn nó: sự độc đặc của nước Mĩ.

Trong một cuốn sách tựa đề Í tưởng về sự khám phá châu Mĩ (The Idea of the Discovery of America, Mexico, 1951), Edmundo O' Gorman đã trình bầy là châu Mĩ chẳng hề được khám phá. Thực thế, không thể khám phá ra cái gì vốn không tồn tại, và châu Mĩ, trước sự gọi là "khám phá" kia, không hề tồn tại. Người ta phải nói đến sự phát minh, hơn là sự khám phá, ra châu Mĩ. Nếu châu Mĩ là một vật sáng tạo của tinh thần châu Âu, thì nó đã bắt đầu tượng hình trong mù sương của biển hàng bao thế kỉ trước những chuyến hải hành của Columbus. Và cái mà những người châu Âu khám phá khi họ chạm đến những miền đất này là giấc mộng lịch sử của chính họ. Reyes đã hiến nhiều trang tuyệt diệu cho đề tài này: châu Mĩ là sự nhập thể đột nhiên của một xứ không tưởng (utopia) của châu Âu. Mộng mơ hoá thành hiện thực, thành hiện tiền, Châu Mĩ là một món quà: một tặng phẩm, một ban bố của lịch sử. Nhưng nó là một hiện tại rộng mở, một hôm nay nhuốm màu ngày mai. Sự hiện diện và hiện tại của châu Mĩ là một tương lai; bằng ngay bản tính, lục địa của chúng ta là một mảnh đất không tự thân tồn tại, nhưng là một vật gì được sáng tạo và phát minh. Sự hiện hữu của nó, hiện thực hoặc thực chất của nó, gồm ở việc luôn luôn là tương lai, lịch sử không biện minh bằng cái gì đã qua, mà bằng cái gì sẽ tới. Điều thiết định chúng ta không phải là cái Mĩ châu đã là, mà là cái nó sẽ là. Châu Mĩ vốn không từng tồn tại; và nó chỉ tồn tại nếu nó là một xứ không tưởng, lịch sử chuyển động về hướng một thời đại hoàng kim.

Có lẽ điều này không hoàn toàn đúng nếu ta ngĩ tới thời kì châu Mĩ là thuộc địa của Tây ban nha và Bồ đào nha. Tuy nhiên, điều bộc lộ là ngay khi đám hậu duệ người Âu châu ở Mĩ (creoles) có được í thức về mình và chống lại người Tây ban nha, họ khám phá trở lại đặc tính không tưởng xứ của châu Mĩ và lấy những không tưởng xứ của người Pháp làm của chính mình. Họ đều thấy cuộc Cách mạng Độc lập như một sự trở lại với những nguyên lí nguồn gốc, một sự quay về với cái thực chất của châu Mĩ. Cách mạng Độc lập là một sự chỉnh lại lịch sử châu Mĩ và, bởi vậy, là sự tái thiết cái hiện thực nguyên thuỷ. Tính chất ngoại lệ và thực sự ngịch lí của sự khôi phục này tỏ rõ nếu ta nhận ra được rằng nó gồm ở một sự khôi phục tương lai. Bằng phương tiện là những nguyên lí cách mạng của Pháp, châu Mĩ một lần nữa lại là cái nó vốn là lúc khai sinh: không phải một quá khứ, mà là một tương lai, một giấc mộng. Giấc mộng của châu Âu, nơi chốn, trong không gian và thời gian, của tất cả những gì mà hiện thực châu Âu không thể là ngoại trừ bằng cách chối bỏ chính nó và quá khứ của nó. Châu Mĩ là giấc mộng của châu Âu, bây giờ đã thoát khỏi lịch sử châu Âu, thoát khỏi sức nặng của truyền thống. Với vấn

đề độc lập được giải quyết, tính chất trừu tượng và không tưởng xứ của châu Mĩ tự do lại được bộc lộ trong những hồi đoạn như sự can thiệp của Pháp ở Mêxicô. Cả Juárez cũng như phe tự do đều chẳng hề bao giờ ngĩ — như Cossío Villegas vạch ra — rằng họ chiến đấu chống nước Pháp, như là chống một sự soán ngịch của Pháp. Nước Pháp thực thụ vốn mang tính lí tưởng và đại đồng và, còn hơn là một quốc gia, đó là một í tưởng, một triết lí. Cuesta nói, có phần minh chứng, rằng chiến tranh chống người Pháp phải được xem như một cuộc "nội chiến". Cách mạng Mêxicô đã là cần thiết để khiến đất nước này tỉnh thức khỏi giấc mộng triết lí — hơn nữa, giấc mộng này lại phong kín một thực tế lịch sử mà Độc lập, Cải cách, và Độc tài chẳng hề chạm tới mấy chút — và tìm thấy chính mình, không phải như một tương lai trừu tượng nhưng như một cội nguồn trong đó phải kiếm cho ra ba thời: quá khứ, hiện tại, và tương lai của chúng ta. Thời của trọng điểm lịch sử thay đổi, và đây là í ngĩa tâm linh đích thực của cuộc Cách mạng Mêxicô.

Tính chất không tưởng xứ của châu Mĩ còn càng đậm nét hơn ở khu vực Saxôn [thuộc Anh] của lục địa này. Tại đó không có những nền văn hoá bản địa phức hệ tồn tại, mà Thiên chúa giáo La mã cũng không dựng nên những cấu trúc phi thời đồ sộ: châu Mĩ đã là — nếu nó là cái gì — địa lí, không gian tinh thuần, mở ra cho hành động con người. Thiếu thực chất lịch sử — các giai cấp cũ, các định chế khả kính, các tín ngưỡng và luật lệ được thừa kế — thực tế không trình ra chướng ngại nào ngoài những thứ của tự nhiên. Con người không tranh đấu chống lịch sử, mà là chống tự nhiên. Và nơi nào có chướng ngại lịch sử — chẳng hạn, những xã hội bản địa — nó bị xoá khỏi lịch sử và, bị giảm trừ thành một sự kiện tự nhiên đơn thuần, từ đó nó được thực tại hoá. Thái độ Bắc Mĩ có thể tóm tắt như sau: mọi thứ nếu không san sẻ bản tính không tưởng xứ của châu Mĩ thì không chính đáng thuộc về lịch sử; nó là một sự kiện tự nhiên và, do đó, nó không tồn tại; hoặc nó chỉ tồn tại như một chướng ngại trơ trơ, không phải như là í thức tha ngoại. Cái ác ở bên ngoài: nó là một phần của thế giới tự nhiên — như người Da đỏ, sông ngòi, núi non, và những chướng ngại khác phải được thuần hoá hoặc bị tiêu diệt — hoặc nó là một thực tế xâm nhập (quá khứ Anh, Thiên chúa giáo Tây ban nha, chế độ quân chủ, vân vân). Cuộc Cách mạng Độc lập của Hoa kì là sự trục xuất những yếu tố xâm nhập, tha ngoại đối với yếu tính châu Mĩ. Nếu thực tế của châu Mĩ phải là một sự phát minh tự thân thường xuyên, mọi thứ bằng cung cách nào đó tự biểu lộ như là không thể giảm trừ hoặc không thể đồng hoá đều không phải là Mĩ. Tại những nơi khác tương lai là một trong những thuộc tính của con người: bởi chúng ta là người chúng ta có một tương lai; trong châu Mĩ thuộc người Saxon thế kỉ vừa qua, tiến hành bị đảo ngược và tương lai quiết định con người: chúng ta là người vì chúng ta có tương lai. Và mọi thứ không có tương lai không phải là người. Như thế, không có chỗ trong hiện thực cho mâu thuẫn, hàm hồ, hoặc tranh chấp.

Với niềm tin tưởng và sự ngây thơ hoàn toàn, Whitman có thể ca tụng về

nên dân chủ đang tiến hành, bởi xứ không tưởng Mĩ bị lẫn với và không thể tách bạch khỏi thực tại Mĩ. Thơ của Whitman là một giấc mộng tiên tri vĩ đại, nhưng nó là một giấc mộng lồng trong một giấc mộng khác, một điều tiên tri lồng trong một điều tiên tri khác còn rộng lớn hơn và nuôi dưỡng nó. Nước Mĩ mộng chính mình trong thơ Whitman bởi chính Mĩ là một giấc mộng. Và nó mộng chính mình như một thực tại cụ thể, gần như vật chất, với con người, sông ngòi, thành thị, và núi non. Toàn khối thực tại khổng lồ đó chuyển động vun vút, như thể nó không có trọng lượng; và, thực thế, nó thiếu trọng lượng của lịch sử: nó là tương lai đang nhập thể. Thực tại mà Whitman ca tụng là xứ không tưởng. Và nói điều này tôi không hàm í rằng nó không có thực hoặc nó chỉ tồn tại như một í tưởng, nhưng tôi muốn nói là yếu tính của nó — là cái điều động nó, biện minh nó, và cho nó định hướng tiến hành cùng trọng lực vận động — là tương lai. Mộng lồng trong mộng, thơ của Whitman chỉ mang tính hiện thực bởi riêng lí do đó: mộng ấy là mộng về chính thực tại, nó không có bản chất nào khác hơn là bản chất tự phát minh, tự mộng. Novalis nói: "Khi chúng ta mộng thấy chúng ta mộng, ấy là lúc chúng ta sắp tỉnh." Whitman chưa bao giờ í thức là ông đang mộng và luôn luôn tự xem mình là một nhà thơ của hiện thực. Và đúng thế, nhưng chỉ trong chừng mực cái hiện thực ông ngợi ca không phải là cái gì có sẵn, mà là một bản chất xuyên suốt bằng tương lai. Nước Mĩ mộng chính mình trong Whitman bởi chính nước Mĩ là mộng, là sáng tạo đơn thuần. Trước và sau Whitman chúng ta đã có những giấc mộng thi ca khác. Tất cả những giấc mộng này — dù người mộng có mang tên là Poe hoặc Darío, Melville hoặc Dickinson — thực ra chỉ là những toan tính thoát ra khỏi cơn ác mộng Mĩ mà thôi.

OCTAVIO PAZ
Cung và Đàn: Thơ. Mặc khải thơ. Thi ca và lịch sử.
(El Arco y la Lira, Mexico:1967)
Dịch theo bản tiếng Anh của Ruth L. C. Simms
— University of Texas Press, Austin — 1991, tr. 263—274

Chú thích

(1) Đây không phải là chỗ cứu xét kĩ hơn tính chất của xã hội Aztec và kiếm tìm í ngĩa chân thực của ngệ thật của nó. Chỉ xin tạm đủ với ghi nhận rằng tổ chức song hành của xã hội tương ứng với sự song hành của tông giáo (những tục thờ cúng đất đai của những thị trấn cổ xưa trong thung lũng và những thần linh chiến sĩ đặc thù Aztec). Hơn nữa, chúng ta biết rằng người Aztec hầu như luôn luôn sử dụng dân lệ thuộc nước ngoài làm thợ và người xây cất. Tất cả những điều này khiến ta ngờ rằng đang giáp mặt với một ngệ thuật và một tông giáo, nhờ tích luỹ và chồng chất những thành tố có riêng và ngoại lai, lại che giấu một sự phân biệt bên trong. Không có điều gì tương tự như thế trong ngệ thuật Maya khi cực thịnh, trong ngệ thuật "Olmec", hoặc trong ngệ thuật

Teotihuacán, nơi sự nhất trí về các hình thức thì tự do và tự phát, không mang tính í niệm và ngoại tại, như nơi thần linh Coatlicue. Đường nét sống động và tự nhiên của những phù điêu ở Palenque — hoặc tính hình học ngiêm túc của Teotihuacán — cho phép chúng ta hình dung một í thức tông giáo bất phân li, một thị kiến về thế giới tiến triển tự nhiên, không phải bằng cách tích luỹ, chồng chất, hay sắp xếp lại những thành tố rời rạc. Hoặc đúng hơn: ngệ thuật Aztec hướng đến một sự hỗn hợp, không hoàn toàn thực hiện được, của những thế giới quan tương phản, trong khi ngệ thuật của những nền văn hoá cổ sơ hơn chỉ thuần là sự phát triển tự nhiên của một thị kiến duy nhất và độc đáo. Và đây là thêm một nét dã man nữa về xã hội Aztec so với những nền văn minh cổ ở Trung mĩ.

(2) Angel Valbuena Prat, Historia de la literatura espanola [Lịch sử văn học Tây ban nha] (1946).



DIỄM CHÂU

hãy cho tôi uống...

Hãy cho tôi uống, tôi không khát
ALVARO DE CAMPOS

dưới đáy chiếc ly có một vòng tròn
vòng đáy của chiếc ly
vòng vàng
óng ánh
bên trên là những mùa giông bão
những bắp thịt của sóng
dòng cuồng lưu
bên trên nữa là những cành rong
môi san hô
nắng mới pha màu hổ phách
chiếc giường lông chim ảo ảnh
khát vọng sủi tăm
bên trên nữa là mặt hồ thầm lặng
những giàn nho soi bóng êm đềm
mắt biếc nằm trên tay
ôi vòng mắt chim khuyên
chiếc nhẫn của con di sừng..

hãy cho tôi uống...

DIỄM CHÂU



DU TỬ LÊ

tuyên ngôn của những người không cần kiếp sau

● và Bùi Bảo Trúc, Trần Duy Đức

Cùng ta, cùng ta, yêu dấu
cùng chim muông và thú rừng
cùng nắng, mưa và những hạt lệ
chảy nhanh hơn giọt nến
(những vạt nến sau lưng
tạt lầm than phía trước)

cùng ta, cùng ta, yêu dấu
cùng ta bước khỏi căn nhà ấm áp
hệ thống gas
chiếc lò sưởi
những ngọn lửa củi, tươi
(gẫm lại coi
... rất giả)

ấm áp của làn da
tố cáo thêm căn phần lạnh lẽo, khuất

người gánh chia, lìa: câm
chân cuối đường: gió thốc
những lời kinh lạc, lè
phỉnh phờ tình nạng gỗ

dôi mắt người đêm qua
gieo mầm đau kiếp khác

cùng ta, cùng ta, yêu dấu
cùng ta bước tới

giữa bục gỗ mùa đông
rộ búp tuyết
chúng ta sẽ tuyên đọc rõ to
(đúng rồi)
tuyên ngôn của những người không cần kiếp sau
bởi tình yêu
tự thân là thần thoại
cổ tích cho ngày mai
tình hôm nay khốn đốn

cùng ta, cùng ta, yêu dấu
cùng ta rời bỏ hang động ấu thơ
hầm ẩn nấp
mang tên hy sinh
mái hiên
mang tên cao cả
rời bỏ mọi nhân danh
những đời măng sẽ lớn

rời đi và, trút bỏ
khỏi thân thể
không chỉ áo, quần / quá khứ / tương lai
rời đi và, trút bỏ
ngay tên gọi / ngày sinh / lý lịch / kiến thức
những thứ làm nên ta
(gẫm lại đi
... rất già)
tợ nấm mộ mối đùn
lấp chôn ta mấy chốc!!!

cùng ta, cùng ta, yêu dấu
(đúng rồi)
chúng ta sẽ tuyên đọc rõ to
tuyên ngôn mới
tuyên ngôn của những người không cần kiếp sau
(nội đời nay thôi
đã đủ)

mưa tự hôn: mái dột
đêm đơm trái dậu mùa
sẹo rỗ: khô tiếng nói...

cùng ta, yêu dấu
(đúng rồi)
chúng ta sẽ tuyên đọc rõ to
tuyên ngôn mới
một tuyên ngôn khác hơn tuyên ngôn nhân quyền
(nhân quyền gì!?!
khi em cũng chưa hề
được sống một ngày no kềnh mơ ước!)
tuyên ngôn mới
một tuyên ngôn khác hơn tuyên ngôn độc lập
(bao dân tộc hân hoan
ngỡ độc lập đã về trên đất nước họ)
độc lập, tự do nào mới được chứ?!!
bởi vì
em: vốn một quốc gia
còn quá ư buồn bã

người ốc đảo lìa, xa
hiểu gì đâu nắng, gió

cùng ta, cùng ta, yêu dấu
cùng ta bước đi
dù ngày thủy ngân tới
và, thiên đàng trên cao
đã là cổ tích, cũ

cùng ta, yêu dấu
chúng ta sẽ tuyên đọc rõ to
(đúng rồi)
tuyên ngôn mới
một tuyên ngôn:lạc loài
của những người muốn vĩnh tục
vào giữa mặt kiếp khác

cách gì có đời sau
tàn phai / giờ / hát lại

thập giá: thịt xương ta
đóng bằng đinh: chối tội.

DU TỬ LÊ
(Dallas - D.C . 12, 93)



NGUYỄN TRỌNG TẠO

bất chợt về thơ



Có kẻ uống vài chén rượu là u mê lẫn lộn đến buồn cười. Rượu với một số người lại là chất xúc tác giúp họ bật sáng hết công suất và trở thành lung linh huyền ảo lạ thường. Tôi yêu sự phát sáng của rượu, vì nó là bạn của sáng tạo thơ ca. "Bầu rượu - túi thơ" chẳng là một đôi bạn tri kỷ từ xưa đó sao?

Tôi kính nể các nhà cổ điển. Nhưng những nhà thơ lớp sau không nên hướng tới họ, mà nên hướng tới chính mình. Có như vậy, mới có thể hy vọng mình sẽ trở thành "nhà cổ điển" trong tương lai.

Những nhà thơ lớn bao giờ cũng tạo được một từ trường mạnh, họ hút các nhà thơ bé như nam châm hút sắt. Anh muốn trở thành nhà thơ lớn ư? Trước hết, anh hãy tìm cách thoát khỏi từ trường của kẻ khác.

Thơ, chính là những ấn tượng còn lại mãi mãi trong đời tác giả, nó đã làm rung động bởi yêu thương, đau khổ, đắng cay, căm ghét đến nỗi, nếu không viết ra được thì anh sẽ phát điên. Vì vậy làm thơ cũng chính là hành động giải thoát.

Tôi không có thói quen gặp cái gì mới lạ là làm thơ ngay được. Chỉ khi tôi đã quên đi nhiều cái khác, còn riêng *nó* thì không thể nào quên đi được, thế là bài thơ về *nó* mới được viết ra. Vì thế mà với tôi, thơ là những ám ảnh của tâm hồn.

Nhưng thơ cũng là giấc chiêm bao thấm đầy nước mắt, nó đưa người ta đến một thế giới kỳ lạ chưa từng thấy mà người ta vẫn có thể tin là nó đã từng xảy ra với chính mình. Nếu Bồ Tùng Linh, tác giả của *Liêu Trai Chí Dị* mà làm thơ, thì thơ của ông hẳn vô cùng kỳ lạ. Hàn Mặc Tử là một nhà thơ tuyệt

kỳ độc đáo, chính vì ông đã sáng tạo ra những giấc mơ huyền diệu thấm đầy nước mắt.

Giấc chiêm bao là những ấn tượng trong đời đã được thăng hoa. Thơ cũng vậy. Đấy là lô-gic phi lô-gic, là phản chiếu đa chiều của hình học phẳng, là phức điệu của giai điệu, là cấu trúc của cấu trúc...

Người xưa đặc biệt quan tâm đến "ý tại ngôn ngoại" của thơ, chính vì họ rất coi trọng tính đa tầng đa nghĩa của ngôn từ. Nếu nói A là A, B là B thì người ta chẳng cần đến nhà thơ làm gì. Thơ cũng là sự thăng hoa của ngôn từ. Nghiên cứu về sự phát triển thơ ca mà không nghiên cứu đến sự phát triển ngôn từ, thì có nghĩa là anh đã nắm chắc thất bại trong tay.

Tôi xin vái cụ Nguyễn Du ba vái để nói rằng, ngôn ngữ Hàn Mặc Tử đã làm bàng hoàng tư duy thơ ca của tôi. "*Người đi một nửa hồn tôi mất - Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ*". Không phải vì Hàn Mặc Tử sống gần với chúng tôi hơn, mà chính vì Tử đã xây dựng nên một thành trì ngôn ngữ mới mà thế hệ sau anh không dễ gì phá vỡ.

Tôi thích Hàn Mặc Tử, Lorca và Êxênin vì ngôn ngữ thơ của họ vô cùng trong suốt và sáng láng, và tiếc thay, họ lại đều chết trẻ. Có thể đấy chỉ là sở thích riêng, bởi tôi quan niệm các con chữ của thơ phải là các lăng kính trong suốt, qua đó người ta nhìn thấy tận đáy thế giới nội tâm phong phú và khát vọng vô cùng của con người. "Những câu thơ những con sóng thủy tinh", vâng, tôi quan niệm như vậy, và một trong những tập thơ của tôi đã mang tựa đề là *Sóng Thủy Tinh*.

Người Việt Nam, ai mà chả làm được vài câu *lục bát*. Điệu thơ lục bát có sẵn từ bao đời. Nhưng làm thơ lục bát đâu có giống đặt lời mới cho một điệu chèo đã có sẵn. Tác giả sân khấu chèo Tào Mạc tuyệt vời ở chỗ ông đã sáng tạo ra nhiều làn điệu mới cho những trạng huống nội tâm mới lạ, mà vẫn là chèo. Đấy là ông đã *làm mới* chèo. Làm mới thơ lục bát cũng do nhu cầu nội tâm mới lạ mà thành, chứ đâu phải cứ cố tình vặn vẹo chữ nghĩa, hay bẻ vụn câu thơ ra cho nó có vẻ cách tân. Nếu có thể gọi là kinh nghiệm, thì kinh nghiệm của tôi về lục bát là: cứ để cho rung cảm và ý tưởng tự do trong khuôn khổ lục bát, tức là để cho sự ngắt nhịp trong câu (kể cả bậc thang) tuân theo nhịp điệu nội tại của rung cảm mà thôi. Có lẽ vì thế mà một tiến sĩ ngôn ngữ học trong cuốn *Ngôn Ngữ Thơ* khi nghiên cứu về thơ lục bát đã khá ưu ái với thơ lục bát của tôi. Ông viết: "Sau đỉnh *Truyện Kiều*, lục bát chiếm được thêm lớp bình dân thành thị vừa xuất hiện trong xã hội Việt Nam với những *Lỡ Bước Sang Ngang*, để rồi ngày nay, khi cần hiện đại thì Nguyễn Trọng Tạo cũng *bậc thang* được như ai" (Tr. 187); và "Nếu công đầu của Phạm Tiến Duật là đã đứng mũi chịu sào để hình thành thế kết hợp cho thơ thì Nguyễn Trọng Tạo đã thuyết phục được lục bát chịu nghe điều đó" (tr. 235). Nhưng sự thực thì khi làm thơ lục bát, tôi lại chẳng hề để ý đến những điều mà nhà nghiên cứu vừa chỉ ra. Chao ôi, nếu cứ luôn nghĩ đến cái chân nào phải đặt lên trước thì con cuốn chiếu làm sao mà bò đi được!

Với thơ, tôi chấp nhận mọi trường phái, phong cách... nhưng tôi thích những gì làm cho tôi bàng hoàng và bừng thức.

Rồi thơ sẽ đi tới đâu? Chẳng lẽ lại đi tới số lượng? Mười năm trước, mỗi năm chỉ dăm bảy tập thơ được in ra. Giờ đây, mỗi năm ra lò hàng trăm tập. Tôi ở phe lạc quan, cứ tin trong cát có vàng. Nhiều cát thì nhiều vàng là cái chắc. Thật đáng mừng cho thơ ta. Đấy là một lời nói nghiêm túc, vì theo tôi, theo giõi tiến trình thơ ca ở ta, dễ nhận thấy sau Thơ Mới, thơ ta đang tìm cách vượt qua khuôn khổ của một lời tự thú với một thi pháp mà *cấu trúc kết hợp* gia tăng tới độ đậm đặc chưa từng thấy trong thơ cổ điển lẫn Thơ Mới. Trong dòng thơ phát triển này có thể kể đến Văn Cao, một số nhà thơ xuất hiện trước 1975 có sức sáng tạo sung mãn và những năm trước, sau 1980. Đặc biệt gần đây là sự báo hiệu ở một loạt những người rất trẻ - trên dưới hai mươi tuổi - đầy kỳ vọng.

Bàn về tiến trình của thơ, tôi bỗng nhớ đến sao chổi Halley, cứ 76 năm lại ghé thăm trái đất một lần. Và tôi hy vọng sau cuộc đăng quang của Thơ Mới (1932-1945), đầu thế kỷ XXI tới, thơ ta chắc lại thêm một lần đăng quang rực rỡ. Nếu còn sống, lúc đó tôi sẽ kêu gọi tất cả các Mạnh Thường Quân của một đất nước đã giàu có hãy mua thật nhiều rượu hảo hạng để uống mừng cho Nàng Thơ bất diệt. Tôi cũng sẽ đề nghị dựng tượng người phát minh ra rượu bên cạnh tượng Nàng Thơ và người phát minh ra nguyên tử. Còn đối với những nhà thơ nào mới ngửi thấy mùi rượu mà đã nhăn mặt khỉ, thì tôi sẽ tặng riêng cho họ một danh hiệu nhớ đời: "những nhà thơ đáng ngờ".

NGUYỄN TRỌNG TẠO

(Huế, tiết Thanh Minh, 1993)



HÀ NGUYÊN THẠCH

cuối khoảng đường xuân

Gió đã bóc đời cây từng cánh lá
Đợi mùa thu, vàng trải lối em về
Em gõ xuống đời anh niềm nghiệt ngã
Dựng tình anh từng ngõ ngách đam mê

Lượng máu ấy chảy cuồng trong huyết quản
Theo chân em, khêu ngọn nến lụi tàn
Vó ngựa tình ruổi bon chừng muốn nản
Dừng lại bên đồi, lối rẽ hoang mang

Mây đã rót những lời mưa cho đất
Một đời cây ân sũng trái ngọt ngào
Hẹn mùa xuân cây lá động xôn xao
Khi nhìn xuống thảo nguyên nào mục nát

Anh ngoảnh lại bỗng bóng mình lụn tắt
Cuối đường xưa hiu hắt bóng trăng lu
Mộng tình si hay gió động trong mù
Anh sắp sẵn dấu thời gian ngăn nắp

Núi đã với bằng bàn tay của đá
Đỉnh trời xa mây khát vọng phiêu bồng
Em quanh quẩn nép mình bên khóm lá
Một đời đâu hiểu nổi nghĩa mênh mông?!

Lòng đá tảng vẫn thác ghềnh réo gọi
Hồn mây bay cơm áo mọc cây đời
Rễ mới bén dấu mưa nguồn nước lũ
Lẫn trong thơ vẫn bóng dáng con người

Biển đã nối tình sông bằng nghĩa mặn
Nghe nghìn năm nức nở sóng xô bờ
Vỗ rất đều những nhịp lạ trong thơ
Mai dẫm dấu chân còng trên cát trắng

HÀ NGUYÊN THẠCH
(Trong nước)



MẠNH TƯỜNG

những vũ trụ baby

dù còn một trăm năm
dù còn mười năm
dù còn một năm
hay một ngày đi nữa
để sống trên trần gian
thì tôi cũng xin nói với anh

chúng ta chỉ có một tinh cầu để sống
chúng ta chưa thể thoát khỏi hệ mặt trời
đi về đâu những linh hồn ghẻ lạnh
những con chó hoang vũ trụ

họ giết người như chúng ta ăn uống mỗi ngày
họ bắt giam và tra tấn người như chúng ta làm vệ sinh mỗi ngày
và chúng ta ngồi nhìn họ câm lặng

trôi đi những đám mây vũ trụ
những móng cầu vồng sặc sỡ phía chân trời

khi không còn thời gian
khi không còn không gian
không còn ánh sáng và âm thanh
thì chúng ta còn gì
phải chăng còn khát vọng tự do
và đôi mắt thâm quầng của anh

những lỗ đen vũ trụ
và những vũ trụ baby nhảy múa
chung quanh anh

MẠNH TƯỜNG
(10-1993)



PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

những đời trăng mới lớn*



Tôi nhìn thấy cậu trao quyển vở cho anh Tài, bạn cậu, mặt cậu hân hoan, thích thú, con mắt nhìn xéo có phần nửa, cử chỉ lén lút, đầy vẻ gian tà. Cái nét gian tà và lén lút đó cậu truyền qua cả chị Sang, bà chị họ tôi. Chị ở nhà quê lên chơi, chị trạc tuổi cậu và sắp thi trung học. chị trắng tươi, mặt trái soan, cằm nhọn, miệng cười như bông bụp. bông khế, bông mười giờ, đôi mắt hai mí nâu to vừa trong vừa long lanh tóc uốn quăn dài đến ngang lưng, thân hình chị tròn lẳn, ngực eo chỉ thua Thẩm Thúy Hằng chút xíu. Với tôi, chị là người đẹp vô danh, đáng được ca ngợi, như bài học thuộc lòng "anh hùng vô danh" của lớp nhất, bởi chẳng ai mời chị làm tài tử điện ảnh, cải lương. Chị hiền thục, dịu dàng, nhỏ nhẹ. Thần tượng không ngai của tôi ngày đó. Bí quyết làm đẹp của chị? Mỗi sáng rửa mặt bằng nước dừa xiêm! Và tắm mỗi tuần một lần cũng với nước dừa xiêm. Tôi kêu:

- Uổng quá trời, rửa mặt thôi, được không? Ở Sài gòn dừa đâu em mua cho đủ số? Má sức mấy chịu cho tiền?

- Em muốn bộ mặt như Bạch Tuyết với một thân hình như... chà và? Đi Cấp em mặc áo tắm hay pyjama xuống biển?

Chị nghiêm nghị ban bố môn thuốc gia truyền, cương quyết trên các con số, tôi tin liền song dai dẳng chẳng kém:

- Tại sao phải tắm trong vòng một năm lận ? Nước dừa... khô được không?

Vì khi ngoại tôi cùng bà con lột vỏ dừa khô nạy lấy cơm dừa, phơi khô, đem bán, phần còn lại từ vỏ dừa cho tới gáo dừa, mộng dừa, thứ nào cũng

được giữ lại dùng, chỉ nước dừa là bỏ chảy tràn mặt đất. Nếu tôi chịu khó hứng, may ra đủ tắm mấy ngày liền trong mùa bẻ dừa khô?

- Không được đâu cưng à? Làm như vậy da em sẽ chỗ trắng chỗ đen như con cắc kè bông!

Thôi thà đen thui mà đen cho đều. Tuy vậy, trong nhiều năm tôi vẫn mơ tưởng được tắm nước dừa xiêm, và hy vọng rằng chỉ một lần thôi cũng đủ trắng da dài tóc. Khổ nỗi, mỗi lần thấy nước dừa chỉ muốn uống, và uống ngon lành uống như phản xạ, khi nhớ lời chị dặn: không còn một giọt.

Chị không hẳn là con gái nhà quê vì dì Năm Ngó, má chị đã dọn nhà ra thị xã Bến Tre ngay sau thời kỳ kháng chiến chín năm. Chị đi học trường tỉnh mặc áo dài trắng cũng như mọi nữ sinh trường trung học công lập ở Sài Gòn. Được nghỉ lễ thỉnh thoảng chị đi xe đò lên nhà tôi ở vài bữa, đi mua sắm, dạo phố, xem xi nê. Những hôm đó, bạn bè trong xóm của cậu tôi ghé chơi thường và lâu hơn. Nhà tôi thành chật chội, ồn ào rần rần con nít (bọn tôi với bạn bè), choai choai (cậu tôi và đồng đảng). Nhất là buổi chiều, tiếng xe gắn máy "gơ ben","xách", "mô bi lết" nổ vang xóm, khói mịt mù đường hẻm, con nít hàng xóm bu đen ngắm nghía, ngưỡng mộ những anh hùng thời đại mới, tóc chải ổ gà, bi dăng tin bóng lộn: ai không giống James Dean cũng hao hao Elvis Presley hoặc Johnny Halliday.

Từ lúc xe nổ máy đến khi xe chạy tôi tính ra đến hàng thế kỷ , vì các người đẹp bận chải gở trang điểm, hò đi rủ rê nhau, vì có khi chị hoặc cậu sai tôi chạy vào xóm trong kêu réo người trễ hẹn. Vì lắm lúc cậu tôi hứng chí, sẵn khán giả, người đẹp, sẵn *không khí (thời chưa chiến *)*, cậu ôm đàn ghi ta leo lên giường. Cửa cái cửa sổ không đóng đã đành, cậu còn kêu tôi mở luôn cửa cổng .Từ ngoài có thể nhìn suốt vào nhà: chuồng chim, hồ cá, bàn ghế, giường tủ, đi quăng, chỗ làm việc ban ngày: đó là một khoảng sàn gạch rộng chất đầy gỗ ván và những dụng cụ nghề mộc như cưa, búa, bàn bào, thước sắt, thùng đinh, thùng dầu sơn, vẹc ni...Trong cùng là sàn nước, nghĩa là nhà bếp với những thứ lu chứa nước sông (sông cầu Bông, dĩ nhiên vẫn của thời chưa chiến, sạch trơn, chiều chiều có thể ra bờ sông hứng gió), nước máy (sông Đồng Nai, trong khe, nhưng má tôi chê có mùi... hóa học) và hồ nước mưa. Nhiều thứ nước chỉ vì má tôi phân biệt loại để rửa chân, để ngâm cây, loại tắm giặt, loại nấu nướng, loại uống, mà thứ nào tôi cũng thấy... lăng quăng tung tăng đùa giỡn!.

Buổi chiều cơm nước xong ba má tôi lên nhà trên tiếp tục làm việc: tiếp khách tới đặt hàng, lãnh hàng, vẽ kiểu v...v...; ở dưới trở thành chốn hội họp của giai nhân, tài tử (choai choai) và quỉ sứ.

Hậu trường (phông ?) xong xuôi chỉ còn chờ tài tử biểu diễn. Cậu hớn hở cắm dây điện vô đàn (nhà có sẵn cây ghi ta và và cây măng đô lin nhưng cậu chê đồ "cổ", cậu sắm cây ghi ta điện thời thượng, dẹp lép, màu mè, thiếu điện thì tiếng kêu điếc đặc, lúng búng lùng bùng như bị ai bóp cổ!) cậu đứng trên giường, đầu gần dụng nóc mùng, hai con mắt hớn hở, cậu hắng giọng, búng

vài tiếng tưng tưng phừng phừng; con nít tràn luôn vào nhà, ngồi xuống ghế, xuống đất, trèo lên đi quăng, lên giường, đeo tay vịn cầu thang, chen nhau ngồi trên các nấc thang. Im lặng, thì thào, huých cùi chỏ, kéo tóc, kéo tai nhau rồi há hốc mồm chờ đợi.

Cậu và bạn bè thay phiên nhau lên "sân khấu", trình bày đủ loại ca nhạc cổ kim Ta Tàu Tây Nhựt. Xong *"lắc tuýt ở ghen"* qua *"đường về thôn xưa ta hát khúc hoan ca "* tới "*...cha...cha đến đây con thật là mừng vui....ựa, mẹ, sao mẹ khóc....Ý Nhi ơi ra vườn bắt bướm đi con* " hay " *kìa một nàng Trung Hoa, răng trắng tinh như là ngà...nàng nhìn tôi không nói* "... " *mùa thu Đông kinh, lạc trong...*"

... Có anh tốt giọng như Anh Ngọc, Duy Khánh, Hữu Phước, có anh đỏ mặt tía tai, gân cổ nổi lên bằng sợi dây lòi tói mà âm thanh ra một cách khó nhọc, có anh ồ ồ ông ổng ào ào leo tràn ra ngoài khuôn nhạc, rượt nốt nhạc chạy trối chết. Ai cũng hát với tấm lòng thành và trái tim nóng hổi. Nhưng con nít, chẳng cần phải đắn đo tình lý, cứ thẳng cánh như lúc tuyển lựa ca sĩ trên đài phát thanh mỗi chúa nhật hay ở rạp Casino năm đồng hai phim, vỗ tay rần rần, reo hò tở mở, huýt gió, yêu cầu, la lối xuống! xuống! Bis!...

Chỉ khi những mầm non văn nghệ dẹp đàn, kéo nhau leo lên ngựa sắt đi giải trí, con nít mới tan hàng...

Vài hôm nay mọi chương trình bình thường yên ắng, "thiên hạ" tụ họp kín đáo, đông đảo nhưng không ồn ào, không mời gọi khán thính giả khiến tôi tò mò, khó chịu. Dĩ nhiên, nghề của cậu là luôn giữ bí mật cho tới phút chót để đánh lạc hướng bọn con nít, chúng không kịp vòi vĩnh, không kịp năn nỉ khóc lóc. Cho nên tôi lẩn quẩn loanh quanh, toan phá tan mọi kế hoạch từ trong trứng nước, tuy biết chắc mười mươi rằng cậu sẽ thắng, như mọi lần.

Nụ cười chúm chím của chị Sang, anh Tài gãi gãi mái tóc chơm bơm, anh Ngộ ráng kềm giọng vịt đực để chỉ cười khục khục trong cổ họng... ô, tất cả mọi người đều có một cái gì chung khiến họ thú vị, khoái chí tột cùng.

Con Mậu, em anh Tài thấy anh nó quái dị, cứ cười khè khè không duyên cớ, con Huệ đồng ý và đề nghị ba đứa chúng tôi cùng để ý và theo dõi. Một buổi tối, Mậu kêu tôi ra ngoài thì thầm cho biết mọi bí mật nằm trong quyển vở. Anh nó vừa đem trả cậu tôi. Nó thấy anh nó chui vào cầu tiêu đọc...

Bọn con nít phải lên lầu ngủ sớm. Chờ yên một lúc, tôi lén bò xuống nhà, thấy chị Sang đang ngồi hí hoáy viết. Vờ đi tìm nước uống tôi quẹo cua, xà lại lé mắt nhìn, chưa kịp thấy gì cậu tôi đã chạy a lại chen giữa tôi và chị. Chị bật cười lớn vừa đóng ập hai quyển vở, một quyển màu xanh cũ sờn có hình ông đạp xich lô máy, quyển kia màu đỏ, mới toanh. Rõ ràng chị đang chép cái gì từ quyển xanh sang quyển đỏ. Không thể là tập thơ ca, không thể là nhật ký. Mấy món này tôi đã có xem rồi. Tập thơ ca cậu chép những bài thơ, bài ca có dán hình ca sĩ, có minh họa núi non hoa lá, sau này học đàn cậu mới mua những bài in nhạc và lời đàng hoàng.

Còn tập nhật kí của cậu, bìa đen cứng, chữ mạ vàng, cậu siêng năng và

đều đặn viết. Khi viết, bàn tay trái khum khum che mắt thế gian. Sợ người ta cóp ý hay biết được ..tim đen của mình. Cái món này thì đố đứa nào xin được cậu cho dòm một cái!. Nhưng lần nọ đang nhăn nhó cắn bút tìm chữ hay hồi tưởng dĩ vảng, cậu bị Tào Tháo rượt, cậu chỉ kịp ném bút, chạy ào vào cầu tiêu, tôi lợi dụng tình thế, nhào lại ghé mắt xem trộm "lịch sử đời ta" đang nằm mở ra, phơi lòng chi chít những tâm sự.

Chữ cậu nhỏ, góc cạnh mà đều đặn, rắn rỏi mà hiền lành đủ nét, ngay ngắn. "*Hôm nay lãnh lương* (con số và dấu đồng như dấu đô la). *Ra Hàm Nghi mua đồ ăn cho cá, hết:...*(con số). *Đi coi Samson et Dalila, Victor Mature hùng dũng ác luôn, về ghé thạch chè Hiển Khánh ăn hai ly đậu xanh lỏng, ngon, hết thảy:..*(con số). *Ngon nhưng hơi mắc. Kỳ sau họ quảng cáo phim, có Brigitte Bardot, mình phải rủ Tài đi coi. B.B và Marilyn Monroe là hai người đẹp nhất thế giới".*

Kết luận cho hai mươi bốn giờ trong đời cậu: "*tuy là ngày lãnh lương, nhưng xài như vậy hơi nhiều đó nghen: phải bớt bớt xi nê đại nhạc hội để dành tiền mai mốt mua đồng hồ Longines chánh hiệu và bằng vàng".* Câu này viết bằng chữ in và có gạch đít với ba dấu chấm than. Cứ hai ba trang câu thần chú đó lại xuất hiện một lần.

Vậy quyển vở kia là gì? của ai? hay ho đến nỗi phải sao chép và chuyền cho nhau? Truyện chắc thần kì, ghê rợn, giết chóc dữ dội nên con nít không được xem? Chị Sang say sưa chép trong lén lút và ... ngoài ánh mắt tức tối của tôi: tổng cộng chắc hơn ba bốn bản, bởi chị trở về quê với một xấp giấy vở "xích lô máy" nhét kỹ trong các túi xách, bao gói lủ khủ. Cậu tôi vẫn còn cái thái độ rất "mờ ám". Tôi hẹn với Huệ sẽ ra tay... trộm Ngay hôm sau. Huệ giao hẹn đưa tao coi trước nhe. Trước đó Mậu cũng dặn vậy. Huệ mê đọc truyện như tôi, học trước tôi một lớp, đậu vào đệ thất trường Trưng Vương năm ngoái, cách đây vài tháng khoe với tôi rằng *"tao mới có dường kinh"*. Hỏi tới tấp nó chỉ tủm tỉm hé lộ từng mảng bí mật, khiến tôi kinh hoàng chờ đợi: *"Thế nào mày cũng bị à!". "Ủa, chảy máu nhiều lắm". "Nhiều là bao nhiêu?"..."chảy ồng ộc". "Trời! Mấy tháng lận?". "Xùi! Ba ngày, một tuần thôi" "Mà chảy chỗ nào?". "Mày ngu quá vậy, mà thôi, nói trước làm chi.., mai mốt bị rồi biết!".*

Huệ và Mậu thúc giục tôi lấy cho được quyển vở. Bí mật nằm trong đó. Dễ ợt! Tuy tủ cậu tôi có ống khoá nhưng cậu là vua quên khóa, cái gì cậu cũng cất trong tủ nên cứ phải mở ra, đóng vào liền liền, ngày nào cũng mấy lần quên cả chìa trong ống khoá. Thành ra cũng như chuyện chim chóc, cá rùa, cậu cấm cản mà lũ tôi đứa nào cũng có lần được vuốt ve bồng ẵm những con thú yêu quí của cậu, đứa nào cũng có lần được cậu cho phép đứng trước tủ cậu "coi thôi à nghen, cấm rờ"...Tủ cậu ngăn nắp và đầy của hay vật lạ, nào là tập tem sưu tập, giấy programme xi nê, đại nhạc hội cả chồng, viết máy pa ke, giàn ná bắn chim có khắc hình, vợt ping pong có chữ kí của tay vợt số một thủ đô, những tập ảnh tài tử v...v...

Tôi thó được quyển vở xanh nằn tận dưới mấy lớp quần áo, hí hửng chạy nhào vào buồng tắm. A ha, phen này thì bí mật bị bật mí, bộ ba tụi tôi cũng sẽ chúi vào nhau mà cười, sẽ nhìn nhau nheo mắt...

Hẳn là truyện phiêu lưu mạo hiểm hay trinh thám gì đây, truyện ngắn tủn chỉ độ mươi trang là cùng. Tựa viết nắn nót bằng ngòi viết lá tre "*Bảy Đêm Khoái Lạc*", không nghìn lẻ một đêm, ngắn là phải, nghe cứ như hai mươi ngàn dặm dưới đáy bể hay tám mươi ngày vòng quanh thế giới. Chẳng có tên tác giả, hay là chuyện dịch?

Nhưng trời hởi, càng đọc tôi càng thấy...kì cục, truyện chỉ có hai nhân vật là "em với chàng". Hình như là tuần trăng mật sau ngày cưới. Hình như là lời khai của cô dâu. Suốt mấy trang ngắn ngủi, một tuần trăng rùng rợn "em" đớn đau khóc lóc, "em" sung sướng khoái lạc. Đêm thứ nhất rồi đêm thứ hai thứ ba, đôi nhân vật không ngừng nghĩ quấn lấy nhau, kẻ trên người dưới, có những miêu tả như những màn "võ" dị hợm, những thế "dánh" quái gở. Không một câu đối thoại, không một tình tiết gay cấn hồi hộp. Tuần trăng mật là thế a?

Thì ra các chuyện tình trắc trở hồi đầu, qua những sóng gió hiểu lầm, mẹ cha cản trở, thường kết thúc bằng cái đám cưới và tuần trăng mật. Và tuần trăng mật có nghĩa như vậy. Chẳng trăng chẳng mật, chỉ rặc những chữ nôm na tục tằn thô lỗ chỉ nghe từ các bà bán cá bán thịt ở ngoài chợ Đa Kao hay từ những bà hung dữ nhất xóm khi họ chửi nhau.

...Vừa gớm ghiếc vừa thất vọng tôi chạy vù qua nhà Mậu :

- Chuyện dở ẹc! Và tục lắm, chắc là dành riêng cho tụi con trai. Coi rồi đem qua cho Huệ xem, dặn nó mai trả tao.

Nhưng tôi về chưa được nửa giờ thì má Mậu lôi nó xềnh xệch vào nhà tôi, mặt bà trắng bệt, bà thở hổn hển, tay còn lại bà xỉa xói tôi. Nhỏ Mậu không dám nhìn ai, khóc hụ hụ. Tôi chắc cũng xanh mặt vì nhận ra quyển vở trong bàn tay đang vung vẩy kia:

- Trời ơi mới bây lớn mà đã bày đặt dụ dỗ con gái tui vào đường dâm đãng!

Tôi hoang mang và cực kì sợ hãi, người đờ ra. Thôi rồi, đúng rồi, phải chi tôi đưa cho Huệ xem trước, đúng là chuyện bậy bạ không dành cho con nít, phen này là đòn nặng. Ba tôi từ từ đứng lên, buông viết,bước lại gần má Mậu:

- Chị đưa tui coi. Bà dùng dằng không định đưa như sợ mất tang vật, nhưng rồi buông tay, quay sang léo nhéo với má tôi, tôi lùng bùng hai lỗ tai, nghe được tiếng còn tiếng mất:

- Con nít thời nguyên tử mà... hỉ mũi chưa sạch... chuyện tồi bại, tục tĩu... sơ hở là hư cả lũ... hết sức nói... hết sức nói...

Bà than thở vậy chứ vẫn dư nội lực để vừa nói với má tôi, vừa liếc qua xem chừng nét mặt của ba tôi lại vừa thỉnh thoảng dằn, kéo mạnh cánh tay nhỏ của Mậu. Mỗi lần như vậy, con nhỏ lại kêu lên một tiếng và giúi đầu vào lưng má nó, thút thít. Hồi lâu, tôi hơi hoàn hồn, vừa giận lại vừa "khinh" Mậu hèn nhát, khai ngay ra thủ phạm,chẳng anh hùng tí ti, nếu là tôi ấy à, có tra tấn

và đổ nước mắm vào mũi, may ra tôi khai... chút xíu vào ngày thứ... ba, không, chưa chắc, sẽ không bao giờ khai... Mậu quên rằng ba đứa đã từng trốn mẹ cha lội sông bắt cá - không tên nào biết bơi - đã từng cạnh nhau khi phải gây gổ với tụi con gái xóm dưới - gần như thề sống chết có nhau mà bây giờ... ôi, con nhỏ dở tệ...

Ba tôi lật lật cuốn tập, hỏi Mậu:

- Của nó đưa cháu mượn à?

Mậu mếu máo:

- Dạ.. híc híc... mà hổng phải của nó! Híc híc... Của cậu Tâm...

Thế là lòi thêm tội ăn cắp, cái con Mậu này, bộ nói rứa thì mọi lỗi lầm sẽ chạy qua cậu? nghỉ chơi mày ra cho rồi đời ! Thế là ba tôi xé tan cuốn tập, trước cái mồm há hốc và ánh mắt dường như tiếc rẻ của bác Sáu má con Mậu. Ba tôi nói:

- Thứ nhảm nhí đó xé bỏ cho rồi! Cháu nó dại, chị đừng chấp...

Má tôi hét tôi đi "lấy cây thước bảng rồi nằm xuống chuẩn bị ăn đòn", bà quay qua má con Mậu vừa an ủi(?) vừa hứa hẹn sẽ trừng trị thích đáng kẻ có tội...

Ô, nằm chờ câu hỏi dạo đầu "tội này tính mấy roi?"(và nhẩm trong bụng câu trả lời phổ quát của toàn dân "dạ một roi!")... không thấy tới, tôi mừng hết lớn, kiểu này chắc có khách tới đặt hàng, tôi nhổm dậy ba chân bốn cẳng leo lên giường. Chờ đến mai mọi sự sẽ giảm cường độ, mười roi sẽ hạ xuống còn năm, má tôi sẽ không đủ thì giờ để nhắc: - Đây là lần thứ... mấy? Đã dặn không được làm gì để hàng xóm qua mắng vốn, tụi bây là con bất hiếu... v.v... và v.v...

Hôm sau, bản án được giảm khinh đến không ngờ, tôi chỉ bị rầy về tội cả gan lục tủ cậu, không phải ăn cây thước bảng nào hết. Đến tối, ba tôi chỉ nhẹ nhàng hỏi học bài, làm bài chưa, con rửa tay chân, đánh răng đi ngủ!

Cậu tôi cũng hiền hòa thông cảm "dại quá, tao đã nói sách cấm con nít" rồi như thấy chưa đủ cậu hứa thứ bảy sẽ cho tôi theo cậu ra dạo chợ thú Hàm Nghi.

Hình như tôi vừa đặt (giùm? cho ai?) viên đá đầu tiên, hình như tôi vừa bước (giùm? cho ai?tôi?) cái bước đầu tiên, dễ dàng (??) vô tình và vô tội cho tôi, quá sức khó khăn cho người lớn. Và những bước kế tiếp thì sao? Trong xóm, má con Mậu thù dai, mỗi lần thấy tôi đi ngang nhà, bà hầm hầm ra đứng ngay ngưỡng cửa, đôi tay chống nạnh, hai con mắt trắng dã gườm gườm nhìn tôi, bà sừng sộ như con gà mái xoè cánh bảo vệ con, khiến diều-hâu-tôi phải cúi đầu rảo bước. Đã hết đâu, bà qua méc sao đó khiến má Huệ cấm Huệ giao du với tôi suốt một thời gian dài. Thời gian đó, tôi bơ vơ đau khổ vì thiếu bạn chơi và thiếu nước dừa để tắm.

Vài hôm sau nữa, má tôi chỉ trong một ngăn tủ loại sách học, chậm rãi bảo rằng tôi nên xem, "đọc thêm sách này để hiểu biết thêm, chỉ coi tiểu thuyết hay truyện Tàu, không đủ". Ngăn tủ này chứa loại sách tôi ngán nhất,

cậu tôi bảo "sách người lớn", ba tôi "sách học làm người", tụi nhỏ chúng tôi thì "sách khó tiêu", đám sách còn phẳng phiu đẹp đẽ vì chẳng đứa nào rờ tới. Thỉnh thoảng tôi lôi ra lật lật phất phơ "Thanh niên và thực nghiệp", "Bắp thịt trước đã", "Nghệ thuật nói chuyện trước công chúng"... Quyển má tôi soạn ra đặt sát bên ngoài để lưu ý tôi là "Ái tình bửu giám". Đọc được năm phút, tôi đã ngáp dài, hóa ra cuốn này cũng như quyển vở xích lô báo hại kia, tuy chữ dùng bác học(?), thanh tao, mà cớ chi càng đọc tôi càng tối tăm mặt mũi. Bỏ qua luôn cũng không nghe má tôi nói gì.Viên đá kế có cần thiết? Bước thứ nhất cũng là bước cuối cùng?.

Những ngày tháng nối tiếp che lấp lên nhau, mưa nắng, bão lụt, pháo kích, bom mìn, thoắt một cái những gì đã qua dường như chưa bao giờ có mặt, không một trí nhớ cho ngày hôm qua, cho ngày sắp tới, tất cả cho một hôm nay duy nhất và rối mù những nguy hiểm, có gì đáng kể, có gì không cần thiết, tôi biết được không? ...Cậu tôi dẹp đàn, bán xe Sachs mua xe Honda, và bắt đầu tương tư mọi bóng hồng thấp thoáng qua nhà trên, trong xóm dưới. Bạn bè cậu đi tứ tán, thỉnh thoảng có về thăm nhưng lớp "bụi chinh chiến" ngăn cách họ với cậu, chẳng bên nào hiểu được bên nào tuy tình bạn vẫn còn. Bạn cậu ngổ ngáo, tự tin, chán đời hay kiêu hùng, tận tình sống cái hiện tại giới hạn của mình, cậu tôi dường như không thể lớn, không phải chỉ vì thân xác không thể lớn. Cậu bị ra rìa mà không hay biết đấy thôi, Dieu soit loué!. Cho nên cậu vẫn giữ tâm hồn của tuổi choai choai. Trong khi tôi cứ lo rằng mợ tương lai của tôi sẽ cứ mãi là giấc mơ. Như đồng hồ Longines chánh hiệu Thụy Sĩ. Người đẹp sắp đi ngang, cậu biết từ kiếp trước, nhấp nhỏm chẳng yên, chuẩn bị như đón tổng thống đi kinh lý. Hớt tóc xong cậu diện bộ đồ đẹp nhất, tay chống nạnh để mọi người cùng thấy đồng hồ Seiko, rồi cắm cây si tại chỗ, chờ người đẹp, ngóng từ lúc nàng còn là một chấm nhỏ trên võng mô, rồi mở ống nhắm bao trọn người đẹp từ mười mét bên trái, tới năm mét bề ngang nhà, qua mười mét bên phải nhà, vị chi hai mươi lăm mét. Khoảng cách cần sử dụng tối đa để đôi mắt đắm đuối của cậu nói lên những lời nói của con tim. Tín hiệu cậu kêu ò e như xe chữa lửa, không nàng nào bị bệnh quáng gà hay lãng tai. Cho nên nàng liếc một cái. Cái liếc một tích tắc trên hai mươi lăm mét, hơi ít nhưng khiến cậu hớn hở quay vào, cả ngày huýt sáo líu lo, rộng lượng với đám cháu, tối ngồi tả nỗi vui vào quyển nhật kí. Cứ thế cho đến ngày "nàng" lên xe hoa theo người khác. Đường tình duyên của cậu giậm chân tại chỗ mà cậu không biết thay đổi sách lược, nhiều khi tôi có cảm tưởng mình còn sốt ruột hơn cả cậu, và vì cậu là cậu cho nên tôi vẫn tà tà sốt ruột. Tại cậu đốt giai đoạn, phải chi cậu chịu khó đọc "đắc nhân tâm" hay "làm sao chinh phục phái yếu" trước.

Phần tôi, về sau dù không có dịp đọc lại quyển nọ hay cuốn kia, tôi thấy rõ ràng chuyện ngày ấy tuy đại khái và có tác động thô bạo, đã in hằn trong trí nhớ, với những ấn tượng và những câu hỏi. Ấn tượng hay chấn thương? Kỉ niệm hay bài học?

Dạo đó, chị Sang chưa kịp thi Trung học, bỏ trường đi lấy chồng. Đám cưới hơi gấp không ai kịp về dự. Tin tức từ quê lên cũng rời rạc, uể oải, chỉ những cái chết bất ngờ của bà con mới bay đến nhà tôi với nhiều chi tiết và nguyên nhân, như một xác định đến từ vô thức, để người còn lại nghe thấy rõ ràng họ đang sống, đang hiện diện. Chỉ biết rằng chị ở nhà mẹ chồng, sinh con năm một. Không biết để khỏa lấp những mất mát hay giản dị hơn, giúp anh ấy được miễn dịch, miễn bị tổng động viên. Lần về thăm chị trước khi đi xa, tôi thấy chị nằm trên võng ru bé Sáu, vạt áo hở bờ bụng căng phồng trắng hếu. Con bé Hai chạy đi lấy nước mời khách, bé Ba và bé Tư đang níu tóc nhau dành giựt đồ chơi, con bé Năm đứng ôm sợi dây đưa võng, mở đôi mắt to nhìn tôi không chớp. Ông chồng chị cười cười nếu bé Bảy là con trai, anh sẽ "đi cột bả" . Thấy chị lườm, anh sửa lại "đem thiến tui". Hồi xưa, có lẽ chị nên ngồi chép "Ái Tình Bửu Giám" cùng lúc với "Bảy Đêm Khoái Lạc"? Giản dị như một bí quyết làm đẹp?Chị vẫn đài các, quyến rũ, nụ cười hiếm hoi nhưng vẫn như hoa nở rộ, nếu chồng chị giữ lời, "đem thiến tui" ngay sau khi chị sinh bé Bảy, chị sẽ còn đẹp tới ngày trăm tuổi. Năm đứa con gái! Chắc chị phải mua cả một vườn dừa mênh mông!

Mậu rớt tú tài một, bỏ ngang đi bán "ba". Mỗi chiều Mậu dẫn honda ra hẻm, hai con mắt tô xanh cúi gầm chỉ nhìn cái bàn đạp và con đường đất đá lởm chởm, đôi môi đỏ son mím chặt, ô, đôi môi y như ngày nào bác Sáu chu chéo mắng mỏ tôi. Màn kịch năm xưa lại thấp thoáng hiện về, dằn vặt, tra khảo. Lỗi của tôi phải không dù hai đứa chẳng còn thân như trước? Tôi còn nhớ, hẳn Mậu cũng chưa quên. Ngày ấy bác Sáu có quá đà ? Ngày ấy bác níu tay Mậu dẫn qua đường người lớn ra sao? Bác tiên tri đúng chăng? Nếu không sao Mậu thiếu nét yêu đời? Hay thật ra Mậu chả nhớ gì, chả bị thương tích chi, có cô gái bán ba nào vui cười khi đối diện với chính mình? Và tôi có yêu đời đâu dù không phải đi bán ba? Hàng triệu, hàng tỉ người sống, đầu thai, hoá kiếp, họ "chép bài", "trộm vở" ra sao? Có rầy con, nhiếc móc đay nghiến hàng xóm ? Tạ ơn ba má đã không cho con ăn đòn thuở nọ.

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

6-11-93

---

* Thơ Nguyễn Đức Sơn: *Huyền diệu quá những đời trăng mới lớn* (trong *"Những Linh Hồn Trẻ"*)

** Tựa sách của Đỗ Kh.



NGỌC KHÔi

ký thác

Chỉ thế thôi
đòi trăng hoài làm sao được
Nỗi buồn đêm thăm thẳm mười phương
Khi ngẫm lại
Đời: bầy hư vọng
Sao vẫn còn nuối tiếc, si mê.

Chưa bao giờ sống đủ với quê hương
Đã đi tìm chân trời khác
Chưa bao giờ dành dụm gì cho quê hương
Đã cuộc sống tặng quê người
Chưa bao giờ thấy đủ núi quê hương, tắm đủ sông đủ biển
Đã tự đến giam mình trong những rừng cao ốc kia

Chưa bao giờ thương yêu đủ thân sơ
như lòng hằng mong ước
Chưa bao giờ bằng vòng tay nhỏ bé
ôm đủ bạn bè vui
Uống hết ly rượu ngon một thuở
Thâm tạ nhau đã gặp gỡ kiếp này

Cũng chưa bao giờ trao đủ cho em nóng cháy của thịt da,
ngọt mềm trên môi lưỡi và cuồn cuộn chảy sinh lực anh
Để dành cho nhiều mưu sinh khác
Chưa bao giờ cầm đủ bàn tay, nói "tôi yêu em"
Sợ lời yêu hóa tầm thường
Chưa bao giờ leo núi tìm ra cho em đóa hoa đẹp nhất
Như đồng tiền tượng trưng trả lại
Một cuộc đời và một tuổi trẻ đã dâng hiến cho anh

Chưa bao giờ, chưa bao giờ làm được điều gì
Không bao giờ, không bao giờ làm đủ điều gì

Nhưng chỉ thế thôi
Hái sao hoài làm sao tới
Hái buồn tôi
gửi khắp mười phương
Tâm vẫn biết:
không còn gì vọng tưởng
Sao vẫn nhiều nuối tiếc và si mê

Ừ, chưa bao giờ chết đủ trên quê hương
Sao đã mượn quê người ký thác?

NGỌC KHÔI

---

* Nhà văn Ngọc Khôi, bào huynh của tác giả Trần Vũ, vừa cho ra đời tuyển tập truyện ngắn đầu tiên của anh, dưới bảng hiệu Xuân Thu, có tên chung: *Trong Vườn Chuối*. Mấy tháng gần đây Ngọc Khôi mang trọng bệnh, hiện nằm điều trị tại một bệnh viện ở Paris. Với những tiến bộ của y học ngày nay, tất nhiên chúng ta thừa lạc quan để tin Ngọc Khôi sẽ bình phục trong tương lai gần. Riêng anh, có lẽ do bệnh tật tác động, đã tỏ hiện những suy nghĩ tiêu cực trên những dòng chữ được viết ra, bên trên. Tuy hoàn toàn không đồng ý với tác giả "*...chưa bao giờ chết đủ trên quê hương / Sao đã quê người ký thác?*", nhưng HL vẫn đăng bài thơ này, như một kỷ niệm, với riêng anh, và với bằng hữu của anh. Nhất định sẽ một ngày không xa "*ôm đủ bạn bè vui / Uống hết ly rượu ngon một thuở / Thâm tạ nhau đã gặp gỡ kiếp này*". Chứ sao, Ngọc Khôi.



DƯƠNG THÀNH VŨ

giếng trăng



Học hết bậc tiểu học trường làng tôi lên phố học tiếp, thỉ thoảng có phương việc giỗ chạp mới về. Năm tôi học lớp đệ tứ (tức lớp 9 bây giờ) chiến tranh bắt đầu lan rộng, gia đình tôi lãnh nguyên trái bom nửa tấn. Cha mẹ em trai em gái, cùng cái nhà rường bằng gỗ kiền kiền đen bóng, truyền từ đời ông cố nội tôi, biến mất hút dưới cái hố bom sâu hoắm. Tôi trở thành kẻ tứ cố vô thân, từ đó càng ít khi trở về làng. Cũng từ đó cuộc sống cuốn tôi phiêu bạt xa dần nơi chôn nhau cắt rốn. Quê nhà trong ký ức tôi là bếp lửa thơm mùi rơm khô, là những chiều trốn học đi tát cá bẫy chim ngoài đồng nội, là tiếng trống xao động lá vông đồng vàng trên sân trường mùa thu, là mái đình làng có hai con rồng uốn cong dưới bầu trời khoáng đãng, là tiếng ve râm ran dưới bóng mát khu vườn ấu thơ vào một mùa hè thanh bình xa lắc, là tiếng hò ru em vừa cay cực vừa nhân hậu, là những bữa cơm đầm ấm dưới mái gia đình. Năm 1982 tôi mới trở về quê cũ.

Làng tôi vốn là một miền quê trù phú. Với bàn tay cần mẫn và óc cầu thị của dân làng, dất làng dù nằm trong vùng khí hậu khắc nghiệt và chiến tranh cày qua xới lại nhiều phen, lúa vẫn hai mùa tươi tốt, vườn tược vẫn đầy hoa trái thơm lành. Dấu tích ý đồ điện khí hóa nông thôn còn để lại những cột điện bê-tông bị chiến tranh chém gãy ngang lưng, trơ cốt thép ra với đất trời nhân thế. Những mảnh nhựa đường nằm bên những ổ gà trơ nền đá hộc của con đường nối từ quốc lộ 1 dẫn vào làng, nhắc ta nhớ lại cái thời nó được rải

nhựa phẳng phiu. Những chiếc máy cày đang biến thành đống sắt vụn trong sân kho hợp tác xã nông nghiệp, trông giống như tượng đài kỷ niệm tiến trình cơ giới hoá nghề nông bị thời cuộc đẩy lùi vào dĩ vãng. Hệ thống máy bơm nước cổ lỗ chạy bằng than tươi cho đồng ruộng, đã bị xếp xó từ hồi tôi còn là chú nhóc ngụp lặn dưới mương nước đục ngầu chơi trò cút bắt, nay hoạt động trở lại; ngửi mùi than đốt năm xưa, ký ức tuổi thơ trong tôi sống dậy xen lẫn giữa cảm giác xốn xan.

Nhờ trời, tôi có được một ông chú đi tập kết về làm phó chủ tịch kiêm công an xã, nên tôi không bị đày đọa rắc rối như những kẻ đồng cảnh ngộ; ngược lại còn được phép mở quán sửa xe đạp sống qua ngày (chú tôi còn hứa nếu tôi "phấn đấu tốt" ông sẽ nhập hộ khẩu và cho làm cán bộ thông tin xã; điều đáng buồn tôi không khoái làm cán bộ lắm, chỉ ậm ừ cho chú tôi khỏi giận).

Quán mở cạnh đường cái (thường vắng khách, vì độ rày trong làng ít người có tiền sửa xe), bên kia đường là con hói nhỏ quanh năm nước đục ngầu nổi váng phèn ngũ sắc, chảy lờ đờ như nhịp sống từ ngày hợp tác hóa. Đêm khuya thanh vắng, tiếng chuông chùa ngân lên lẫn trong tiếng những con chó đói sủa trăng nghe não nuột.

Chú tôi ít mặn mà với tôi, còn tôi cũng không khoái gặp ông để nghe những bài học chính trị ngô nghê từ nhận thức của một ông cán bộ thất học. Tôi cũng không dám đem sách vở Mác-Lênin ra tranh luận với ông, sợ ông nổi xung lên qui kết chống lại nhân dân rồi áp dụng chuyên chính thì nguy.

Biết tôi là cán bộ phụ trách một phòng của công ty bề thế, chỉ do "đấu tranh cực đoan" - theo ngôn ngữ của ông - mà phải bỏ về quê không mảnh giấy, ngoài cái chứng minh nhân dân, ông cáu lắm:

- Cha mi nuôi cho mi ăn học đàng hoàng mà mi ngu quá. - ông phán - Ai làm chi không đụng chạm tới quyền lợi cá nhân mình thì thôi, làm răng mi chống nổi lãnh đạo, mi thấy cả cái tập thể nhân trong xã này có dám chống lại tau không? Một mình mi có đúng mười mươi thì đối với tổ chức cũng chẳng có nghĩa lý chi cả. Tập thể sống được thì mình sống được, thời buổi này xin đi làm công nhân nhà nước để thoát khỏi cái anh xã viên còn khó, nói chi là cán bộ phụ trách. Sướng không ưa sướng lại ưa khổ. Với lại gia đình mình có truyền thống cách mạng, mi làm tao cũng nhơ nhuốc theo...

Thời phong kiến bọn quan lại cũng không muốn con cháu mình làm dân thường. Với ông, kiếm được cái biên chế để được nhà nước bao cấp suốt đời là mục tiêu duy nhất của mọi người trong chế độ này. Với tôi, tôi chưa bao giờ coi cơ quan nhà nước là trại cứu tế. Hồi chú tôi theo kháng chiến cũng như hồi tôi xuống đường trong phong trào sinh viên học sinh tranh đấu, chắc hẳn không vì mục đích được làm quan cách mạng hay được nhà nước bao cấp suốt đời.

Về đây tôi chỉ mong được yên thân. Ngoài công việc sửa xe kiếm sống qua ngày tôi ít giao du với ai, tránh xa những cuộc tranh cãi luận bàn thế sự. Lúc

rảnh đọc sách, đánh cờ, đi câu cá hoặc viết lách lăng nhăng.

*

Rồi mùa hè đến. Khoảng mươi cô cậu người làng vừa tốt nghiệp trường Sư Phạm về quê chờ phân bổ công tác, nghe đồn tôi là một "ẩn sĩ" liền kéo tới quán sửa xe lân la kết thân. Các "kỹ sư tâm hồn" mới ra lò ấy rất khoái chuyện đời do tôi kể. Chuyện đời bao giờ cũng sinh động đáng yêu và đáng văng tục hơn những bài học ở trường, hay là cái phẩm chất kỳ khôi của tay cán bộ tổ chức nắm cái quyền "phân công theo yêu cầu của xã hội", đã tước đoạt niềm tin trinh bạch ban sơ của họ vào ánh sáng cách mạng.

Có lần trong cuộc vui cánh thầy giáo giới thiệu cho tôi một bạn học cũ, do thi rớt đại học nên ở nhà luôn. Cậu ta tên là Hoàng Thiên Lâm (cái tên nghe đầy cao vọng, chắc do ông già xưa đặt cho). Lâm vừa tạo một "xì-căng-đan" đối với nếp sống cái ăn cái nghĩ cái nói đều nhất nhất theo chỉ đạo đang biến thành tập quán. Vài người mạnh miệng bàn ra tán vào chuyện ấy đã bị xã bắt làm lao động công ích ba ngày để giáo dục lời ăn tiếng nói.

Câu chuyện của Hoàng Thiên Lâm xứng đáng làm cốt truyện cho cuốn tiểu thuyết diễm tình hay tuồng cải lương mùi mẫn:

Vào một đêm trăng sáng bên giếng làng, Lâm tán tỉnh được cô nàng Thanh (tên cúng cơm là Nguyễn Thị Địu) ở làng bên - bên kia con hói - thuộc loại hoa khôi của xã. Cái giêng làng này từng xe duyên cho bao đôi lứa qua nhiều thế hệ. Có cặp nên đôi có đôi gãy gánh, nhưng chưa có cặp tình nhân nào yêu nhau nồng-thắm-quyết-liệt, bất chấp cả gia đình và chính quyền như Lâm và Thanh. Nhất là trong thời buổi đói kém chạy cho ra cái ăn đã xanh máu mặt, ít ai dám bạo gan làm trái ý cán bộ xã, trai gái hẹn hò nhau ban đêm dễ bị du kích trói gô đem về nộp cho chú tôi.

Lâm là con một nhà giàu, Thanh cũng là con một nhưng sinh ra trong gia đình bần cùng. Dân làng, ngoại trừ số ít người (trong đó có ba Lâm), không ai đặt nặng chuyện môn đăng hộ đối. Khi những chiếc máy đa dụng tiến vào đồng ruộng thay cho sức người sức trâu, khi những chàng học trò nghèo có thể làm nên danh phận rõ ràng, khi sách báo phim ảnh bênh vực cho tình yêu tự do được phổ biến rộng rãi, và nhất là khi chính quyền cách mạng được thiết lập thì quan niệm cổ hủ về hôn nhân bị lung lay tận gốc rễ. Dân làng chỉ ngại một điều: xưa nay gái làng kia không thể về làm dâu làng này được, vì ngạch đất hai làng xung khắc nhau ở cung tình duyên. Chẳng ai chứng minh có thật vì "cái ngạch đất" mà bao cặp uyên ương đàng gãy cánh, nhưng cũng không có chính quyền nào có thể làm suy suyển niềm tin tự biện kia. Có một sự thật hiển nhiên là làng bên này con hói có rất nhiều người làm quan to cả bên quốc gia lẫn bên cách mạng, còn làng bên kia con hói thì có người mới leo lên được quan hai (trung úy) là đã chết trận. Tình duyên trắc trở của Lâm và Thanh thêm một bằng chứng sống nữa cho lòng tin dân làng. Hồi mới giải

phóng, chú tôi cũng kiên quyết xóa đi sự mê tín ấy, nhưng dần dà những tập tục, tín ngưỡng ăn sâu từ bao đời trong lũy tre làng sống dậy nơi tâm hồn con người sinh ra và lớn lên ở đó, lặng lẽ đánh bật quan điểm vô thần (đối với chú tôi cũng chỉ là niềm tin tự biện) ra khỏi tư duy của ông. Có điều chú tôi khôn lắm, ông biết cách chứng tỏ lập trường "duy vật" của mình trước đám dân làng ưa xoi mói, lý sự nhưng lại cầu an. Mẹ con nhà nàng Thanh không phải là loại nhác nhớm vụng về tay chân. Cả hai mẹ con đều miệng bằng tay tay bằng miệng, chỉ có cái tội là vụng tính nên làm được ngả trước tiền chảy liền ngả sau.

Hai mẹ con nàng Thanh thuộc vào thiểu số gia đình được tiếp tục làm nghề buôn bán. Nghĩa là thuộc hạng người được ăn cơm trắng cá tươi thay cho cơm độn bắp độn khoai độn sắn tới bảy tám chục phần trăm như những người làm ruộng. Dân buôn bán bị chính quyền cách mạng xếp vào các nấc thang thấp kém trong đạo đức xã hội mới, nhưng họ là những người có tiền để mua những thứ người nông dân sản xuất ra mà không dám ăn. Và khi ma lực đồng tiền bắt đầu xói mòn lòng kiêu hãnh tự hào của những ông cán bộ "đã qua hai cuộc kháng chiến thần thánh" thì giá trị họ cũng dần dần thay đổi. Tất nhiên chiều hướng tốt lành ấy chỉ dành riêng cho những kẻ biết sử dụng đồng tiền, không phải dành cho kẻ "làm được ngả trước chạy ra ngả sau" như mẹ con nàng Thanh. Tất cả do cái vụng tính vụng toan của hai mẹ con cô nàng. Cũng đi buôn từ quê lên phố như người ta, nhưng người ta kiếm ra vài chục lời thì cố tằn tiện để dành dăm đồng phòng khi trái gió trở trời trắc trở xe tàu không buôn bán được, ngày nào mua may bán đắt thì tính chuyện tích vốn để làm ăn khá hơn. Hai mẹ con nàng Thanh không vậy, làm đồng nào xào đồng nấy, tới lúc chẹt chân hả miệng thì tới vay tiền góp nhà giàu, vay tám chục góp mười ngày một trăm, không có mười đồng góp từng ngày thì phải vay món tiền góp khác, nợ mẹ đẻ nợ con, chỉ nuôi lãi nhà giàu còn hơn nuôi thêm hai ba miệng ăn không ngồi rồi trong nhà. Thành thử miệng bằng tay tay bằng miệng mà cứ mạt. Người trong làng gọi đó là kiểu sống "đoản hậu".

Ba của Lâm thì khác hẳn. Từ một anh lính bị què chân được giải ngũ về quê với số vốn ít ỏi, cha mẹ đã mất, bà con cô bác góp miệng thì ai cũng sẵn lòng nhưng góp của thì không. Ba Lâm nghiên cứu kỹ, thấy mở quán sửa xe là ngon ăn nhất. Trong làng người ta đều biết ba Lâm là thợ "trời sinh", nhưng được cái ông ham học hỏi, cần cù kỹ lưỡng và khéo tay, nên chẳng bao lâu anh thợ khác ở trong làng (thợ thứ thiệt có học nghề hẳn hòi) đành phải chuyển ra đường quốc lộ I hành nghề. Từ khi ra khỏi lính không còn kiếp sống rày chết mai, ba Lâm bỏ thuốc bỏ cà phê bỏ rượu, chí thú làm ăn. Trời chẳng phụ lòng người, chẳng bao lâu ba Lâm phất lên như diều gặp gió, ông mua xe đạp cũ về sửa lại cho thuê (hồi nhỏ tôi cũng từng thuê xe đạp của ông một giờ một đồng để tập đi xe). Rồi ông nhắm mẹ Lâm, cô gái đẹp nhất làng, con nhà nghèo nhưng nết na sắc sảo. Khi có số vốn kha khá, ông mua máy

nước chạy dầu cặn (diezel) về cạnh tranh với những máy chạy bằng than tưới nước cho ruộng đang hoạt động trong làng; rồi ông mua máy cày cày thuê; đặt máy xay xát gạo. Đến lúc có được cơ ngơi đồ sộ ông mới tính tới chuyện hưởng thụ, cải lương xi nê, chiều thứ bảy đi ăn thịt dê bảy món dưới phố.

Tạo hóa phú cho ông khả năng sử dụng đồng tiền một cách mẫn cảm. Do vậy dù bị chính quyền cách mạng tịch thu của nổi ông vẫn không bị qui kết những tội danh chính quyền dành cho tất cả những anh nhà giàu trong làng, bất luận sự giàu có ấy làm nên từ con đường nào. (Hồi mấy ông ở trên rừng mới về tiếp thu quyền lực chính quyền, ai có chút của nả cũng sợ xanh mặt, chỉ có ông là quả quyết: "Chính quyền cách mạng cũng là do con người nắm, mà đã là do con người thì có thể mua chuộc được"). "Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn", lần hồi ông biết cách len lỏi vào kẻ hở của chuyên chính vô sản để làm ăn. Và trong lúc phần đông người trong làng phải treo xe đạp lên phên nhà vì không có tiền sửa thì ông vẫn ngự lên yên xe vespa mỗi lần xuống phố.

*

Khi biết Lâm có quan hệ tình cảm với Thanh, ba Lâm bảo:

- Mi ưa chi cái thứ khố rách áo ôm đó? Với lại trông cặp mắt sắc như dao lam của nó thì không buôn chồng người cũng lấy trai. Mua heo xem nái mua gái xem tông, cái tông đường con Địu thì cả làng cả xã này ai không biết.

- Ba thì khi mô cũng tướng số với tông đường - Lâm cãi - Quan niệm vợ chồng thế hệ tụi con mô có giống thế hệ của ba. Con gần gũi Thanh con hiểu Thanh hơn ba hiểu. Tụi con đã trưởng thành rồi, ba cho con tự do quyết định đời mình.

Ba Lâm khoát tay:

- Đừng dài dòng lôi thôi. Tao không ưa là không ưa. Tao cho mi ăn học không phải để bất hiếu với cha mẹ, mình là con nhà gia giáo, giấy rách còn giữ lấy lề, huống chi gia đình mình chưa suy vi đến nỗi con cãi lời cha. Tao nói như định đóng cột, gia đình này không chấp nhận con đó làm dâu.

Thuyết phục ông không xong, Lâm dẫn Thanh ra Ủy ban xã xin đăng ký kết hôn theo pháp luật hiện hành, chẳng cần cưới hỏi theo tập tục. Nhưng xã không cho đăng ký. Lâm thắc mắc thì chú tôi tuyên bố:

- Ba mi nói với tau đừng cho hai đứa bay đăng ký. Tau hứa với ổng rồi!

Vốn là thanh niên có học, lại là đoàn viên thanh niên, Lâm lý sự:

- Luật hôn nhân gia đình qui định...

Chú tôi xua tay:

- Ở đây chỉ có tau qui định. Tau báo trước, chính quyền đã không cho đăng ký mà hai đứa bay lén lút ăn ở với nhau là tau cho đi cải tạo liền!

Lâm chưa chịu thua:

- Cháu nghĩ rằng chính quyền ta phải ủng hộ cái tiến bộ chống lại cái lạc

hậu phong kiến...

Chú tôi lại xua tay:

- Mi khỏi dạy chính trị cho tau, tau đi làm cách mạng từ khi cha mi còn thò lò mũi xanh... - ngừng một chút để suy nghĩ, ông nói tiếp - Thằng địch cãi còn chưa lại tau chứ đồ cái thứ tụi bay trứng đòi khôn hơn vịt. Mi nên nghe lời cha mi thì sướng cái thân.

Lâm cầu cứu tổ chức đoàn thanh niên. Tay bí thư lắc đầu cười cười:

- Các ông đã quyết thì trời cũng chịu!

Túng thế cô cậu dẫn nhau vào "đất thánh miền Nam" xây tổ uyên ương. Đi lòng vòng đâu được bảy tháng mấy ngày, cô cậu lóp ngóp xách bị rỗng về làng, mặt cắt không ra hột máu, xấc bất xan ban như chạy giặc về. Duy cái bụng của nàng Thanh thì đã phình lên.

Lâm liều mạng trình diện ông già xin chịu tội, đồng thời đặt ông trước một việc đã rồi. Lâm nghĩ dù sao ông cũng không thể bỏ rơi đứa cháu đích tôn trong bụng Thanh. Nhưng ông bảo:

- Cho hắn ít tiền sinh nở rồi bồng con về, còn mi ở đây tau lo vợ con ở chỗ đàng hoàng. Thiếu chi con gái đẹp, chỉ sợ không có tiền.

Nhưng thưa, đâu dễ quên nhau, dầu cho tơ tóc nát nhầu gió mưa. Cô cậu bằng lòng trả giá cho tình yêu tự do: Từ bỏ gia đình, chấp nhận tai họa giáng xuống từ mọi phía, đôi uyên ương kéo nhau ra cư ngụ ở đình làng. Lâm cuốc thuê làm mướn, Thanh buôn bán vặt ở chợ để nuôi nhau. Cũng may chú tôi chưa thể quốc hữu hóa mọi sự nên Lâm và Thanh còn có đất sống, đất làm ăn. Gần tới ngày sinh nở đứa con tình yêu của họ, mẹ Thanh liền gọi hai người về nhà mình. Có lẽ bà cũng không nỡ để con gái mình sinh nở ở đầu đình xó chợ. Bà nói:

- Ai ăn ở không phải thì có trời, hai đứa bay cứ về nhà bác mà ở, no cùng no đói cùng đói. Ai nói chi mặc kệ miệng lưỡi thế gian.

Khi đám thầy giáo giới thiệu Lâm làm quen với tôi thì Thanh đã sinh được chú bé bảy tháng rất kháu khỉnh. Ba Lâm vẫn cương quyết không đón con dâu dẫn cháu đích tôn về nhà mình. Tình cảnh vợ chồng Lâm thật là bi đát. Thanh buôn bán không dễ dàng như trước vì ngay ở cổng chợ, xã cho kẻ cái khẩu hiệu to đùng: "Bớt chợ thêm đồng thâm canh tăng vụ", mà đồng ruộng thì ngay cả xã viên còn khó nhai huống chi vợ chồng Lâm là người đã bị gạch tên khỏi sổ nhân khẩu từ dạo trốn vô Nam. Đó là chưa kể tới những thế lực vô hình lẫn hữu hình thường xuyên đè nặng lên hạnh phúc mong manh của họ. Thiên hạ đoán già đoán non thế nào Lâm cũng phải đầu hàng số mệnh hoặc mẹ con Thanh cũng không còn kiên nhẫn. Dân làng càng tin vào sự linh ứng của thế lực vô hình. Và có lẽ chú tôi và ba Lâm càng tin cuối cùng thắng lợi sẽ về phía mình. Hình như cả trời đất lẫn lòng dạ con người đều không muốn điều quen thuộc bị phá vỡ.

*

Mùa hè đã qua. Tốp giáo viên dù có bằng lòng với sự phân công của tổ chức hay không thì cũng đã lên đường đi nhận nhiệm sở. Chẳng ai cả gan bỏ bục dạy để nhận cái chân xã viên hợp tác. Tôi trở lại cuộc sống đơn độc của mình và cũng không còn lưu tâm đến thiên tình sử của Lâm và Thanh. Dù đối với tôi, tình yêu của hai người là sự đúc kết ước mơ đẹp nhất từ ngàn xưa tới nay của dân làng. Nhưng người ta còn phải sống với hiện thực nữa.

Họ hàng tôi người thì chết, kẻ thì phiêu linh tứ xứ, chỉ hai chú cháu tôi còn lại trong làng. Chú tôi (vừa trúng bí thư xã trong đại hội vừa rồi) không thể bỏ tôi và tôi cũng không thể thọc gậy bánh xe vào công chuyện của ông. Người làng cũng nhìn tôi bằng cặp mắt e dè, chẳng ai dại dột phơi lòng tỏ dạ với cháu ruột của bí thư. Ngay cả Lâm, Lâm cũng dè dặt khi nói về chú tôi trước mặt tôi. Tôi tự nhủ, như thế cũng hay. Thời gian gần đây Lâm không ghé lại chỗ tôi nữa, vì chiếc xe đạp của cô Thanh đã bán. Nhưng Lâm vẫn không quên tôi.

*

Một buổi xế chiều tôi đang đóng cửa quán thì Hoàng Thiên Lâm tới rủ tôi đi uống cà phê. Tôi hơi ngạc nhiên trước sự hào phóng của anh chàng từ lâu không còn biết tới cà phê thuốc lá, ngay cả những đám cưới bạn bè Lâm cũng tránh vì không có tiền mua quà mừng. Cả nàng Thanh cũng thế, vốn là cô gái xinh đẹp đỏm dáng nhưng đã sớm thành một thiếu phụ lam lũ vì chồng con. Tuy vậy nhan sắc nàng vẫn rực rỡ đúng với câu ca "gái một con trông mòn con mắt". Nhiều anh cán bộ hãnh tiến, lắm kẻ mới phất còn độc thân ở trong làng ngoài huyện đã để mắt gấm ghé tán tỉnh cô nàng có anh chồng công tử đang biến thành anh nông dân vai u thịt bắp thô kệt, lại chẳng có đám cưới đán hỏi hay giấy tờ kết hôn với nhau. Nhưng Thanh chửi thẳng thừng vào những lời ong bướm kèm theo những miếng mồi vật chất. Dẫu rằng, lắm khi cả hai vợ chồng phải nhịn đói. (Đôi lần nhìn con quá thiếu thốn, Thanh nói với chồng liều qua nhà xin ông nội một ít tiền, cháu của ông ăn chứ phải hai vợ chồng ăn đâu. Nhưng Lâm từ chối, anh nói: "Con mình không còn cháu nội của ai nữa". Thấy chồng cương quyết quá Thanh cũng không ép). Cả hai vợ chồng đều hy vọng tới một ngày nào đó thời thế sẽ đổi thay. Mẹ của Thanh thì vẫn giữ im lặng, có lẽ bà vẫn ngại "miệng lưỡi thế gian", chứ không phải mặc kệ người đời.

Thời gian gần đây nghe làng nước xì xào mẹ con nàng Thanh bắt đầu đối xử tàn tệ với Lâm. Theo "miệng lưỡi thế gian" thì mẹ con nhà Nguyễn Thị Địu thấy khó nuốt trôi cái gia sản của ba Lâm nên trở mặt. Trò vờ vịt yêu thương rộng lòng tốt dạ không đánh lừa nổi con mắt tinh đời của ba Lâm nên mẹ con nhà Địu hạ màn lột mặt nạ. Chỉ có Lâm là càng ngày càng đắm say vợ. Người ta đồn khi Lâm mới quen Thanh, hai mẹ con đã toa rập cho Lâm uống bùa mê thuốc lú nên tâm thần Lâm trở nên mê mẩn. Người ta còn kháo

ầm lên, Thanh vừa cặp bồ với tay lái xe bồn để theo tay này buôn đường dài. Tôi cũng định nếu gặp Lâm sẽ hỏi rõ thực hư.

Quán cà phê duy nhất trong làng do một ông cán bộ hưu trí làm chủ, nằm canh ngã ba đường rẽ ra quốc lộ, trông tồi tàn dơ bẩn, đầy ắp thứ âm thanh bị biến giọng do cái máy cassette quá tải, cứ như nheo nhéo chửi vào tai người ta chứ không phải là hát. Thanh niên thời nay ít người được giáo dục thẩm mỹ nên không tỏ ra khó tính với nghệ thuật, thanh niên ở nông thôn thị hiếu càng dễ dãi và dung tục hơn. Các chú choai choai trong làng cũng không ghiền cà phê, họ tụ tập ở đây để tán dóc, chơi bài, đấu cờ, vì chẳng có trò giải trí nào khác. Không biết sao chú tôi thường gào thét: "Mặt trận văn hóa tư tưởng là mặt trận hàng đầu" nhưng ông chẳng cho lập một thư viện hay phòng đọc báo để tuyên truyền tư tưởng cách mạng - tất nhiên ít tốn kém hơn một cuộc liên hoan và xã hoàn toàn có khả năng nếu muốn , phim ảnh thì vài tháng mới chiếu một lần, cải lương càng hiếm hơn (chú tôi không muốn bà con thức đêm coi hát vì sợ ảnh hưởng tới sức khỏe làm giảm năng suất lao động). Tôi nhớ, ngay từ thời Ngô Đình Diệm, xã có một phòng đọc sách báo rất phong phú để tuyên truyền chống cộng. Lẽ dương nhiên kèm theo đó là các loại sách báo nâng cao dân trí về mọi lãnh vực. Phim ảnh cũng thế, mà lại chiếu rất đều và không bán vé. Còn phong trào thể dục thể thao do chú tôi phát động rầm rộ dâu được ít bữa rồi xẹp xuống như trái banh xì hết hơi vất lăn lóc trong kho văn hóa thông tin xã.

Tôi vốn ghiền trà hơn cà phê. Thứ cà phê bán ở đây thì càng cho tôi xa lánh. Có trời mà biết bọn con buôn bất lương tạo ra thứ bột màu nâu mà ta gọi là cà phê bằng thứ nguyên liệu gì. Bởi thứ cà phê chính phẩm được ưu tiên xuất khẩu. Khó mà gọi cái thứ nước đắng nghét, hăn hắc, nhấp vào muốn nôn mửa là cà phê, dù nó được bán trong quán cà phê. Vì vậy, khi nể lời ai phải ra đây, tôi chỉ gọi một ấm trà ngon rồi đem vài cái ghế ra tít ở góc vườn, dưới rặng tre xào xạc gió lay động những đốm nắng, để thưởng thức hương vị của đồng quê, tránh xa cái không khí nhốn nháo của thứ "đô thị hóa" nửa vời ở trong quán.

Lúc tôi và Lâm bước đến thì chiếc loa thùng bịt bằng bao bố đặt ngay cửa quán đang léo nhéo lời tình ca sướt mướt, nói về tâm sự của một anh chàng vô tích sự nào đó dường như được sinh ra cõi đời này để mà sầu thảm và thất tình. Đây là loại nhạc dành cho giới bình dân được sáng tác ở miền Nam trước ngày 30 tháng 4 năm 1975. Ban đầu bị cấm gắt gao và nhiều người cũng bị chú tôi tống giam vì cái loại nhạc này. Nhưng dần dà nó được tái sinh bởi nhiều lẽ tế nhị (Chính chú tôi cũng mê loại nhạc này).

Một tốp thanh niên xúm xít quanh chiếc bàn để ở sâu trong góc quán, được chiếu sáng bằng ngọn đèn dầu. Tất cả đang chú tâm vào ván cờ domino đang hồi quyết liệt. Một tay thanh niên tóc dài chấm vai, hành nghề buôn đường dài theo tàu Thống Nhất, chợt ngẩn lên nhìn Lâm. Hắn đưa bàn tay nắm mấy quân cờ lên chào Lâm và châm chọc:

- Ê Rô-mê-ô! Nghe nói Juy-li-ét *đá* mi để cặp bồ với xe bồn phải không?

Lâm đỏ mặt nín thinh. Tay thương nhân cười đểu:

- Trai ở nhà vợ như chó ở gậm gường, sức mấy mà dám nẹt vợ. Đ.m. phải tay tau, tau tặng cho em cái bầu tâm sự rồi là cho em gài số de. Đ.m. giàu như ông già mi, đẹp trai như mi mà đã chịu làm thân trâu ngựa cho nó đến nỗi ông già cũng từ mặt mà còn bị nó đá đít thì nhục nhã quá!

Lâm cáu tiết định xông tới. Mẽ người bạc nhược như tay du côn vườn ấy thì Lâm cho một thoi là đo ván, nhưng tôi can ngay. Lúc này tốt nhất tránh việc rầy rà. Dịp khác sẽ dạy cho thằng lưu manh tép riu bài học về phép xử thế. Thấy không thể ngồi nói chuyện ở quán, tôi mua gói thuốc thơm rồi kéo Lâm đi.

Tôi và Lâm thả những bước chân hoang trên những con đường làng rợp bóng tre, trong ánh chiếu tà sắp tắt và ánh trăng non bàng bạc tỏa xuống xóm thôn. Bầu trời mùa thu yên tĩnh và thanh bình đến lạ lùng. Vì sao hôm lấp lánh chân trời xa như ước mơ muôn thuở chói sáng và xa xôi. Bếp lửa rơm tỏa khói hòa quyện mùi hương hoa trái trong vườn.

Vừa đi Lâm vừa kể tình cảnh hiện nay của vợ chồng Lâm. Thì ra điều dư luận đồn đãi cũng chẳng sai mấy tí. Tôi nắm bàn tay đen đúa chai sần của Lâm. Bàn tay một thời mềm mại lướt trên đàn ghi-ta xòe ra những âm thanh bay bổng của khúc tình ca, giờ đây chính tình yêu biến ngón đàn thành vụng về do phải nuôi sống hạnh phúc đôi lứa trong thời buổi nghiệt ngã, rất nhiều giá trị tinh thần trở thành vô dụng. Tôi lắng nghe trong mạch đập của Lâm tình yêu nồng nhiệt dành cho vợ. Nếu ai chưa được may mắn nếm trải tình yêu nồng thắm cuồng si trong đời, thì có thể tin Lâm bị bỏ mùa mê thuốc lú như dân làng đồn đại. Hình như ba Lâm thời thanh niên chỉ trai gái mèo mỡ chứ chưa yêu ai say đắm, cưới vợ với tính toán khôn ngoan hơn là yêu đương. Còn chú tôi cũng chẳng có dịp lắng nghe tiếng "thổn thức con tim" trong cuộc kháng chiến khốc liệt, ông cưới vợ theo ý đồ của tổ chức hơn là ý ông chọn lựa.

Đi ngang giếng làng thấy chẳng có ai, tôi và Lâm ghé lại ngồi trên thành giếng ngắm trăng. Đêm đã lên đầy khắp tràn trề. Đêm bao la dịu ngọt. *Thưa rằng thế sự hỗn man*? Triệu vì sao lấp lánh từ cõi vô cùng. Trăng khoác cho bầu trời đêm ánh sáng huyền diệu. Tiếng hò ru em đâu đó vừa thắm thiết vừa cay cực. Tôi nhìn xuống giếng: đáy nước in bóng một vũ trụ huyền hoặc cùng mảnh trăng rạng ngời. Tôi nhìn sâu vào mắt Lâm: một vầng trăng kỷ niệm buổi hẹn đầu lung linh tỏa sáng trong đó.

Chúng tôi im lặng một lúc lâu, sau đó Lâm tiếp tục câu chuyện:

- Anh cũng biết Thanh rất thương em, vì em mà chịu khổ nhiều điều, chịu cả tai tiếng nữa. Nhưng sức chịu đựng con người có hạn. Đã là con người ai mà không ham tiền. Thanh lại bị bà già thúc ép mãi nên mới chịu đi buôn với thằng lái xe bồn. Nhưng nếu muốn giữ Thanh ở nhà thì em phải làm ra tiền để nuôi gia đình. Mà anh nghĩ thời buổi này biết làm gì cho ra tiền? Phải

chỉ có cưới hỏi hoặc có hôn thú dàng hoàng thì em còn mạnh thế, vì dù gì Thanh và mẹ Thanh cũng ngại miệng tiếng làng nước chê trách bỏ chồng. Còn dằng này tụi em sống với nhau như vợ chồng hờ, chẳng có pháp luật hay lễ cưới lễ xin ràng buộc. Bà già vợ em thì nói thẳng với em: "Ba anh khinh gia đình tôi là thứ nghèo hèn nên không chịu cưới con tôi làm dâu, anh sống với con tôi cũng chẳng có hôn thơ hôn thú, vui ở buồn đi. Lỡ sau ni anh ưng ai bỏ con tôi thì mẹ con tôi biết kêu kiện nơi mô. Thôi thì coi như con tôi lỡ dại chửa hoang, để cho hắn đi kiếm tương lai". Em thấy bà nói cũng có cái lý của bà. Ai mà dò được lòng người. Phận gái phải lo mà giữ mình. Bây giờ chỉ còn một cách là nói cách nào để ông già em chấp nhận đưa Thanh về nhà em sống, sau đó ông nói với xã cho chúng em đăng ký kết hôn là êm dẹp mọi bề. Mà phải làm gấp trước khi Thanh sa chân vào tay thằng xe bồn thì mới cứu vãn được tình thế. Anh dã biết ông già em rất khó lay chuyển. Em biết ông già em rất nể anh, anh thuyết phục dùm em.

Quả ba Lâm có nể tôi thật, nhưng điều dó không có nghĩa ông sẽ nghe tôi thuyết phục. Đã tiếp xúc nhiều lần với ông (và cũng từng nêu ra vấn đề của Lâm) tôi hiểu con người ấy. Ông có thể nghe tôi nhiều chuyện, nhưng về chuyện "đạo lý thánh hiền" thì ông coi lớp người như tôi nói chung dã mất gốc. Tuy nhiên không muốn đánh mất hy vọng cuối cùng của Lâm nên tôi dành nhận lời làm thuyết khách, hứa hôm sau sẽ đến nhà ba Lâm.

*

Thú thật từ lâu tôi vẫn tin tưởng vào tài hùng biện của mình. Chỉ đến lúc ấy, khi định mệnh trao vào tay tôi một sứ mệnh nghiêm trọng, không chỉ liên quan đến số phận của Lâm và Thanh cùng đứa con tình yêu của họ, mà còn liên quan tới việc đánh đổ một thứ thành kiến, một thứ trật tự cổ hủ đang ngăn chặn sự tiến bộ và làm tha hóa con người, thì mới thấy mình chỉ là thằng bất tài, thích ba hoa bịp dời dối mình. Tôi mới chua chát nhận ra mình là loại người đang bị đào thải chứ không phải là thứ ẩn sĩ ẩn siếc gì sất!

Phòng tiếp khách của gia đình Lâm là căn giữa ngôi nhà rường ba gian lợp ngói. Bộ salon gõ đặt trước tủ thờ cẩn xà cừ, ti vi đặt trên chiếc tủ nhỏ dán dầy ảnh các cô đào cải lương, ra-đi-ô-cát-xéc đặt trên tủ búp-phê (khi tôi đến đang phát tuồng cải lương "Máu Nhuộm Sân Chùa"). Tường treo đầy lịch ảnh và mấy bức sơn mài mô tả phong cảnh hữu tình bằng bút pháp của một họa sĩ nhà quê, trông rối mắt như rạp hát. Trên cao là cái trang thờ bổn mạng của mẹ Lâm, dưới đất là ông thần tài phưỡng cái bụng phệ cười toe toét (không hiểu sao chú tôi không tịch thu cả cái món mê tín ấy, trong lúc ông không ngần ngại bê mấy vị được thờ trong đình làng đi chỗ khác chơi để biến nơi ấy thành kho chứa lúa của hợp tác xã). Ở một bức tường khác treo trang trọng tấm bằng liệt sĩ của chú ruột Lâm, lồng kính nghiêm chỉnh; một giấy chứng nhận "gia đình có công với cách mạng" cũng được lồng kính treo bên

cạnh (có lẽ xuất phát từ mấy tạ gạo được ba Lâm ủng hộ một cách không tự giác lắm cho bộ đội hồi tổng tấn công Mậu Thân và do công lao giúp đỡ của chú tôi). Đối với ba Lâm, hai tấm giấy ấy là tấm lá chắn khá quan trọng trong công việc làm ăn. Gia đình chính sách mà!

Ba Lâm tiếp tôi bằng thuốc thơm, rượu ngâm bìm bịp và nụ cười khó đoán biết được lòng dạ trên khuôn mặt hồng hào tinh quái của ông. Ngoài cái chân thọt xem ra không đáng kể (nhất là khi ông ngồi trên vespa), trông ông rất phong độ ở cái tuổi năm mươi, vóc dáng hào hoa phong nhã của kẻ có tiền và biết cách dùng tiền, ông có vẻ lôi cuốn được đàn bà con gái hơn cả chàng công tử Hoàng Thiên Lâm đã trở thành một anh nông dân thô tháp trong túi không có một xu. Sau khi thay băng nhạc theo gu của tôi và vặn nhỏ âm lượng, ông ngồi đối diện với tôi nâng ly, nói:

- Thằng Lâm mà khôn ngoan như chú mi thì bà *choa* đỡ khổ thân biết mấy. Hắn được cha mẹ lo cho từng li từng tí rồi sinh ra hư đốn. Chú mi quá biết mẹ con con Địu ưa cái gia tài của tôi là chính. Xin lỗi. *bà choa* đổ mồ hôi sôi nước mắt tạo nên cái sản nghiệp này đâu phải để cho cái bọn khố rách áo ôm nó nhảy vào hưởng.

Tôi nói:

- Theo em thì tình yêu có lý lẽ riêng của nó.

Ông cười ruồi:

- Lý lẽ cái chó chi. Thằng Lâm mà tứ cố vô thân... - Hình như ông cảm thấy nói như thế đụng chạm đến tôi nên ngừng lại. Suy nghĩ một chút ông nói tiếp -

Sự đời mô có đẹp như trong sách chú mi đọc, sự đời nó chó má lắm. *Bà choa* mà như thằng Lâm thì bây chừ bị lùa ra đồng cuốc đất rồi. Tình cảm ai cũng có, nhưng muốn có tình cảm thì trước hết phải có tiền. Chú mi có hiếu với cha mẹ mà không có đồng xu thì cũng thua cái thằng lâu lâu về chơi vất ra một nắm tiền. Chú mi thấy đó, trong gia đình đứa con mô làm ra tiền là đứa đó được cha mẹ quí trọng. Muốn yêu đương hẹn hò thì cũng phải có chục bạc mời con người ta vô quán uống nước chớ không lẽ đi xan khao ngoài đường mãi?

Tôi nói:

- Hiển nhiên đồng tiền có giá trị của nó. Nhưng chỉ có đồng tiền thôi thì cũng không đem lại hạnh phúc.

- Chú mi nói chơi đó chớ? Chú mi chỉ cho *bà choa* thấy ai giàu có mà khổ còn ai nghèo rớt mồng tơi mà sướng coi thử?

Tôi bí. Thì ra cái đầu óc vốn tự hào thông hiểu triết lý duy tâm lẫn duy vật biện chứng và không biện chứng, cộng với tài hùng biện của tôi đem ra thực hành ở đây chẳng đắc dụng chút nào. May thay lúc ấy ông chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp ló vào. Ông chào chủ nhà rồi ban cho tôi nụ cười thân thiện. Dù ngu ngốc đến mấy tôi cũng hiểu nếu tôi không có ông chú đang làm bí thư xã thì tôi chẳng bao giờ vinh dự nhận được nụ cười ấy, mà ngược

lại.

Ông chủ nhiệm hợp tác xã chắc định bàn riêng với anh tư sản cái dịch vụ làm ăn gì đó (dân làng đều biết hai tay này liên kết làm ăn với nhau dưới sự bảo trợ ngầm của chú tôi. Tuy nhiên không ai hiểu được nội dung hoạt động của cái liên minh này ra sao). Sự có mặt của tôi làm cho cả hai kẹt khần, đưa mắt nhìn nhau đầy ý nghĩa. Sau đó ông chủ nhiệm ngồi xuống ghếch cả hai bàn chân đất lên mặt ghế. Ông đón ly rượu từ tay ba Lâm nốc một hơi rồi nói:

- Cái thứ này mà nhắm với lòng lợn là nhất hạng.

Khi chưa làm chủ nhiệm, ông ta vẫn gọi heo là con heo chứ không gọi là lợn như dân tập kết. Ba Lâm không quan tâm tới điều ấy, ông quan tâm tới ý thích của ông chủ nhiệm. Trong lúc ông chủ nhiệm đưa tay chùi mép thì ba Lâm bảo mẹ Lâm ra chợ mua lòng heo. Ông chủ nhiệm nói:

- Thôi anh để khi khác, kẻo quần chúng nhân dân họ lại phê bình.

Ba Lâm khoát tay:

- Họ có sức cứ nói, tôi có tiền tôi muốn ăn uống với ai quyền tôi.

Ông chủ nhiệm nhìn tôi nói:

- Dân họ ưa xoi móc lắm. Chú anh với tôi khổ với họ từ miếng ăn cho tới cái nhà. Anh thấy chú anh đi cách mạng qua hai cuộc kháng chiến mà đã được hưởng chi bao lăm.

Tôi không biết nói sao cho phải đành gật đầu ừ è cho qua chuyện, rồi tính đường chuồn. Nhưng ba Lâm nhất quyết giữ tôi ở lại nhậu nhẹt.

Trong cuộc rượu lòng heo khá xôm tụ, tôi chỉ đực mặt ra nghe ba Lâm thuyết phục tôi nên động viên Lâm biết "cải tà qui chánh", bồng con trở về nhà, sau đó ưa con nào ông cưới cho con nấy. Ông chủ nhiệm cũng hùa vào nói tuổi trẻ cần phải thức thời, biết nghe lời người trên thì sướng cái thân. Tình trai gái như lửa rơm, cháy đó rồi tàn đó. Đợi khi con Địu nó theo trai rồi mới chịu ôm con về thì quá ê mặt. Tiếp đó hai ông nói chuyện thế sự, nói chuyện làm ăn và khuyên tôi nên tham gia lao động để chú tôi dễ bề đưa tôi lên làm cán bộ thông tin xã. Ông chủ nhiệm còn nói, đảng ủy xã và chi bộ hợp tác đã nhất trí rồi, nếu Lâm chịu về nhà thì cũng sẽ được cho làm cán bộ xã. Ba Lâm nói thêm, hắn ưa làm cán bộ huyện tôi cũng lo được, miễn hắn chịu nghe lời tôi. Đến lúc tống tiễn "nhà thuyết khách" bất tài ra cửa, ba Lâm còn hứa sẽ làm một chầu ra trò nếu Lâm bồng con trở về nhà để "làm lại cuộc đời".

Lâm đợi tôi ở ngoài ngõ. Thấy tôi lắc đầu, Lâm rủ xuống như tàu lá chuối non gặp lửa. Chẳng nói chẳng rằng Lâm thất thểu bước đi như người mất hồn. Sợ Lâm quẩn chí làm liều tôi chạy theo an ủi Lâm, hứa sẽ có cách vận động cả chú tôi nữa, thế nào cũng có kết quả, phải kiên nhẫn kẻo hư việc. Lâm tỏ vẻ không tin tưởng lắm và chính tôi cũng chẳng tin sẽ có phép lạ nào có thể xoay chuyển được tình thế.

*

Tôi về tới quán thì gặp chú tôi đang đợi tôi với chiếc xe đạp có mang bảng số từ ngoài Bắc đem vào. Ông độp ngay:

- Mi vừa mới tới nhà cha thằng Lâm năn nỉ ông cưới con Địu cho hắn phải không? Làm ăn không lo làm ăn đi lo chuyện bao đồng. Lại còn *tửa* rượu vô nữa - ông tháo cái cặp đen to tổ bố ra khỏi xe rồi nói tiếp - Mi thay bộ bi trục giữa, vô dầu mỡ hai bánh xe, siết lại cặp dây phanh, tau ra xã một chút rồi trở lại lấy.

Thấy ông quày quả bỏ đi tôi vội nói:

- Cháu muốn bàn với chú chuyện này.

- Thôi lo mà sửa xe đừng có mà xem lo vô chuyện của người khác - chú tôi khoát tay - Đã từ một anh cán bộ phụ trách bị hất ra làm thằng sửa xe mà không thất kinh. Bỏ cái thói ăn cơm nhà đi vác ngà voi, lo tu tỉnh làm ăn cho nên người. Mi làm cái chi, nói năng ra răng tau đều được báo cáo đầy đủ, liệu cái thần hồn. Không có tau thì mi vô trại cưỡng bức lao động chớ không được ngồi đây mà sửa xe mô, đừng có múa mặt. Cố tu tỉnh đi rồi tau cho làm cán bộ văn hóa xã, sau đó phấn đấu tốt tau cơ cấu làm trưởng ban.

Làm cán bộ hay trưởng ban văn hóa xã có lẽ là tiêu chuẩn nên người nhất mà chú tôi dành cho tôi. Nhưng lúc ấy tôi không quan tâm tới chuyện đó. Tình cờ gặp ông ở đây tôi thử liều một phen.

Biết đâu số phận phiêu bồng, bỗng dưng lại thuận theo lòng ước mong. Ông vừa nói xong tôi tung ngay một dòn quyết định:

- Thằng Lâm bị dồn vào chân tường nó có thể tự tử, trước khi chết nó có thể viết thư tố cáo chú làm sai pháp luật lên huyện lên tỉnh. Công an sẽ về điều tra. Lúc đó là lôi thôi to.

Chú tôi gắt:

- Cái chi mà sai pháp luật? Cái chi mà lôi thôi to? Mà ai lôi thôi? Còn pháp luật mô cho hắn tự tử?

- Luật pháp không qui định về việc tự tử, nhưng luật pháp truy tố kẻ nào bức bách người khác đi đến chỗ phải tự tử. Nhất là do hành vi cố tình làm sai luật pháp dẫn đến. Thằng Lâm với con Thanh đăng ký với nhau hoàn toàn đúng với luật hôn nhân, đáng lý ra chính quyền phải ủng hộ cái đúng, cái tiến bộ...

Chú tôi nóng nảy cắt ngang:

- Chứng cớ mô mà nói tao làm sai luật pháp? Mà luật pháp thì cũng phải được đảng lãnh đạo chớ mô phải ai muốn tự do vô chính phủ cũng được. Mà tau làm theo ý gia đình hắn chớ có chèn ép chi mô?

Thấy ông xuống câu cuối với giọng điệu hơi nao núng tôi tấn tới:

- Cháu thấy chú có bao nhiêu việc trong xã cần phải giải quyết thì không nên vì chuyện thằng Lâm mà tạo ra rắc rối. Chú làm như thế dân làng nghĩ chú bị đồng tiền của ông già thằng Lâm mua chuộc thì còn thể thống gì? Ai mà lường được hậu quả sẽ ra sao nếu thằng Lâm phẫn chí tố cáo tùm lum rồi liều mình? Cái họa lớn nhiều khi do một nguyên nhân nhỏ nhặt gây ra. Con

chó bị dồn vào đường cùng nó phải cắn. Cháu biết chú thừa không ngoan, thừa bản lĩnh nhưng trong việc này chú hơi chủ quan. Trước kia những ông quan khôn ngoan bao giờ lột hết tiền của người ta họ cũng ném lại vài đồng bạc lẻ để xoa dịu bớt sự phẫn uất dẫn tới chuyện làm liều...

Không biết sao vừa rồi với ba thằng Lâm tôi lọng ngọng như một thằng đần mà lúc ấy tôi lại hùng biện một cách lưu loát như vậy. Tôi tiếp tục vừa đánh vừa xoa. Cố chứng minh cho ông thấy không phải mọi luật pháp ở trong xã này đều bị ông vô hiệu hóa. Và nếu có một sự cố xảy ra người ta sẽ bới móc bao nhiêu là chuyện. Tôi cũng cố chứng minh cho ông hiểu dù sao tôi cũng là cháu ruột của ông, tôi có bổn phận giúp ông bảo vệ sự nghiệp chính trị của ông, ông bị hề gì thì tôi cũng chẳng yên thân mà sửa xe chứ đừng nói tới làm cán bộ cán biếc.

Dù không thích ông lắm nhưng trong thâm tâm tôi vẫn quí ông. Khi gia đình nội tôi sa sút, nhờ có chút ít chữ nghĩa ba tôi kiếm được một việc làm khá nhàn nhã; còn ông phải làm thuê cuốc mướn và bị bọn nhà giàu, bọn cường hào ác bá làm tình làm tội đủ điều, rồi còn gánh chịu tai họa chiến tranh. Cho đến lúc về hưu ra tranh chức ở xã chú tôi vẫn có niềm tin sắt đá là chỉ có cách mạng mới thực sự đổi đời cho những kiếp người bị áp bức bóc lột.

Chú tôi có vẻ hơi ngạc nhiên thấy thằng cháu làm mình "nhơ nhuốc theo" nói vanh vách chủ trương đường lối cũa đảng, trích dẫn rành mạch lời dạy của các lãnh tụ cách mạng vô sản, lại tỏ ra có quan điểm lập trường vững vàng. Đồng thời nghe tôi qui đủ thứ "chịu trách nhiệm" ông cũng hơi run. Tôi đã đánh trúng điểm yếu của ông: Người thiếu năng lực nhận thức thường rất sợ gánh chịu trách nhiệm. Thấy có mòi thắng lợi tôi kết luận:

- Bây giờ, giải pháp tối ưu là chú bảo ông già thằng Lâm cưới con Thanh cho nó. Ông phải nghe theo lời chú: Thứ nhất ông không dại gì chống lại chú, nhất là khi chú làm đúng pháp luật, thứ hai là ông còn nương nhờ chú trong công chuyện làm ăn lâu dài. Tính ra chú chẳng mất gì mà còn để tiếng tốt cho cách mạng. Ông già thằng Lâm phải biết rằng nếu con Thanh đi theo thằng lái xe bồn có khi ông mất cả cháu lẫn con trai.

Xem chừng chú tôi đã nghe ra, nhưng ông vẫn nói nước đôi:

- Để tau coi lại... Mi qua nói với thằng Lâm đừng làm liều.

*

Giao xe cho chú tôi xong tôi qua ngay chỗ Lâm. Chỉ có mình Thanh ở nhà. Độ này cô nàng như trái cây chín tới, đẹp một cách sắc sảo. Dù ở nhà Thanh vẫn đánh phấn tô son một cách kỹ lưỡng, ở đó toát ra một vẻ gì làm người ta nghi ngờ lòng chung thủy. Tôi hỏi Lâm, Thanh trả lời cay đắng:

- Anh ấy bồng con đi rồi.

Hình như tất cả đã chậm trễ. Tôi nói:

- Anh cần gặp cả Lâm và Thanh để nhắn lại lời của chú anh.

Thanh rơm rớm nước mắt:

- Vô ích thôi anh ạ. Chẳng ai muốn tụi em nên đôi mô. Chẳng qua ông bí thư và ba anh Lâm bày mưu tính kế chi đó.

Tôi giải thích:

- Không phải vậy đâu. Anh vừa nói chuyện với chú anh - thấy cần tạo lòng tin nơi Thanh, tôi nói dối - Chú anh nói sẽ bàn chuyện lại với ba Lâm, ông bảo anh sang gặp Thanh và Lâm nói cứ yên tâm. Thanh đi tìm Lâm về đi.

Thanh nhìn tôi tỏ ý nghi ngờ, nhưng rất nhanh Thanh lắc đầu:

- Em không còn tin ai nữa cả. Anh không biết chứ em với anh Lâm sống với nhau, Lâm xin nhận ruộng khoán hợp tác cũng không cho, còn em đi buôn đâu thì thuế vụ xã rình bắt cho bằng được. Anh thấy đó, người ta buôn đậu cả làng thì được, còn em đi ba giờ sáng cũng bị bắt, hết vốn hết liếng. Họ em tìm đủ cách o ép cho Lâm và em phải bỏ nhau. Em mang tiếng chịu lời mà miếng cơm manh áo cũng không nên thân. Nếu mà em chỉ ham giàu như ba Lâm nói thì chán vạn chi mối, gia đình anh Lâm mười họ cũng được tám chín. Nhưng chừ có thương anh Lâm cũng đành chịu, anh Lâm cứ bồng con về nhà rồi cưới vợ khác, còn em thì lo phận em. Chiếu manh thì theo phận chiếu manh.

Những lời nói xé lòng lại được phát ra từ cái miệng tô son trên khuôn mặt điểm trang rực rỡ, và cái nhìn sắc như dao, gây cho tôi cảm giác bứt rứt. Tôi không tài nào đoán ra được lòng dạ của Thanh. Lời nói của Thanh và những tình cảm cô nàng dành cho Lâm mà tôi biết được, khiến tôi không thể tin Thanh có thể ngồi tỉ mẩn trang điểm nhan sắc mình khi Lâm vừa ôm con ra đi. Thế nhưng điều đó đang ở trước mắt tôi đây. Phải chăng ở trong Thanh tình yêu nồng thắm đức tính hy sinh và sự lạnh lùng tàn nhẫn phản trắc đều mạnh mẽ như nhau? Phải chăng cả chú tôi lẫn ba Lâm đã bẻ gãy mầm thiện lương xanh tươi đang may mắn phát triển trên cây đời của Thanh, để rồi do bản năng tồn sinh cây đời ấy nhú ra những gai nhọn ác độc?

Tôi bỗng cảm thấy một nỗi chán chường mệt mỏi. Tuy nhiên, trót "xen lo vô chuyện người khác", tôi cố lựa lời thuyết phục Thanh. Cuối cùng tôi nói:

- Thôi để anh đi tìm Lâm coi.

Thanh nói giọng có pha giấm:

- Anh khỏi tìm chi mất công, tối chi "ông" cũng mò về!

Câu nói của Thanh làm tiêu tan trong tôi tất cả niềm hy vọng.

*

Ba ngày sau, chú tôi mời ba Lâm lên trụ sở ủy ban xã làm việc. Khi về ba Lâm ghé chỗ tôi nói:

- Nhờ chú qua nhà con Địu nhắn thằng Lâm về nhà tôi nói chút chuyện.

Tôi bảo:

- Bữa trước em có qua chỗ Lâm thì Thanh nói Lâm bồng con đi rồi.

Ba Lâm nói:

- Hắn không xa nổi cái lưng quần con Địu mô. Chú đi giùm *choa.*

Thú thật tôi đã chán ngấy chuyện này. Nhưng vì thương Lâm nên tôi cũng đóng cửa quán qua nhà Thanh.

Chỉ có mẹ Thanh ở nhà, Thanh đã đi theo anh xe bồn hành nghề buôn chuyến từ tối hôm qua. Lâm thì mới tảng sáng đã bồng con ra đi sau khi nói với bà là từ nay không trở về nữa. Thanh tự do ưng ai thì ưng. Bà kết luận:

- Thôi thế cũng xong!

Tiễn tôi ra cửa, mẹ Thanh nói vọng theo:

- "Một lần là tởn đến già; đừng đi nước mặn mà hà ăn chân"

Tôi trở về nhà Lâm, mẹ Lâm nói, trong lúc ba Lâm lên làm việc với chú tôi ở ủy ban thì Lâm bồng con về gởi cho bà rồi đi ngay. Bà cố giữ chờ ông về nhưng không được. Ba Lâm cũng vừa về biết tin Thanh đã đi theo anh lái xe bồn, ông hầm hầm nói: "Sinh cái thằng con ngu quá mức, làm thiên hạ cười thúi đầu cha hắn". Mẹ Lâm nín nhịn từ lâu nay gào lên: "Chính tự ông mà ra, tự ông hại con hại cái. Thời buổi ni mà cứ đòi môn đăng hộ đối. Chừ biết con tui ở mô mà tìm". Nói xong bà khóc lóc kể lể một tràng. Ông cáu sườn quát: "Bà có câm cái miệng không? Thứ con bất hiếu có chết tui cũng không tiếc". Tôi không muốn chứng kiến thêm bi kịch gia đình Lâm nên thối lui, trở về với cái quán sửa xe của mình.

*

Tôi đinh ninh Lâm buồn đời đi lang thang một thời gian để xóa vết thương lòng rồi sẽ trở về. Tôi thầm hy vọng vào thời gian dù thật ra cũng chẳng biết hy vọng về điều gì trong dòng đời trôi chảy mịt mùng.

Thời gian cứ trôi đi. Thời gian có thể làm lành vết thương nhưng cũng có thể hủy hoại tâm hồn tan nát.

Đi dâu chừng hơn hai tháng Lâm trở về (sau này mới biết Lâm đi tìm trầm quyết làm giàu để lôi vợ ra khỏi vòng tay của thằng lái xe bồn). Đêm ấy trăng mười ba. Lâm về làng nhưng tránh không gặp mặt ai, kể cả cha mẹ mình. Lâm kín đáo mang đến cho con một món đồ chơi điện tử, loại không có đứa bé nông thôn nào vào thời đó dám mơ ước; để lại cho con một cái hộp đựng xấp ảnh Lâm và Thanh chụp chung với nhau. Sau một tấm ảnh màu chụp Thanh bồng đứa bé ngày đầu tháng đứng cạnh Lâm (hình như do một anh thợ ảnh ở thành phố vốn là bạn học cũ ghé thăm chụp tặng hai vợ chồng), Lâm ghi: "Gởi lại con kỷ niệm của ba mẹ với con. Cầu nguyện ơn trên cho thế hệ con không chịu nỗi bất hạnh như ba và mẹ đã hứng chịu. Lớn lên con có một tình yêu chân chính con sẽ hiểu và tha thứ cho ba." Lâm gởi lại cho cha mẹ mình một lá thư, nội dung xin ba mẹ thứ cho tội bất hiếu. Nhưng cũng xin ba mẹ cho phép Lâm quyết định số phận đời mình vì dẫu sao Lâm cũng

đã trưởng thành. Lâm nhấn mạnh rằng, xin ba mẹ đừng dùng tình thương lẫn sự cưu mang của mình để biến con cái thành kẻ nô lệ vào điều mà cha mẹ tự cho là tốt đẹp, là hợp với lẽ phải. Lâm còn nhờ người bạn thân của Thanh chuyển cho Thanh một lá thư (lúc đó Thanh đang buôn chuyến với tay lái xe bồn chưa về), nội dung nói gì thì tôi không biết.

Cũng đêm mười ba ấy có người trông thấy Lâm đứng hàng giờ bên giếng làng giữa đêm khuya thanh vắng một mình.

Đêm hôm sau (tức là đêm mười bốn), tôi và một tay du kích xã ra cái giếng định mệnh đó tắm, nửa chừng thì gàu đứt. Tay du kích phải lặn xuống giếng để vớt gàu lên. Mới hụp xuống tới đáy hắn đã trồi lên hét lạc cả giọng:

- C...ó... C...ó... Có người chết!

Chúng tôi vội đi báo xã đội. Xã đội cho du kích lặn xuống vớt cái xác lên. Người chết là Hoàng Thiên Lâm.

Một tay du kích nhận xét:

- Thằng ni hắn quyết tâm chết nên cột luôn cục bờ-lô rất chắc vô người.

Người ta đặt Lâm nằm ngửa mặt lên trời. Tôi cúi xuống vuốt mắt cho Lâm bằng những ngón tay run rẩy. Trong đôi mắt ấy có cả một trời trăng huyền ảo.

DƯƠNG THÀNH VŨ
Vỹ Dạ 1989-19925

LÂM THỊ MỸ DẠ

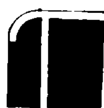
không đề

Tặng một thời thiếu nữ

cuộc đời em vo tròn lại
và
ném vào cuộc đời anh
nó sẽ lăn sâu tận đáy cuộc đời anh
sâu cho đến tận... cái chết

trời ơi,
làm sao có một cuộc đời
để cho tôi ném đời mình vào đó
mà không hề cân nhắc đắn đo
rằng: cuộc đời ấy còn chưa đủ...

LÂM THỊ MỸ DẠ
(Trong nước)



THĂNG LONG VĂN SĨ

hình con cá nhỏ

Đôi điều nói lại với ông Kim Thi
(Hợp Lưu Xuân Giáp Tuất)

Tôi không treo hình Thoreau, tắm sông ở Walden
Treo hình Socrates người rất xấu
Tôi không treo hình Nhan Hồi, tắm sông Tương bên Tàu
Treo hình Gandhi người rất gầy
Treo hình Tom Paine
Cả Rigoberta Menclur người rất mập

Không đếm xỉa tới Dương Quí Phi, Tức Vĩ
Tôi treo hình con cá nhỏ ngoe ngẩy cái đuôi trong bát nước
Rỗ hoa mắt toét
Nóng tính kiêu căng
Nhưng ai cấm cản
Tôi theo Tư Bản
Theo cả Cộng Sản Đệ Tam...

THĂNG LONG VĂN SĨ



KIM THI

ai cấm tôi theo?

Tôi mê Cher, Madona, , Sean Young...
Chập chùng đồi núi
Mê cả Lynda Trang Đài, Thúy Ái, Tố Uyên...
Ngồn ngang gò đống
(Poster có cái bán sale
ba đồng một tấm
Có cái cho không
chả tốn đồng nào)
Nhưng tôi nhất định không treo
Tôi không treo nhưng ai cấm tôi theo?

KIM THI

ĐỖ HỒNG NGỌC

thu

thấy chiếc lá vàng
ngại ngần
không nhặt
sợ mùa thu tan...
(Concord 93)

trăng

trăng như không phải trăng mình
lung linh bóng đổ qua rèm
ồ trăng!
(Boston 93)

trái đất

giữa đêm
thức giấc
giữa ngày...
(Boston 93)

cây

còn cây trơ lại với cành
với linh hồn lá ngập ngừng trút qua
chiều sương loang chút nắng tà
rét luồng trong gió dóng là dà sang
(Boston 93)

tuyết

tuyết bay
bay nhẹ
phố tàu
gió co ro lạnh
phố đìu hiu theo
(Boston 93)

ĐỖ HỒNG NGỌC (Trong nước)



PHẠM THỊ NGỌC

ngày lá xanh



Có những hình ảnh mang mục đích in vĩnh viễn vào trong trí nhớ, và khi đứng trước những hình ảnh ấy lần đầu người ta biết ngay rằng chúng sẽ in trong trí nhớ mình vĩnh viễn, như đứa con gái đã nhận biết như thế khi nhìn thấy xác bà sơ già. Tất cả như một cơn mơ, phòng quàn xác của tu viện, cơn mưa ngoài sân. Chỉ có xác chết là thật, và sự hiện diện của một mình nó trước xác chết là thật. Lần đầu tiên nhìn thấy xác chết, dù không có ai ở đó để bảo, đứa con gái tám tuổi đã biết đó là xác chết. Ánh nến lung linh bên đầu giường, cỗ tràng hạt quấn trên bàn tay để trên ngực, khăn liệm trắng, đôi chân tím thò ra ngoài, cơn mưa ngoài sân. Đứa con gái đứng nhìn xác chết trên giường, lần đầu tiên cảm thấy rõ ràng thế nào là giây phút khi người ta bỗng chợt không hiểu tại sao mình lại ở nơi mình đang ở, cái gì đã đem mình đến đó. Lần đầu tiên nhìn thấy xác chết, đứa con gái đã biết đó là xác chết do màu và mùi, do sự bất động khác thường. Màu tím của đôi chân và khuôn mặt, một loại mùi rõ rệt trong không khí giống mùi của những con sâu ướp khi chị nó mang về từ một lớp học. Sự bất động hoàn toàn như thế, sự thinh lặng vĩ đại như thế, không có gì có thể lay động nổi, không có gì có thể gọi trở về. Đó là mãi mãi.

Hình ảnh xác bà sơ già không hề trở về ám ảnh những giấc mơ của nó, mà trở về khoảng hai năm sau, giữa giờ học trưa, nắng đổ xuống sân trường tiểu học ngoài cửa sổ, trở về xen lẫn giữa những mộng mị rời rạc ban ngày khác của nó. Tại sao, nó không rõ, trở về giữa hình ảnh nụ cười của đứa con trai, Bích Ngà khi giận. Nụ cười của đứa con trai cùng lớp rạng rỡ và lạ lùng nhất trong tất cả cử chỉ và nét mặt của hắn, nụ cười má lúm đồng tiền, môi mở để

hở hai chiếc răng hàm trên to như những chiếc răng thỏ. Mỗi một ngày là ít nhất một lần đứa con gái nhìn trộm, từ đàng sau cánh cửa lớp, giữa đám đông học trò. Nhìn trộm như quan sát sinh vật lạ lùng nhất trong sân trường, nhìn nét ngái ngủ của đứa con trai vào sáng sớm khi đi ngang qua cửa lớp, đầu chân mày chạm nhau những khi đôi mắt nhíu lại giận dữ, nét lơ đễnh vô tội khi mơ mộng, chiếc miệng tận tình ăn quà, cười, nói.

Khánh Long.

Và Bích Ngà khi giận. Đó là hình ảnh nó tránh không nghĩ đến. Nét mặt lạnh như đá, cái quay lưng bỏ chạy của Ngà luôn làm nó thấy bất lực và thừa thãi khi cố gắng giải thích. Nó không biết Ngà có bao giờ quen, gặp một người nào đó, và tự nhiên cảm thấy yên ổn với người đó chưa. Một cảm giác yên ổn nhẹ nhàng, không cần do đâu, tại đâu. Nó không hề cảm thấy yên ổn với Ngà.

Giờ học buổi trưa nặng nề, nóng. Nó ngồi trong lớp hóng nhìn ra ngoài, tưởng tượng đến một nơi nào đó trên thế giới người ta ngủ ngày, làm đêm. Ngà bỏ lớp trưa, nhưng đứa con gái có linh tính Ngà vẫn loanh quanh đâu đó, rất gần trong phạm vi trường, thứ linh tính vẫn làm nó biết được lúc Ngà đến mỗi buổi trưa mà không cần nhìn ra đường. Bỏ giấc trưa nằm chờ, rồi nhìn ra ngoài từ bên trong, nhìn qua những kẽ hở của cửa sổ gỗ đóng kín, nó thấy Ngà đến, đứng giữa trời nắng chang. Mái tóc Ngà ánh lên màu nâu. Da Ngà trắng, trắng hơn nó, một màu trắng lâu lâu làm cho nó rụt tay lại mỗi lần khoác tay nhau đi ngoài đường và chợt nhận ra sự khác biệt giữa hai màu da. *Bữa nay đi đâu*, nó sẽ hỏi khi trốn ra được khỏi nhà. Đi đâu không mấy khó. Loanh quanh một vòng thành phố Sài Gòn trên những chuyến xe buýt. Đi coi xi-nê vào xế trưa. Nó thích phim kiếm hiệp Trung Hoa, phim mọi Thái Lan. Ngà thích Trân Trân - Đặng Quang Vinh. Trân Trân - Đặng Quang Vinh, câu kinh cầu của Ngà hằng ngày.

Trân Trân Đặng Quang Vinh! Chị nó thường rít cao giọng mỗi lần biết nó đi đâu. *Bé bằng con bọ t.*

Nhưng trưa nay Ngà không đi học, vì giận. Nó đã coi thường điều Ngà cấm đoán. Mà tại sao Ngà lại cấm đoán. Nó chưa cấm đoán Ngà điều gì.

Bồ không được chơi với Bích Thủy nữa. Ngà đi theo nó và nói bằng một giọng quyết liệt. Tay Ngà gầy, dài, đôi bàn tay xương khi không vui chúng làm những hành động vô nghĩa. Ngà bứt lá, xé chúng thành những mảnh vụn vứt đầy xuống đất.

Tại sao? Nó hỏi bằng một giọng thờ ơ, đi lần theo vòng tròn của bồn hoa sân trường tìm những nụ bông bụp. Nó ngắt được một nụ và đưa cho Ngà, *bồ ép nó vào vở, mai nụ vẫn nở cho bồ như thường.*

Tui cấm bồ chơi với Bích Thủy, Ngà lập lại, quyết liệt hơn.

Tại sao? Nó vẫn vờ.

Tại vì con nhỏ...ngu. Ngà nói.

Tiếng nước dội xối xả ở khu vực cầu tiêu bên dưới. Giờ của bà Hai béo

dọn khu vệ sinh bao giờ cũng ồn, tiếng guốc bà khi bà nện gót xuống đất, tiếng nước dội, tiếng bà chửi rủa đứa nào vô phước đi đái vào lúc bà đang dọn và đái phải nơi không đúng ý bà. Có lần nó đi đái vào lúc bà đang dọn, nó sợ nên chọn một chỗ có rãnh. Khi nó xong, bà Hai béo gật gù bảo, *đứa nào đái như con bà thương.*

Gió thổi, và mùi khai thối từ khu cầu tiêu bay theo vào lớp học. Nó quay vào lớp học, tránh mùi của gió đem vào, quay nhìn chỗ Bích Thủy ngồi, dãy bàn trên, ở bên kia, góc kia của lớp học. Ngà bảo Bích Thủy ngu.

Đầu Bích Thủy dẹp ở đàng sau, như không có sọ, đầu ở phía sau thẳng góc vuông với đỉnh đầu, tóc ở nơi góc vuông chĩa lên trời. Ngà bảo ngày Thủy bé mẹ nó chỉ cho nó nằm ngửa. Thủy mập, da trắng, trắng hơn cả Ngà vì mẹ nó không cho ra đường. Nhiều trưa không có Ngà, năn nỉ vất vả lắm nó mới rủ được Thủy đi học sớm. Thủy chỉ mặc quần trắng chứ không mặc đầm xanh. Nhưng đó không phải là ngu.

Thì cái mặt, cái mặt ngu. Ngà gắt.

Nhưng mặt Thủy tròn, cười cũng má lúm đồng tiền. Tóc Thủy chải rẽ ngôi bên phải rồi vén hết cả sang bên trái, kẹp bằng chiếc kẹp bạc. Nó cũng chưa chắc mỗi khi Thủy cắn vào ổ bánh mì chả lụa của nó rồi để lại chỗ vừa cắn dấu răng và nước bọt thì đó đã phải là ngu chưa.

Lâu rồi nó không nói chuyện với Bích Thủy, theo như Ngà muốn. Nhưng vẫn còn lại những điều không thể dứt bỏ nổi, điều gì đó không rõ rệt, điều gì đó nó không thể nói, điều gì đó Ngà không biết và nếu biết Ngà sẽ cười nhạo nó. Ngày trước, nó, Bích Thủy, và Khánh Long hay đi học chung với nhau. Hai đứa con gái đi ngang nhà đứa con trai và đứng lại chờ đợi. Nó nhìn qua lỗ vuông khoá xích của hai cánh cửa tôn cổng nhà to lớn, tìm kiếm. Khánh Long mặc quần đùi ở nhà, đôi cánh chân đen, gầy, trông không giống con người gò bó đồng phục ở trường, bình thường hơn, có thể nắm bắt được. Đến một hôm, nó thấy không nên ngừng lại đó nữa, không nên nhìn qua lỗ khóa cổng nhà đứa con trai nữa. Nó đã khác, thì Long cũng đã khác, Thủy cũng đã khác. Nó cảm thấy bất lực trước những đổi thay, ngờ ngợ như những tháng ngày với nhau là những tháng ngày còn lại, ngắn ngủi. Thủy sẽ đi đâu, Long sẽ đi đâu, Ngà sẽ đi đâu. Rồi nó bám víu, níu kéo vào đó bằng những trò chính nó không hiểu nổi. Nhưng Ngà thông minh sẽ hiểu, và sẽ cười.

Ngà giận vì nó đã lén cho Bích Thủy cọp bài. Trước đó nó đã dặn Thủy, luận văn chứ không phải toán, coi bài để lấy mẫu chứ đừng chép trọn bài. Nhưng Thủy đã chép trọn bài. Hậu quả là hai con số không, và hình phạt roi vọt trước cả lớp. Khi bị cô giáo đánh, nó chỉ nghĩ đến Ngà. Ngà bỏ ngang buổi học, trốn ra về trong giờ ra chơi.

Lớp học nóng, như nắng bên trên đang chiếu xuyên qua mái trường. Sơ Mạc-Sen ngồi trên bục lớp, chú ý vào một việc gì khác, một thế giới nào khác, không phải thế giới của lũ học trò trước những bài toán đố. Đứa con gái nhìn công tắc đèn, cố xây dựng lòng tin. Lạy Chúa, con tin, con tin... Đứa con gái

lâm râm đọc câu thần chú, nhìn trừng trừng và truyền cho công tắc đèn hãy bật và hãy tắt, hãy bật và hãy tắt. Cho đến khi mắt nó trĩu nặng. Ý nghĩ cuối cùng quyện với nỗi thất vọng, lòng tin của nó không to bằng hạt cải.

Trong nhà thờ mờ tối. Chỉ có ánh sáng của buổi chiều bên ngoài chiếu vào từ những ngưỡng cửa mở và những vòm kính màu. Không có ai, chỉ có lũ trẻ con trong giờ xưng tội, lũ trẻ và ông linh mục già ngồi đàng sau tòa giải tội, thò chân ra ngoài. Lũ trẻ con ngồi ngoan ngoãn, thứ tự ở những dãy ghế, cố học thuộc lòng những mảnh giấy vụn ghi chép đầy những tội trạng, học rồi đút giấy vào miệng và nuốt trửng. Lũ trẻ con ngồi, chỉ có mình nó đứng ở đầu dãy ghế. Lũ trẻ con ngồi và chĩa những tia nhìn về phía nó, những con mắt nhìn nó trợn trừng, như những con mắt của lũ khỉ nghịch ngợm, nhìn một đứa sắp sửa xưng tội và một là được giải thoát, hai là bị nguyền rủa tống ra khỏi tòa. Cha André.

Khi đứa quỳ phía trước đứng dậy, đứa con gái bỗng rùng mình, như muốn đổ mồ hôi. Đầu óc nó hỗn loạn. Bao lâu và bao nhiêu lần, nó cố nhớ, nhưng cũng không phải thế, không phải bao lâu và bao nhiêu lần, mà mai kia còn tái phạm nữa hay không. Nhưng cũng không phải, không phải mai kia còn tái phạm nữa hay không, mà một điều gì đó không giản dị như thế. Nó đến trước tòa giải, và quỳ xuống. Cha André gõ tay vào bục giải tội, bắt đầu đi. Tiếng thở khò khè nhịp nhàng vì đang chờ đợi.

"Lạy cha, con là kẻ có tội, xin cha ban phép lành cho con..." Nó đọc được câu đầu tiên thì ngập ngừng. Có tiếng xột xoạt của áo chùng đen khi hung thần cựa mình bên kia tòa giải. Nó bấn loạn, cố nhớ. Bao lâu và bao nhiêu lần. Nhưng không phải thế, không phải bao lâu và bao nhiêu lần, mà mai kia còn tái phạm nữa hay không. Điều gì dám chắc ngày mai nó sẽ không bấm chuông nhà người rồi bỏ chạy, sẽ không đái ở chỗ bà Hai cấm đái, sẽ không cười thích thú trước trò chơi ác nghiệt của bọn trẻ khi chúng chọc cho bà Hai nổi điên rượt chúng khắp sân trường. Thân hình bà béo mập như một con heo, một con heo trên đôi bàn chân thương tích ung thối, được băng bó nhưng vẫn không dấu khỏi lũ ruồi, khó khăn chạy đuổi theo lũ mất dạy, hình thể nghiêng ngửa như một con quái vật. Nó đã thấy vui mắt. Điều gì dám chắc nó sẽ không cười, sẽ không rửa tay vào lu nước uống của cả trường.

Điều gì dám chắc, khi đi ngang nhà đứa con trai, nó sẽ không dừng lại, nhìn qua ô vuông khóa xích của hai cánh cổng tôn to lớn. Đứa con trai đi qua đi lại trong sân nhà, mê chơi với những hòn bi và những con dế, giản dị trong chiếc quần đùi áo sơ-mi nhăn nheo, xốc xếch cúc cài sai khuy. Hoặc hắn sẽ nằm dài trên một chiếc võng giữa giấc ngủ trưa.

Nhưng đó cũng chưa phải là điều đứa con gái muốn nói, và điều nó muốn nói làm nó ấp úng. Đó là một nỗi sợ, nó muốn nói về một nỗi sợ. Làm gì để thôi không còn sợ. Một nỗi sợ không giản dị như những nỗi sợ của đứa trẻ con, rúc vào lòng mẹ là hết. Một nỗi sợ làm cho nó đã sống như để sửa soạn cho một sự việc gì đó kinh khủng lắm rồi sẽ đến, và khi ngày ấy đến thì những gì phải

mất sẽ mất. Nó đã rúc vào lòng mẹ nó, nhưng ở đó không làm cho nó hết sợ. Hình ảnh xác bà sơ già.

"Lạy Cha, con là kẻ có tội..." nó nghe mình lập lại như một lời kinh cầu. Nhưng tiếng gõ từ bên kia tòa giải thúc giục, cọc cọc cọc cọc cọc, nặng nề, mất bình tĩnh. Tiếng cựa mình của cha André, cái chuyển mình đe dọa, hơi thở khò khè cố gắng, chờ đợi. Nó biết nó sẽ không được giải thoát.

"Này con, cha chưa thể tha tội cho con. Con hãy đi về cuối hàng, chỉ trở lại khi nào con đã ăn năn tội đủ."

Lời của cha André làm nó ù tai. Tiếng gõ cọc cọc cọc xua đuổi. Lũ trẻ con đang cười sau lưng nó, cười đứa đã bị tống ra khỏi tòa giải. Lũ trẻ con cười, những bức tượng thánh như xụp đổ, xụp từ những ngai cao trên tường. Nó đứng lên, nhưng không đi về phía cuối hàng. Nó rời hẳn nhà thờ.

Ở bên ngoài ánh nắng chói lòa, đứa con gái chưa biết nên đi về hướng phải hay hướng trái. Sân trường giữa sân nhà thờ quạnh quẽ, bóng cây phượng đổ dài, xác phượng trải đỏ mảnh sân sỏi đá xanh, nhưng không có ai ở đó. Nó đứng như chờ đợi nhưng không biết chờ ai, chờ gì.

Có tiếng cười của lũ con gái vọng lại từ khu đồng cỏ hoang trước mặt, rõ rệt nhất là tiếng cười của Ngà trong trò chơi cô dâu chú rể. Cỏ đồng hoang xanh, cao đến đầu gối. Lũ con gái năm sáu đứa đi thành một đoàn giữa cánh đồng rước kiệu lá bằng những tàu lá chuối và lá dừa khô. Ngà trong kiệu, được cõng bởi một đứa, cười ha ha, vừa lòng. Chiếc miệng khi cười mang những góc cạnh của một hình tam giác ngược. Ngà cười thỏa mãn giữa đoàn kiệu đang tiến về phía đứa con gái. Trò chơi một lần nữa lại bắt đầu. Ngà một lần nữa đã đòi được điều Ngà muốn, bắt một đứa làm ngựa cho mình cưỡi. Khuôn mặt gầy, gầy trơ cả những góc cạnh của đôi gò má, cả chiếc cằm nhọn, những đốt xương tay. Và nó biết, mỗi khi Ngà bắt những đứa con gái mềm yếu hơn mình cõng trên lưng, nó biết trong Ngà là một sự sống mãnh liệt hơn nó, một sự sống đầy đủ những ham muốn của một cái sống. Sự sống hiển hiện qua đôi mắt nheo khi cười, chiếc miệng treo hình tam giác khi cười.

Có một điều gì đó đẩy nó đi về phía đoàn kiệu lá, dừng lại ở giữa cánh đồng nơi nó biết hai bên sẽ gặp nhau, dừng lại và chờ đợi. Trước mặt nó những đứa con gái đã đến, và đã ngưng những điệu múa lá. Ngà xuống từ lưng đứa con gái làm ngựa, tiến đến trước mặt nó. Ngà đã thôi cười, dấu hiệu sửa soạn cho trò chơi vừa mới bắt đầu. Nó ngộp thở, câm nín như những đứa con gái kia cũng câm nín và quan sát. Ngà đưa tay về phía nó, lòng bàn tay ngửa, chờ đợi. Trò chơi chỉ vừa bắt đầu. Nó tuân theo những nghi thức của trò chơi, không thích không vui không buồn không sợ, đặt tay trái mình vào lòng bàn tay phải của Ngà. Chiếc miệng hình tam giác mấp máy một lời thề, ta sẽ là vợ chồng của nhau mãi mãi. Chiếc miệng nghiêm trang như lời thề trọng đại. Mãi mãi. Câu mãi mãi vang dội trong đầu nó. Ngà xỏ vào ngón tay nó chiếc nhẫn làm từ cỏ. Ta sẽ là vợ chồng mãi mãi. Mãi mãi. Sự mãi mãi dài đến mãi mãi, đẹp đẽ huyền hoặc như những câu chuyện cổ tích trẻ con. Mãi mãi. Nó nhắm mắt, và sự mãi

mãi làm nó thấy choáng váng.

Sự mãi mãi dài cho đến khi nó mở mắt. Khi nó mở mắt thì những đứa con gái đã bỏ trò chơi, chỉ còn lại Ngà trung thành đứng giữa đống cờ và kiệu đã bị vứt bỏ. Nó biết, những đứa con trai vừa xuất hiện, vừa đến, những hình dáng chập chùng giữa lớp sóng cỏ hoang. Giờ của những đứa con trai, nó biết, nhưng vẫn nhìn Ngà chờ đợi. Cuộc chơi của ngày hôm nay lại sắp qua, như mọi chuyện đều có thời của nó, rồi sẽ đi qua, như nó đã nhắm mắt trong thoáng giây và thoáng giây đã đi qua. Như những đứa con gái đã đi khi những đứa con trai xuất hiện. Giờ của những đứa con trai nhưng nó vẫn nhìn Ngà chờ đợi, ngộp thở chờ đợi nghi thức cuối cùng của trò chơi trước khi chấm dứt. Chờ đợi, nó có thể làm được điều đó, chờ đợi giây phút trước khi giây phút đi qua. Nó nhìn Ngà, Ngà nhìn nó, và nó biết Ngà biết nó đang chờ đợi.

Ngà đưa tay đặt lên ngực nó, vuốt ve trái vú phải non nớt, vừa chớm nở. Đôi môi Ngà lại mấp máy, và nó hụt hơi thở. Bàn tay làm nó nhớ cơn đau một buổi sáng thức dậy và cảm thấy đau, đau liên tiếp những tháng ngày sau đó, cho đến khi nhận thấy được sự đổi thay trên cơ thể. Chỉ cần có thể, nó đã biết, đã hiểu về những sự đổi thay không thể trở ngược, chỉ có thể che dấu mà không thể trở ngược.

Bàn tay Ngà những ngón tay xương dài vuốt ve ngực nó cho đến khi nó bước lùi lại và bàn tay hụt vào khoảng không. Đủ rồi, nó muốn nói. Nghi thức cuối cùng đã qua, nó muốn rời cánh đồng. Ở đằng xa, hình bóng những đứa con trai chập chùng giữa làn sóng cỏ. Nó bước đi. Có tiếng Ngà hỏi nó đi đâu, trường chưa tan học mà. Nó muốn rời sân trường, rời sân chơi, hình như để đi tìm sự mãi mãi.

Nó ngừng chân ở cổng trường. Có một đứa trẻ đứng gần đó và nó hỏi đứa trẻ ấy có thấy mẹ nó đâu không.

"Bồ thấy mẹ tui đâu không?"

Đứa trẻ lắc đầu. Nó chợt thấy buồn bã.

"Mẹ tui nói sẽ đón tui ở đây."

"Trường chưa tan học."

"Mẹ tui nói sẽ chờ tui ở đây."

"Mà trường chưa tan học. Má bồ giống gì."

"Má tui áo bà ba trắng, quần đen, lưng thẳng."

Đứa trẻ lắc đầu. Nó buồn bã.

"Má bồ tên gì."

"Má tên mẹ."

Đứa trẻ cười.

"Ba bồ tên gì."

"Ba tên bố."

Đứa trẻ cười to hơn. "Học gì mà ngu quá vậy."

Đứa con gái lại bỏ đi, đi giữa những đường phố rất quen thuộc. Đi tìm sự mãi mãi. Đi để tìm mẹ nó và bảo bà nó muốn đi tìm sự mãi mãi. Đi cho đến

khi thấm mệt, nhìn xuống đôi bàn chân đã cáu bẩn, cát bụi bám đầy giữa những kẽ ngón chân.

Nó quay nhìn về phía sau nhưng không còn nhận ra con đường quay trở về trường học. Nó quay nhìn chung quanh và chỉ thấy đường phố vắng. Không có ai cả giữa buổi xế trưa, nhưng nó biết nếu có ai thì nó cũng chẳng hỏi con đường về nhà. Và nó biết nó sẽ không gặp được mẹ nó giữa đường. Nhìn quanh, trí nhớ nó cố lôi ra một lần nào đó cũng đã lạc như thế, và bằng một phép lạ nhẹ nhàng nào đó nó đã tìm được đường về nhà. Hoàn cảnh nào, phép lạ nào, không thể nhớ nổi. Chỉ nhớ tất cả đã như một cái chớp mắt. Thì ngày hôm nay, lạc đường này cũng sẽ qua như một cái chớp mắt. Nó nhìn quanh. Buổi trưa thành phố sao hoang vắng. Không, không phải vì lạc đường, không phải vì không tìm thấy mẹ, mà vì chính cái câm nín của buổi trưa này giữa thành phố làm cho nó trở nên hoang mang, cái cảm giác khi vài lần nó chợt tỉnh giấc trưa và sự im lặng hoang vắng của một buổi trưa làm nó chợt tê cứng cưỡng lại không nổi một nỗi buồn vô lý vừa tràn lên mạnh đến nỗi làm cho nó muốn chết.

Có tiếng đập lọc cọc một tràng nóng nảy khi cây thước kẻ gỗ được gõ trên mặt bàn, nhưng nó đã tỉnh ngủ trước đó. Đứa con gái nhấc đầu khỏi mặt bàn và đứng lên khi Dì Mạc-Sen đến, đứng và cúi đầu, nhìn xuống trang vở ướt vì mồ hôi. Hình như Dì Mạc-Sen cũng đang ướt mồ hôi. Mùi mồ hôi quyện với mùi ẩm của bộ áo dòng đen phơi chưa đủ nắng toát ra từ Dì. Nó hít vào một hơi dài.

Ngủ gục trong lớp, hén? Trò chưa bao giờ lười biếng. Bữa nay sao vậy?

Có tiếng cười khinh khích ở phía sau. Nó nuốt cái nghẹn ở cổ.

Tại chồng nó vắng mặt. Một đứa nói nhỏ nhưng cũng vừa cho cả lớp đều nghe.

Những tiếng cười dần dần lan rộng. Nó nhận ra được những tiếng cười của lũ con gái trong hội hát, những đứa học trò cưng của các cô các dì, được cưng nhờ tài nhanh nhẩu hơn nhờ bất cứ tài gì khác. Nhanh nhẩu lấy cho cô giáo cốc nước, nhanh nhẩu ngồi quây quần dưới chân cô khi cô kể chuyện ma, nhanh nhẩu nhận vai phần trong tuồng kịch múa. Ngà không thuộc đám con gái nhanh nhẩu đó, nhưng ngoài sân chơi, nếu có chơi chung với nhau trò chơi tự bày lấy, những đứa con gái nhanh nhẩu ấy cuối cùng cũng sẽ đóng vai làm ngựa cho Ngà cưỡi.

Tiếng cười lan rộng. Dì Mạc-Sen lên tiếng nạt im lặng, im lặng, rồi hỏi đứa vừa nói.

Trò Phương Mai, trò mới nói gì đó? Ai là chồng của ai?

Phương Mai đứng lên khi được gọi. *Thưa Dì, trò Ngà với trò Uyên chơi trò cô dâu chú rể. Trò Ngà làm chồng đưa tay ra như vậy cho trò Uyên nắm như vậy, và hai trò cùng hứa sẽ là vợ chồng của nhau mãi mãi.*

Những tiếng cười được tự do hơn trước. Đứa con gái ngước nhìn Dì Mạc-Sen khi lời tố cáo vừa dứt, và ngạc nhiên không ít khi thấy mặt Dì bỗng đỏ rần. Dì như muốn nói điều gì đó, nhưng điều làm cho mặt Dì đỏ đã làm cho Dì quên điều muốn nói, lúng túng. Điều gì đó, ghê gớm lắm, nó đã làm. Điều gì ghê gớm đã làm cho mặt Dì Mạc-Sen đỏ, và mặt Dì đỏ làm cho nó cảm thấy xấu hổ và tội lỗi dù không hiểu tại sao. Dì Mạc-Sen tránh không nhìn thẳng nó.

Trò Uyên, trò Mai nói đúng không?

Dạ, đúng.

Dì Mạc-Sen lại như vừa mất ý để nói. Trong khi Dì tìm lời để nói thì nó liếc nhìn ra cửa sổ. Nhìn nắng, nhìn những ánh hàng rong đã đến và đang chờ đợi ở sân trường, nó biết sắp đến giờ tan học. Nó lâm râm gọi tiếng chuông cuối ngày.

Dì không muốn con chơi trò chơi đó nữa. Con đừng sống mất lòng Chúa.

Chuông reo. Nó cảm thấy như vừa được cứu rỗi. Chuông reo. Nó chỉ biết có thế, chỉ biết vừa được cứu ra khỏi một bãi bầy nhầy. Lũ học trò xếp sách vở vội vã, và tiếng đọc kinh cuối ngày lại vang, vang lên từ mỗi lớp, thi nhau vang lên khắp trường.

Con cám ơn Đức Chúa Trời là Chúa lòng lành vô cùng. Chẳng bỏ con chẳng để con không đời đời, mà lại sinh ra con cho con được làm người...

Nhưng nếu Chúa để con không đời đời thì sao, nó chợt nghĩ, để lại nghe tiếng chị nó rít. *Hỏi vẩn mãi! Bé bằng con bọ í!*

Khi tiếng Amen vừa dứt, nó quay hỏi đứa ngồi bên cạnh, bồ nắm tay xếp hàng ra về với tui nhe. Ra đến sân, nó thấy có Ngà đứng ngoài cổng trường, như đang chờ đợi để nhìn thấy một cái gì đó Ngà muốn thấy. Uyên đưa tay vẫy gọi. Ngà đã thấy vì Ngà đã quay lưng bỏ đi. Điệu quay lưng bỏ đi giống hệt như điệu quay lưng bỏ đi ban sáng, làm cho nó cố giữ nước mắt. Tại sao Ngà cứ mãi giận như vậy.

Có người gõ nhẹ lên đầu Uyên làm nó quay lại. Khánh Long đang đi ngay sau lưng. Đứa con trai cười thật dễ thương, nụ cười lúc nào cũng làm cho Uyên thấy vui vui. Nụ cười vô tư, không hiểu không biết gì cả, không hiểu, không biết rằng một phần của lần giận hờn này đã vì Long mà ra. Long không biết, Ngà không biết, Thủy không biết là thật ra, thật ra tất cả đã tại Long. Nó cho Thủy chép bài vì đã hy vọng, có một lúc nào đó, trong một hoàn cảnh nào đó, Thủy nếu có dịp sẽ nói với Long rằng, con Uyên nó viết luận văn thật hay. Nó đã hy vọng như thế, dù chẳng hiểu điều nó hy vọng đó có mang nghĩa lý gì cho ai không.

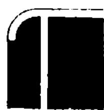
Ở lại chơi rượt bắt không? Khánh Long hỏi.

Lời mời thật hấp dẫn. Nụ cười thật thu hút, sức thu hút mạnh vừa đủ để Uyên biết hình ảnh khi Long cười lúc này sẽ ở lại trong nó mãi mãi. Nhưng đứa con gái lắc đầu. Thôi, hôm nay lười, để ngày mai.

Khánh Long đi theo đám học trò trai gái sẽ ở lại chơi trò rượt bắt. Để ngày

mai. Uyên nghe mình lập lại lời hẹn, lập lại với một nỗi tiếc nuối, không rõ vì tiếc cuộc chơi hay tiếc rằng cuộc chơi đã mất đi độ vui đối với nó. Để ngày mai. Uyên đi một mình ra phía cổng trường khi đứa bạn nắm tay xếp hàng cũng đã bỏ hàng để nhập cuộc chơi rượt bắt. Ngày mai rồi Ngà sẽ hết giận, rồi mọi việc sẽ trở lại bình thường. Ra đến cổng trường Uyên đứng lại, không biết nên đi đâu vì nó chưa muốn về nhà. Ngà hay giận vì Ngà biết ngày mai rồi sẽ lại gặp. Ngày mai, ngày mai. Nó lẩm bẩm trong miệng, rồi mím môi. Có điều gì chắc chắn ngày mai rồi sẽ gặp không, có gì hứa chắc ngày mai rồi sẽ y như ngày hôm nay không. Nhưng nó đã sửa soạn trước rồi, và vì thế nó cảm thấy đỡ đau đớn. Ngày mai sẽ chỉ còn lại những hình ảnh. Chỉ còn lại những hình ảnh là mãi mãi, in mãi mãi trong trí nhớ nó, sự mãi mãi dài bằng cho đến khi nó thôi không còn sống.

PHẠM THỊ NGỌC



NGUYỄN TIẾN

oa oa, au revoir

Thảm thiết là giảng thuyết
Mây trắng là nắng say
Dòng sông là đồng trống
Đắng cay là tháng ngày

Khệnh khạng là chệng choạng
Ểnh ương là nhiễu nhương
Cõi trần là mỏi trán
Yêu thương là miếu đường

Hư không là hư đốn
Khổ qua là Nữa oa
Xuống tóc là muốn khóc
Oa oa, au revoir

NGUYỄN TIẾN



ĐOÀN NHẬT

ngẩng đầu nhìn hừng đông

Ngẩng đầu nhìn hừng đông
Lửa cháy trong trí nhớ rã bạt
Tầng mây tuyệt xa lạ
Mang màu da trận bão khô đau cuồng

Ngẩng đầu nhìn rừng hút đắm
Gió nổi trong tâm động sầu bi
Bóng lá không ngày tháng mê lạc
Cành rễ xổ tung tóc rối hoang tán

Ngẩng đầu nhìn núi khoanh vùng
Đá cắt từng khối thầm lặng
Cánh chim nặng như đeo ô nhục
Vượt truông đèo bóng chứng tích biến dạng

Ngẩng đầu nhìn biển đằm muối sát
Nước dâng ở đuôi mắt thiên thu
Sóng bạt cuốn kéo trần duyên
Xô đảo nổi bèo bọt đã sâu thẳm

Ngẩng đầu nhìn chuyển hướng mặt trời
Lửa đang cháy vào lịch sử
Đất trời nổi cộm
Những nỗi không bền vững tuyệt xa lạ

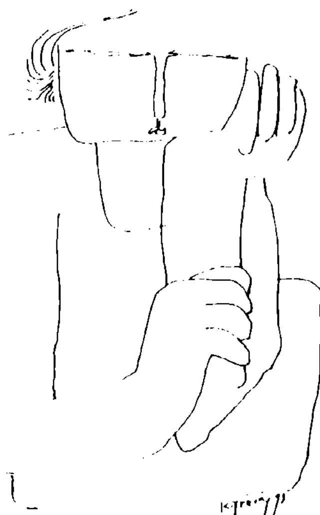
Ngẩng đầu nhìn, ngẩng đầu nhìn
Những bất ngờ ngày đang bung mở...

ĐOÀN NHẬT



NGUYỄN HUY THIỆP

xuân hồng



Nhân vật:

- Mụ Dầu
- Phàn Khoái
- Thanh Tâm
- Từ Thực
- Ông già (Thần Gió)
- Các kỹ nữ, các vũ nữ
- Ông to béo
- Ông râu bạc

Ghi chú:

Vở kịch có bốn hồi, sử dụng rất nhiều các điệu múa hát cổ và hiện đại.

*

HỒI I

Quán Xuân Hồng

Mụ Dầu (vỗ tay): Nào các con! Ra cả đây!

(Năm sáu cô gái môi son má phấn đẩy nhau ra)

Mụ Dầu: Nào! Ra cả đây! Có gì mà ngượng nào.

Phàn Khoái: Ngượng cũng hỏng, mà trơ trẽn cũng hỏng. Đừng có ngượng quá, mà cũng đừng có trơ trẽn quá. Dịu dàng, nhẫn nhục, chiều chuộng... đấy là điều các em phải tạc vào lòng.

Mụ Dầu: Con Thúy, con đứng ra đây má xem nào. Con qyay một vòng má xem nào... Thế... Được rồi... Đưa tay đây má xem nào. Tay gì mà cục mịch, sần sùi, đầy những chai thế này.

Phàn Khoái: Cái ấy dễ giải quyết thôi... Tôi sẽ cho chuyên gia đến sửa sang tô điểm... Thành mỹ nhân ngay đấy mà... Này, em phải bỏ cái tật mím mím môi ngay di. Em có hàm răng như ngà như ngọc thế này phải phô ra chứ...

Mụ Dầu: Con Thúy quê ở Nga Sơn Thanh Hóa...

Phàn Khoái: Được! Tốt lắm! Gái Thanh Hóa "chiến" lắm. Em Thúy này đáng là trung phong của quán Xuân Hồng đấy bà chị ạ.

Mụ Dầu: Con Thúy đứng sang bên này... Con Tâm ra đây má xem. Sao mà ủ dột mày chau thế này... Cậu Khoái, cậu thử xem chân tay người ngợm nó thế nào.

Phàn Khoái: Em Tâm có cốt cách của Thúy Kiều với Lâm Đại Ngọc(1) đây... Loại này phải tay chơi sành mới thích được. Em phải học những bài học khó đấy em ạ... Em lãnh cảm quá, gợi hứng ở em rất khó. Chắc lại mắc tội học hành chữ nghĩa văn chương phải không?

Tâm: Dạ... Em học dở Đại học...

Phàn Khoái: Đấy... Biết ngay mà... Các em cứ chữ nghĩa vào là hỏng hết cả. Phải tự nhiên nhi nhiên... Học hành làm quái gì. Chữ nghĩa nó làm teo hết cả thân hình em tôi thế này có khổ không?

Mụ Dầu: Con Tâm này dễ làm mất lòng khách lắm! Tiếng nói lại ồ ồ ồ ồ... Lại đoảng nữa!

Phàn Khoái: Chị đừng lo! Em phải đích thân dạy dỗ "ca" này mới được... Thành công thì là "Kiếm phong kim", vàng trong kim đấy bà chị ạ... Chỉ sợ khách chơi dứt không ra được mà thôi.

Mụ Dầu: Cậu thì ai cũng khen.

Phàn Khoái: Đàn bà... Đấy là kỳ tích của Thượng Đế. Không có đàn bà xấu, chỉ có đàn bà chưa biết cách làm đẹp mà thôi. Không biết ai nói câu ấy nhỉ?

Mụ Dầu: Cậu lý sự lắm... Nào, các con... Đứng dàn cả ra đây cho má xem nào!

Phàn Khoái (ngắm nghía): Được! Đội hình của chị thế là được. Chưa thể gọi là mười phân vẹn mười nhưng rõ ràng là công suất làm việc cao đấy, có thể bằng một phân xưởng nhà máy nếu như ta tổ chức tiếp khách được 24 trên 24 tiếng đồng hồ. Có điều, đội hình hơi dàn trải. Vẫn thiếu một minh tinh.

Mụ Dầu: Thôi bây giờ các con vào nhà trong đi... Tắm gội, ăn uống, trang điểm, nghỉ ngơi... Bao giờ có khách má gọi.

Các cô đi vào.

Mụ Dầu (rót nước: Cậu uống nước đi... Cậu nói cái gì minh tinh?

Phàn Khoái: Tất cả đám gái này của chị là nền, là "phông" cho một minh tinh. Chị có con bé nào 15, 16 tuổi mà kháu khỉnh không? Ta phải biến nó thành hoa hậu Xuân Hồng, ta phải dạy dỗ nó thật sành điệu. Khách chơi phải mê mẩn tơi bời với nó, có như thế chị mới hốt bạc được.

Mụ Dầu: Khó đấy! Nhưng nếu cố kiếm cũng được. Chắc cũng phải bỏ vốn kha khá.

Phàn Khoái: Làm gì cũng phải có vốn chứ. Nhưng vốn chỉ là khởi đầu. Thắng, bại phụ thuộc vào sức chơi của chị. Chị có nghèo rớt mồng tơi, nhưng sức chơi của chị có tầm như một bậc vương giả, các anh hùng trong thiên hạ

vẫn cứ ngả mũ chào chị như thường, có khi chị còn đi vào lịch sử như một danh nhân văn hóa hẳn hoi. Ngày xưa cô Tư Hồng cũng thế, còn được vua ban "Tiết hạnh khả phong".

Mụ Dậu: Chị chịu cậu!

Phàn Khoái: Khách chơi đến đây, các chị em vừa rồi chỉ xứng là loại móc túi vặt mà thôi. Khách nào ít vốn, có khi còn bị móc túi hết cũng nên. Chỉ có tay chơi nào trường sức, vốn nhiều mới mon men được đến hoa hậu Xuân Hồng của ta. Chị hãy nghe em, chị hãy cố kiếm ra được một minh tinh thật sự. Chị bỏ vốn một, chị thu được mười. Em sẽ bỏ hết kiến thức để dạy dỗ cho nó nên người.

Mụ Dậu: Để chị suy nghĩ thêm đã.

Phàn Khoái: Có gì mà phải suy với nghĩ... Chị cứ mở két ra. Chị cứ gọi bọn tiểu yêu, bọn ma cô, bọn mẹ mìn đến đây mà giao nhiệm vụ. Cần mua đến cả Hằng Nga cũng có. Cần mua đến cả hoa hậu Đông Dương cũng có!

Mụ Dậu: Khó đấy! Thời buổi bây giờ toàn mèo mả gà đồng, mạt cưa mướp đắng cả. Chị không tiếc vàng, chị chỉ tiếc mua phải của thối của ôi thôi. Nghề này là nghề chơi, không phải kẻ sành điệu không sao biết được.

Có tiếng gõ cửa.

Mụ Dậu: Ai gõ cửa thế?

Phàn Khoái: Định mệnh chăng?

Mụ Dậu: Không phải ám hiệu của khách làng chơi.

Phàn Khoái (quay vào buồng trong gọi): Này Tâm!

Tâm ra, vừa đi vừa vấp, rõ là người vụng về.

Tâm: Dạ.

Phàn Khoái: Em ra mở cửa xem ai hỏi thế?

Tâm ra mở cửa.

Một ông già thanh tao đạo cốt bước vào, mặc quần áo chàm xanh.

Mụ Dậu, Phàn Khoái: Chúng con lạy cụ!

Ông già: Không dám! Xin chào chư vị.

Mụ Dậu: Rước cụ vào chơi! Tâm, con pha trà nhé! Khéo đánh đổ nhé!

Tâm: Dạ! (*vào pha trà*)

Phàn Khoái (kéo ghế): Rước cụ ngồi!

Ông già: Cám ơn chư vị!

Mụ Dậu: Thưa cụ, cụ ở đâu lại? Cụ đến nhà con chắc có điều chi dạy bảo.

Ông già: Ta ở đâu ư? Ta ở gió nội mây ngàn. Đây là quán Xuân Hồng phải không? Chư vị mở quán bán thịt người, ta đến giúp cho chư vị đây.

Mụ Dậu, Phàn Khoái (quỳ lạy rối rít): Lạy cụ... Chúng con lạy cụ... Chúng con cắn rơm cắn cỏ lạy cụ... Cụ là thần là thánh... Xin cụ phù hộ độ trì... Xin cụ tha tội cho bọn chúng con...

ông già (cười sang sảng): Đứng lên! Đứng lên đi... Khách đến nhà mà gia chủ lạy lục như thế không nên... Hơn nữa, chư vị có tội tình gì đâu?

Mụ Dậu, Phàn Khoái (đứng lên): Dạ, dạ...

Phàn Khoái: Dạ, thưa cụ... Người đời phàm phu tục tử, cứ nghĩ công việc của chúng con là việc đê tiện, là... là việc mất đạo đức. Chúng con chỉ sợ cụ bị thành kiến, rồi hiểu sai cả thì chết.

Ông già (cười): Mua người là việc đạo đức thì bán người sao lại vô đạo đức? Thế gian biến cải, vũng nên đồi, đồi thành vũng, ai biết việc nào đê tiện, việc nào thanh cao...

Phàn Khoái: Trời, cụ biết thế cho chúng con thì hết ý đấy.

Tâm bưng trà ra.

Phàn Khoái: Mời cụ dùng trà... Em Tâm, em vào mang cái quạt lông công ra đây quạt hầu cụ... Thưa cụ, chúng con biết cụ không phải người phàm trần, cụ có điều gì dạy bảo cho chúng con, chúng con nhất nhất nghe lời.

Tâm mang quạt ra đứng hầu.

Cụ già: Ta cũng chẳng có điều gì dạy bảo cho chư vị đâu. Bán người là một thuật của người đời, cũng như thuật của kẻ làm vua, của kẻ làm ruộng, đã là thuật của con người đều phải lấy cái tâm đạo làm gốc, xuất phát từ tâm.

Mụ Dầu: Phải, cụ nói như thấu gan thấu ruột của con. Con bao giờ cũng lấy sự giúp người, lấy lòng từ tâm để đối nhân xử thế, nhất nhất không sai.

Cụ già: Ta nghe nói chư vị đang cần một minh tinh, cần một hoa hậu phải không?

Mụ Dầu: Dạ... dạ...

Phàn Khoái: Thưa cụ, minh tinh chúng con cần không phải là minh tinh màn bạc. Hoa hậu chúng con cần không phải là hoa hậu thời trang.

Cụ già: Chư vị cần có một con đĩ hạng nhất chứ gì?

Phàn Khoái: Thưa cụ, cũng không phải thế. Một con đĩ hạng nhất... Điều ấy thô bạo quá... Hơn một con yêu tinh, hơn một bà hoàng, hơn một gái chính chuyên, hơn một nhà đạo đức, thưa cụ... nghĩa là chúng con cần một nhà văn hóa... Cần một nhà văn hóa thực sự cho ổ nhện này... Chúng con cần một viên ngọc sáng ngời, cần một tay chơi sành điệu, cần một bà hoàng của mọi bà hoàng, cần một *bố già*, cần một máy in tiền, cần một cơ thể Vệ Nữ, cần một quận chúa, một tấm lòng vàng... Tất cả điều ấy phải được "*ngộ*" vào một tâm hồn trong trắng, vào một tấm thân ngọc ngà!

Cụ già (cười): Chơi được đấy! Chơi được đấy! Có khó gì đâu!

Phàn Khoái: Thưa cụ, phải là một giá trị văn hóa điểm cốt cách Việt... Chúng con cần, cụ ơi, để có khả năng thu hút nhân tài vật lực, để rút được tinh lực của toàn cõi nhân gian... *(hài hước)* nói như một nhà văn, đấy là "một cõi nhân gian bé tí".

Mụ Dầu: Thưa cụ, xin cụ giúp cho chúng con...

Cụ già (cười): Chơi được đấy! Chơi được đấy! Có khó gì đâu!

Dừng lên đi chậm rãi.

Mụ Dầu, Phàn Khoái (quỳ lết theo): Lạy cụ, lạy cụ.

Cụ già (chỉ Tâm): Như cô gái này được chăng?

Phàn Khoái: Thưa cụ, phải đẹp hơn, phải trẻ hơn, phải giỏi giang hơn,

phải dâm hơn, phải gợi hứng hơn... Tóm lại, phải là văn hóa, phải là siêu điếm, phải là một *"la vénus annamite"(2).*

Cụ già phất tay, một làn khói trùm lên người Tâm.
Làn khói tan đi, Tâm biến thành một cô gái
xinh đẹp trẻ trung, nhanh nhẹn.

Cụ già (cười): Chơi được đấy! Chơi được đấy! Thế đã thoả mãn chưa? Thế đã thỏa mãn chưa?

Phàn Khoái (dụi mắt): Trời! Đây là người hay tiên? Đây là tiên hay người?

Mụ Dầu: Trời ơi! Sao lại có người đẹp thế này! Con ơi! Con quay một vòng cho má xem nào! Tóc như mây! Mắt như sao! Miệng như hoa sen! Cổ cao ba ngấn! Thắt đáy lưng ong! Trời! Thật đáng giá ngàn lạng vàng!

Phàn Khoái, Mụ Dầu (quỳ lạy): Lạy cụ! Lạy cụ! Cụ là người trời! Thật là ước gì được nấy... Chúng con lạy cụ!

Cụ già: Đứng lên đi! Đứng lên đi! Đấy nhé: mỹ nhân có rồi, vòng bánh xe chuyển rồi... Thôi ta đi đây.

Cụ già phất tay. Một làn khói trùm lên người.
Làn khói tan đi, cụ già biến mất.

Phàn Khoái: Trời ơi! Đây là tỉnh hay mê thế này *(chạy lại quỳ xuống trước Tâm)* Mỹ nhân ôi! Em là hiện thực hay em là siêu thực? Em là người, là quỉ, là ma, hay là tiên nữ?

Mụ Dầu: Cậu Khoái! Cậu tỉnh lại đi! Rõ ràng đây là con Tâm bằng da bằng thịt *(đỡ lấy Tâm)* Con ơi! Công chúa của má! Hằng Nga của má! Cục vàng của má! Con là vàng ròng của má! Con là đô-la của má! Con là vật quốc bảo, con là ngọc tỉ truyền quốc của má! Có phải con là Tâm không hả con?

Tâm (gỡ tay mụ Dầu): Thưa má, con là Tâm đây, con là cô Tấm trong truyện cổ đây, con là đạo đức và vô đạo đức... Má ơi! Má có nhận ra con không?

Mụ Dầu: Có... có! Má có nhận ra con... Con ơi, thế con chấp nhận ở quán Xuân Hồng này chứ? Con nhận tiếp khách, có phải không con?

Tâm: Thưa má, con là vật sở hữu của má!

Phàn Khoái: Trời ơi! Chèng đéc ơi! Em có thể gợi hứng cho toàn nhân loại... Tâm ơi, em dâm như Thúy Kiều chứ?

Tâm: Thưa anh Phàn Khoái, em dâm như Thúy Kiều.

Phàn Khoái: Em dâm như Hạ Cơ(3) chứ?

Tâm: Thưa anh Phàn Khoái, em dâm như Hạ Cơ.

Phàn Khoái: Tuyệt quá! Em thuộc "Chinh Phụ Ngâm" và hát được Trịnh Công Sơn chứ?

Tâm: Thưa anh Phàn Khoái, em thuộc "Chinh Phụ Ngâm" và hát được Trịnh Công Sơn.

Phàn Khoái: Trời ơi! Thế là hết ý! Em là số dách, Tâm ơi! Thế em nhảy được cả "discô" với "chachacha" chứ?

Tâm: Thưa anh Phàn Khoái, em nhảy được cả "discô" với "chachacha".

Phàn Khoái (nhảy): Trời ơi! Tuyệt quá! Xuân Hồng muôn năm... Các em ơi, ra cả đây! Ra cả đây! Ngày mai chúng ta mở cửa! Chúng ta mở quán Xuân Hồng! Hỡi Xuân Hồng! Xuân Hồng! *Hỡi Xuân Hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*(4).

Phàn Khoái, Tâm và năm sáu vũ nữ dàn hàng ngang nhảy rất cuồng nhiệt trong tiếng nhạc và ánh sáng muôn màu. Màn hạ.

HỒI II

Quán Xuân Hồng

Phàn Khoái: Chị thấy hôm nay khai trương mở cửa, quán Xuân Hồng của ta trang trí đẹp chưa?

Mụ Dầu: Được, được... Thế cậu thấy chị ăn mặc thế này được chưa?

Phàn Khoái: Được... Bộ áo dài nhung tuyết rất hợp với chị... Chỉ tiếc chuỗi hạt không phải là kim cương thật, nếu không, đến tài tử Ê-li-da-bét Tay-lo cũng còn thua chị...

Mụ Dầu: Thế hôm nay khách khứa có những ai nào?

Phàn Khoái: Đủ cả... Có cả năm châu bốn biển. Xanh-ga-po có, Nam Triều Tiên cũng có, Phi-líp-pin cũng có, Ma-rốc cũng có, Gia-nã-đại cũng có... Tất cả có lẽ phải mấy chục người.

Mụ Dầu: Chết! Đám gái của ta thế làm sao chứa được?

Phàn Khoái: Chị đừng lo... Em đã huy động các ổ nhện trong toàn thành phố. Bao nhiêu cũng chiều! Thế nào cũng chiều!

Mụ Dầu: Thế cậu để cho con Tâm tiếp khách thế nào?

Phàn Khoái: Chị phải gọi là Thanh Tâm tuyệt nữ chứ, sao lại quê mùa cục kịch, con nọ cái kia vào đây.

Mụ Dầu: Ừ... Ừ... Phải rồi... Thanh Tâm... Thanh Tâm...

Phàn Khoái: Thanh Tâm là tuyệt kỹ, là danh kỹ của quán Xuân Hồng, nắm được mọi thuật của khách làng chơi. Giá cả thì tùy chị định, chị cứ chặt đẹp cho em. Khách chơi muốn gặp mặt thì phải có lễ, lễ hậu thì được tiếp một ly rượu Vân(5) và biếu trả lại một bài thơ, một bài hát, lễ bạc thì chỉ giữ lại uống chén trà thôi.

Mụ Dầu: Thế không có ngủ nghê, không có "sếch xiếc" gì cả?

Phàn Khoái: Tùy chị, chị càng làm cho khách ức chế, chúng càng đổ của vào hầu bao của chị. Giai nhân phải xứng với anh hùng, chị phải làm cho chúng rỏ dãi ra, bọn dâm đãng đốn mạt ấy! Chị cứ cho Xuân - Lan - Thu - Cúc - Hồng - Đào - Hạnh - Mai, chị cứ cho tiểu yêu, cho nặc nô ra đã... chờ cho con bạc khát nước, phải đánh tiếng bạc đã đời, lúc ấy ta mới xuất chưởng...

Mụ Dậu: Chịu cậu! cậu thật cơ mưu thần tình. Nào! Cậu xem đã đến giờ

chưa, mở nhạc lên đi! Để chị vào bảo bọn dàn em ra đón khách.

Mụ Dầu vào.
Sân khấu mờ ảo. Các cặp trai gái ôm nhau theo tiếng nhạc lướt ra sân khấu.
Thật là một vũ hội đông vui.
Phàn Khoái chạy đi chạy lại đón khách.
Một ông to béo, râu vểnh bước vào, ngơ ngác nhìn.
Đám khiêu vũ lướt dần vào trong sân khấu.

Ông to béo: E hèm... E hèm!

Phàn Khoái: Xin chào quí khách! Xin chào quí khách!

Ông to béo: Đây là quán Xuân Hồng phải không?

Phàn Khoái: Thưa anh, đúng "cựa", đúng là quán Xuân Hồng đấy ạ.

Ông to béo: Thế có giống quán Bam-bi, quán A-li-ba-ba không?

Phàm Khoái: Thưa anh, giống mà không giống.

Ông to béo: Ta chỉ thích "giống" thôi.

Phàn Khoái: Có "giống" đấy ạ.

Ông to béo: Gọi "giống" ra đây.

Phàn Khoái vỗ tay.

Một kỹ nữ bước ra, mặc "mi-ni-giuýp"

Ông to béo: Có phải làm con dê không?

Phàn Khoái: Thưa anh, anh cứ tự nhiên! Xin anh một vé!

Ông to béo(dang hai tay làm con dê): Be... be... be... be....! Ái khanh ơi! Ái khanh ơi!

Kỹ nữ (vỗ tay): Anh ơi... Anh làm con gà đi!

Ông to béo: Cúc cù cu... Cúc cù cu! Ái khanh ơi! Ái khanh ơi!

Phàn Khoái (nhã nhặn chắn trước mặt kỹ nữ): Tuyệt lắm! Con dê cũng khéo! Con gà cũng khéo! Xin anh một vé!

ông to béo móc ví trả tiền cho Phàn Khoái.
Phàn khoái nhã nhặn đứng sang bên.
Kỹ nữ đi vào trước, ông to béo gù lưng làm con gà cục tác đi theo.

Phàn Khoái (giơ đồng tiền lên nhìn): Mẹ khỉ! cái đồng tiền này bẩn quá! Mạt hạng quá! hạ lưu quá! Thế mà cũng để ria mép! Thằng dê này trước sau cũng bị Sida thôi.

Ông râu bạc lởm chởm vao, quần áo vét-tông cũ kỹ.

Ông râu bạc: E hèm! E hèm!

Phàn Khoái (vui vẻ): Kính chào quí khách! Kính chào quí khách!

Ông râu bạc: Quán Xuân Hồng phải không?

Phàn Khoái: Thưa anh, quán Xuân Hồng đây!

Ông râu bạc: Công anh... ơ hơ.... mộng công danh! Vì sao tớ lạc tới lầu xanh... Vé đắt không ông bạn... Tớ kém xu lắm... Lại hơi nệ cổ...

Phàn Khoái: Nhân tâm tùy thích... Ông anh bốn chục xuân xanh chưa mà

râu bạc lởm chởm thế này...

Ông râu bạc: Bốn chục rồi đấy... Đi khắp cùng trời cuối đất rồi... Đánh nốt tiếng bạc này rồi về quê đây... Nào! Cho tớ một vé! (*đưa tiền*).

Phàn Khoái: Mẹ khỉ! Ấy thế mà đồng tiền này sạch mới giật mình chứ... Anh cả ạ... Đáng nể đấy!

Ông râu bạc: Mẹ mày chứ! Đồng tiền sạch làu làu là khác! Ba bằng Đại học đấy chú em ạ... Tiền anh mày đi dạy học thêm đấy chú em ạ...

Phàn Khoái: Tiền nào của ấy... Mời anh ngồi uống một chén nước trà nào (*vỗ tay*). Dàn nhạc dân tộc đâu! Có khách phong lưu đến nhé.

Mấy nhạc công dân tộc mang sáo mang nhị ra, dàn sáo vang lừng một khúc nhạc ngắn. Nhạc dừng.

Ông râu bạc (vỗ tay): Hay! Thật đáng đồng tiền!

Phàn Khoái: Đáng cho đồng tiền sạch! (*gọi*) Thanh Tâm đâu? Thanh Tâm!

Tâm mặc áo tứ thân, vấn tóc đuôi gà tha thướt bước ra.

Ông râu bạc (dụi mắt): Trời! Đây là người hay tiên? Đây là tiên hay người? Mỹ nhân ôi! Đồng tiền của ta mua sao nổi người!

Phàn Khoái: Đồng tiền của khách phong lưu không mua nổi người nhưng mua được một bài ca... Nào! Nhạc lên nào! Hát bài ca về râu bạc nào!

Các nhạc công nổi nhạc. Tâm vừa múa vừa hát.

Tâm (hát):

Này râu bạc! Hỡi râu bạc
Này sợi râu bạc kia
Kẻ làn quan có ngươi thì bậc trên thêm ghét
Học trò có ngươi thì thầy dạy chẩn tênh
Bao người vì ngươi mà lận đận
Bao kẻ vì ngươi mà lênh đênh
Than ôi! Râu bạc kia, sao ngươi vô tình
Ngươi nên bám vào cằm tể tướng
Hoặc giả bám vào cằm công khanh
Bọn họ công thành danh toại
Chẳng hề lo sợ chênh vênh
Còn ta, trước ngọn đèn tàn lạnh lẽo
Những lo chăm chỉ học hành
Những mong vẫy vùng biển cả
Không ngó đô thành
Thế mà ngươi cứ năm nay một sợi
Sang năm một nhành
Khi đến đã chóng
Khi mọc lại nhanh
Như khách quê mùa đi rồi trở lại
Như đám cỏ dại cắt rồi lại xanh

Ngươi nỡ mặt dày không thẹn
Thế mãi sao đành!
Này râu bạc, râu bạc
Xót xa một ước mơ xanh(6)

Tâm vừa hát vừa lùi vào trong sân khấu. Dàn nhạc đi theo.

Ông râu bạc (sững sờ): Hết cả rồi sao? Hết cả rồi sao? Đây là hiện thực hay là chiêm bao? (*nức nở*) "Cuộc đời thương như vợ của ta ơi! Cuộc đời thương như vợ của ta ơi!"(7)

Phàn Khoái đỡ ông râu bạc lên,
dìu ra ngoài sân khấu, ông râu bạc vừa đi vừa nức nở.
Đám trai gái khiêu vũ lướt vào.
Vũ hội đông vui, sôi động. Màn hạ.

HỒI III

Quán Xuân Hồng (Có treo ảnh Tâm phóng to)

Mụ Dầu (đếm tiền): Chà! Bộn tiền quá! Đáng giá quá cậu Phàn Khoái ạ... Đô-la này! Rúp này! Nhân dân tệ! Cái đồng này là tiền gì mà ngoằn ngoèo thế này hả cậu?

Phàn Khoái: "Tầm" quá đi mất! Đấy là đồng Yên đấy bà chị ạ!

Mụ Dầu: Thế tỉ lệ nó so với tiền ta thế nào?

Phàn Khoái: Cái ấy phải có chuyên gia... Thôi chị mau sắp xếp cho gọn vào đi rồi lo chuyện khác.

Mụ Dầu: Chơi tiếp chứ! Bọn nó đứa nào cũng tươi hơn hớn... Cậu biết không, trời phú cho đàn bà chúng tôi cái của nợ ấy, biết nói thế nào nhỉ, thật đúng là một kỳ quan.

Phàn Khoái: Hoa nở có thì... Hoa nở có thì... Cuộc vui nào cũng có lúc tàn... Tre già măng mọc... Đáng tiếc ở quán Xuân Hồng chỉ có một Thanh Tâm trẻ mãi không già...

Mụ Dầu: Chị phục cậu đấy... Cho đến bây giờ cậu chưa để Thanh Tâm phải... phải làm cái chuyện ấy... Tức là cái chuyện trăng hoa ấy... Thế mà đã bộn tiền thế này... Thế khi nó... ấy... dễ đến núi vàng sập xuống đất này.

Phàn Khoái: Bà chị ạ... Chớ có nôn nóng... Chớ có sốt ruột.

Mụ Dầu: Thôi chị vào đây... Chị vào cai quản cái lũ nặc nô của chị... Có khách thì thôi, hễ không khách là chúng cấu xé nhau như mèo với chó. Ấy thế mà "bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn" đấy! Đồ khỉ! Thực là lũ khỉ.

Vào

Phàn Khoái (ngắm ảnh Tâm): Thật xứng là đại mỹ nhân! Tây Thi(8) ngày xưa có lẽ cũng chỉ thế này... Thật là nghiêng nước nghiêng thành... Thật là giai nhân tuyệt sắc... Đáng tiếc... Đáng tiếc thay... Đáng tiếc cho cái mặt đất

nơi ta đang đứng trên này, sao mà mi cô quạnh đến thế, ngươi cô liêu thế, ngươi vô tình thế? *(lấy thuốc trong túi ra uống)* Cái đầu nóng bỏng của ta! Ngươi còn trụ được trên cái cổ ngẳng này không? *(cười)* Này Phàn Khoái! Phàn Khoái! Ngày xưa cũng đã từng có một gã Phàn Khoái xứng danh là một công thần dựng nước, lập nên cơ nghiệp mấy trăm năm nhà Hán cho Lưu Bang(9). Ta nay là một Phàn Khoái dựng nên ổ nhện Xuân Hồng *(cười)*. Xuân Hồng! Xuân Hồng! "*Hỡi Xuân Hồng, ta muốn cắn vào ngươi*"!

Vào

Sân khấu trống, nhạc, gió bão nổi lên.

Từ Thực bị gió đẩy ra sân khấu.

Từ Thực: Đây là đâu? Là trần gian hay âm phủ? Là hiện thực hay siêu thực? Là động tiên hay động quỉ? Ta là một gã trai hèn, cơn cớ nào xui ta lạc bước đến đây? Kìa, gió, gió, gió bão! Sao gió bão cuốn ta vào đây?

Thần Gió ra (đầu tóc toàn thân lông lá như người tiền sử).

Thần Gió (cười): Đừng sợ! Đừng sợ! Chàng trai trẻ tuổi! Chính ta đẩy ngươi vào đấy!

Từ Thực (sợ hãi): Ngươi là ai? Sao ngươi lại mông muội, man rợ thế này?

Thần Gió (cười): Ta là Thần Gió, ta là thời vận! Sao ngươi lại chê bai sự mông muội của tâm linh? Sao ngươi lại lại chê bai sự mông muội của thần thánh?

Từ Thực (bình tĩnh lại): Không, tôi đâu dám chê bai... Chẳng qua tôi đã sợ hãi... Tôi sợ hãi những hoàn cảnh không phải của mình. Ở đây *(nhìn quanh)*... có một cái gì không quen thuộc, một cái gì khủng khiếp... Đúng rồi... Ở đây thiếu một không khí luân lý, thiếu một không khí đặc.

Thần Gió (cười): Từ Thực! Anh thật là một gã trai quê mùa cục mịch. Luân lý! Anh có biết luân lý là gì không? Luân lý sinh ra là để nhằm giết chết những đam mê, luân lý chính là kẻ thù nghịch của những giá trị sống... Anh đã bị không khí luân lý của hàng ngàn năm trời đầu độc... hứ không khí nặng mùi... Này! *(giơ tay lên, gió bão thổi)* Ta trả anh về cho bản năng! *(gió lịm đi)*.

Từ Thực (vươn chân tay, nắn bóp chân tay): Trời! Tôi thấy máu chảy rần rần dưới da tôi... Tôi cảm thấy có máu nhục cảm và máu cừu hận, thậm chí trong tôi sùng sục ý chí phi luân... Tôi điên sao? Tôi cảm thấy có dòng máu ác nhân của tâm linh cuồn cuộn trong tôi.

Phàn Khoái quay ra.

Phàn Khoái: Xin chào! Không có ai điên mà vào quán Xuân Hồng này cả! Anh là một thanh niên lành mạnh... Anh sợ gì chứ? À... hay quá... Lại có một bác người vượn từ thời C-rô-ma-nhông cũng đến đây nữa... Ở đây không không có tiêu vỏ sò đâu nhé. Bây giờ là thời tiền giấy... Thế hai người cùng bọn với nhau đấy à, tôi muốn nói là cùng huyết thống với nhau đấy à? Cùng giai cấp với nhau đấy à?

Thần Gió: Phải, chúng tôi cùng một duộc... Đây là anh chàng đáng kể nhất trong đám thanh niên tôi gặp ngoài đường... Các giá trị huyết thống

thảy lố bịch. Máu của thế gian lỏng hết cả rồi.

Phàn Khoái: Chịu ông anh! Ông anh trông thế mà chịu chơi Ông anh định bao cậu cả này chăng?

Thần Gió: Bao cả sân đấy! Bao suốt cả tăng! *(quay ra vỗ vai Từ Thực).* Này! Từ Thực, chú thích cô nào thì chấm cho ta... Mặc sức nhé! Thỏa chí nhé! Hãy dựa vào sự chính xác của bản năng nhé!

Phàn Khoái: Này! Ông anh bỏ tiền ra đã... Ở đây tiền trao cháo múc, không có lệ ngắm suông người đẹp đâu đấy. Kinh tế thị trường mà!

Thần Gió (gọi): Chủ quán đâu?

Mụ Dầu (ra): Dạ! Có ngay!

Thần Gió: Mang cho ta ba cái mâm đựng vàng!

Mụ Dầu vẫy tay. Ba cô gái mang ba cái mâm to kê ở giữa bàn. Thần gió giơ tay, một làn khói trùm lên. Khói tan, ba mâm vàng châu báu chất cao.

Mụ Dầu, Phàn Khoái, các cô gái: Trời ơi! Vàng bạc! Kim cương! Châu báu!

Mụ Dầu: Trời ơi, nhẫn này! *(deo nhẫn)* Hạt cườm này! *(deo hạt cườm)* Lắc vàng này! *(deo lắc vàng)*... Toàn vàng mười cả...

Phàn Khoái: Bà chị ơi, khoan đã... Này bác người rừng với cậu cả đỏ, các vị định mua cả quán Xuân Hồng này sao?

Thần Gió: Tùy thuộc chú này *(chỉ Từ Thực)* Tùy ở sự chính xác bản năng của chú ấy. Chú ấy chọn beo thì được beo. Chọn dê thì được dê. Chọn ngợm thì được ngợm. Chọn người thì được người. Nào! bày ra cả đây.

Phàn Khoái (hứng khởi): Nào! Màn công diễn thứ nhất bắt đầu. Nhạc lên đi! Nhạc lên nào!

MÀN MÚA THỨ NHẤT

(Các vũ nữ trình diễn một màn múa mê hồn)

Thần Gió (với Từ Thực): Nào! Chàng trai trẻ! Anh có tìm ra ý trung nhân trong đám tiên nữ này không?

Từ Thực (ngơ ngác, mơ mộng, kiên quyết v.v...): Ở đây tôi thấy nặc mùi son phấn, nặc mùi những nhầm lẫn, sai lạc. Rõ ràng có sự nặc mùi của tôn giáo, của luân lý, của cái mà các vị gọi là đạo lý, của đạo đức... Nặc những mùi phân chuồng trại... Gia đình không phải là một chuồng trại à? Bầy đoàn không phải là một chuồng trại à? Các tổ chức chuồng trại, các đơn vị chuồng trại... Này những cặp đùi đều tăm tắp, những đầu óc bã đậu đều tăm tắp cùng một "mốt", cùng một duộc, cùng một kiểu cách... Ở đây không có không khí của đam mê mà chỉ có sự nín nhịn của trật tự giả hình... Thôi! Dẹp đi! Dẹp đi thôi!

Thần Gió: Dẹp đi thôi! Các vị chủ quán! Thân chủ của tôi chưa được hài lòng.

Phàn Khoái: Thôi được! Ta làm lại nhé! Nhạc lên đi! Nhạc lên nào! Màn múa thứ hai bắt đầu!

MÀN MÚA THỨ HAI

(Các vũ nữ trình diễn một màn múa mê hồn)

Thần gió (với Từ Thực): Nào! Hãy nhận định đi, hỡi chàng trai.

Từ Thực (cảm xúc rất phức tạp): Tôi thấy ở đây đầy rẫy những âm mưu, đầy rẫy những nghịch lý... Đây là trò chơi xỏ à? Đây là sự đểu cáng được nhân lên trăm lần vạn lần à?... Sao lại đầy những nghĩa vụ và trách nhiệm ở đây?... Nhân danh cái gì? Tại sao lại ghép bừa bãi những ngẫu nhiên thành một trật tự dung tục, tầm thường?... vẫn nặc những mùi son phấn, vẫn nặc những mùi chuồng trại... vẫn nặc những mùi tôn giáo và luân lý... Không có sự chính xác của bản năng siêu việt... Thôi dẹp đi! Dẹp hết cả đi!

Thần Gió: Thôi dẹp đi! Thân chủ của tôi vẫn chưa tìm ra định mệnh của mình!

Phàn Khoái: Nếu thế thì ta làm lại! Nào nhạc lên đi! Nhạc lên nào! Màn múa thứ ba bắt đầu!

MÀN MÚA THỨ BA

(Các vũ nữ trình diễn một màn múa mê hồn)

Phàn Khoái (với Từ Thực): Nào, cậu cả đỏ, cậu ấm con nhà! Ông trưởng! Ông đại diện! Hãy tinh mắt nhé!

Từ Thực (mệt mỏi): Sao? Ta đang tìm kiếm gì? *(đi giữa đám vũ nữ)*. Ta tìm kiếm gì? Ta muốn nhấc ta lên một chục lần, một trăm lần, một tỉ lần? Ta tìm kiếm những kẻ theo ta? *(các kỹ nữ lảng xa Từ Thực)* Ở đâu? Ở đâu? Đâu là định mệnh của hoàn cảnh ta? Đâu là định mệnh của số phận ta? Ta tìm kiếm điều gì? Sao ta chỉ thấy hư không? Sao ta chỉ thấy hư không? *(các vũ nữ tản ra)* Ở đâu cũng thấy sai lầm, những hậu quả tưởng là nguyên nhân, rồi những nguyên nhân giả, rồi những mơ bòng bong phi lý... *(túm ngực Phàn Khoái)* Ở đây không có hơi hướng của tự nhiên hồn nhiên *(buông Phàn Khoái ra)*... Đây không có định mệnh của ta!

Tâm ra, trang phục giản dị.

Từ Thực: Đưa cho ta cây nến để ta soi đường *(mụ Dầu đưa cây nến, Từ Thực cầm nến soi từng vũ nữ)* Không! Không phải người này! Không phải người này!

Thần Gió (đi theo Từ Thực): Thân chủ! Anh phải cẩn thận đấy! Anh đừng nhầm đấy! Nhầm là toi đấy!

Từ Thực (vẫn lần lượt xem mặt từng người): Không phải người này! Không phải người này! *(đến trước mặt Tâm)* Ta đau nhói ở đây *(ôm bụng)* Đau nhói ở xương sườn ta. Đây rồi! Đây là cô gái ta vẫn chờ mong... *(quị xuống, Phàn*

Khoái giơ tay đỡ Từ Thục).

Mụ Dầu: Đây là hoa hậu của quán Xuân Hồng... Chết thế đấy... Đây là hoa hậu của quán Xuân Hồng.

Phàn Khoái: Cái anh chàng này! Cái thằng đực này! Cái thằng mọi này! Thằng cha này nó tạo ra người đàn bà của nó bằng gì vậy? Bằng cơn đau của hắn, bằng cái xương sườn của hắn, bằng "lý tưởng" của hắn(10)...

Thần Gió (cầm nến soi mặt Tâm): Xem nào! Xem ý trung nhân của thân chủ tôi! Cũng bõ một cuộc chơi 100 năm, một số kiếp... Rồi con cũng khổ thân thôi, con ạ, con ơi, *(lấy ngón tay dí vào trán Tâm, Tâm ôm mặt kêu lên đau đớn, mọi người xúm lại dỗ Tâm. Gió bão nổi lên, Thần Gió biến mất).*

Mụ Dậu (ôm Tâm): Trời ơi! Con tôi! Sao con lại thế này hả con? Tâm ơi! Tâm ơi! Hoa hậu của má! Vàng ròng của má! Hi vọng của má...

Phàn Khoái chỉ mặt Tâm): Này cái vết xám! Này cái vết chàm! Sao lại loang lổ trên mặt cô em thế này? *(Mặt mày Tâm đen sì lại)*... Tại mày! Tại mày! *(túm lấy Từ Thục)* Mày đã nhận ra... Tại sao trong bao nhiêu người mày lại nhận ra, mày lại nhận ra?

Từ Thục (gỡ tay Phàn Khoái): Đấy là một mảnh của định mệnh tôi... Bao giờ tôi cũng yêu nàng... Thế nào tôi cũng yêu nàng...

Mụ Dầu: Trời ơi! Mất hết cả rồi! Thế này là chẳng còn hy vọng nữa rồi... Khuôn mặt của nó dường như Hằng Nga mà nay đen kịt thế này... *(đẩy Tâm ra).*

Tâm đi đến đâu, các vũ nữ sợ hãi tránh ra như tránh người hủi.

Tâm: Sao tôi lại bị ruồng bỏ khỏi hoàn cảnh tôi? Vì sao? Hả má? Vì sao?

Mụ Dậu: Vì cái mặt mày, con ơi! Vì sĩ diện của con bị bôi nhọ. Con không còn xinh đẹp nữa rồi.

Từ Thục: Vì bản năng của ta lên tiếng gọi.

Phàn Khoái: Thế là hết cả... Xuân Hồng, Xuân Hồng! Hết cả Xuân Hồng... Còn đâu minh tinh màn bạc? Còn đâu hoa hậu Xuân Hồng? Còn đâu Thanh Tâm tuyệt nữ... *(ôm mặt gục xuống).*

Tâm (với Từ Thục): Anh! Tại sao anh nhận ra tôi? Anh có ruồng rẫy tôi không? Tôi xấu xí thế này! Tôi trở nên ghê tởm thế này! Anh có ruồng rẫy tôi không?

Từ Thục (đón Tâm): Ta tiếp tục nhận em như định mệnh tiếp nhận em... Bao giờ anh cũng yêu em... Thế nào anh cũng yêu em... Anh tìm được em trong ý thức...

Tâm gục vào lòng Từ Thục
Gió bão, sấm sét nổ vang.
Mụ Dầu và các vũ nữ chạy, ngã, chạy, ngã...
Từ Thục vẫn ôm Tâm đứng giữa sân khấu rối loạn.
Màn hạ.

HỒI IV

Sân khấu có nhiều tượng lớn nhỏ,
các ảnh chân dung sắp xếp la liệt khắp nơi.

Từ Thức, Tâm (cả hai mặc quần áo trắng ra, khuôn mặt Tâm đen kịt).

Từ Thức (dắt Tâm): Mau lên! Mau lên em! Sao hai ta lại lạc lối giữa đám đồ cũ thế này? Đây là lịch sử à? Vướng bận! Vướng bận quá đi!

Tâm: Thôi! Anh Từ Thực! Em mệt lắm! Em mệt lắm rồi... Em đã bị bôi nhọ... Em đã trở nên xấu xí... Em sẽ làm hại anh mất... Em van anh! Em van anh! Anh hãy để em ở lại! Anh hãy đi đi! Em đen đủi, em xấu xí thế này... Anh làm sao có được hạnh phúc. Mà đường đi của anh xa ngái...

Tự Thực: Bao giờ anh cũng yêu em! Thế nào anh cũng yêu em!

Tâm: Anh! Đấy là lý trí.. Lý trí không có ý nghĩa gì.

Từ Thực: Không! Đấy không phải tiếng nói của lý trí... Đấy là tiếng thì thầm của định mệnh, đấy là tiếng gào thét của bản năng...

Tâm: Em không biết... Bây giờ, em không phụ thuộc hoàn cảnh cũ của em. Em tự lo được. Em không muốn thành gánh nặng cho anh. Em xấu xí và bẩn thỉu.

Từ Thực: Sống, nghĩa là xấu xí và bẩn thỉu. Anh không quan tâm đến khía cạnh dung tục nhơ nhớp của đời sống thực trần tục.

Tâm: Anh! Thế còn tương lai?

Từ Thực: Anh chỉ chịu trách nhiệm với giá trị sống của riêng anh mà em là một mảnh của định mệnh. Anh với em cố thoát khỏi đám đồ cũ lộn xộn này... Sao mà lắm tượng thế này? Sao mà lắm ảnh thế này? Sao lắm bụi bặm thế này?

Tâm: Anh ạ, tất cả những tượng này, những mặt người này... Tất cả đều đẹp hơn em... Mặt em xấu xí, đen nhẻm.

Từ Thực: Anh đã quen với khuôn mặt em rồi.

Tâm: Nó đen đủi, gớm ghiếc, ghê sợ.

Từ Thực: Nó đen đủi, gớm ghiếc, ghê sợ. Nhưng không sao đâu! Nó trắng thì cũng thế. Mèo đen, mèo trắng đều bắt được chuột!

Tâm (ôm mặt): Anh đừng huyễn hoặc! Hoàn toàn không phải thế! Anh đừng tự huyễn hoặc! Hoàn toàn không phải thế! *(ôm mặt chạy vào trong sân khấu).*

Từ Thực): Tất cả chỉ vì sĩ diện thôi! Tất cả chỉ vì sĩ diện. Anh sẽ kiếm thứ mực đen bôi lên những tượng này, những ảnh này để nó giống em. Như thế để em yên lòng.

Lấy ở đâu đó ra một số phẩm đen và quét lên
các pho tượng. Sấm nổ vang. Ông già mặc áo chàm xanh ra.

Ông già (cười): Ha ha! Hỡi kẻ dại khờ! Ngươi làm sao bôi được hàng triệu hàng tỉ khuôn mặt trên thế gian này. Ngươi làm thế làm gì?

Từ Thực: Đấy là vì kẻ tri kỷ với tôi... Người mà tôi yêu mặt đen sao người

trong thế gian lại mặt trắng?

Ông già: Hay lắm! Trong thiên hạ chỉ có người chân tài mới thật đa tình. Hãy bỏ cả đấy! Lại đây! Lại đây! Ta sẽ cho ngươi một phép màu.

Từ Thực: Ông lão! Ông là ai? Ông là ai?

Ông già (cười sang sảng): Không nhận ra ta sao? Ta là Thần Gió! ta là thời vận! *(Sấm chớp, gió nổi)* Hãy đến gần đây. Ta sẽ cho ngươi một người đẹp!

Từ Thực quỳ xuống.

Ông già (lấy khăn trong túi ra): Hãy lấy khăn này lau mặt cho người tri kỷ của ngươi *(đưa khăn cho Từ Thực).*

Từ Thực cầm khăn sững sờ. Một làn khói tỏa ra, ông già biến mất.

Từ Thực (cầm khăn): Đây là mê hay tỉnh? Đây là tỉnh hay mê? Tâm ơi! Tâm ơi! Người yêu của anh! Lý tưởng của anh! *(sung sướng)* Này! Cái khăn này! Khi ta không đặt ý chí của ta vào sự vật thì ta cố gắng đặt vào đấy một ý nghĩa vậy, và điều ta tưởng trong đó đã hàm chứa một chủ thuyết rồi. Tâm ơi! Em hãy lau mặt của em bằng tấm khăn của thời vận này, nó là một mảng định mệnh trong sự biến dịch, trong sự luân hồi. *(xô đám tượng)* Còn chúng mày! Cút vào lịch sử!

Vào.

Nhạc nổi lên.Các vũ nữ kéo ra múa.
Từ Thực dắt Tâm ra (bây giờ mặt trắng)
cùng múa trong một vũ điệu sôi động).

Từ Thực (bỗng phản tỉnh): Đã rõ ràng có một trò chơi xỏ nào đấy ở đây! Có phải không? Để cho tôi nói! Để cho tôi nói!

Từ Thực bị Tâm và các vũ nữ lôi kéo, bị ngã.

Từ Thực: Tôi nhìn thấy có trò chơi xỏ ở đây! Không! Rõ ràng có trò chơi xỏ ở đây! Hỡi con người! Hãy phản tỉnh! Hãy cho tôi nói! Hãy cho tôi nói!

Tâm và các vũ nữ lại kéo Từ Thực dậy,
lôi vào điệu vũ vòng tròn sôi nổi.
Có những đám khói. Có những tiếng kèn đồng. Màn hạ.

NGUYỄN HUY THIỆP
(Trong nước, 1993)

---

(1) Nhân vật trong Hồng Lâu Mộng

(2) Thần Vệ Nữ Annam

(3) Nhân vật thời Xuân Thu chiến quốc

(4) Thơ Xuân Diệu

(5) Thứ rượu (lậu) nổi tiếng.

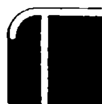
(6) Nhại thơ Bồ Tùng Linh

(7) Thơ Việt Phương

(8) Nhân vật thời Xuân Thu chiến quốc ở Trung Hoa

(9) Truyện thật trong sử Trung Hoa

(10) Lấy ý tưởng của F. Nietzsche: *Người đàn ông đã tạo ra người đàn bà - nhưng bằng gì vậy? Bằng xương sườn Thượng Đế của hắn - bằng "lý tưởng" của hắn.*



CHÂN PHƯƠNG

thơ khóc cha

● Kỷ niệm lần giỗ thứ mười

đốt nén hương lòng con vĩnh biệt cha

trăng liềm vừa treo
chưa kịp nguyên tiêu
mùa xuân cuối cùng ngắn quá!

ngồi với từng phút còn lại
trong canh tàn mê mệt
vuốt lọn tóc muối tiêu
mấy vết bầm tĩnh mạch
nhìn con mắt hết thần
nắm từng lóng tay co lạnh
rình nghe nhịp tim thoi thóp

động cơ xe chạy về khuya
tiếng côn trùng rỉ rả
bệnh viện ngoại ô Sàigòn
con ngồi suốt đêm với cha
đêm trắng đầu tiên thiên cổ

còn ngỡ thời gian xoay ngược
chiều tan học
trên yên xe đạp
hồi hộp hy vọng chưa vội về nhà
cha con một vòng xuống phố
cùng ngồi nhai đậu phọng
xem trận đá banh khỏi mất tiền

thế mà
bánh xe khập khiễng băng-ca
đã phân biệt rõ ràng
âm dương đôi ngả

dưới bóng đêm thượng tuần hiu hắt
cái xác được phủ đậy đó
là cha

mười bốn tháng nín câm
nửa thân già liệt bại
phủ tạng dắt díu nhau
trong cuộc di tản cuối cùng

hỡi cái sống phù du
ơi cõi trần tạm bợ

này phương Đông đọa đày
mặt trời từ đây không mọc nữa
trên bờ trán bệch vàng vĩnh cửu của cha

phương Nam cơ hàn hề
cơn gió bụi vẫn bủa vây bầy con lưu lạc

kìa phương Tây khói sương
từ đây là buổi xế chiều của vợ góa với mẹ già

phương Bắc xa xăm hề
tên thầy cúng làng sẽ leo nóc nhà gọi tên cha
rồi cầm bút lông kết thúc một đời người trong tộc phả

trời đất mông lung
mịt mờ mây chó

còn đâu những ngày
Sàigòn   Nam Vang   Quảng   Châu   Hương Cảng
đình công   tranh đấu   xếp chữ   gánh than

chẳng phải anh hùng
chẳng phải thánh nhân
ngâm Lục Vân Tiên
khoái truyện Đào Viên
sáu mươi năm một kiếp bình thường

hỡi nhà xác trống không
lạnh buốt tàn canh khuya muộn
phút lâm chung - ba có nghe con gào hỏi:

còn lại chi sau kinh nghiệm làm người?

sao không thấy tiếng trả lời
mà chỉ có nước mắt lăn ra
từ hai khóe hôn mê mòn mỏi
hạt lệ lăn ra từ kết toán khổ đau của cuộc đời

lăn qua
hành lang bệnh viện tanh hôi
những sạp thuốc tây chó đói

lăn qua y thuật thế giới thứ ba còm cõi
lăn qua tấm thông hành vô dụng
sau khi đã thấm qua mọi sa mạc văn thư

lăn một vòng quanh quả đất tật nguyền
hành tinh của ngục tù công an cá mập diều hâu

lăn qua móng kên kên của bọn đạo tì
tan biến vào thớ áo quan chật chội

này phướn triện đèn lồng lư hương bài vị
cát bụi phải trở về cát bụi

lửa vô sinh vô diệt hãy bùng lên

cho thuyền cha ta rời bến nghiệp
cho cha từ giã chim chóc cỏ cây
cho cha chia tay châu Á đọa đày
cho cha rời bỏ một thế kỷ máu xương
cho cha hòa nhập với trời mây

cha ơi
lần theo dấu tàn tro

vĩnh viễn từ đây
chỉ còn dấu chân con rướm máu

bước trở lại con đường nước mắt

CHÂN PHƯƠNG



SÔNG PHỐ

thư có lá gửi, lá không



Ngày..tháng 10, 1969

Má thương,

Con vừa ăn tối xong. Lúc trưa mắc khóc không ăn được nhiều. Nhìn cô chiêu đãi viên hàng không lùa chiếc bánh kem con chưa dụng tới vào đám đồ ăn dư thừa, con đau cả bụng. Chiếc bánh kem trắng, có mấy đường chocolate chạy ngoằn ngòe trên mặt. Giữa hai lớp bánh màu trứng gà có lớp mứt dừa vàng ánh, mời mọc. Gía mà có mấy đứa cháu ở đây, chúng đã giành giựt nhau, nhấm nhít đến mẩu bánh vụng cuối cùng. Rồi fromage, nước ngọt, đậu rang... Cứ chốc chốc người ta lại cho ăn như sợ hành khách ngồi không buồn lòng. Chỉ mới bước chân lên phi cơ, con đã bước vào một thế giới khác. Thế giới của dư thừa, ứa mứa. Thế giới nghèo nàn, thiếu hụt con đã bỏ lại đằng sau cùng với gia đình, bè bạn, người thân quen.

Bây giờ bình tĩnh lại con mới thấy ngượng. Từ lúc quay lưng từ giã gia đình lần cuối, con đã khóc như con trẻ đi học ngày đầu. Mấy chàng lính Đại Hàn bấm nhau cười lém lỉnh. Con mặc kệ. Bà Tàu già, ngồi ghế kế bên, áy náy hỏi: "Cô có chuyện gì vậy?". Con lắc lắc đầu. Không trả lời được. Ấm a ấm ức như trẻ bị dòn oan. Buồn cười quá phải không má? Có ai được đi du học mà khóc lóc tựa đi đầy như con không? Hay vì sự ra đi nầy không phải là lựa chọn của con? Hay trọng trách má đặt trên vai con quá nặng như má nhắn nhủ trong đêm cuối trước ngày con đi: "Ráng học hành tử tế. Gia đình trông cậy vào con. Học rồi hai chị em rủ nhau về. Chị con xa nhà cũng mấy năm rồi. Con gái xa nhà lâu không tốt..." Liệu con có giữ được lòng tin của má?

Phi cơ đến Hồng Kông lúc 6 giờ chiều. Từ trên cao nhìn xuống thành phố Hồng Kông như một tấm thảm ánh sáng. Lấp la, lấp lánh. Trải dài đến ngút mắt. Bước ra khỏi cửa phi cơ, con như bước vào một thành phố thu nhỏ. Đèn đuốt sáng choang. Trong các kiosque lộng lẫy hàng hóa ngập tràn. Búp bê tóc đen, tóc vàng, tóc đỏ. Rượu đỏ, rượu trắng, rượu xanh. Nước hoa bình lớn hai tay bưng không hết. Lọ nhỏ bằng ngón tay út. Phấn hồng. Thuốc dưỡng da. Xâu chuỗi ngọc... Mấy cô gái bán hàng mặt đánh phấn trắng như các cô đào Nhật, lịch thiệp chào mời khách hàng... Má ơi, con giống như cô gái nhà quê mới lên tỉnh, không dám bước đi đâu xa hơn chỗ băng ghế người ta bảo con ngồi đợi chuyến bay tiếp tục. Con chỉ dám ngồi ôm chặt cái cặp xách tay vào lòng, mà ngắm nhìn trầm trồ bằng mắt. Sợ đến gần tất cả sẽ tan biến đi như một giấc mộng.

Đến Nhật lúc 11g30 tối. Ai cũng xuống đây cả. Con cũng xách đồ đi theo, nhưng rồi người ta đi ra cổng luôn nơi có thân nhân họ đang chờ đón. Mấy ông taxi đứng dọc theo đường, tay ngoắc con, miệng hỏi: Hotel? Hotel? Sợ quá, con quay ngược trở vào. Không còn thấy ai quen trên cùng chuyến phi cơ nữa. Hai bàn tay con đã sưng phồng vì giỏ đồ xách tay quá nặng. Đang đêm mà lưng áo con ướt đẫm mồ hôi. Con muốn khóc luôn nếu không nhờ cuối cùng một nhân viên hàng không Air France tìm được con, hướng dẫn con lấy taxi về khách sạn. Mai mới đi tiếp qua Mỹ. Thiệt hú hồn. Con mà qua được tới bên đó cũng là chuyện thần thoại phải không má?

Ngày...tháng 10, 1969

Má thương,

Con đã đến Los Angeles được mấy ngày rồi. Hôm ra đón con ở phi trường có chị Quế và bà Hayes - người sponsor (bảo trợ) cho con.

Con sẽ ở chơi với chị Quế một tuần. Tuần sau lại về với gia đình ông bà Hayes, ở cách chỗ chị con khoảng hai tiếng lái xe.

Chị Quế chưa có nhà riêng má ạ. Chị làm nurse aid (trợ tá) ở nhà chị bà Hayes. Hai chị em bà còn một người mẹ đã trên 80. Họ thương mẹ, không nỡ đem gửi vào viện dưỡng lão, nên mướn chị Quế trông coi, chăm sóc bà lão ở nhà. Họ trả chị ba trăm một tháng bao gồm ăn ở trong nhà. Phòng chị nhỏ sát cạnh phòng bà lão, vừa đủ đặt hai cái giường đơn ở hai bên tường. Một cái bàn phấn ở giữa phòng. Đối diện với cái closet đựng quần áo. Tạm thời con ngủ trên chiếc giường trống trong phòng chị. Chị Quế bảo con chưa tiện về ở chung với chị. Ráng một thời gian nữa khi chị dành dụm đủ hai chị em sẽ dọn ra riêng.

Chị Quế và mọi người gọi bà lão là Grandma (bà Ngoại). Nhưng bà không hiền như Ngoại. Lần đầu, con gặp một người già mà con không thương cảm được. Hai mắt bà lúc nào cũng lèm nhèm nước. Chân tay khẳng khiu như

mấy que củi khô. Lưng còng. Đầu bà chỉ còn lưa thưa mấy sợi tóc. Hình như thứ gì trong cơ thể bà cũng đã rã rệu với thời gian, trừ giọng nói. Tiếng bà vẫn còn khỏe. Sang sảng. The thé mỗi lần cần gọi chị Quế: "Quế! Quế đâu? Mọi người đâu rồi? Lại đây, Quế. Tao muốn uống nước. Mắc đái. Mau lên. Quế đâu? Quế ơi!".

Mỗi sáng chị Quế đút bà ăn. Một công việc không đơn giản. Vì ngay cả khi chị Quế ngồi cạnh bên, bà vẫn kêu réo ầm ĩ. Mấy muỗng đồ ăn tán nhuyễn của con nít đổ tràn ra hai bên mép, rơi vải xuống áo quần nhầy nhụa, nhơ nhớp. Cho bà ăn xong, chị Quế phải tắm rửa lau chùi cho bà. Rồi chị đặt bà ngồi vào cái ghế mây ở góc phòng. Nơi bà sẽ ngồi cho đến tối khi chị Quế lại đút ăn, lại lau chùi trước khi mang bà vào giường ngủ. Suốt ngày bà ngồi gục đầu xuống ngực lúc như ngủ, lúc lại vùng dậy kêu chị con ơi ới.

Chị Quế hình như đã quen với mọi thứ. Chị vẫn bình tĩnh nấu ăn trong nhà bếp, họa hoằn lắm mới lên tiếng hỏi: "Grandma, bà muốn cái gì? Tôi ở đây này". Con thì chưa quen được cái giọng của bà. Con vẫn giật mình, khó chịu vì tiếng kêu ấy. Không biết vì nó giống tiếng kêu của mấy con mèo hoang đi ăn đêm ở quê nhà? Hay nó gợi lại trong con hình ảnh chị Quế mỗi sáng vẫn khum mình xuống lau chùi phần dưới thân thể của người đàn bà. Thân mình bà lão tựa hẳn lên vai chị. Ở xa trông như chị đang vác bà trên vai. Lần đầu tiên chứng kiến cảnh ấy, con đã chạy vào buồng tắm đóng cửa ngồi khóc. Tại sao? Con không biết nữa. Chị con làm việc lãnh tiền mà. Vậy thì tại sao con khóc? Tại những tấm hình màu chị gửi về. Lúc đứng cạnh chiếc xe Toyota Camry màu đỏ bóng lộng. Lúc nằm phơi nắng ngoài biển. Lúc ngồi tựa đầu vào tượng phụ nữ khỏa thân ở một công viên nào đó. Lúc... Những tấm hình đã đánh lừa con, đánh lừa gia đình. Hay chính chị Quế cũng muốn thế. Chị không muốn ai biết đến những nỗi đau đớn, tủi cực của chị trên xứ người. Có những nỗi niềm, kẻ sống tha phương chỉ muốn giữ riêng cho chính họ. Chôn sâu ở một góc tâm hồn của họ.

Ngày...tháng 11, 1969.

Má thương,

Chị Quế đã lo cho con không chỉ bằng tấm lòng của người chị. Chị săn sóc con như một đứa trẻ mới lớn, không phải là một cô gái sắp sửa tuổi hai mươi. Có lẽ trong mắt chị con vẫn là cô em bé bỏng chị phải bồng bế, chăm nom ngày nào.

Ngày mới gặp lại chị ngắm con từ đầu tới chân. Xoay con qua bên này, bên kia, rồi chị lắc đầu bảo: "Không được. Chị phải sắm sửa lại cho em tất cả. Kiểu tóc này. Quần áo này. Rồi cách em đi đứng nữa, phải học lại tất cả. Ở bên này không giống như bên mình đâu. Em phải làm lại từ đầu...".

Hôm sau, chị Quế dắt con đi shopping (tức là đi mua sắm đó má). Chị

mua cho con một lô những thứ đồ lỉnh kỉnh. Quần lót, vớ nylông, jupe lót, dao cạo, con vẫn tưởng chỉ có đàn ông mới dùng thứ này.

Chị bảo ở xứ này, người Mỹ lại có những thứ "luật" xã hội khác mà con phải tuân theo. Thí dụ, chị bảo đàn bà có "class" tức là đàng hoàng, có tư cách, không để chân trần khi đi ra ngoài đường. Phải mang vớ. Không được để người khác nhìn xuyên thấu jupe của mình. Phải mặc jupe lót. "Vậy thì đừng mặc jupe nữa. Mặc quần dài, quần dầy đi ra ngoài đường không được à?", con hỏi thách đố. "Nhưng đàn bà phải mặc jupe mới là đàn bà", chị lẹ làng phản ứng. Rồi chị nhắc con mỗi khi ra khỏi nhà phải chà vào mình thứ này, xịch vào cổ, thoa vào nách, vào chân...những thứ khác. (Trong buồng tắm của chị có bao nhiêu là chai, hủ, ống tube. Đi đâu chị lại phải lè kè xách chúng theo).

Con muốn cãi lại. Muốn hỏi ai bày cho chị những thứ luật lệ phiền toái đó. Nhưng con biết nói điều đó ra với chị Quế cũng là vô ích. Lại phải nghe chị giảng bài "Nhập gia tùy tục" nữa thì khổ.

Chị Quế bây giờ rất khác má ạ. Nhiều lúc nhìn chị con cố hình dung lại hình ảnh cô gái có khuôn mặt bầu bỉnh với mái tóc dài búi thả lửng ở lưng. Cô gái hiền lành hay bị lũ em bắt nạt, trêu ghẹo gọi "cô gái vườn quê". Cô gái có tánh hay hờn, dễ tủi thân khi ai lớn tiếng với mình. Con nhớ mỗi lần anh Khải giỡn chơi nạt nộ chị, chị lại chạy vào buồng nằm khóc, bỏ cả ăn. Má vẫn khuyên: "Bỏ cái tánh hay hờn hay dỗi đó thì ra đời mới lại người ta!".

Bây giờ chị Quế như cô gái vừa cổi lốt trong các truyện cổ tích xưa của Ngoại. Chị không chun ra từ quả thị. Nhưng chị cổi bỏ hết những nét của ngày xưa. Tóc chị cắt ngắn sát gáy như tóc đàn ông. Cho gọn. Không tốn thì giờ chăm sóc. Chị nói như bào chữa khi con xuýt xoa tiếc mái tóc đen mượt ngày nào. Mùa hè chị mặc áo cánh sát nách như muốn khoe đôi cánh tay rám nắng, khỏe mạnh của mình. Chị lái xe. Đổ xăng. Thay nhớt. Rửa xe. Xách những túi đồ ăn nặng kềnh càng. Giặt đồ. Nấu ăn... Cái gì chị cũng làm được một mình. Lẹ làng. Tháo vát. Con đùa:"Chị đâu cần đàn ông nữa!". "Ở đây, đàn ông, đàn bà gì cũng như nhau. Không thể ngồi chờ đợi họ lo cho mình được đâu em ạ. Cái gánh của đàn bà nhiều khi còn nặng nề hơn. Lo trong. Lo ngoài gì cũng là mình cả. Đã có mấy người đàn bà may mắn được một ông chồng biết lo hơn họ hả em?

Không biết rồi con có trở thành một người đàn bà đầy nam tính nhu chị Quế không nữa? Con hy vọng là không.

Ngày...Tháng 11, 1969

Má thương,

Vậy là con đã xa nhà hơn tháng rồi. Cứ tưởng như vừa mới hôm qua. Mới vừa xa má. Xa mấy anh chị em. Mấy đứa cháu. Bạn bè...

Nhưng thực sự con đã bước vào một cuộc đời khác.

Giống như hôm đó gia đình đã đi đám con. Bước lên ngưỡng cửa phi cơ. Đưa tay vẫy chào mọi người, con đã chào bỏ một cuộc đời, để bước vào một cuộc đời hoàn toàn khác. Có giống như người chết không nhỉ? Cũng đi qua một thế giới khác. Có khác chăng là mình vẫn còn ký ức. Vẫn hòai niệm tiền kiếp để đau đớn, nhớ thương. Giá mà con cũng được ban phát chén cháo lú trước khi bước lên cầu đi vào cuộc đời khác. Có lẽ đời sống mới sẽ dễ dãi hơn. Không dằn vặt, mặc cảm. Không có quá khứ để hồi tưởng, tiếc thương.

Còn bây giờ con đâm ra có quá nhiều trí nhớ. Nhớ cả những thứ vụn vặt, tản mạn mà con ngỡ chẳng có liên hệ gì đến mình. Chúng bỗng như những bụi cỏ khô ở góc này, góc kia của ký ức, chờ đợi chút tàn lửa tiếc thương để bùng bùng cháy lên bao kỷ niệm. Để đau nhức những đêm không ngủ. Thẩn thờ những ngày biếng rổi.

Nhớ những buổi trưa hè oi bức, cả nhà đã ngủ, anh Khải vẫn còng lưng trên mấy cái máy radio mở tung. Cần mẫn lần dò theo những đường dây chi chít, cố tìm ra một sợi dây sai đường? Nhớ những ngày mưa dầm, mấy chị em gái nằm trùm chăn kể chuyện tình, chọc phá nhau cười rũ rượi. Nhớ khung cửa sổ trên căn gác nhỏ, chỗ con thường ngồi để hỏi những câu hỏi các cô gái mới lớn đều tự hỏi mình: Không biết lớn lên rồi mình sẽ yêu ai? Chàng trai đó có như mình hằng ao ước? Không biết rồi mình sẽ có hạnh phúc trong cuộc đời...?

Lúc mới đến, chị Quế hỏi con: “Học rồi có về không?”. Con nhìn chị bất ngờ vì cái điều con tưởng là đương nhiên đó, lại là một nghi vấn của chị con. “Về chứ sao không!” con trả lời bực bội. Chị cười. Nụ cười của người từng trải: “Hồi đó chị cũng nói như em. Mãnh liệt tin như thế. Nhưng rồi đời sống ở đây cuốn hút chị. Chị tìm ra được sự bình an, thoải mái. Chị tìm ra được sự tự tin ở mình. Không cần phải nhờ vả ai cả. Mình làm chủ được đời mình em ạ. Chưa nói đến bao nhiêu thứ tiện nghi vật chất khác... Bây giờ chị trở về để làm gì chứ? Để mỗi sáng xách giỏ đi chợ. Mỗi chiều ngồi giặt tã cho mấy đứa cháu. Cứ hết chị dâu ở cử, đến em dâu đập bầu...Chị không biết trở về đó để làm gì nữa? Chị đã quen với đời sống ở đây rồi. Mới đầu thì cũng nhớ nhà, nhưng rồi quen đi. Rồi em cũng sẽ quen đi. Như mọi người tha hương khác...Rồi ai cũng phải quên, phải quen đi...”

Chắc là con không thuyết phục được chị ấy đâu. Má đừng buồn nha.

Mà chị Quế nói đúng thật. Đời sống ở đây quá đổi tiện nghi. Những ngày đầu con đã choáng váng với sự dư thừa, giàu có của xứ sở người ta.

Nhà ông bà Hayes có cái tủ lạnh. Không cần mở cửa tủ. Chỉ cần nhấn mấy cái nút ở bên ngoài là có nước mát lạnh chảy ra. Hay mấy cục đá trong long lanh rớt xuống. Nhớ bên mình, nhà có cái tủ lạnh bé tí teo. Mùa hè, má phải ngồi canh không cho tụi con chạy vô chạy ra mở cửa tủ lạnh sợ nó bay hết hơi. Vậy mà nó cũng làm nước đá không kịp cho cả nhà uống. Vẫn phải xách giỏ chạy đi mua thêm đá mỗi buổi trưa.

Cần nước nóng cũng không cần nhóm bếp đun. Ở nhà bếp, trong phòng

tắm... đâu cũng có hai vòi nước. Muốn nước nóng, vặn bên vòi nóng, nước lạnh vặn bên vòi lạnh. Rồi bước ra đường là có xe hơi, xe bus...

Và tự do. Món báu vật người ta vẫn đổ máu đi tìm. Có nó, tự nhiên bao nhiêu xiềng xích của tục lệ, phong kiến, hủ lậu... được cởi ra khỏi con người. (Trừ khi người ta tự muốn trói buộc mình bằng những thứ gông cùm mới như chị của con).

Trong nhà, con cái có quyền có ý kiến riêng. Không phải lúc nào cũng cúi đầu tuân phục cha mẹ.

Ở trường học, học trò bắt bẻ, chất vấn cô thầy. Và cứ như thế, quyền làm người cứ được nhân lên. Má nghe chắc sợ cho con lắm phải không? Mấy cái thứ tự do vô bổ, chắc là má sẽ nói như thế. Má sợ con sẽ bị dìm chết bởi thứ tự do quá trớn. Con cũng sợ. Tự nhiên bao nhiêu điều hôm qua là chân lý. Hôm nay thành lố bịch. Vài tuần trước con còn bị má rầy vì đứng nói chuyện, cười giỡn với bạn trai ngoài ngõ. Ở đây trai gái nằm hôn nhau giữa sân trường trước bao nhiêu cặp mắt cũng là chuyện thường.

Con như người bị bịt mắt lâu ngày. Lúc mở băng tránh sao khỏi chóa mắt, ngợp người trước ánh sáng chói lòa trước mắt. Con cần thời gian để định thần lại. Con cần sự khôn ngoan để chắt lọc ra từ bao cái hổ lốn đó, cái gì là bụi bậm, cái gì là ánh sáng thực sự. Má hãy cầu nguyện cho con có sự khôn ngoan đó nha má.

Ngày...Tháng 11, 1969

Má thương,

Con vẫn còn khóc má ạ. Hôm dọn xuống nhà ông bà Hayes, chị Quế dặn: "Ráng đừng có khóc nha. Mới đến ở nhà người ta mà khóc lóc hoài coi không được đâu. Người Mỹ, họ không hiểu được đâu. Thanh thiếu niên Mỹ 17, 18 tuổi đã rời gia đình đi tự lập. Em khóc hoài, ông bà Hayes sẽ hiểu lầm là em không thích ở với ông bà. Đừng khóc nữa nghe chưa? Mỗi tháng chị sẽ xuống thăm em. Nhớ chưa?".

Gia đình ông bà Hayes ở một thành phố nhỏ gần biển. Không khí lúc nào cũng ẩm nước. Bầu trời lúc nào cũng âm u. Và buổi sáng nào sương mù cũng đầy sân. Juanita, tên gọi thân mật của bà Hayes, bảo đến mùa hè nắng ở đây sẽ đẹp lắm, rực rỡ. Ấm chẳng thua xứ sở cô đâu.

Nhà ông bà Hayes ở trên một ngọn đồi nhỏ. Xe chạy lên xuống đồi ngoằn ngoèo chóng mặt. Con đến trường bằng xe bus. Bến xe bus ở trên đồi. Mỗi ngày hai bận con lên xuống cái dốc cao thăm thẳm đó. Mấy hôm trời gió lộng, chân con bước tới mà như có ai níu giữ lại. Cái dốc cứ như cao mãi, vươn dài ra dưới bước chân nặng nề của con. Có đôi chiếc xe, chắc là người lái thấy dáng đi xiêng xẹo, tội nghiệp của con, dừng lại cho quá giang. Mệt mấy, con cũng lắc đầu từ chối, nhớ lời chị Quế dặn: "Đừng bao giờ đi xe quá giang nghe

chưa? Lên xe rồi, họ đem đến chỗ vắng hãm hiếp, giết, rồi vứt xác xuống mấy khe núi. Chị không biết đâu mà tìm đó. Không thể đoán được bề ngoài ai tốt, ai xấu đâu. Đừng có dại". Sự quyết liệt của chị làm con e dè, nghi ngờ tất cả mọi cử chỉ, hành động tử tế, ân cần. Cái xứ sở gì mà lạ, phải không má? Không tin được ai, và chắc cũng không ai tin được mình.

Gia đình ông bà Hayes chỉ có ba người. Hai vợ chồng ông bà và đứa con trai 10 tuổi tên David. Giờ thêm con.Bà Juanita, mới bốn mươi hơn, nhưng trông già nhiều hơn tuổi. Người bà gầy. Ngực lép. Cổ bà cao như lúc nào cũng đang rướng lên tìm kiếm ai đó đang lẩn vào trong đám đông.

Lần đầu gặp ở phi trường, bà ôm choàng lấy con. Hôn bên má này, má nọ mừng rỡ như đón một người thân quen biết lâu ngày. Không biết có phải vì kiểu cách chào hỏi xa lạ đó làm con ngỡ ngàng, ngượng ngập hay vì đôi mắt to, sâu hoắm như lưỡi dao sắc bén cứa lạnh vào mặt người đối diện làm con thấy e dè, nghi ngại bà ngay từ phút đầu gặp mặt.

Ông Ed, chồng bà Juanita, làm thầu xây cất nhà cửa. Hai bàn tay ông nhám đầy vết sơn, vết trầy. Trái với bà, thân hình ông cao lớn. Mập mạp. Đầu hói trọi. Bù lại cằm ông xồm xàm những râu là râu. Nhìn ông con nhớ đến anh chàng thủy thủ tốt bụng hay ăn rau spinach trước khi ra tay cứu người trong các phim hoạt họa.

Hai vợ chồng có một cửa hiệu giặt ở dưới phố. Bà Juanita mỗi ngày ra tiệm từ sáng đến tối mới về. Bà bảo: "Tôi phải có mặt ở tiệm cả ngày. Không phải vì công việc. Mà để canh chừng ông già dê này. Hở ra là ông chạy ra tiệm quấy phá các cô người làm. Canh ông còn mệt hơn canh việc. Bởi thế, tôi cần có người ở nhà làm bạn với David". Không biết bà Juanita nói đùa hay thật. Chỉ thấy ông Ed cười rung hai đôi vai to lớn, khoác tay như phủi giá trị lời nói của vợ mình.

Vậy đó. Bổn phận chính của con là "làm bạn" với David. Thằng bé giống cha chân tay cục mịch, nhưng được đôi mắt to của mẹ làm khuôn mặt em dễ nhìn hơn.

David nhảy cũn cỡn như chú chó con khi dẫn con đi vòng quanh giới thiệu ngôi nhà của nó.

Nhà ở đây rất rộng lớn. Mỗi người có một phòng ngủ riêng. Con cũng có một phòng riêng, kế sát phòng David, thông nhau qua cái cửa phòng tắm. Nhiều đêm, cậu bé lén mẹ chui vào giường con bắt con kể chuyện cổ tích Việt Nam cho nó nghe. Con kể ba xàm, ba tú không biết David hiểu không, chỉ biết là thường cậu bé ngủ giữa các câu chuyện thần thoại của con. Nhìn nó ngủ, quặt tay vào giữa hai đầu gối, cong người như con tôm, con lại nhớ đến mấy đứa cháu của con. Giá mà mùi tóc khét nắng con đang hôn là mùi tóc của con Tú, thằng Kiện...

Con đoán không sai. Bà Juanita là một người đàn bà khó tánh. Con làm gì hình như cũng không vừa lòng bà. Mỗi lần bà về đến nhà. nghe tiếng cửa đóng mạnh, nghe tiếng giầy, nhưng thường là nghe tiếng - cũng cái giọng the

thế của bà Grandma - trước khi bà xuất hiện, là con đứng nhón chân, hồi hộp chờ đợi. Con đảo mắt quanh nhà. Không biết lúc đặt bàn ăn, con có sơ sót con dao, cái nĩa nào không? Không biết sau khi con hút bụi nhà xong, David có dẫm chân cát trở vào không? Không biết... Con chẳng còn tin ở sự ý tứ của mình nữa. Lúc nào đôi mắt rình rập của bà cũng dễ dàng khám phá ra được những sơ sót của con.

Một lần sau bữa ăn tối. Mọi người đã xong món tráng miệng, sửa soạn đứng lên. Con cũng đứng lên thu dọn ly dĩa. Khi con với tay định dẹp đi ly sữa của mình, bà Juanita chận tay con lại. Bà cầm cái ly còn đọng lờ mờ màu sữa trắng đưa lên ánh đèn. Một lớp sữa mỏng ở dưới đáy. Bà nheo nheo mắt như một nhà nghiên cứu đang theo dõi mấy con vi trùng trong ống nghiệm của mình, hỏi:"Cô đã uống xong chưa? Sao mỗ bữa tôi đều thấy cô chừa lại một ít dưới đáy ly như thế? Cô giải thích dùm tôi... Ở đây chúng tôi tiết kiệm từng giọt sữa, mẩu bánh. Cái gì cũng mua bằng tiền cô biết không?" Giọng bà kéo dài ở cuối câu như sợ con không nghe ra được sự mai mỉa trong câu nói. Con cắn răng cúi mặt làm thinh. Con không có câu trả lời. Làm sao trả lời được khi đó chỉ là thói quen còn sót lại của tuổi nhỏ. Má nhớ không? Hồi nhỏ mỗi khi dẫn tụi con đi đâu, má hay căn dặn:"Ăn uống phải ý tứ. Đừng có ăn đến miếng đồ ăn cuối cùng trên dĩa. Đừng có uống đến giọt cuối cùng trong ly của mình". Và không biết tự bao giờ những thói quen đó đã thành quán tính của con. Dầu gì đi nữa, thì bây giờ hành động đó cũng chỉ là một thói quen lố bịch trước mặt bà Juanita.

Nhưng không chỉ có vậy. Con còn có thêm nhiều "tật" khác nữa.

Khi không có bổn phận gì ở nhà ngoài, con thường thích chui vào phòng mình đóng cửa buồng lại. Thế giới riêng của con. Con cảm thấy được che chở, an toàn ở sau cánh cửa đóng kín. Con thở nhẹ nhỏm. Con được là con. Không sợ đôi mắt dòm ngó của bà Juanita. Dĩ nhiên bà ta ghét nhất việc này. Bà bảo trong nhà này trừ ban đêm lúc ngủ, không ai được đóng cửa phòng mình lại. Không có gì phải dấu giếm, lén lút trong nhà này, bà nói.

Mỗi lần chị Quế đến thăm, bà lại kéo chị vào buồng thì thào, to nhỏ. Chắc là để than phiền về những thiếu sót của con. Nếu tình cờ con bước vào, bà liền đổi giọng, lớn tiếng nói về một việc chẳng quan trọng gì như: "Sao cô thích tấm màn cửa mới của tôi không? Tôi vẫn nhắc Di đừng cho David mó tay dơ vào đấy." Và chị Quế cũng gật gù trả lời bà như thật sự là hai người đang nói về chuyện ấy. Con ghét bà ta. Con giận chị Quế như một kẻ đồng lõa. Hai chị em con gặp nhau, vui vẻ cũng chỉ mấy phút đầu, rồi là gây nhau. Đôi khi vì những chuyện không đâu. Để rồi khi chị lái xe ra về, con sẽ đứng nhìn theo với một nổi ân hận vu vơ. Tự trách.

May mà ông Ed lại ở về phía con. Như má vẫn hay che lỗi cho con những ngày còn bé bị cha rầy mắng. Ông che cho con khỏi những tủi nhục của cuộc sống ăn đậu ở nhờ. Có nhiều lần, con đã nước mắt lưng tròng, chưa biết đối phó với bà như thế nào, thì ông đã khéo léo lái câu chuyện qua hướng khác.

Ngay cả những khi ông im lặng, đôi mắt của ông cũng hiền lành bảo bọc.

Bà Juanita càng thêm bực tức. Hôm qua, trong lúc con phụ bà chiên khoai trong bếp, bà nói bâng quơ: "Chắc tôi sẽ bớt ra tiệm hơn. Công việc ở nhà giao hết cho cô cũng nặng quá phải không?"

Độ rày ông Ed dậy trễ hơn thường lệ. Bà Juanita đã ra tiệm từ sớm. Buổi sáng khi con bước ra khỏi phòng, sửa soạn đến trường, ông còn ngồi trước tách càphê đọc báo trong phòng khách.

Lúc con đi ngang qua chỗ ông ngồi, nói "Good Morning". Ông hay kéo con lại, ôm vào lòng nói "Good Morning!". Hai cánh tay ông như hai gọng kìềm siết chặt. Mùi nước hoa đàn ông. Mấy sợi râu ở cằm đâm nhột nhạt một bên má. Con muốn ngộp thở trong vòng tay đó. Ông ôm con hình như có hơi lâu, con muốn đẩy ra mà không dám. Chị Quế bảo người Mỹ tánh tình họ tự nhiên thế thôi. Và con vẫn thấy ông Ed ôm chị Quế hôn mỗi lần chị đến thăm. Con đành đứng yên chịu trận.

Ông Ed là dân cao bồi tứ xứ. Ông bỏ quê của ông, một miền đầy cát bụi, đến tiểu bang này với giấc mộng làm giàu.

Mẹ ông mất từ lúc ông còn chập chững. Ba ông lấy một người vợ trẻ hơn. Một lần, khi ba ông vắng nha, ông xà vào lòng bà nũng nịu, bà đẩy ông ra, rồi nhìn vào mắt ông bà dằn giọng: "Tao không phải là mẹ của mày. Mày nên nhớ điều đó..." Ông bảo cho tới bây giờ giọng nói rít giữa hai hàm răng, khuôn mặt lạnh lùng, hằn học vẫn còn thỉnh thoảng hiện ra trong nhiều giấc mộng của ông.

Nhưng rồi người đàn bà trẻ đó bỏ ba ông đi. Ba ông cuối cùng chết một mình trong một hotel rẻ tiền, bên chai rượu. Ông không muốn lặp lại cuộc đời đó. Ông khóc cha rồi nhất quyết lìa bỏ cái thành phố có quá nhiều trí nhớ. Ở đó người ta luôn nhớ ông là con trai của một người nghiện ngập, thiếu tín nhiệm. Và không ai muốn nhìn ông với đôi mắt khác hơn thế.

Cuối cùng ông trôi giạt đến tiểu bang của mặt trời, mảnh đất hứa của bao tâm hồn. Lúc đầu, ông phụ làm những việc khuân vác, nặng nhọc trong một cửa tiệm giặt đồ. Ở đây ông gặp con gái ông chủ, bà Juanita, chiếc chìa khóa mở bao cánh cửa đã đóng vào mặt ông. Ông cưới bà, sau khi bà đã mang thai David. Ông bảo ông chưa hề yêu bà.

Kể ra ông Ed cũng đáng tội nghiệp quá phải không má?

Ngày...Tháng 1,1970

Má thương,

Hôm Noel bà Juanita mua cho con một chiếc áo dạ hội màu trắng, vải kim tuyến lấp lánh. Chiếc áo hở cổ, hở vai đến tận ngực. Hai sợi dây mỏng dính tòng ten ở vai. Con không quen ăn mặc kiểu đó, đã định từ chối, nhưng sợ bà ấy buồn lòng. Con và bà đã có quá nhiều xích mích. Con không muốn

đẩy bà ra xa hơn. Biết đâu vì không khí lễ lộc, lòng bà cảm thấy dịu xuống, bà muốn làm một cử chỉ thân thiện với con?

Đêm Noel con diện chiếc áo vào. Nhìn gương, con thấy mình khác hẳn. Con vừa ngượng vừa hãnh diện thầm mìng cũng không đến nổi khó coi lắm. Bà Juaniata khen "Cô mặc chiếc áo nầy rất hợp". Ông Ed huýt sáo mồm tán thưởng con một cách tự nhiên.

Đêm đó ở nhà ông bà có tổ chức một buổi tiệc nhỏ cho bạn bè của ông bà. Giữa nhà một cây thông to lớn, nhánh cây rậm rịt. Bao nhiêu là đèn xanh, đỏ nhấp nháy trên thân cây. Quà cáp bao bằng giấy hoa, giấy bóng đủ màu, đủ kiểu nằm la liệt dưới chân cây... Trên trần nhà, sáu sợi dây bằng giấy hồng, giấy xanh treo vắt chéo từ góc phòng này qua góc phòng khác. Chúng uốn éo, xao động trong không khí như một dòng nước. Mấy nhánh mistletoe treo lẫn vào giấy hoa, vào đèn màu.

David bảo mấy người đàn ông có quyền hôn bất cứ cô gái nào vô tình đứng dưới nhánh cây đó. Và suốt đêm David chạy lóc thóc theo bên cạnh chừng cho con đừng làm cô gái vô tình đó.

Ông Ed vừa nhảy với vợ xong. Ông đến trước mặt con một tay để trước bụng, một tay chìa ra mời mọc, người cúi gập xuống như một anh chàng cao bồi lịch sự:

- Xin mời cô bản này.

- Xin lỗi ông, tôi không biết nhảy.

- Thì tôi sẽ dìu cô. Cứ bước theo tôi.Dễ hơn cô tưởng...Thật ra cô có thể nhắm mắt mà bước theo sự dìu dắt của tôi. Nhắm mắt lại. Con nghĩ đến mấy nhánh mistletoe che dấu đâu đó giữa những đèn, giấy hoa. David tỏ ra rất thích thú với trò đùa của cha mình, cậu bé đẩy con ra khỏi bàn. Vào vòng tay của cha cậu.

Ông Ed để nhẹ bàn tay ở lưng con. Không phải đôi tay gọng kìềm siết chặt con những buổi sáng, mà sao con thấy rùng mình, hồi hộp. Lần đầu tiên con thấy ngượng ngập trước mắt ông. Không biết có phải ly champange uống lần đầu tiên trong đời làm con choáng váng? Hay không khí vui nhộn, suồng sã ở chung quanh. Vài đôi trai gái nhảy cọ sát người vào nhau như đôi trăn trườn lượn trên da thịt của nhau. Hay mùi rượu từ hơi thở ông phả vào mặt làm con say?

Bản nhạc hình như rất dài. Dần dần con thả mình theo bàn tay dịu dàng, điệu nghệ của ông. Con đã bắt được cái nhịp điệu bỏ chân qua phải, sang trái, nhún mình. Rồi lại tréo chân sang trái qua phải... Con thấy tự tin hơn và đang sắp sửa khoe với ông Ed về điều đó, thì ông cũng vừa kề mặt sát lại mặt con. Đôi môi nóng ướt của ông áp vào môi con đột ngột. Đôi môi đó mấp máy: "Anh yêu em". Nhiều tiếng vỗ tay tán thưởng người đàn ông may mắn đã hôn được cô gái vô tình đứng dưới nhánh cây mistletoe... Giữa những tiếng cười đó, con quay về hướng bà Juanita. Môi bà mím lại cố tạo một nụ cười gượng gạo.

Ngày...Tháng 2, 1970

Má thương,

Một tuần nữa con sẽ rời nhà ông bà Hayes. Bà Juanita bảo với chị Quế bà bịnh phải ở nhà dưỡng sức một thời gian. David chắc sẽ không cần con nữa...

Bà bảo con trước khi đi nhớ trả lại cho bà chiếc áo bà tặng con dịp Noel mà chẳng nói lý do gì cả.

Chị Quế đã tìm được một gia đình bảo trợ khác cho con. Gia đình ông bà Rappoport có ba người...

...

SÔNG PHỐ
11/93



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

cõi khác

nhắm mắt nhủ thầm không nghĩ
lắng nghe lời nói thủ thỉ trong đầu
chập chờn nhớ trước quên sau
giấc ngủ đến từ lúc nào không biết

có phải hồn lìa khỏi xác
thân-ý-khẩu nghiệp tê liệt vô thường
cái-ta chỉ thấy dễ thương
là lúc xuôi tay trên giường ngủ thiếp

lìa xa xác thân tạo nghiệp
hồn lang thang trong giấc điệp viễn du
lạc vào cõi khác ngàn thu
thấy ta xốc nổi tự cư ngụ mình

NGUYỄN ĐỨC HIẾU



HOÀNG HƯNG

đường phố I

Bão loạn. Lốc dù. Xanh mL Cốc ré. Váy hè. Tiện nghi lạc-xon. Chất chồng trô trố. Môi ngang. Vô hồn. Khoảnh khắc. Mi ni mông lông. Cởi quần, chửi thề. Con gà quay con gà quay.

Bão loạn. Múa vàng. Te tua. Nhử giấc.

Bão loạn. Rùng rùng. Sặc nước. Giật tóc. Liên tục địa sấm. Tìm, chết, đi.

Bão loạn. Dứt tung tay. Óc lói. Lơ láo tù về lạc thế kỷ. Sương dầm dẫm vóc miên mai.

đường phố II

Dường như ra khỏi nhà bằng một khung ngực rỗng. Hai bàn tay che dỡ mắt mờ. Chợt thấy chiều trên phố say. Đỉnh vú đi lửng lửng. Đèn đuốc cháy lưng trời. Cười ngớ ngẩn sức răng sâu thẳm. Hội quỉ ma nhảy múa thét gào. Tan biến ta đi chiều mọc cánh. Một phút thang mây lẫng lẫng ánh chớp lòe đá sóng chập chùng. Xuyên như tên bắn rụng một chùm tín hiệu đỏ xanh. Trở về chân nhiễm độc.

đường phố III

Em gọi thơ về. Từng thớ thịt rung lên âm điệu trở về. Thành phố nổ bùng đêm người đi như biển. Tiếng còi, lửa cháy. Anh dắt tay em chạy trên cỏ dại. Giấc mơ vô lý bàng hoàng. Đường phố mùi da thịt. Gió rùng mình hư vô thổi đến. Trăng sáng không tin được. Gái trai mới lớn dội mũ lông chim. Thiếu nữ mắt đờ cà phê quán chật khói thuốc im lìm. Bụi sáng. Xe điện.

Em gọi thơ về. Từng thớ thịt rung lên âm điệu trở về. Thành phố lồng trăm ngả. Ngã bảy ngã năm giành giật. Và chiều tràn ngập gió đê mê phần phật quần bay. Cánh nhạn khua rối mù cao ốc. Đèn lên đèn lên mời gọi hoang đường.

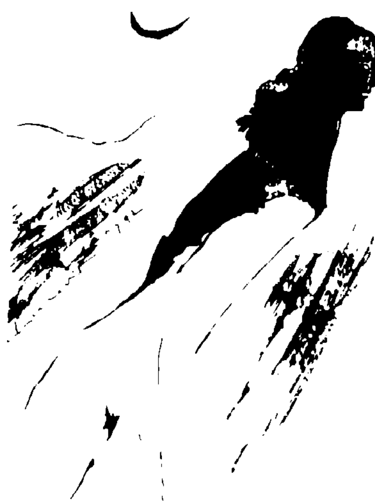
Em gọi thơ về. Từng thớ thịt rung lên âm điệu trở về. Thơ thoát ra từ đốt xương căng thẳng. Vũ trụ hồi sinh rực rỡ. Sợi gân chùng mỏi mệt hân hoan.

HOÀNG HƯNG
(Trong nước)



VƯƠNG ĐAN

xóm nhỏ việt nam



Có tiếng sập cửa ở trên lầu, rồi tiếng trẻ con quấy khóc xen lẫn bước chân người đi xuống cầu thang; âm thanh lóc cóc phát ra từ đôi guốc mộc. Tôi ghé mắt nhìn qua cửa sổ.

- Cô Hai ơi! Tui sắp đi chợ đây. Cô Hai cần mua gì không?

Giọng bà Tư Nhiên đon đả. Tôi ngước nhìn đồng hồ. Mới hơn tám giờ sáng. Đây là giờ bắt đầu cho một ngày hoạt động của "xóm nhỏ Việt Nam". Tôi vẫn thường gọi đùa như vậy. Ngày mới dọn về vợ chồng tôi hết sức ngỡ ngàng trước cảnh tượng sinh hoạt thường nhật của nhóm người đồng hương sống chen chúc trong cái chung cư bé nhỏ này. Tôi có cảm tưởng như mình đi lạc vào một xóm nhỏ nào đó của Sài Gòn. Có điều, tất cả xem ra tươm tất và sạch sẽ hơn một chút. Thiếu chăng là tiếng rao quà bánh, vũng sình lầy lội sau cơn mưa cùng đàn muỗi vo ve...

Ngày cuối tuần bị khua dậy sớm, chồng tôi càu nhàu: "Ở cái xóm này thật khổ, chẳng lúc nào yên được". Tính anh vốn ít nói mà đã phải thốt lên như vậy.

Đã một năm rồi kể từ ngày chúng tôi dọn về chỗ ở mới. Nơi đây cách sở làm của chồng tôi khoảng mười phút lái xe, gần khu phố chính, nơi có nhiều tiệm ăn và là chỗ tụ họp của những khu thương mãi người Việt. "Ở đây anh chị không phải lái xe đường xa vì chợ búa nhan nhản, đi mấy phút là gặp. Hơn nữa trường học và nhà thờ cũng quanh đây, sau này chị có thể dẫn cháu đi học mà không cần phải lái xe". Đó là lời giới thiệu trước tiên về cái xóm nhỏ Việt Nam của một anh bạn quen, và cũng chính là lý do khiến tôi hối thúc Tiến dọn về nơi này. Câu nói đầy thuyết phục của người bạn đã lấy đi hết trong tôi những đắn đo suy nghĩ.

Dạo đó tôi chưa được hân hạnh biết bà Tư Nhiên (hay còn được gọi là bà Tư Tiền, nói theo lối diễn tả chính xác) và gia đình Hai Nghĩa, con trai bà. Tôi cũng không nghe gì về cô Bảy Rớt, về anh Năm Hời, và mối tình "già nhân nghĩa non vợ chồng" của hai anh chị. Chưa hết! Lại còn gia đình Chín Chè ồn ào nheo nhóc bên cạnh cuộc sống âm thầm tách biệt của vợ chồng ông Tôn, cán sự sở xã hội.

Tôi lại càng không hiểu vì sao những cái tên như Bảy Rớt, Năm Hời... đã gợi cho tôi những hình ảnh quen thuộc, giờ đây đã trở nên hết sức xa xôi. Những sự việc đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, những vui buồn bực bội và dở khóc dở cười của ngày hôm nay đã vô tình kéo tôi về lại những chuỗi ngày của quá khứ, khi tôi còn ở trong một khu xóm lao động tại quê nhà năm xưa...

Sau cái Tết Mậu Thân đầy khói lửa, gia đình tôi gồm ba mẹ và sáu chị em gái rời Đà Lạt về Sài Gòn, nơi chúng tôi đã sinh sống cho đến ngày 30, tháng 4 1975. Ở Sài Gòn, nhà tôi nằm ngay đầu hẻm nhỏ dẫn vô xóm lao động, cả ngày không ngớt tiếng ồn ào, từ tiếng cười đùa la hét xen lẫn tiếng khóc vang inh ỏi của lũ trẻ con phá phách yêu ma. Cha mẹ chúng mải lo sinh kế nên để mặc đám trẻ lếch thếch. Ban ngày chúng lê la khắp chốn, nghịch ngợm và ăn cắp vặt. Vì thế, chuyện trẻ con làm mất lòng người lớn đã trở nên hết sức thường tình. Mỗi ngày chúng tôi đều phải nghe những tiếng cãi cọ, ẩu đả của mấy người trong xóm vọng ra. Đã mấy lần tôi toan bàn cùng ba mẹ dọn đi nơi khác. Việc chưa thành thì xảy ra cuộc di tản đột ngột.

Giọng nói ồm ồm cùng tiếng guốc khua lóc cóc từ hành lang vọng vào đã đem tôi về với hiện tại. Cu Tí giật mình khóc thét lên. Tôi ra mở cửa.

- Chu cha! Thằng nhỏ xinh quá à! Giỏi, nín đi con. Nín rồi bà Tư đi chợ về có bánh cho Tí ăn.

Nói xong mắt bà nhìn láo liên. Bà Tư Tiền nổi tiếng có thói quen "cầm nhầm". Cách đây ít lâu tự nhiên thấy biến đâu mất cây chổi quét bếp. Mỏi mắt mấy ngày tìm không ra, tôi bực bội đi mua một cây chổi khác, trong bụng thầm nghĩ có lẽ Tiến đã vất đi rồi. Một hôm nhân tình cờ đi phố về tôi thấy bà Tư đang lom khom hốt rác ở đầu cầu thang, cây chổi trong tay bà thoăn thoắt, cán chổi còn đong đưa sợi dây treo bằng nỉ đỏ hôm nào tôi mới buộc. Nhác thấy tôi, bà vẫy tay cười giả lả rồi biến thoắt vào trong nhà. Tôi cất giọng:

- Chào dì Tư.

Mặt bà Tư Tiền hôm nay coi bộ tươi tỉnh lắm.

- Ừa, bữa nay tui đi chợ mua đồ làm đám giỗ tía thằng Hai Nghĩa. Phú Thanh đang "seo" đồ dữ lắm cô Hai à. Nước mắm bảy chín xu một chai. Lạp xưởng ba đồng còn có một đồng chín chín... Bà toan kể tiếp. Tôi cắt ngang:

- Cám ơn dì Tư. Nhà cháu cũng còn nhiều đồ chưa ăn hết. Chai nước mắm dì Tư mua bữa hổm vẫn chưa khui.

- Dzậy hả? - Bà Tư Tiền cụt hứng - Dzậy tui đi nghen. Bận sau cô Hai

muốn mua cái gì thì nói tui nghen cô Hai.

Nói rồi, bà với tay nhặt cái túi xách dựng góc bàn ăn và bước lùi ra cửa kèm theo nụ cười méo xệch.

Bà Tư đi rồi, khu xóm yên lặng được một lúc, lại lập tức huyên náo bởi tiếng ồn nghịch ngợm của đám trẻ con nhà Hai Nghĩa, rồi tiếng khóc nghe đến sốt ruột của thằng cu nhóc ba tuổi con chị Chín Chè. Tiếng người chồng gằn hắt:

- Đ.M. Nuôi được thì nuôi, không nuôi được thì cho người ta lượm. Đừng có mà hành hạ thằng nhỏ. Thứ con đàn bà hổng biết gì hết trọi!

- Hứ! - Giọng Chín Chè lồng lộn - Giờ anh biểu tui hổng biết cái gì, dzậy mà đêm nào cũng láng cháng hổng cho người ta ngủ? Anh hành hạ tui quá mức còn muốn cái gì?

Vợ chồng chị Chín Chè tiếng là ly dị nhưng vẫn ở với nhau. Nghe đồn họ chỉ ly dị trên giấy tờ để chị Chín được lãnh "co-phe" nhờ vào năm đứa con nhỏ, mà đứa lớn nhất mới lên tám. Anh chồng đi bỏ báo một buổi, buổi chiều đi lượm lon về chất đầy nhà. Vài hôm lại thấy tiếng đập lon chan chát. Chị Chín Chè phụ chồng vô bao những lon bia, lon nước ngọt đã bị đập giập, bẹp dí, và lèn chặt vào những chiếc bao lớn để chồng khuân lên chiếc xe pick-up chở tới nơi bán. Ngày thường hễ không đập lon thì chị may đồ. Tiếng máy khâu rè rè nghe đến nản lỗ tai. Tuy hưởng welfare nhưng chị Chín mỗi lần ra khỏi nhà là vòng vàng xúng xính. Nghe nói chị về Việt Nam đã mấy bận. Quê chị mãi tận Châu Đốc. Thảo nào tuy ra sức chưng diện, chị vẫn không gột hết được cái nét ngơ ngáo của một cô gái miền quê. Điều này làm tôi hơi buồn cười khi nhớ tới cô Liên đen ở xóm tôi ngày trước. Cô vốn người Long Xuyên, quen với ruộng đồng từ bé. Sau này nghe lời rủ rê của bạn bè, cô trốn cha mẹ lên Sài Gòn sống. Nghề ngỗng không có, cô đành phải trao thân gửi phận nơi đám đàn ông tứ chiếng, và cuối cùng là đám lính Mỹ xa nhà. Cô nói tiếng Mỹ, nhưng là thứ tiếng bồi cộng thêm ngôn ngữ tay chân. Ba hoa thiên địa thế nào mà cũng có tên Mỹ chịu theo cô. Như sợ lòi ra cái gốc quê mùa, cô Liên ra sức ăn diện chải chuốt cho hợp thời trang. Khổ nỗi chân tay cô vốn được tôi luyện kỹ càng bởi công việc đồng áng nên trông chúng nứt nẻ xù xì như những củ khoai mì nặng ký, xác xơ. Cô rất lấy làm tủi thân với làn da đen mốc và tấm thân bồ tượng thiếu thon thả của mình. Chị Chín Chè xem ra khá hơn cô Liên một chút nhờ nước da có phần trắng trẻo. Chỉ tội cái giọng Nam miền quê kiểu "cá gô bỏ gổ" đã thật thà hại chị. Dạo mới quen chị, mấy lần tôi suýt phì cười khi nghe những câu phát âm thật lạ tai. Có lần nói chuyện với chị tôi vờ có ý định về Việt Nam ở luôn. Chị Chín Chè trợn mắt la lên:

- Chị Tiến nói thiệt hay nói chơi dzậy? Về khổ thí mồ. Ở bên này sướng hơn. Bên Dziệt Nam ngày nào cũng mần cá, phơi nước mắm. Cực hết biết chị Tiến ơi.

- Nhưng dù sao sống trên đất nước mình vẫn thoải mái hơn chứ! Mình ra

đường không bị kỳ thị. Mà này, chị Chín về quê mấy lần rồi? Coi chừng mai mốt chính phủ họ điều tra, họ cúp welfare, đuổi về Việt Nam luôn đó.

Tôi làm mặt nghiêm. Chị sợ thật, hốt hoảng:

- Thiệt dzậy hả chị Tiến?

Không nín được, tôi bật cười:

- Thật mà. Chính phủ Mỹ họ tốt lắm, họ nghĩ chị yêu nước, nên họ muốn cho chị về luôn.

Biết tôi đùa, chị hoàn hồn, giả lả:

- Quỷ nà, mần người ta lên ruột.

Thoạt đầu tôi ít nhiều bực bội về những xáo trộn trong cái xóm nhỏ Việt Nam ồn ào hỗn độn này. Dần dà rồi cũng quen, thành nếp. Hễ yên ắng một tí là tôi lại thấy lo ra. Tôi đã quen với tiếng la hét cười đùa của bọn trẻ, tiếng cãi cọ hục hặc của gia đình chị Chín Chè, loa phóng thanh của bà Tư Tiền, tiếng máy xe khò khè hổn hển của anh Năm Hời mỗi sáng trở về sau ca làm ban đêm. Nhà anh Năm Hời ở cách nhà tôi hai căn, liền vách. Cũng là "a-pa-tơ-măng" một phòng, kế bên nhà chị Chín Chè. Nhà bếp của anh trông thẳng ra bãi đậu xe, sát cạnh cái thùng rác tập thể. Anh thường phàn nàn về việc Tư Tiền đổ rác không cẩn thận để vương vãi ra sân nhà, báo hại anh phải dọn dẹp. Anh Năm Hồi sống độc thân đã lâu, từ sau khi vợ mất. Mới khoảng một năm nay cô Bảy Rớt từ đâu bỗng xuất hiện trong khu xóm này. Cô sống một thân một mình, làm nghề chi chẳng rõ. Người ta chỉ thấy khi chiều đến, cô Bảy khoác bóp ra khỏi nhà, mùi nước hoa rơi rớt từ những bộ cánh hở hang. Một hôm Bảy Rớt vừa ra khỏi nhà, bà Tư Tiền khẽ nháy mắt bảo tôi rằng cô đi làm ca đêm! Bẵng một thời gian người ta không thấy Bảy Rớt đi làm nữa. Cô đột nhiên ngã bịnh liệt giường, hàng xóm chẳng mấy ai tới thăm nom. Rốt cuộc chỉ còn mỗi anh Năm Hồi, người hàng xóm thân cận sát vách. Mỗi chiều đi làm về anh Năm Hồi tất tả chạy sang nhà Bảy Rớt hỏi han, đưa cô đi bốc thuốc. Bà Tư Tiền cười mỉa: "Chú Năm dạo này bận đi làm "ô-vờ-thai" cực quá ta!" Ít lâu sau Bảy Rớt lành bệnh. Cô ít ra ngoài trừ những lần đi chợ mua sắm. Gặp ai cô cũng khẽ gật đầu xã giao. Thường thì chỉ vài ba câu thăm hỏi qua loa. Rồi cô đi thẳng. Từ khi khỏi bệnh, cô hay lui tới nhà Năm Hồi phụ việc nấu nướng. Thế rồi một hôm người ta thấy cô Bảy Rớt đột ngột trả nhà và dọn hẳn sang bên anh Năm. Như một cảnh "thêm đũa thêm chén" xảy ra rất thường tình ở cái mảnh đất tự do này, mảnh đất của yêu cuồng sống vội, không ai lấy làm thắc mắc trước sự tiến bộ "vượt chỉ tiêu" của đôi bạn láng giềng này.

*

- Vợ Nghĩa ơi! Vợ Nghĩa à! Xuống bưng thùng đồ phụ má nè!

Giọng bà Tư Tiền vọng lên từ đầu ngõ. Bà ta đã đi chợ về. Bà Tư Tiền coi vậy mà mạnh khỏe lắm. Bà ăn "tiền thần kinh", nhưng hễ tính tới chuyện tiền nong sổ sách là bà sáng suốt vô cùng. Tuy thế cũng có khi bà tính lộn! Có lần tôi đưa tiền nhờ bà mua một ít đồ ăn để dành, sau khi nhận túi đồ, tôi tính

nhẩm lại thấy mắc hơn tới mười đồng. Lần ấy tôi chạy sang ngay. Té ra bà đã đưa lộn cái receipt đi chợ của nhà bà hôm trước! Biết bà có tính "lẩm cẩm" (theo như bà tự thú), thỉnh thoảng mỗi khi nhờ bà mua giúp món gì ở chợ, tôi vẫn kèm theo một ít tiền trầu cau gọi là!

Ngoảnh đi, ngoảnh lại đã qua hết mùa hè. Đêm nay là đêm rằm trung thu. Từ chiều hôm trước bà Tư Tiền đã rủ chị Chín Chè đi chợ mua đồ cúng rằm. Buổi tối, gia đình tôi quây quần dưới mái hiên trước cửa nhà để uống trà, ăn bánh trung thu và thưởng trăng. Trăng trung thu ở xứ Mỹ không tròn lắm. Có lẽ tại chẳng mấy ai đoái hoài đến chị Hằng nên trông chị kém tươi. Tôi nhớ quê nhà da diết. Chồng tôi làm cho cu Ti một cái lồng đèn xếp bằng giấy gói quà có in hình hoa lá đủ màu sặc sỡ. Đám trẻ con trong xóm tụ lại đùa nghịch. Những đứa trẻ Việt Nam chưa rành tiếng mẹ đẻ đã bập bẹ ngôn ngữ ngoại bang. Đâu đó vẳng tiếng người mẹ gọi con lanh lảnh. Không hiểu chị ta nói gì mà thằng bé ngẩn tò te một lúc rồi nhe răng cười chạy biến. Lòng tôi bỗng xót xa. Chỉ trong vòng vài năm nữa thôi những đứa trẻ này sẽ lớn. Khi ấy liệu chúng còn nhớ đến nguồn gốc của mình? Còn nhận diện được không mình là người Việt Nam? Có thể rồi đây chúng sẽ quen thuộc với hamburger, hot dog và biết đâu sẽ chả nhăn nhó khổ sở khi phải nuốt từng hạt cơm!

-Chắc mình sắp phải dọn nhà lần nữa - Tiến nói với tôi như vậy trong buổi chiều tan sở về nhà. - Anh được đề cử đi Washington để nghiên cứu thiết lập một dự án mới cho trung tâm săn sóc trẻ em tàn tật nơi đó. Em nghĩ sao, anh có nên nhận lời không?

- Nếu phải đi thì cũng nên đi thôi - Tôi trả lời - Với em thì ở đâu cũng vậy, đất này có phải là quê hương của mình đâu!

Nói xong tôi cảm thấy như mình vừa lỡ lời.

Trước ngày dọn nhà hai bữa, tôi có ghé thăm mấy người hàng xóm để chào từ giã. Ai cũng ngỏ ý tiếc về việc gia đình tôi sắp dọn đi. Bà Tư Tiền đang đút cơm cho thằng cháu. Thấy người lạ nó ngừng nhai và ngây mặt nhìn tôi một lúc lâu, trong tay mân mê thằng Batmam làm bằng nhựa dẻo. Tôi chợt nhớ đến thằng Batman mua cho cu Ti đã thất lạc lâu nay. Bà Tư Tiền ra chiều xúc động lắm. Bà tỉ tê: "Cô Hai đi rồi, xóm này buồn lắm cho coi. Mỗi lần đi chợ hổng biết mua đồ giùm ai nữa". Rồi như chợt nghĩ ra điều gì, mắt bà bỗng sáng lên: "Cô Hai đi có đồ gì không xài để lại cho tui với!"

Sáng hôm sau, bà sang nhà tôi, trong tay lăm le cái thùng giấy bự cao gần cỡ chiều cao của bà. Còn một ít nồi niêu xoong chảo tôi đã toan vất bỏ. Bà Tư nhăn mặt suýt xoa: "Cái chảo còn tốt vậy, chiên chả giò được lắm mà cô Hai tính bỏ sao?" Bà nhặt nhạnh ngay cả những đồ chơi con nít hư hỏng. Hầu như những thứ tôi vất bỏ đều đã nằm trong cái thùng giấy của bà. Tôi cảm thấy vừa buồn cười vừa ái ngại. Riêng bà Tư thì hả hê lắm. Bà cảm ơn rối rít

và nhờ tôi đỡ giúp một tay cái kho hàng mới tậu được ra garage.

*

Washington mùa thu. Mưa phùn rét mướt.

Ngồi trong nhà nhìn qua khung kính cửa sổ, ngoài kia bầu trời đen xám trong cơm mưa bụi dăng đăng. Tiếng gió rít qua thành cửa sổ làm tôi thoáng nổi da gà. Thị trấn tôi ở thuộc loại đèo heo hút gió, cứ khoảng mấy chục thước mới có một ngôi nhà. Căn nào căn nấy biệt lập, cửa ngõ im ỉm. Tôi đã xin được chân kế toán trong một hãng nhỏ cách nhà khoảng mươi phút lái xe. Cu Tí nay đã được sáu truổi, bắt đầu vào lớp một. Chồng tôi làm quản đốc trung tâm hướng dẫn và săn sóc trẻ em tàn tật. Tôi không còn thời gian rảnh rỗi để ở nhà đọc sách, xem tivi như trước kia nữa. Thời giờ ở đây trôi quá nhanh đến nỗi tôi không kịp nhận ra nhiều thay đổi theo sau đó. Ban ngày thả con ở trường học rồi chạy thẳng đến sở làm, buổi chiều trên đường về lại đón con. Tối đến, sau bữa cơm tôi dành chút thì giờ ít ỏi còn lại để chơi với con, trò chuyện cùng chồng và xem tivi trước khi đi ngủ để lấy sức cho một ngày mới. Cuộc sống cứ thế trôi đi, bình lặng, tuy có phần đơn điệu. Đã có lúc tôi tưởng như mình đã quay lưng với những hình ảnh mới ngày nào còn quen thuộc. Thế nhưng đời sống tất bật vô tình cũng có lần dừng lại ở những điểm hẹn không báo trước. Tôi bất giác nhìn tấm lịch lốc treo tường. Chết chửa! Đã đến trung thu rồi đấy sao? Như một giấc mơ đã chìm dần trong ký ức chợt bừng thức, tôi thấy lại cảnh gia đình ngồi thưởng trăng trước mái hiên nhà đêm ấy, bát chè đậu xanh bột báng nước dừa chị Chín Chè đã múc cho tôi buổi chiều ngày trung thu. Ừ nhỉ, đã hai năm rồi, hai năm kể từ ngày tôi mất đi những người hàng xóm - những người mà tôi đã có lúc nhìn theo bằng cặp mắt ái ngại, dò xét. Những người đã từng làm tôi thất vọng, sao nay trở nên hết sức gần gũi. Và tôi nhớ đến hình ảnh bà Tư Tiền với bàn tay thoăn thoắt cạo gió cho cho tôi bằng miếng thẻ bài quân nhân của Hai Nghĩa, con trai bà. Trung thu nghỉ bệnh, tôi nằm nhà một mình không ai cạo gió. Tôi thèm một chén chè đậu xanh, thèm một miếng bánh trung thu ngũ vị. Ở cái thị trấn đèo heo hút gió này, biết đào đâu ra những thứ đó? Mà cũng chẳng mấy ai rảnh rỗi để nhớ về ngày tư ngày tết nơi đây.

Ngoài kia mưa vẫn rơi. Từng hạt mưa bụi mỏng manh nhịp nhàng như khẽ quất vào một chốn sâu thẳm của đáy lòng tôi, lạnh buốt.

VƯƠNG ĐAN
9.1993

TRẦN SA

ngụy tạo

Tôi gia nhập ảo giác lần nữa rồi lần nữa
bởi trần thế chỉ là một khối đắp bồi
bởi trùng trùng ngụy tạo
và điệp điệp giấc mơ
trong đó con người mặc sức khóc và cười
hiền lành và hung dữ
thật thà và quỉ quyệt
say đắm và chán chường
yêu thương và thù ghét
những ván bài thắng thua liên tiếp
những quầy chơi cuộc vui hội đám tưng bừng
những tuồng tích kịch phim sách vở
gay go li kì hấp dẫn
mọi cảm xúc sẽ được lũy thừa
mọi nhân vật đều được màu mè hư cấu
kẻ đứng ngoài nào không mạo nhận là Chúa Phật
(chờ đợi để được đúc thành tượng khắc bằng gỗ,
hoặc chứng minh là bất lực)
sẽ bị hắt hủi đuổi xua vào Cô Đơn,
Trống Rỗng hay Đau khổ

tôi đến tôi đi lần nữa rồi lần nữa
dù biết chẳng con đường nào thật sự dẫn về đâu
ngoại trừ một nấm mồ,
một vuông đất. nhỏ như không có thật
vì trên quả địa cầu khổng lồ
mọi thành phố chỉ là những dấu chấm
hai bàn chân tôi không đứng trên một điểm nào
giữa vũ trụ vô số những vì sao
tình yêu tôi dành cho vài người, vài điều
tưởng vô cùng đớn đau, khốc liệt
rồi cũng giống như những bọt bóng xà phòng vỡ theo sự chết
(sự chết: những giọt nước mắt bốc hơi
tặng cho một niềm câm lặng
Một tiếng cười khúc khích đã thôi)
hy vọng thất vọng tuyệt vọng
nào, có là gì đâu...
tôi khẳng định lần nữa rồi lần nữa với chính tôi:

chẳng có gì quan trọng
ngoài cái tích tắc này
khi tôi cầm quả bong bóng thời gian là đứa trẻ con thơ dại
chơi đuổi bắt quá khứ tương lai
giữa hai bờ tử sinh
cùng với những ảnh hình tôi nâng niu
ngụy tạo
như mọi con người vẫn ngụy tạo hạnh phúc
lẫn khổ đau / để tự an ủi mình /
trong cuộc hành trình lẽ loi vô định
băng ngang qua mặt đất khô khan

TRẦN SA



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

trái tim để lại

Bước vào một chuyến đi chông chênh
không anh
em để lại nơi đây
những giọt nước mắt
nhiều nụ cười
bóng dáng những đêm hiếm hoi
hạnh phúc
điều mơ ước bình thường
niềm chua xót hôm nay

Em để lại những hơi thở quấn quít
môi hôn cuồng điên
từng giọt mồ hôi mãn nguyện
những câu chuyện chẳng đầu đuôi
không bao giờ dứt
những trò đùa
lòng khao khát yêu đương

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
(Trong nước)



FERNANDO SORRENTINO
PHẠM CHI LAN *phỏng dịch*

người đập dù lên đầu tôi*



Có một người chuyên môn đập dù lên đầu tôi. Cũng đã năm năm rồi từ ngày hắn ta làm cái việc kỳ cục này. Mới đầu thì tôi không thể chịu nổi, nhưng bây giờ tôi lại không thể thiếu "nó" mới lạ lùng.

Tôi không biết tên hắn ta. Đó là một gã đàn ông trung bình mặc bộ đồ complet tầm thường mầu xám với khuôn mặt mông lung bí ẩn. Tôi gặp hắn lần đầu vào một buổi sáng xui xẻo cách nay đúng năm năm. Lúc đó đang ngồi yên tịnh đọc báo trên một băng ghế trong công viên thì đột nhiên bị một cú quất vào đầu sững sờ tá hỏa. Phải, đúng là gã, là người đàn ông bí ẩn đó đã liên tục quật dù lên đầu tôi từ năm năm nay, bắt đầu từ buổi sáng định mệnh đó.

Ngay lúc đó tôi nổi cục xông dậy vì cái đau bị xúc phạm giữa chốn công cộng một cách vô lý, nhất là giữa lúc tôi đang bình yên thoải mái đọc báo mà lại bị một người tự dưng đến phá đám làm một chuyện thật bất ngờ, bất công và bất thường hết sức. Hắn ta thì vẫn tỉnh bơ quất túi bụi lên đầu tôi mặc tôi phẫn nộ như thế nào. Tôi la lên ông này có điên không? Hắn làm thinh như không nghe tôi hỏi, tay vẫn liên tục đập dù lên đầu tôi. Tôi dọa gọi cảnh sát, hắn cũng vẫn không thèm đếm xỉa gì. Sau một lúc bối rối, chần chừ suy nghĩ không biết phải làm sao đây, vả thấy hắn ta không có vẻ bớt lại cái trò chơi kỳ cục này, tôi vụt đứng dậy thoi hắn một quả thật đẹp ngay giữa bản mặt lầm lì dễ ghét. Ha, thì ra hắn chỉ là một tên đàn ông yếu xìu như bún thiu mặc dù tôi đã kềm hãm cơn giận không dùng hết sức lực bình sinh của tôi. Gã nằm quay đơ dưới đất miệng rên ư ử, rồi lập tức lại vùng dậy tiếp tục vung cán dù

bổ lia lịa vào đầu tôi. Máu mũi hắn đổ ra đỏ lòm. Không hiểu sao lúc đó tôi lại thấy thương xót hắn, lương tâm tôi chất vấn sao lại đục hắn mạnh tay đến như vậy, và có lẽ cũng bởi vì sau đó cán dù quật lên đầu tôi cũng không đến nỗi mạnh gì, còn có vẻ nhẹ hều như những luồng gió thổi nữa là khác. Mặc dù không đau, nhưng cái hoạt cảnh bị đập dù lên đầu trông thật khó coi, như một tên xuẩn ngốc đang bị xúc phạm sỉ nhục, dĩ nhiên là tôi nổi sùng. Thật sự mà nói, cây dù vụt tới vụt lui với tốc độ không nhanh không chậm, cũng không hẳn chạm vào đầu khiến tôi có cảm tưởng như có một con nhặng khổng lồ đang xoáy vù vù vào đầu, thật là khó chịu.

Dù thế nào đi nữa thì tôi cũng không thể chịu được con nhặng to tướng khốn kiếp này, nhủ lòng chắc hôm nay xui xẻo gặp một đứa khùng hết thuốc chữa, thôi thì tẩu là thượng sách. Tôi quyết định bỏ đi cho khỏi cái thứ hắc ám này. Hắn vẫn không buông tha tôi, hắn lẽo đẽo theo sau tay không ngừng bổ dù lên đầu tôi nhịp nhàng như con ruồi bám riết lấy mồi. Tôi co giò phóng chạy (cũng xin được nói tôi là người chạy nhanh có hạng ít có ai chạy lại tôi). Hắn đuổi theo sát phía sau còn ráng quật được vài cú dù lên đầu tôi vớt vát. Tôi nghe hắn thở hồng hộc, hổn hển như sắp đứt hơi phía sau, cứ cái đà chạy đua này với tên phá đám tôi có thể đứt mạch máu ngã vật xuống chết như chơi.

Vì nghĩ vậy mà tôi giảm tốc độ đi chậm lại từ từ như người đi bộ. Quay lại nhìn hắn, tôi thấy hắn không lộ cảm xúc gì cả trên khuôn mặt bình thản lạnh lùng kia, cũng không tỏ vẻ biết ơn tôi đã chạy chậm lại, hay đỏ mặt giận dữ với cuộc chạy đua đứt hơi vừa rồi, tay thì vẫn không ngừng bổ cây dù lên đầu tôi giống như con nhặng bám riết lấy người ta. Tôi nghĩ trong đầu mình có nên tìm đường đến trạm cảnh sát thưa với giới chức trách rằng: "Thưa thầy đội, ông này khi không đập dù lên đầu tôi đây nè." Thật là một trường hợp kiện tụng kỳ cục chẳng đầu đuôi thể thống gì, chắc chắn người ta sẽ nhìn tôi với cái nhìn nghi ngờ rồi cho rằng tôi là một kẻ loạn óc bất bình thường không biết đang định giở trò gì đây. Dám họ xét hỏi giấy tờ tôi thôi thì quê mặt. Thế nào họ cũng sẽ hỏi những câu hỏi sống sượng thật xấu hổ không thể trả lời, rồi cuối cùng bắt nhốt tôi bỏ bót cũng không biết chừng.

Thôi, tẩu là thượng sách, về nhà cho xong chuyện! Tôi nhẩy vội lên chiếc bus số 67 đang trờ tới lề đường. Hắn cũng nhào lên theo tay vẫn không ngừng vung dù lên đầu tôi tới tấp. Tôi tìm được một chỗ trống ngồi xuống, gã cũng ngồi xuống chỗ bên cạnh một tay bám vào chỗ vịn trong thành xe một tay vung tít cây dù. Mấy người trên xe bus trố mắt nhìn bọn tôi rồi len lén cười, còn gã tài xế thì nhìn trừng chúng tôi trong kính chiếu hậu. Có tiếng thì thào cười khúc khích trong xe, họ quay sang rỉ tai nhau xì xầm rồi nhăn răng cười chế diễu một cách trắng trợn. Người tôi nóng bừng lên vì quê và giận, còn hắn thì vẫn thản nhiên tiếp tục cái động tác ác ôn không mỏi tay ngừng nghỉ, mặt vẫn lạnh như tiền.

Tôi bước xuống xe, à không, "chúng tôi" cùng bước xuống xe, ở trạm Puente Pacifico. Chúng tôi đi dọc theo đại lộ Santa Fe. Mọi người ngoái cổ nhìn chúng tôi một cách quái lạ. Tôi nhìn trừng lại họ: "Nhìn gì, bộ mấy người chưa bao giờ trông thấy ai bị đập dù lên đầu sao chớ?", rồi tôi lại nghĩ chắc họ chưa bao giờ trông thấy cái hoạt cảnh kỳ cục này. Năm bảy đứa con nít bắt đầu chạy theo chúng tôi hò reo chỉ trỏ giống như một lũ giặc da đỏ quái ác man rợ đang bu quanh hành xử con mồi là hai đứa chúng tôi. Lũ này cũng ác ôn không kém.

Vừa lúc đó thì tôi chợt nảy ra một sáng kiến. Tôi sẽ về nhà lách vội vào bên trong đóng xập ngay cánh cửa lại không cho gã vào theo, thế là thoát nợ. Thật là đơn giản. Nghĩ thì nghĩ vậy nhưng tôi đã không làm được như dự liệu. Trước khi kịp đóng ập cánh cửa, bàn tay hắn đã giữ chặn lại rồi lách nhanh vào theo một cách dễ dàng.

Từ bấy giờ trở đi, hắn vẫn đều đặn tiếp tục quất cây dù lên đầu tôi không bao giờ ngừng. Dường như hắn không bao giờ ngủ hay biết mệt. Hắn chỉ biết có mỗi một động tác đập cây dù lên đầu tôi, ngoài ra không làm gì cả. Hắn bám sát theo tôi mọi nơi mọi lúc trong mọi hành động, chỉ làm một việc duy nhất đó thôi. Tôi nhớ lúc đầu "cái dù quạt gió" đã làm cho tôi mất ăn mất ngủ, nhưng sau này thú thật không có nó tôi không tài nào ngủ được.

Liên hệ giữa tôi và hắn không phải lúc nào cũng êm đẹp từ bấy lâu nay. Đã nhiều lần tôi tra gặng hắn với mọi thứ giọng điệu về lý do cái điều mà hắn đang làm, hay cố moi móc một chi tiết nào về con người kỳ lạ của hắn, nhưng hắn vẫn khư khư ngậm tăm, im lìm không bao giờ trả lời, tay vẫn không ngừng "quạt gió" trên đầu tôi. Một vài lần nổi điên lên, xin Chúa thương xót làm chứng, tôi đá, tôi đạp, tôi tống hắn những cú đau điếng, ngay cả giật cây dù dọng lại lên đầu hắn, nhưng hắn vẫn im rơ chịu đựng, làm như hành động của tôi chẳng có gì đáng kể. Điều làm tôi sợ nhất là cái vẻ im lìm trơ trơ, cương quyết như đá của hắn. Dường như hắn không biết thù hằn hay tức giận hay bộc lộ phát tiết như tôi, hắn chỉ câm nín im lìm như thóc. Nói tóm lại thái độ của hắn như một sứ giả trung thành kiên gan đang thi hành một công tác thiêng liêng, một mệnh lệnh quan trọng của đấng tối cao nào đó gửi đến.

Một điều nữa tôi khám phá ra là ngoài những nhu cầu thể lý ăn uống ngủ nghê mà hắn không cần đến, tôi biết hắn cũng có cảm xúc và biết đau đớn mỗi khi tôi đánh đập hắn. Tôi biết hắn yếu ớt, tôi biết hắn lì lợm và có khi tôi nghĩ chỉ cần một phát súng là tôi có thể thoát được hắn. Nhưng điều tôi không thể hiểu nổi là khi cả hai chúng tôi đều ngủm rồi thì hắn có còn tiếp tục đập dù lên đầu tôi nữa thôi. Vả lại, tôi cũng không biết viên đạn sẽ nên nhắm vào đầu tôi hay vào hắn để giải thoát nợ cho chúng tôi. Điều giả sử nào thì cũng chẳng đi đến đâu. Tự trong thâm tâm, tôi biết rõ là tôi không thể giết hắn hay giết chính mình được. Hơn nữa về một mặt khác, những lúc gần đây tôi lại cảm thấy không thể sống thiếu những "luồng gió êm ái" của cây dù hắn quạt trên đầu tôi. Càng ngày tôi càng lâm sâu vào cái "đam mê" kỳ

lạ này. Tôi cảm thấy vô cùng buồn chán và trống rỗng khủng khiếp nghĩ đến một ngày nào đó khi tôi cần hắn hơn bao giờ hết, thì hắn không còn hiện diện bên tôi nữa. Tôi sẽ khốn khổ vô cùng vì thiếu luồng gió nhẹ nhàng êm ả của cây dù dỗ tôi vào một giấc ngủ bình yên.

PHẠM CHI LAN

---

*Phỏng dịch từ truyện ngắn *"There's a man in the habit of striking me on the head with an umbrella"*. Mundus Artium, Vol. 20, University of Dallas, English Department.



HOÀI HƯƠNG

thơ kể chuyện

Tôi đã viết hàng trăm bài thơ
gởi đi hàng chục bài
chưa một lần được đăng
không một dòng được nhắc!

Tôi đã để ý hàng chục chàng trai
tỏ tình với gần mười chàng
yêu được dăm ba
chồng vẫn chưa có một.

Tới ngày thơ tôi được đăng
Tới ngày tôi đi lấy chồng
Rồi...

Tôi cứ viết
(không phải để được đăng thơ!)
Tôi vẫn yêu
(không phải để có chồng!)

HOÀI HƯƠNG



THANH THẢO

ẩn cư

bong bóng một chiếc xe cắt ngang giấc mơ
nghịch âm vui con rắn mù buổi sớm
chiều chiều tưới nước cho hoa nguôi cơn giận
một mình đi trong đường ống
làm sao nguôi
những bông hoa không lừa dối những mỹ từ gán cho chúng
lừa dối
ta ẩn cư trong thân thể mình như trong ngôi chùa nhỏ
ta là ông từ quét dọn ngôi chùa cha mẹ cho ta
nơi ấy xa cao mập mờ hương khói cha mẹ ta về
nhìn đầy một không gian im lặng
con sẽ gieo vào không gian ấy
hạt cỏ nở xanh vì người khác
con sẽ gieo không gặt
bản độc tấu ghi-ta
bấm trên dòng sông hẹp
(11.3.1993)

em bé bán vé số

em chìa cả đất đai sông núi
rừng vàng biển bạc
mùa màng thất bát
vào mặt anh

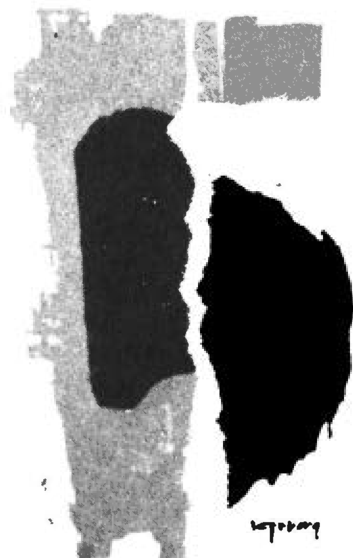
năm con số
diện thoại thiên đàng

THANH THẢO
(11.4.1993 - Trong nước))



DONALD BARTHELME
PHAN TẤN HẢI *chuyển ngữ*

Cơn Cám Dỗ Của Thánh Anthony



LTS: *Donald Barthelme sinh ở Philadelphia năm 1931, trưởng thành ở Texas, và sống ở Greenwich Village, New York. Từng làm đủ nghề như phóng viên nhà báo, giám đốc bảo tàng viện, biên tập, giáo sư và nhà văn. Đã phục vụ trong quân đội Mỹ ở Đại Hàn và Nhật. Truyện dưới đây dịch từ "The Temptation of St. Anthony," trong tuyển tập* Familiar Faces—Best Contemporary American Short Stories, *Faucett Crest, 1979.*

*

Vâng, vị thánh đã bị đánh giá thấp một chút, lúc đó, hầu hết bởi những người không ưa các thứ cấm kỵ. Tôi nghĩ điều đó hoàn toàn hiểu được—có những loại chuyện cực kỳ khó chịu, đối với một số người. Sau cùng, mọi thứ đã đủ khó khăn mà không phải đối phó với những chuyện bất khả tư nghị và minh bạch. Đối với một số người, những trật tự cao hơn của trừu tượng chỉ là một thứ phiền toái, mặc dù với những người khác, dĩ nhiên, chúng lại hoàn toàn hứng thú. Tôi có thể nói tổng quát, những người không thích loại tư tưởng này, hay là những người từ chối nghĩ về nó, lại là đa số. Và dăm người thực sự nổi giận về chuyện đời sống thánh—không phải về chính vị thánh, kẻ mà ai cũng thích, nhiều hay ít, ngoại trừ thật ít người, nhưng là về ý tưởng vị kia đại diện, đặc biệt bởi vì nó không ở trong sách hay nơi khác, nhưng đã thực sự hiện hữu trong cộng đồng nhân gian chúng ta. Dĩ nhiên cũng có người nói rằng ông ta "đã nghĩ rằng ông ta tốt lành hơn những kẻ khác," và bạn phải gạt những tay này qua một bên và phải bảo họ rằng họ đã nhìn lầm vấn đề, rằng đó không là một chuyện quen thuộc

đơn giản với chúng ta, nhưng là cái gì linh thánh và huyền nhiệm hơn, từ trong cõi những cái dị thường, không vương bận chút trần gian. Nhưng nhiều người không ưa những chuyện xa cõi trần gian, những chuyện trên cõi đời này đã đủ với họ, và họ không bận tâm nói với bạn như vậy. "Nếu ông ta bước ra và tìm một việc làm, như những người khác, thì ông ta cũng có thể thánh thiện suốt cả ngày dài, nếu ông ta muốn vậy"—đó là một lập luận phổ biến. Có một loại ghen tỵ thường bao quanh những người nổi bật. Có lẽ luôn luôn là như vậy.

Vì lý do đó, trong bất kỳ trường hợp nào, người ta luôn luôn tìm cách thò mắt nhìn vào trong phòng của vị thánh, để tìm xem có những trò dị thường nào được tu luyện ở đó, hay là nếu bạn có thể khám phá, từ cách sắp xếp bàn ghế và vân vân vân vân, nếu có chi khác thường. Người ta đã nhấn chuông và giả vờ như vào nhầm phòng, những chúng sinh này, nhưng Thánh Anthony cũng đã để họ bước vào, ngay cả khi ngài biết rõ họ đang suy nghĩ gì. Họ đứng vòng quanh, có lẽ là một cặp vợ chồng, và nhìn vào tấm thảm, đó chỉ là một tấm thảm màu xanh thông thường chạy nối các chân tường mang hiệu Kaufman, và rồi nhìn tới bàn cà phê và vân vân, họ có thể rón nhẹ vào bếp để dòm ngó dăm điều. Người ta luôn luôn ngạc nhiên thấy rằng ngài ăn nhiều hơn hoặc ít hơn các thức ăn thông thường, có lẽ cũng hơi nhiều món chiên xào. Tôi đoán rằng họ mong đợi ngài ăn rễ cây và cỏ. Và dĩ nhiên ai cũng có một hứng thú lớn không lành mạnh về phòng ngủ của ngài, nơi cánh cửa vào thường khép lại. Người ta như dường nghĩ rằng ngài nên, trong con đường tìm hợp nhất với những mục tiêu cao thượng, ngài nên ngủ trên sàn nhà; khi người ta khám phá có một chiếc giường thông thường trong đó, với tấm trải giường nâu, họ hơi bị sốc. Lúc đó Thánh Anthony đã pha xong ly cà phê cho khách, mời họ ngồi và hỏi về việc làm của họ và xem họ có đứa con nào không và cứ vậy, người ta nghĩ Ngài chỉ như những kẻ bình thường khác. Tôi nghĩ rằng, đó là cách ngài muốn thể hiện đời ngài, vào lúc đó.

Sau này, sau khi mọi chuyện đã qua đi, ngài mới quay trở về lại sa mạc.

Tôi đã không hề có ý kiến đặc biệt nào về một cách đúng đắn để nghĩ về ngài. Đôi khi bạn phải chọn một lối dài dòng để tới một thỏa hiệp khả nhận, và dĩ nhiên bạn vẫn phải sống bình thường trong khi đang tìm tới nó. Như vậy, trong cả năm dài đó vì đã thấy sự khẩn cấp trong ý chí ngài như một trong những dấu mốc lớn trong thành phố chúng tôi, tôi đã làm mọi thứ để giúp trôi chảy mọi chuyện, để điều hướng dòng kinh nghiệm sống nơi ngài theo cách ngài có thể chịu được. Tôi không phải là một tín đồ, nói cách đó có vẻ

hơi mạnh; tôi là một kiểu như bạn hữu. Và đã có những việc tôi có thể làm. Thí dụ như, thành phố này ở một kích thước vừa phải, hơn một trăm ngàn cư dân, và ở bất kỳ thành phố nào như vậy, nơi mọi người phải cào cấu để sinh tồn—bạn chạy va phải những người với chẳng bao nhiêu việc để làm, những người mà không bận tâm gây một chút rắc rối, nếu chuyện đó lại có thể sinh ra lắm chuyện vì cũng có đôi kẻ dị thường cách nào đó. Như cái thí dụ mà Elaine và tôi đã nêu lên, trong cách nhiều hơn hay ít hơn đã cư xử với ngài như một trong những người bạn của chúng tôi, và trong một nghĩa thì đã rất có vẻ như bảo vệ ngài xa khỏi những dòm ngó thiếu thiện cảm mà ngài có thể gặp. Trong xã hội, người ta như dường cảm thấy rằng vấn đề là gom mọi ý kiến lại rồi cân nhắc, hay ít nhất trong một thỏa hiệp khả nhận với ý kiến chính yếu, như dường thế giới là phòng họp bồi thẩm đoàn mà không ai có thể bước ra khi mọi người chưa đồng ý (và cứ giữ mãi trong đầu nỗi sợ về một phán đoán nhầm lẫn), như vậy các ông, và cả các bà cũng vậy, trong thành phố (mà tôi sẽ không gọi tên ra đây để khỏi gây bối rối có thể có cho những người liên hệ còn sống ở đây) đã cố gắng suy nghĩ về Thánh Anthony, và bằng cái linh thánh mở rộng, trong những cách được chấp thuận của điều kiện và thời đại của họ.

Việc đầu tiên để làm, lúc đó, là chứng minh rằng ngài là một tên giả mạo. Gợi lại chuyện này thì có vẻ lạ lùng, mà đó lại là ý kiến phổ biến đầu tiên, bởi vì ai đã có thể tin rằng đây là trường hợp ngược lại? Bởi vì nó chẳng dễ dàng để hình dung được cái vĩ đại giữa tất cả mọi thứ bạn phải nghĩ về. Tôi không có ý nói rằng ngài quanh co gạt gẫm hay chuyện gì đại loại như vậy. Đó là một chắc chắn—bất khả ngôn thuyết là chữ tôi có thể nghĩ về, và tôi không bao giờ có thể hiểu chính xác nó có nghĩa gì, nhưng bạn có một cảm giác từ nó, và đó cũng là cảm giác bạn thấy được từ vị thánh, vào những ngày đẹp trời. (Ngài đã có những ngày lên ngày xuống) Dù sao, chuyện đó cũng khá man rợ, vào lúc ban đầu, cái cách mà dân địa phương vòng quanh soi mói vào ngài. Tôi không có ý công kích sự lương thiện của những kẻ ngờ vực; nghi ngờ trong nhiều trường hợp lại là thực tiễn. Đặc biệt như vậy, có lẽ, trong những trường hợp nơi vấn đề là vài nguyên tắc hành động: nếu bạn tin vào điều gì, thì một cách thuận lý phải hành động theo đó. Nếu bạn nhận rằng Thánh Anthony thực sự là một vị thánh, thì bạn sẽ phải cư xử trong cách nào đó với ngài, chú ý tới ngài, tôn kính và chú tâm, kính lễ, có lẽ phải đổi đời bạn chút ít. Như vậy ngờ vực có lẽ là một phản ứng đối với một khẳng định mạnh mẽ vào sự chú ý của bạn, điều ám chỉ về cách sống của bạn cho sự thay đổi. Và trong nhiều trường hợp, bạn tuyệt đối *không muốn* như vậy. Nhiều vở kịch lớn đã mô tả nan đề này trên sân khấu.

Cám dỗ lớn của Thánh Anthony, trong những điều kiện sống ở đây, có lẽ

là điều này: cuộc sống bình thường.

Không phải ngài đã tự xưng là thánh trong quá nhiều lời. Nhưng hành động của ngài, như tục ngữ thường viết, đã nói to lên như vậy. Có những cái bất khả ngôn thuyết mà tôi đã ghi nhận, và có những việc nào đó mà ngài đã làm. Ngài đã bị đánh, chẳng hạn như vậy. Việc đó không xảy ra quá thường ở đây, nhưng đã xảy ra cho ngài. Lúc đó là vào đêm, một tên nhảy từ phía sau xiết cổ ngài và bắt đầu lục lọi túi ngài. Gã kia chỉ moi được vài đô la, và rồi hắc ném Thánh Anthony xuống vệ đường (hắn ngáng một chân trước chân vị thánh và xô ngài xuống) và rồi bỏ chạy. Thánh Anthony với theo hắn, nắm tay hắn và nói, "Ông không muốn cái đồng hồ sao?" Đó là một đồng hồ tốt, hiệu Bulova. Gã kia bị chấn động. Hắn thực sự đã quay lại và tháo đồng hồ ra khỏi cổ tay Thánh Anthony. Hắn đã không biết phải nghĩ gì. Hắn lưỡng lự một phút và rồi hỏi Thánh Anthony xem ngài có vé xe buýt về nhà. Vị thánh nói chẳng đáng bận tâm, cũng chẳng xa mấy, ngài có thể đi bộ được. Rồi thì tên du đãng kia bỏ chạy lần nữa. Tôi biết có người thấy chuyện đó (và dĩ nhiên đã chẳng nhào vô để giúp đỡ, cũng thường trong các trường hợp tương tự). Ý kiến lại phân đôi, hoặc là Thánh Anthony thánh thiện hoặc là đầu óc ngài quá đơn sơ. Chính tôi đã nghĩ ngài cũng hơi ngốc nghếch. Nhưng Thánh Anthony giải thích cho tôi rằng có người đã tặng ngài chiếc đồng hồ đó, và ngài đã mang nó chỉ để không tổn thương tình cảm người tặng. Ngài nói ngài không bao giờ nhìn vào nó. Ngài đã không bận tâm nhìn giờ giấc.

Ở giữa vòng tròn. Trong sa mạc, nơi ngài ở bấy giờ, trời rất lạnh vào đêm. Ngài không đốt lửa lên. Người ta đem đến mọi thứ cho ngài, đặt ngoài lều của ngài. Chúng tôi đã đem đến vài cái mền nhưng tôi không biết ngài có dùng chúng không. Người ta mang cả những thứ kỳ lạ nhất, những nồi cà-phê điện (ngay cho dù không có điện nơi đây), sách khôi hài, ngay cả những chai rượu whiskey. Thánh Anthony đem cho đi mọi thứ thật nhanh khi có thể. Tuy nhiên tôi đã thấy ngài nhìn một chiếc radio bán dẫn cách tò mò. Ngài kể cho tôi là thời trẻ của ngài, ở Memphis (không phải Memphis, Tennessee, nhưng là Memphis ở Ai Cập, thành phố hoang phế) ngài rất mê âm nhạc. Elaine và tôi bàn về chuyện tặng ngài một ống sáo hay một kèn tiêu. Chúng tôi nghĩ rằng chuyện đó thì tốt thôi, bởi vì chơi nhạc, để cho thêm niềm danh dự và vinh quang của Thiên Chúa, là một truyền thống xưa cổ, đã có vài nhạc phẩm tuyệt diệu nhất của chúng ta đã đến từ cách này. Toàn bộ của thứ âm nhạc thiêng liêng. Chúng tôi hỏi ngài về chuyện đó. Ngài nói không, nó thì rất được với chúng tôi nhưng nó có thể làm rối loạn cho sự chiêm nghiệm

thiền định và vân vân. Nhưng đôi khi, khi chúng tôi lái xe tới gặp ngài, có thể với vài người khác nữa, chúng tôi cùng hát thánh ca. Ngài lộ vẻ thưởng thức vui vẻ. Việc đó có vẻ chấp nhận được.

Một chuyện tức cười là, tới cuối chuyện, điều duy nhất ngài nói, lời duy nhất là... "Hay là." Tôi đã không thể hiểu được ngài đang nghĩ gì. Đó là khi ngài vẫn còn sống trong thành phố.

Những cám dỗ nổi tiếng, từng được người ta viết tới nhiều, đã không xảy ra thường trong khi ngài đang sống giữa chúng tôi, trong thành phố chúng tôi. Một lần hay hai lần. Tôi đã không từng thực sự có mặt trong những cơn cám dỗ đó, nhưng tôi được nghe kể lại. Bà Eaton, người sống ở lầu trên phòng ngài, đã thực sự khoan một lỗ trên sàn, để có thể nhìn thấy ngài! Tôi nghĩ như vậy thì hơi đê tiện, và tôi đã nói với bà như vậy. Vâng, bà nói, đời bà đã không có bao nhiêu là hứng thú. Bà đã năm mươi tám tuổi và hai cậu con bà lại đang ở trong Hải quân. Thế nào cũng sẽ có ít mạt cưa hay vụn gỗ rơi xuống sàn phòng vị thánh khi bà khoan lỗ hổng đó. Bà đã mua một một khoan mảnh đặc biệt tại tiệm vật dụng trong nhà, bà kể cho tôi như vậy. Bà nói, "Tôi chẳng xấu hổ gì cả." Trời biết thật là vậy. Nhưng vị thánh phải biết bà ở tầng trên đó với con mắt năm-mươi-tám-tuổi dán vào lỗ. Dù sao thì bà kể là đã bắt gặp một cơn cám dỗ của ngài. Tôi hỏi bà chuyện đó thế nào. Bà nói, vâng, nó cũng chẳng hứng thú gì lắm. Đại khái là về chuyện quảng cáo. Có một người đàn ông mặc áo quần bảnh chọe nói chuyện với ngài. Ông ta nói ông có thể "mở một trương mục như ngài muốn" nếu vị thánh có thể làm điều này điều nọ. Lời duy nhất bà nghe là một nhắc nhở về "tiền quảng cáo hàng năm tới cỡ năm hay sáu triệu." Vị thánh nói không, rất lễ phép, và gã kia bỏ đi, với cung cách trân trọng ở cả hai phía. Tôi hỏi bà là bà đã mong mỏi gì và bà nhìn vào tôi với tia mắt ngời lên trong mắt và nói: "Đoán xem." Tôi ngờ là bà ám chỉ đàn bà. Tôi thú nhận, chính tôi đã tò mò, về những phụ nữ đẹp, hở hang mà ngài bị ngờ là được cám dỗ, và với mọi chuyện như vậy. Thật khó mà ngăn trí tưởng tượng của bạn không liên hệ tới chuyện dâm tà, trong cách kể như vậy. Điều tức cười là chúng tôi không bao giờ có vẻ cảm thấy đủ về chuyện tính dục, ngay cho dù Elaine và tôi đã cưới nhau hạnh phúc tới chín năm và rất mực thương yêu nhau, trên giường và ngoài giường. Không bao giờ có vẻ đủ tính dục trong đời một người, trừ phi bạn đã mệt mỏi dừ người, tôi đoán vậy — đó là một thắc mắc mà tôi không bao giờ hiểu được, rằng Thượng Đế đã tạo ra chúng ta như vậy. Không phải là tôi không hân thưởng nó, trong cách trừu tượng.

Sau khi ngài trở về sa mạc, một hôm chúng tôi ghé thăm xem ngài có đó không. Cửa lều được che phủ bằng một mảnh da cừu cũ. Cả mớ kiến và rệp đang bò trên mặt tấm da cừu. Khi bạn đi qua cửa lều bạn phải bước vào thật nhanh. Đó là một trong những việc khó chịu nhất khi phải thăm Thánh Anthony. Chúng tôi gõ vào tấm da cừu, nó đã cứng như một tấm gỗ. Không ai trả lời. Chúng tôi có thể nghe vài tiếng vật lộn trong lều. Tiếng xì xào. Tôi cảm như có vẻ nhiều hơn một giọng. Chúng tôi gõ trên tấm da cừu lần nữa; lần nữa không ai trả lời. Chúng tôi nhảy lên chiếc Pontiac và lái về thị trấn.

Dĩ nhiên bây giờ ngài đã trưởng thành hơn. Có lẽ, đã nhìn mọi chuyện một chút dễ dãi hơn.

Tôi không bận tâm nếu ngài đã đặt tay lên đùi nàng hay đã không đặt tay lên đùi nàng.

Mọi người cảm thấy là chúng tôi đã làm việc gì sai lầm, thực sự sai lầm, nhưng vào lúc đó đã quá trễ để làm lại.

Vài người đã có sáng kiến thử đem Camilla cho ngài. Có một số người thô lỗ trong thành phố này. Camilla thì rất nổi tiếng. Nàng rất mực quý phái, trong một cách, nếu "quý phái" có nghĩa là bạn không chửi thề cái loại ngu ngốc, hay ngay cả cái điều xấu xa, mà bạn lại có ý khuyến khích. Những người kia có quá nhiều tiền, đó là một phần của chuyện, và nàng quá đẹp—nàng đẹp, đó là lời duy nhất—đó là phần khác của chuyện. Vài người bạn của nàng đưa nàng tới đó. Nàng vào nơi của ngài mà chỉ mặc chiếc quần rất ngắn mà người ta thoảng khi mới mặc, và mọi thứ đại loại như vậy. Nàng có bộ ngực đẹp. Nàng rất thông minh, từng ghi danh ở Sorbonne và học loại triết lý gọi là "Cơ cấu luận" với một tay tên Levy, người phải rất là nổi tiếng. Khi nàng trở về cố quận, không có ai nàng có thể bàn chuyện về môn học đó. Nàng hút nhiều ma túy, ai cũng biết. Nhưng trong cách nào đó thì nàng thuộc loại người đa cảm. Nàng hứng thú về vị thánh vì cá tính ngài, cũng như vì ngài là một sinh vật dị thường, trong cách sống vùng chúng tôi. Cái chiều dài và ngắn

của chuyện là nàng cho biết, ngài đã tấn công nàng trước, ngài đặt tay lên đùi nàng và đại loại như vậy. Tôi không biết nàng có nói dối hay không. Có thể lắm. Nàng có thể đã nói sự thật. Thật khó để nói. Dù sao thì chuyện đó cũng là vấn đề và bố nàng nói, ông sẽ truy tố ra tòa, mặc dù thực sự ông đã không làm như hăm dọa. Ngày hôm sau, nàng thôi nói về chuyện đó. Có lẽ có chuyện gì đã xảy ra nhưng tôi không cần thiết nghĩ theo như nàng kể. Sau đó nàng trở thành người làm việc thiện nguyện cho VISTA và đi nhận việc ở phố chính của Detroit.

Dù sao nhiều người đã nói về chuyện đó. Vâng, có sao nếu ngài *đã* đặt tay lên đùi nàng, vài người nói vậy—có sai trái nhiều nhặn chi về chuyện đó? Sau hết, cả hai đều là những người trưởng thành và độc thân. Tình dục thì cũng quan trọng như thánh thiện, và có thể cũng đẹp như nhau trong mắt nhìn Thượng Đế, hay nếu khác đi thì tại sao nó lại là một phần của chương trình sáng tạo Linh Thánh? Bạn luôn luôn gặp những ý tưởng mâu thuẫn này giữa những người nghĩ thế này và những người nghĩ thế khác. Tôi không nguyền rủa nếu ngài đã đặt tay lên đùi nàng hay đã không đặt tay lên đùi nàng. (Dĩ nhiên, tôi sẽ thích hơn nếu ngài không làm như vậy.) Tôi đã nghĩ đó là một sự kiện rẻ tiền và không thực sự đáng nói, đặc biệt là trong văn mạch lớn hơn của những điều bất khả ngôn thuyết. Đã thực sự có dăm điều như vậy. Trong thế giới của nhân gian mà ngài đã tìm thấy chính mình, ngài đã *chiếu sáng rực rỡ*. Đó là điều không nhầm lẫn, ngay cả với trẻ con.

Dĩ nhiên người ta đã đưa ngài ra khỏi phố thị, bằng những áp lực vô hình, sau một lúc. Vẫn còn có rất nhiều khuynh hướng chống tôn giáo quanh đây. Chúng tôi thăm ngài, trong sa mạc, dù vậy, một hoặc hai lần một tháng. Tháng trước chúng tôi không ghé thăm được vì phải đi Florida.

Ngài đã nói với tôi rằng, ở thời xa xưa của ngài, ngài xem những cám dỗ như là "giải trí."

DONALD BARTHELME



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

đầu đêm

Khuya mướt quá sao phải thuốc ngủ
Vỗ về mình giấc mộng liêu trai
Thấy sương thân khỏa màu ủ rũ
Đừng vẩy nấm tàn thiêu đốt ai

giữa đêm

Trăng đã úa làm sao sáng lại
Ngày rồi qua sao níu chân ngày
Có gượng ấm bàn tay mãi mãi
Cũng chim bằng trời giục cánh bay

cuối đêm

Đêm no nê gió nhớ lất lay
Ta no nê anh trong ngực áo
Hai mươi năm thèm một cơn say
Đời vẫn tọng đầy hương ảo não

tảng sáng

Chấp chới xuân về trên mái cao
Đâu trời nhả xuống đôi môi nắng
Nhẹ mởn lên ngày chút lao xao
Mùa xanh sao lá biệt phương nào.



TRIỀU HOA ĐẠI

tiễn mùa đi

Tiễn một mùa đi,mùa dị động
đêm dong đưa,đêm vẫy tay mời
sáng thức giấc đầu ngày thở ngộp
vừa như đâu đó cuộc rong chơi

về đi.Thẳng hoặc non với nước
tỉnh ngủ,tỉnh đi.Cũng tịch tang
tai nghe sóng vỗ ngoài vô hạn
ru giấc đời ai ở cuối đường

hoài bất tận.Ta ngoài bất tận
lang thang phai nắng dẫn chiều hôm
biển,sông vẫn vô tâm êm ái
nhánh thơm dâu đâm rễ trong hồn

Tiễn nhau,chiều đôi chân dẫm
đi động em.Ta kết đèn vui
trăng treo lửng nơi nhau vừa tắt
cớ can chi mắt để ngậm ngùi

trời tháng chạp.Ngại chi là gió
sen đêm trăng còn tiếc cho nhau
rất có thể,vòng quay bánh ngược
tôi ngủ ngon.Xuân chậm bên ngoài

em ngủ quên,tỉnh em dậy muộn
buổi sáng nay hơi thở dập dồn
cành trĩu nặng ,hờn xưa đã nhóm
vẫn vô tình. Mắt ủ môi hôn

TRIỀU HOA ĐẠI



PHẠM DUY

về các bài thơ phổ nhạc

(về trường ca hàn mặc tử)



Hàn Mặc Tử

Vào năm 1970, viết về nền văn học của nước Pháp kể từ 1945, các tác giả là Jacques Bersani, Michel Autrand, Jacques Lecarme, Bruno Versier... đã cho rằng từ năm đó trở đi, Văn Học Pháp Quốc không phải chỉ là *thơ, tiểu thuyết và kịch bản* mà thôi! Sau thế chiến 2, vì sự góp mặt của các thi sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ như Jacques Prévert, Boris Vian, Joseph Kosma, Georges Brassens, Charles Trenet vân vân... *ca khúc* (chanson) của nước Pháp phải đi vào văn học sử bởi vì nó đã không còn là một thứ nghệ thuật yếu kém (un art mineur) nữa rồi. Thơ Prévert được phổ thành ca khúc và rất thành công cho nên vào lúc đó triết gia Jean Paul Sartre làm lời ca cho bài *La Rue Des Blancs Manteaux*, nhà thơ Raymond Queneau soạn lời cho ca khúc mang tên *Si Tu T'imagines*, Georges Brassens thì đem thơ Victor Hugo, Paul Fort ra phổ nhạc. Léo Ferré phổ thơ Aragon và Hélène Martin phổ thơ Jean Genet... Rồi có những bài nhận định đăng trên báo và trong sách về chỗ đứng của ca khúc: *En quelques années, la chanson est devenue intelligente, humoristique, sensible, satirique, enfin intéressante. La chanson a pénétré dans toutes les couches sociales. (...) Elle fait partie de notre vie quotidienne...* Trí thức Pháp nhận xét rằng biên giới giữa ca khúc và thơ gần như không còn nữa. Nhạc còn làm cho thơ (hay lời ca cũng vậy) đi nhanh vào lòng người.

Trong Nhạc Sử Việt Nam, kể từ khi có Tân Nhạc để thay thế cho Cổ Nhạc, cho tới nay ca khúc, từ những đoản khúc cho tới những trường ca, hoặc sử

dụng nhạc ngũ cung của dân tộc hay đi theo đường lối nhạc chủ âm của Âu Mỹ... đóng vai trò lớn. Nó có một chỗ ngồi rất vững trong lòng người, không phải là một mà tới ba, bốn thế hệ. Chẳng cần phải nghiên cứu kỹ càng cũng thấy rằng trong 50 năm qua, nhạc điệu của ca khúc Việt Nam mỗi ngày một phong phú thêm, lời ca mỗi ngày một trí thức hơn, mỗi thời đại, mọi tình cảm đều được diễn dịch qua hàng ngàn ca khúc của hàng trăm tác giả, từ Lê Thương, Đặng Thế Phong qua Văn Cao tới Trịnh Công Sơn... Và nếu thế hệ nhạc sĩ đương thời hay tương lai rất giỏi về nhạc lý, về nhạc thuật, chịu bỏ công ra để soạn phần hòa âm, phối khí mới mẻ cho những ca khúc của các bậc cha chú thì nhạc Việt Nam chắc chắn sẽ không thua nhạc cổ điển hay tân thời của Âu Mỹ đâu! Hơn nữa, vì hoàn cảnh lịch sử đặc biệt cho nên nhạc Việt còn có rất nhiều sự sống mà chưa chắc nhạc cổ điển Âu Mỹ có thể có được.

Khởi sự là một người soạn ca khúc, rồi không hề có một mặc cảm nào cả, tôi cứ mãi mãi là người soạn ca khúc bởi vì sau khi đi học ở Pháp về và nhìn vào tình trạng sinh hoạt âm nhạc ở nước mình thì tôi thấy không thể đi vào con đường nhạc thuần túy như nhạc cổ điển Tây Phương được. Lúc đó, tôi chỉ nghĩ rằng nếu tiếp tục soạn ca khúc thì phải thăng hoa nó lên, nghĩa là phải làm sao cho cả hai phần nhạc và lời càng ngày càng tiến bộ. Nghĩa là vào lúc cuối đời, làm sao nhạc của mình có thể tiến dần tới cõi giao hưởng mà hình như mọi người đều coi là cái đỉnh của nghệ thuật âm thanh và lời của mình có thể được cho vào văn học sử hay không.

Ca khúc của tôi, như mọi người đã biết, về phần lời ca, đa số là do tôi soạn, còn một số là những bài thơ đã nổi danh hay chưa ai biết tới khi được tôi phổ nhạc. Lý do tôi thích phổ thơ cũng rất là giản dị. Trước hết, tôi yêu thơ từ ngày còn bé. Lớn lên, tôi có nhiều bạn là thi sĩ làm thơ hay và làm cho tôi càng yêu thơ hơn lên. Cuối cùng, tôi có một người tình rất yêu thơ tiền chiến và làm 300 bài thơ tình tặng tôi.

Hành trình phổ nhạc những bài thơ hay của tôi xét ra cũng thật là dài. Khởi sự với thi phẩm của những thi sĩ đã thành danh như *Cô Hái Mơ* của Nguyễn Bính (1942), rồi tới *Tiếng Thu* (1945) rồi sau đó là *Vần Thơ Sầu Rụng, Hoa Rụng Ven Sông, Thu Đau Thương* của Lưu Trọng Lư. Tôi đến với *Tiếng Sáo Thiên Thai* của Thế Lữ vào năm 1952, với *Ngậm Ngùi* của Huy Cận và với *Chiều* của Xuân Diệu vào đầu thập niên 60. Những bài thơ của các thi sĩ lớn khác như *Màu Thời Gian* của Đoàn Phú Tứ, *Tỳ Bà* của Bích Khê, *Con Quỳ Lạy Chúa Trên Trời* của Nhất Tuấn cũng được tôi đem vào nhạc trong những ngày xa xưa đó.

Ngoài việc phổ nhạc những bài thơ đã trở thành thơ cổ điển của nền THƠ MỚI, vào những năm 60, tôi là người đóng góp vào việc phổ biến những bài *thơ tình* của lớp thi sĩ trẻ vừa mới được in ra hoặc chưa ai biết tới như: *Kiếp Nào Có Yêu Nhau, Đừng Bỏ Em Một Mình* của Hoài Trinh, *Mùa Thu Paris, Tiễn Em, Kiếp Sau, Bên Ni Bên Nớ, Về Đây, Chiều Đông* của Cung Trầm

Tưởng, *Mùa Xuân Yêu Em* của Đỗ Quý Toàn, *Tâm Sự Gửi Về Đâu* của Lê Minh Ngọc...

Thơ *về chiến tranh / hòa bình* và về *tình yêu* trong suốt 30 năm ly loạn ở trong nước cũng được tôi phổ nhạc rất nhiều như: *Thanh Niên Ca* của Đào Duy Kỳ, *Đồi Tím Hoa Sim* của Hữu Loan, *Lời Mẹ Dặn* của Phùng Quán, *Kỷ Vật Cho Em* của Linh Phương, *Tưởng Như Còn Người Yêu* của Lê Thị Ý, *Khi Tôi Về* của Kim Tuấn, *Nhân Danh* của Nguyễn Đắc Xuân, *Bi Hài Kịch* của Thái Luân, *Đi Vào Quê Hương* của Hoa Đất Nắng, *Tình Khúc Trên Chiến Trường Tồi Tệ* , *Thầm Gọi Tên Nhau Trên Chiến Trường Tồi Tệ* của Ngô Đình Vận, *Mười Hai Tháng Anh Đi* của Phạm Văn Bình... Đó là chưa kể trường khúc *Chiến Ca Mùa Hè* gồm 13 bài thơ của Phạm Lê Phan mà tôi phổ nhạc trong Mùa Hè Đỏ Lửa vào năm 1972.

Trong khoảng đầu của thập niên bảy mươi, tôi lại có diễm phúc là làm cho mọi người nhanh chóng biết tới hai hiện tượng về thơ là: *thơ rất đạo* của Phạm Thiên Thư *(Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng, Gọi Em là Đóa Hoa Sầu, Em Lễ Chùa Này*... Nhất là mười bài thơ được phổ thành *Đạo Ca*) và *thơ rất phi đạo* của Nguyễn Tất Nhiên (*Thà Như Giọt Mưa, Em Hiền Như Ma Soeur, Hai Năm Tình Lận Đận...)*

Ra hải ngoại, ngoài những bài thơ ngắn của Hà Huyền Chi như *Mười Năm Một Chuyện Tình Buồn* và *Năm Ngàn Năm Về Trước*, của Nguyên Sa như *Vết Sâu*, của Cao Tần như *Thư Em Đến* và *Mai Mốt Ông Về*, của Viên Linh như *Thủy Mộ Quan*, của Duyên Anh như *Có Bao Giờ Em Hỏi* và *Em! Anh Đã Tới Paris* và một loạt năm tập thơ của Ngô Xuân Hậu nhan đề *Mộ Khúc*... Tôi còn tung ra hai loại ca là *Ngục Ca* và *Hoàng Cầm Ca* mà mọi người đều biết đó là thơ Nguyễn Chí Thiện và thơ Hoàng Cầm do tôi phổ thành ca khúc.

Thế là sau khi đã đi qua gần như hầu hết các nẻo thơ của *Nền Thi Ca Việt Nam Hiện Đại* trong tuổi thanh xuân và tuổi buổi trưa rồi, bây giờ vào tuổi về chiều, hành trình phổ nhạc phải dẫn tôi tới thơ Hàn Mặc Tử.

NÓI VỀ HÀN MẶC TỬ

Tôi vẫn nghĩ rằng trong mấy chục năm qua, người Việt Nam yêu thơ chưa bao giờ hiểu biết kỹ càng về cuộc đời và thi phẩm Hàn Mặc Tử. Dù đã có những bạn văn của thi sĩ như Quách Tấn, Chế Lan Viên, Hoàng Trọng Miên, Trần Thanh Mại... viết khá nhiều về ông trong thập niên 40, nhưng rồi ở nước ta sau đó là một cuộc đổi đời kinh hoàng và kéo dài cho nên cho tới nay có lẽ người ta chỉ biết đến một số bài thơ về tình yêu, về sự đau khổ và về cái chết trong thơ Hàn Mặc Tử. Tôi tạm kể ra tiểu sử rất ngắn của thi sĩ:

1912 năm sinh

1926 (14 tuổi) làm thơ Đường bút hiệu Minh Duệ Thi

1930-1931 (18, 19 tuổi) đăng thơ trên báo *Phụ Nữ Tân Văn, Lời Thăm,* với bút hiệu Phong Trần, nổi tiếng vì họa thơ với cụ Phan Bội Châu.

1934 (24 tuổi) thấy mình có bệnh nhưng chưa biết là bệnh phong.

1937-1939 (25, 27 tuổi) biết mình mắc bệnh phong, xa lánh tất cả mọi người, tập hợp các bài thơ lại thành các tập *Thơ Điên* (hay *Đau Thương), Xuân Như Ý, Thượng Thanh Khí...*

1940 (28 tuổi) mất tại nhà thương phong Qui Hòa.

Phải nói rằng thơ Hàn Mặc Tử đã ám ảnh tôi từ khi tôi biết yêu những bài thơ đầu đời của ông và còn yêu cho tới bây giờ.

Tôi làm quen với thơ Hàn Mặc Tử từ lúc còn đi học. Rồi theo dõi thơ ông cũng như những bài viết về ông. Đọc cuốn *Thi Nhân Việt Nam* thì thấy Hoài Thanh cho thơ Hàn Mặc Tử là *quái dị*. Vũ Ngọc Phan thì viết: *"Thơ Hàn Mặc Tử có những thi hứng dồi dào nhưng phần nhiều khúc mắc, nhạc diệu hình như không phải là phần quan hệ, lời thơ nhiều khi rất thô. Bệnh ông lại làm cho ông có những ý tưởng khác thường nên nhiều bài thơ của ông chỉ là những bằng chứng rất lạ cho những ai muốn khảo sát về một tâm trạng, một tâm hồn đau khổ..."* Người hết lòng bênh vực thơ Hàn Mặc Tử như Trần Thanh Mại thì đưa *thơ Hàn Mặc Tử lên ngang hàng với thơ của Byron, Edgar Poe, Tourgeniew.* Đọc Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam Văn Học Sử* thì thấy nhà khảo cứu này cho rằng *thơ Hàn Mặc Tử, vào lúc đầu, ca tụng ái tình với một giọng suồng sã đắm đuối, rồi vì ác bệnh nên thi sĩ lấy Đạo như một lẽ sống tuyệt vời và trút vào thơ những chứng nghiệm của tâm hồn ông ráng leo lên đỉnh Thượng thanh.* Bị quyến rũ bởi thơ Hàn Mặc Tử cho nên vào năm 1958, tôi đã phổ nhạc bài thơ *Tình Quê.* Bài *Giết Người Trong Mộng* soạn vào cuối thập niên 60 thì xuất xứ từ hai câu thơ của thi sĩ mà có lẽ vì tôi không cực kỳ đau khổ như ông nên tôi kết luận là nên *Giữ Người Trong Mộng.*

Bây giờ lý do khiến tôi muốn soạn một trường ca (hay một chương khúc) gồm nhiều bài thơ của thi sĩ Hàn Mặc Tử là bởi vì sau khi đi vào *Đạo Khúc, Thiền Ca* hồi năm ngoái, bây giờ tôi muốn tiếp tục nói tới chuyện hóa giải nỗi oan khiên to lớn của cuộc đời Việt Nam sau nửa thế kỷ chiến tranh và hận thù bằng con đường đi vào Đạo để siêu hóa mọi sự. Và đột nhiên tôi thấy đề tài này có thể biểu lộ một cách hùng hồn bằng cách phổ thơ Hàn Mặc Tử.

Trước khi soạn *Trường Ca* hay *Chương Khúc Hàn Mặc Tử*, tôi đã đọc hầu hết những bài thơ của thi sĩ. Thì ra tôi tìm thấy trong thơ ông những chủ đề mà tôi theo đuổi từ lâu là chủ đề về *Tình Yêu*, về *Sự Đau Khổ*, về *Cái Chết* và về *Thơ Tình* của Hàn Mặc Tử có những bài vừa lãng mạn vừa trữ tình:

Chưa gặp nhau mà đã biệt ly
Hồn anh theo dõi bóng em đi
...
Ngày mai tôi bỏ làm thi sĩ
Em lấy chồng rồi hết ước mơ

Tôi sẽ đi tìm mỏm đá trắng
Ngồi lên để thả cái hồn thơ

Tình dục thì được đưa vào thơ ngay từ khi thi sĩ chưa mắc bệnh phong:

Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối
Gió thu lọt cửa cọ mài chăn
...
Ô kìa bóng nguyệt trần truồng lắm
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe
Vô tình để gió hôn lên má
Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm
Em sợ lang quân em bắt được
Nghi ngờ tới cái tiết trinh em
...
Tôi cũng trông thấy người tôi yêu
Ngồi cạnh suối trong cởi yếm đào
Len lén đưa tay vốc nước rửa
Trong khi cành trúc động và xao

Sự đau khổ thì hình như chưa ai diễn tả tới cực điểm như nhà thơ Hàn Mặc Tử:

Nghệ ơi Nghệ muôn năm sầu thảm
Nhớ thương còn một nắm xương thôi
Thân tàn ma dại đi rồi
Rầu rầu nước mắt bời bời ruột gan
Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió
Tưởng chừng như trong đó có hương
Của người mình nhớ mình thương
Nào hay gió lại chẳng vương vấn gì
...
Tôi vẫn còn đây hay ở đâu
Ai đem tôi bỏ dưới trời sầu
Sao buông phượng nở trong màu huyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu

Sự *đau thương* đến trở thành *điên dại* rồi dẫn tới *cái chết*, đó là những bài thơ mà thi sĩ cho vào một thi tập với nhan đề THƠ ĐIÊN:

Bây giờ tôi dại tôi điên
Chắp tay tôi lạy cả miền không gian

...
Một khối tình nức nở giữa âm u
Một hồn đau rã lần theo hương khói
Một bài thơ cháy tan trong nắng dọi
Một lời run hoi hóp giữa không trung
Cả niềm yêu, ý nhớ cả một vùng
Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn
...
Ta trút linh hồn giữa lúc đây
Gió sầu vô hạn nuối trong cây
Còn em sao chẳng hay gì cả
Xin để tang anh đến vạn ngày

Về *Đạo* thì chắc chắn Hàn Mặc Tử phải là nhà thơ của Thiên Chúa Giáo rồi, nhưng ông cũng có những câu thơ có hương vị Phật Giáo:

Rừng thiền thấp thoáng dáng quần thoa
...
Nhạt mùi son phấn say mùi đạo
Chán cảnh phiền ba mến cảnh chùa
...
Chùa không sư tụng cảnh buồn teo
Cốt phật còn đây chuỗi phật đâu?
...

Thượng Đế luôn luôn có mặt trong thơ Hàn Mặc Tử, nghĩa là trong đáy nước hồ reo, trong cơn gió rung cành liễu và nhất là trong tình yêu:

Ai hãy làm thinh chớ nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để xem trời giải nghĩa yêu
...

Thiên Chúa là cứu cánh của Hàn Mặc Tử và đã cứu rỗi nhà thơ trong cơn đau khổ triền miên:

Ôi cao sang khôn vị trọng ai bì
Trên nước cả có vô vàn châu báu
Trí rất ngớp bởi chưng xuân hồn hậu
Đã ra đời theo lịnh của Ngôi Hai
Ôi thánh tai, thánh tai và thánh tai! (1).
...
Vì chưng muôn xuân là lương thực ngon ngọt, mĩ vị

Ánh xuân là nguồn tư tưởng thơm tho, tinh khiết
Khí xuân là mạch trường sinh bất tử
Tình xuân là cung cầm nguyệt mê ly
Tuổi xuân là Ngọc Như Ý
Tên xuân là Dạ Lan Hương

NÓI VỀ TRƯỜNG CA HÀN MẶC TỬ

Phải thú thực là phổ thơ Hàn Mặc Tử khó vô kể. Trong một năm trời, vật lộn với thơ Hàn Mặc Tử, nhiều khi tôi chỉ muốn chết theo thi sĩ. Thơ ông phần nhiều là thơ 8 chữ, với ngắt đoạn 3 chữ rồi 5 chữ:

Ngó như gần, song vẫn thiệt xa xôi
Lau mắt đi, đừng cho lệ đầy vơi
...
Tôi chết giả và no nê vô vạn
Cười như điên sặc sụa cả mùi trăng
...

Tôi không thể phá nhịp điệu trong thơ của ông, đành phải tìm sự phong phú hóa ở giai điệu hay ở thể điệu vậy. Bởi vì thơ Hàn Mặc Tử có nhiều tính siêu thực, nhạc cũng phải theo thơ cho nên Duy Cường không soạn hòa âm đối âm theo lối tả thực.

Phàm biết đọc chữ quốc ngữ thì có thể đọc được đủ các loại văn chương hay thi ca, nhưng hiểu được văn hay thơ của trường phái siêu thực (chẳng hạn) thì có khi cần có thêm ít nhiều giải nghĩa. Cũng như có mắt thì có thể nhìn tranh, nhưng nhìn tranh Picasso và hiểu ngay được ý vẽ của họa sư thì hơi khó đấy. Phàm có lỗ tai thì có thể nghe đủ mọi loại nhạc, nhưng muốn hiểu kỹ càng Beethoven hay Chopin thì nên đọc những sách báo viết về nhạc sư này. Tôi không dám so sánh với bất cứ ai nhưng tôi xin anh chị em nghe trường ca hay chương khúc này ít ra là ba, bốn lần rồi mới nên có ý kiến cho mình hoặc cho soạn giả. Do đó, trong khi tôi còn sống, tôi muốn được giải bày tâm sự về một nhạc phẩm không dành cho đại chúng.

Tôi chia soạn phẩm này ra làm ba phần:

Phần I nhan đề *Tình Quê* gồm những bài *Tình Quê, Đây Thôn Vĩ Dạ, Đà Lạt Trăng Mờ.* Phần này diễn tả sự bình thản trong lòng của một con người hay là của một nước Việt Nam thanh bình để, trước hết... có anh *thơ thẩn trước sân nhà*, có anh *đăm đăm trông nhạn về*. Rồi anh *nhìn thấy màu chiều phiêu bạt*, anh bước ra khỏi sân nhà để anh *lang thang trên đồi quê*... Anh là thi sĩ Hàn Mặc Tử mà cũng là chúng ta trong thuở thanh bình đó. Bài hát không cần phải hát liên tục mà có thể hát lên từng đoạn. Nhạc Duy Cường ở đây là *nhạc chiều* (serenade), rất tha thẩn, quanh co, lang bạt, man mác.

Giọng hát Duy Quang rất bình thản, nhẹ nhõm bởi vì dường như con người và cảnh vật vào lúc này đều chìm đắm ttrong một hạnh phúc êm đềm. Thế rồi *tình yêu* đến, anh đi khỏi vùng đồi quê miền Bắc để vào gặp em ở vùng cố đô Huế. Em bèn mời anh... *về chơi thôn Vĩ để nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*, chúng ta dắt nhau vào *vườn ai mướt quá xanh như ngọc* với *lá trúc che ngang mặt chữ điền*. Từ giai điệu qua hòa điệu tới tiếng hát Thái Hiền, tất cả đều phải rất mượt mà, rất đậm đà, rất ngọc ngà... dù áo em chỉ là áo trắng, hoa đây chỉ là hoa bắp, dòng nước chỉ là nước buồn thiu... Rồi con thuyền đậu trên sông trăng xứ Huế hay lối gió đường mây nào đó sẽ đưa chúng ta đi xa hơn nữa, đi vào một miền *huyền mơ thực huyền mơ*, tức là miền *Dalat Trăng Mờ* của chúng ta, có *hàng thông lấp loáng dứng trong im lìm*, có làn *sương nhạt...*, có tiếng *nước hồ reo*, có *tơ liễu run trong gió...* Tính chất thiêng liêng phải được nổi bật trong đoạn này qua sự nhắc đi nhắc lại một nhạc đề có nét nhạc minơ (giống như âm giai Nhật Bản cho nên dùng tiếng sáo shakuhachi) để rồi chuyển qua đoạn majơ trong sáng ở cuối bài. Hòa âm của Duy Cường càng làm tăng giọng rất đắm đuối của Tuấn Ngọc. Bởi vì thi sĩ Hàn Mặc Tử đã thấy ĐẠO ở tất cả, ở đáy nước hồ reo, và nhất là ở TÌNH YÊU cho nên toàn thể ca khúc là một sự nín thinh. Khi ta *nghe trời giải nghĩa chữ YÊU thì phút thiêng liêng đã khởi đầu. Cả bầu trời nhuộm một màu trắng. Tất cả nín thinh. Cả lòng tôi cũng im tiếng. Không một tiếng gì nghe dụng chạm dù rằng có tiếng nổ vỡ của sao băng* tức là của vũ trụ.

Phần II nhan đề *Trăng Sao* mở đầu với bài *Trăng Sao Rớt Rụng*. Trăng Sao là cái gì cao xa lắm, sáng láng lắm. Cho nên có ai ở trên đời này mà chẳng mê trăng sao? Kể từ William Shakespeare, Lý Bạch tới Tản Đà... Và Hàn Mặc Tử của chúng ta cũng đã yêu trăng. Cho nên thi sĩ lạy xin Chúa: *Ôi vừng trăng cao sáng, lạy Chúa tôi, xin ban cho sáng thêm lên. Sáng thêm lên cho không gian rất dầm, cho hồn thơ mát rợn tới hương nguyền.* Thế rồi cũng như những người chạy cuống cuồng đi tìm hạnh phúc ở trăng sao, thi sĩ sẽ ngã theo trăng sao:

Tôi đi trong ánh trăng mờ
Tìm con trăng lạc ngoài bờ bên kia

...

Ha ha tôi đuổi theo trăng
Trăng bay tơi tả trăng tan
Trăng ngã trên cành, ngã trên cành vàng...

Tưởng rằng chạy đi tìm trăng sao thì chàng sẽ gặp nàng, tưởng rằng người đi tìm lý tưởng gặp được lý tưởng, ai ngờ trăng sao rơi rớt rụng xuống lòng giếng lạnh sâu và — *loạn rồi loạn rồi, tôi hoảng hốt, loạn rồi loạn rồi, tôi hoảng hốt, loạn rồi loạn rồi, tôi hoảng hốt* — thi sĩ cùng chúng ta *nhảy ùm xuống*

giếng để vớt trăng lên... Thái Hiền diễn tả đoạn này với một giọng nữ êm đềm trong sáng bao nhiêu thì có một giọng nam Tuấn Ngọc hoảng hốt dữ dội bấy nhiêu đi theo. Hòa âm của Duy Cường ở đây đầy tính bi kịch với những tiếng hú hồn và tiếng sáo Mèo len lỏi như hình dáng con ma nào đó. Và trong cơn đau khổ đầu tiên của trường ca này, vẫn có lời lạy xin Chúa che chở và cứu rỗi.

Thế là trong đau thương, khổ lụy vì chạy theo trăng sao như vậy, con người cũng như thi sĩ đã bị chia thành hai. Trong bài *Hồn Là Ai?*, thi sĩ và hồn mình đi bên nhau, lúc thì *cười như điên sặc sụa cả mùi trăng*, lúc thì *cùng ngả nghiêng lăn lộn giữa muôn hình*, lúc thì *dìm nhau xuống một vũng trăng êm*, lúc thì *lặng yên trong thổn thức*, lúc thì *bay lên cho tới một hành tinh...* Chúng ta sẽ phải đau thương, điên dại, không cứ gì ở Trần Gian hay Địa Ngục mà ở ngay cả nơi Thiên Đường nữa! Tới đây thì Tuấn Ngọc mới cho ta nghe rõ giọng ca rất sân khấu của mình (nghĩa là đã ra thoát nhạc phòng trà) và Duy Cường mới cho ta thấy sự hữu ích của tiếng sáo Mèo, vốn là một nhạc cụ dân tộc cần có mặt trong những "cần tấu khúc" Việt Nam soạn theo nhạc thể concerto Âu Mỹ. Gần đây Duy Cường đã làm một công việcrất tốt là "lấy mẫu" (sampling) nhạc cụ Việt Nam cho vào máy điện toán, để sử dụng cùng với nhạc cụ Tây Phương đã có sẵn. Trong soạn phẩm này Duy Cường đã biết dùng tiếng sao Mèo để diễn tả sự u uất,sự bí hiểm, tính quái dị, tính siêu thực... rất đặc biệt trong thơ Hàn Mặc Tử. Tới bài cuối của *Phần II* này, bài *Trút Linh Hồn*, thì thi sĩ của chúng ta phải chết!

Là thi sĩ, Hàn Mặc Tử tưởng rằng: *Mực lùa khí vị vô hồn chữ, văn hút hào quang ở miệng ta. Giấy trắng tinh khôi tuôn huyết mạch, lời vàng nguyên vẹn trổ tài hoa.* Nhưng ngờ đâu *Thơ chưa ra khỏi bút, giọt mực đã rụng rời. Lòng tôi chưa kịp nói, giấy đã toát mồ hôi...*

Cũng vẫn là tiếng sáo Mèo nghe như tiếng nhạc đám ma tiễn đưa thi sĩ về cõi chết, nhưng khi sắp sửa vào cõi chết rồi thì giọng thi sĩ êm ái biết dường bao:

Ta còn trìu mến biết bao người
Vẻ đẹp xa hoa của một thời
Đầy lệ đầy thương đầy tuyệt vọng
Ôi giờ hấp hối sắp chia phôi
Ta trút linh hồn giữa nơi đây
Gió sầu vô hạn nuối trong cây
Còn em sao chẳng hay gì cả
Xin để tang anh đến vạn ngày

Phần III là *Ave Maria* với ba bài *Lạy Bà Là Đấng Tinh Truyền Thánh Vẹn, Hỡi Sứ Thần Thiên Chúa Ga-bri-en* và *Phượng Trì Ôi Phượng Trì*. Chúng ta đã nghe bài AVE MARIA do Hải Linh phổ nhạc một cách tuyệt vời. Tôi chỉ là người đi sau cố nhạc sĩ để xưng tụng Đức Mẹ Maria và thi sĩ Hàn Mặc Tử.

Tôi xin được thưa rằng đoạn đầu của bài này đã được tôi phổ nhạc từ lâu, có lẽ trước Hải Linh nhiều, nhưng chưa có dịp hát lên. Nay là lúc nên cho vào phần cuối của trường ca (hay chương khúc) này. *Bài Lạy Bà Là Đấng Tinh Truyền Thánh Vẹn* không có gì để nói vào nhưng với bài *Hỡi Sứ Thần Thiên Chúa Ga-bri-en* thì tôi muốn chỉ dùng hai giọng nữ Thái Hiền, Thái Thảo, rất êm ái, để xưng tụng Đức Mẹ. Với bài cuối của soạn phẩm mang tên *Phượng Trì Ôi Phượng Trì* thì tôi xin được giải nghĩa hai chữ Phượng Trì. Nhờ được đọc cuốn HÀN MẶC TỬ, ANH TÔI của Nguyễn Bá Tín do nhà xuất bản TIN (Paris) ấn hành, tôi mới biết ý của Hàn Mặc Tử khi dùng hai chữ Phượng Trì. Nhân đi coi phim Tầu HỎA THIÊU HỒNG LIÊN TỰ, trong phim có đoạn nhân vật anh hùng Cam Phượng Trì, đứng ở trên vùng cao, rùng mình khi nhìn xuống thấy bạn bè bị tàn sát, buồn rầu phi thân lên ngọn núi rồi lấy đà dùng thuật phi hành bay lên, mất dạng trên trời cao. Người tình là nữ hiệp Diệp Tiểu Thanh chạy đi tìm, cất tiếng gọi: *"Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì!"* Tiếng gọi này cho Hàn Mặc Tử ý niệm *"bay về trời"* giống như hai chữ *Au Ciel* vốn là câu mở đầu của điệp khúc trong một bài hát nằm ở tập *Cantiques De La Jeunesse.*

Phần III này do Duy Quang và Thái Hiền, Thái Thảo diễn tả, chúng hy vọng rằng chỉ với ba giọng hát mà anh chị nghe như hát bởi một ban hợp ca vài chục người. Phần này xin được kết thúc bằng câu thơ cuối cùng của thi sĩ:

Thơ tôi bay suốt một thời chưa thấu
Hồn tôi bay biết bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang

PHẠM DUY



TRẦN ĐÌNH SƠN CƯỚC

hẹn ở blao

• Gởi V. Hùng

Mày đưa tiễn tao đi
mày lại đón tao về
có cần chi nghi lễ
cây lá cứ rầm rì

Tao tìm chi sông Seinn
một mình tao tuyết phủ
lời nào lời tự thú
tao vẫn tao mọn hèn

mày bên nớ chuyển xoay
từng ngày từng ngày, mới
nhớ tao mày vẫn đợi
giấc mơ mình vẽ bày

Ở chân đồi Blao
căn nhà mày mới dựng
nơi bọn mình thi hứng
quên cuộc đời lao xao
(11.1993)

quê nhà

Gió cứ thổi cuộc đời bay đi mãi
Xa chấm nôi thuở bé mẹ thường ru
Đường vạn dặm có làm ta hóa đá
Vẫn thiết tha tiếng ấy gọi, quê nhà.

TRẦN ĐÌNH SƠN CƯỚC



PHAN TẤN HẢI *thực hiện*

nói chuyện với phan huy đường*



Thưa anh, thay mặt cho Hợp Lưu, *chúng tôi cảm ơn anh đã có nhã ý giành cơ hội cho chúng tôi phỏng vấn, để giới thiệu với độc giả những công trình của anh.*

Xin anh cho biết những bút hiệu anh đang dùng, các tạp chí anh đang hợp tác, và những tác phẩm, dịch phẩm anh đã in hoặc đang in.

Xin cảm ơn anh và *Hợp Lưu* có nhã ý phỏng vấn tôi. Hiện nay tôi dùng hai bút hiệu Trần Đạo và Đơn Hành. Tôi từng gửi bài cho *Diễn Đàn* ở Pháp, *Hợp Lưu* ở Mỹ, Đối Thoại ở Đức. Những bài tôi viết bằng tiếng Pháp đăng trong phụ bản tiếng Pháp *Diễn Đàn Forum*, có vài bài đăng trong các tập san Pháp, Bỉ, Mỹ và Ý.

Tôi đã dịch *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài. Quyển sách này được đăng ở Ý do Marietti xuất bản, ở Đức do Rororo, nhóm Bertelsmann xuất bản. Bản tiếng Đức được tác giả đích thân hiệu đính.

Sau *Thiên Sứ*, tôi đã dịch *Những Thiên Đường Mù* của Dương thu Hương. Quyển sách này đã được đăng ở Mỹ do William Morrow xuất bản, ở Đức cũng do nhóm Bertelsmann xuất bản, và ở Hoà Lan do Uitgeverij Nijgh & Van Ditmar xuất bản. Hiện nay nhà xuất bản Penguin đang chuẩn bị tái bản dưới dạng sách bỏ túi, sẽ phát hành năm 1994. Có nhà xuất bản Ý thuộc nhóm Mondadori cũng đã mua bản quyền tiếng Ý. Ngoài ra, tôi được biết nhà xuất bản Nhật DanDansha đang điều đình mua tác quyền tiếng Nhật do bà Kato Sakae dịch thẳng từ tiếng Việt.

Tôi đã dịch *Tiểu Thuyết Vô Đề*. William Morrow đang chuẩn bị đăng bản tiếng Anh. Bản tiếng Đức cũng trong giai đoạn ấy.

Tôi cũng đã dịch xong *Tuyển Tập Truyện Ngắn Đương Đại Việt Nam*. Và vừa ký hợp đồng với nhà xuất bản Pháp Philippe Picquier để in trong năm 1994.

Tác phẩm riêng, có quyển *Vẫy Gọi Nhau Làm Người*, dự trù sẽ do nhà

xuất bản Hồng Lĩnh in. Viết thẳng bằng tiếng Pháp, có một tuyển tập truyện ngắn tựa là *Un Amour Métèque*, đang trong giai đoạn điều đình với một nhà xuất bản Pháp, và một quyển gồm những bài bình luận, tuỳ bút mang tên *Au Fil Des Jours, Au Fil Des Lectures*, cũng trong giai đoạn điều đình với một nhà xuất bản Bỉ.

Thưa anh, theo chúng tôi biết, anh từng hoạt động trong phong trào chống chiến tranh khi còn là sinh viên du học ở Pháp và cho tới bây giờ đương nhiên, bị dán nhãn hiệu là trí thức thiên tả. Anh có một lần cũng tự nhận là Mácxít. Như vậy anh nghĩ thế nào về chính mình và những nhãn hiệu trên.

Anh có thể thoải mái nói tôi đã từng công khai ủng hộ kháng chiến, Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, và đã từng tin tưởng đảng Cộng Sản Việt Nam. Đó là sự thực, là quá khứ của tôi. Tôi không có nhu cầu che dấu hay quên quá khứ của mình. Nhưng tôi không cho phép nó, và bất cứ ai, từ mọi phía, dựa vào nó để bịt mắt, thắt họng tương lai.

Tôi chủ trương tôn trọng tính khách quan của những sự kiện lịch sử, bất kể ở mức độ lớn nhỏ nào. Nhân cách của ta hình thành bằng vật liệu ấy, xoá bỏ chúng, sửa chữa chúng là điều nguy hiểm vì nhân giới này không có hình thái tồn tại ngoài trí nhớ của con người, và trí nhớ là một nền tảng cần thiết của tư duy, của văn học, của mọi nền văn minh.

Chúng ta vừa là con cháu Nguyễn Trãi, vừa là con cháu nhà Lê đã tru di tam tộc Nguyễn Trãi. Chúng ta là sản phẩm của cả thời đại thực dân, đế quốc, lẫn thời đại chủ nghĩa xã hội hiện thực tiêu vong. Nên nhớ hết làm vốn. Ngoài ra, đánh giá những sự kiện ấy là quyền của các thế hệ, c ủa mọi người, mọi lúc. Trong phương diện này, tôi quan điểm con người là tự do và trách nhiệm, có khả năng thay đổi hoặc không thay đổi.

Tôi không quan tâm tới thói người này dán nhãn hiệu cho người kia. Đó là chuyện của người thích dán nhãn hiệu. Tôi không biết trong đầu óc của họ thực sự có gì. Chuyện tôi không hiểu được, không cảm được, tôi không lấy làm đề tài suy nghĩ.

Về quá khứ của tôi, về khái niệm trí thức thiên tả, hiện nay tôi hiểu thế này. Như mọi người, tôi dấn thân vào những cuộc đấu tranh của thời đại của mình vì một số giá trị nhân bản, với một số kiến thức đương nhiên giới hạn. Những giá trị ấy, ngày nay tôi vẫn thấy cần thiết cho tương lai. Thí dụ: tự do, bình đẳng, nhân ái, độc lập dân tộc, tôn trọng và quý mến những sắc thái khác biệt giữa những con người, những nền văn hoá, những dân tộc, kể cả các nước "nhược tiểu" về kinh tế như nước ta. Thực ra, một số giá trị ấy đã làm nền tảng cho cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu. Tư tưởng của Marx phát triển chúng vào những lãnh vực khác nhau của thân phận người: kinh tế, xã hội, lịch sử, triết, v.v. Trong ý đó, bản thân nó cũng là một cách kế thừa nền văn minh tư sản. Nó không từ trên trời rơi xuống, nó từ lòng xã hội tư bản sinh ra. Do lịch sử đặc biệt của Châu Âu từ thế kỷ 18 tới cách đây khoảng 15 năm,

những giá trị ấy đã trở thành ngọn cờ của những người gọi là thiên tả. Những người này tới từ những chân trời tư tưởng và ý thức hệ khác nhau. Ở Pháp, dưới khái niệm thiên tả, có người thiên chúa giáo như Simone Weil, ngay như Francois Mauriac, có lúc cũng đã được coi như thiên tả vì ủng hộ Mendès France. Có những người chủ trương tự do vô chính phủ (anarchistes), có những người theo chủ nghĩa hiện sinh, cấu trúc... có những người chẳng theo chủ nghĩa nào như André Gide, Albert Camus. Dĩ nhiên, có những người Mácxít, trong đó có những người Cộng Sản, những người Trốtkít, những người quý tư tưởng của Marx, không quý đảng Cộng Sản.

Có thể nói, trong thế kỷ 20, số lớn những nhà tư tưởng, văn sĩ, nghệ sĩ, khoa học có tầm vóc của Pháp đã thuộc loại người gọi là thiên tả. Ở Mỹ và ở Việt Nam, đương nhiên, khái niệm này mang một nội dung, một sắc thái khác. Điều quan trọng không ở từ ngữ, mà ở nội dung. Người biết càng nhiều càng thận trọng, tránh những nhãn hiệu nông cạn.

Đó là nói về những giá trị khiến người gọi là thiên tả dấn thân. Mặt này, tôi vẫn thấy là đúng.

Nói về kiến thức của tôi thời đó, tôi không nghĩ mình đã sai lầm to trong việc tìm hiểu nguồn gốc của chiến tranh Việt Nam. Có hai điểm tôi thấy mình đã ngây thơ và non nớt:

1) không thấy hết khía cạnh nội chiến, nhất là trong giai đoạn cuối của chiến tranh.

2) đồng nhất tư tưởng của Marx với đảng Cộng Sản Việt Nam, đảng Cộng Sản Việt Nam với guồng máy quyền lực bí mật nắm họng nó từ thời cải cách ruộng đất.

Những điều này, phải tới đầu những năm 80 tôi mới ý thức rõ. Có lẽ vì sau 1975 tôi chú ý học nghề để đóng góp xây dựng đất nước hơn là chú ý tới thời sự chính trị. Có lẽ do hai lần về thăm Việt Nam, tôi thấy được tính bất nhân của những chính sách học tập cải tạo, lý lịch, xua đuổi người Việt di tản... và bầu không khí ngột ngạt, sợ hãi, giả dối bao phủ đời sống xã hội. Tôi bắt đầu tìm hiểu do đâu những giá trị đã lôi cuốn một phần lớn nhân loại suốt một thế kỷ có thể dẫn tới sự hình thành một quái thai như chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Có lẽ một trong những lý do quan trọng là những đảng Cộng Sản cầm quyền đã hình thành và lớn mạnh qua chiến tranh trong những xã hội nông nghiệp lạc hậu, phong kiến, có khi thuộc địa, hoặc do Liên Xô áp đặt như ở Đông Âu. Tìm hiểu tới cùng sự kiện ấy, làm những gì mình làm được để nó mau chấm dứt, không còn cơ tái diễn, đó là một phần cái giá tôi trả cho quá khứ của tôi. Mình làm mình chịu. Tôi không thắc mắc chuyện phải trả giá, đã và đang trả giá, sẽ t iếp tục trả giá, tới lúc không còn đủ nghị lực để trả nữa thì coi như chó chết hết chuyện. Dĩ nhiên, đây là lối sống cá biệt. Ôm những gì trong quá khứ của mình để đi đâu là chuyện riêng của từng người. Ai dám tin mình luôn luôn có kiến thức trọn vẹn, đạt chân lý trong mọi vấn đề? Ai biết trước được mình sẽ đi về đâu? Với ai? Nhưng tôi tin rằng nếu mỗi

người Việt vừa thủy chung với những giá trị nhân bản của mình, vừa chịu khó tìm hiểu, thông cảm người khác, và luôn luôn bồi dưỡng kiến thức của mình, họ sẽ gặp nhau, làm cho nhau thêm sáng suốt, thêm phong phú.

Theo chúng tôi nhận thấy, trong cách lý luận và nhìn về cuộc đời, anh dường như bị ảnh hưởng tư tưởng của Karl Marx và Jean Paul Sartre; nói cụ thể là nửa Cộng Sản nửa hiện sinh. Điều này có mâu thuẫn không, hoặc nếu không mâu thuẫn thì làm sao hoà được một chủ nghĩa tập thể với một cách sống và tư tưởng thiên cá nhân như vậy?

Trước hết ta nên phân biệt ba nội dung của từ Cộng Sản.

Nội dung thứ nhất là một hoài bão của con người mơ ước một xã hội cộng đồng trong đó con người sống với nhau tự do, bình đẳng, trong tình anh em. Đây là một phản ứng đối với hoàn cảnh cơ cực, xé lẻ, cô đơn và bất lực của người làm công trong một giai đoạn phát triển của xã hội tư bản. Trong nghĩa đó, nó là một giá trị nhân bản hình thành trước Marx, được những tác giả như Owen, Babel, Fourrier... chủ trương. Marx gọi đó là chủ nghĩa Cộng Sản không tưởng trong nghĩa không có cơ sở khoa học để thực hiện.

Nội dung thứ hai ám chỉ những đảng Cộng Sản của thế kỷ 20, những quan điểm, đường lối, chính sách đấu tranh và cai trị của họ. Đây là đề tài đáng được nghiên cứu sâu sắc. Phong trào Cộng Sản trong thế kỷ 20 là sản phẩm của nền văn minh tư bản lúc đó. Điều đó hiển nhiên. Điều không hiển nhiên là nó đưa tới những đảng Cộng Sản và những chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực mà ta biết. Chỉ cần xem lại những cuộc tranh luận giữa Lénin, Rosa Luxembourg, Trostky, Gramsci, v.v. đủ thấy. Phải hiểu cạn sự kiện này mới có khả năng ngăn ngừa nó tái diễn, vì cái nôi của nó, chế độ tư bản, vẫn còn đó, và dường như đang lâm vào một cuộc khủng hoảng mới, giống những cuộc khủng hoảng đã khai sinh các phong trào Fátxít và Cộng Sản đương đại. Hiện nay, ở Âu Châu, các phong trào Fátxít đang tái sinh. Những cựu đảng Cộng Sản Lituanie và Balan vừa thắng cử. Ở Ý, đảng Cộng Sản cũ có cơ lên cầm quyền. Rất nhiều chuyện đáng chú ý, suy nghĩ. Có lẽ, cho tới nay, người phân tích sâu sắc nhất hai hiện tượng trên là Hannah Arendt. Tôi thấy những luận điểm của bà về cơ sở hình thành, cơ cấu tổ chức, phương pháp hoạt động của các cơ chế toàn trị, sắc bén. Tôi hoài nghi những giải thích của bà về nội dung tư tưởng khiến con người có thể mong ước chúng. Một điều đáng chú ý, tuy Hannah Arendt là người đúc kết khái niệm *"toàn trị" [totalitarisme, système totalitaire]* được dùng phổ biến trên thế giới, bà không hề đồng nhất nó với học thuyết của Marx. Ngược lại, bà trân trọng ông như một nhà tư tưởng vĩ đại. Theo tôi, ai muốn tìm hiểu cơ chế toàn trị, nên đọc Hannah Arendt; ai muốn tìm hiểu học thuyết Mácxít, nên đọc Marx; ai thích môn triết lý chính trị và văn chính trị đẹp, nên đọc cả hai. Chỉ trong nghĩa thứ hai này của từ Cộng Sản mới có thể đồng nhất học thuyết của Marx với chủ nghĩa tập thể. Tôi không có khái niệm ấy. Có lẽ vì tôi đã may mắn đọc Sartre trước khi đọc Marx, đọc Marx trước khi đọc lối diễn giải của các đảng Cộng Sản.

Nội dung thứ ba là khái niệm của Marx về một xã hội Cộng Sản tương lai. Marx viết rất ít về nó. Ông tự nhận là triết gia duy vật, không ưa bàn chuyện viễn vông. Ông chỉ dựa vào phương pháp suy luận biện chứng để rút ra một vài nét chung của một xã hội **kế thừa** (xuyên qua mâu thuẫn) xã hội tư bản, nghĩa là vừa duy trì trong nó tất cả những thành tựu lịch sử của xã hội tư bản vừa phát huy những giá trị nhân bản không thể phát huy được trong xã hội tư bản. Một trong những giá trị ấy, chính là tự do cá nhân. Giá trị này là một trong những sản phẩm cơ bản của cách mạng tư sản. Theo ông, trong khuôn khổ kinh tế tư bản, nó dẫn tới sự lệ thuộc, cô đơn, tha hoá. Chỉ trong một hình thái xã hội hết lệ thuộc sự phân công lao động tự nhiên, con người mới đạt được tự do trọn vẹn trong tình người. Một xã hội như thế không thể hình thành trước khi con người phát triển khoa học và kỹ thuật tới mức nhân loại hết lệ thuộc tự nhiên. Đủ thấy, chủ nghĩa tập thể nói trên không dính dáng gì tới tư tưởng của Marx. Ở Marx, tính cá thể của con người và tính xã hội của nó thống nhất (biện chứng) với nhau. Ông tin rằng tự do cá nhân, trong tình người, là kết quả cuối cùng của sự vận động của hai mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa con người và thiên nhiên, mâu thuẫn giữa con người cá thể và xã hội. Về mặt này có chuyện lạ. Đa số những người Cộng Sản và những người chống Cộng say sưa mà tôi quen là những người ít bỏ thời giờ tìm hiểu tư tưởng của Marx tận gốc, một cách hệ thống. Theo tôi, có thể vì mấy lý do:

a/ Tác phẩm khá đồ sộ. Nói chung dễ hiểu, nhưng cũng có nơi khá rắc rối, đặc biệt khi ông vận dụng lý luận biện chứng với ngôn ngữ của Hegel để phân tích những vấn đề hóc búa như giá tri, hàng hóa, tiền tệ, giai cấp, tự do, dân chủ, tư duy... Ngay Engels cũng có lúc khuyên ông viết lại cho độc giả đỡ nản lòng.

b/ Đối với người Việt không sành ngoại ngữ Tây Âu, chỉ được đọc qua máy lọc Liên Xô và Trung quốc. Hết sức nguy hiểm.

c/ Vì đây là hệ tư tưởng có tính tổng hợp ở mức thời đại, cũng cần có ít nhiều kiến thức về triết học Đức, xã hội học Pháp và kinh tế chính trị học Anh của các thế kỷ 18 và 19 ở Châu Âu. Nói chung, phải biết ít nhiều lịch sử và nền văn minh Châu Âu trong những thế kỷ hình thành hình thái kinh tế xã hội tư bản.

Sartre được các đảng và khá nhiều trí thức Cộng Sản coi như đối thủ số một của họ. Mấy bài tranh luận ý thức hệ trứ danh của ông cũng chĩa mũi nhọn vào họ và vào học thuyết của Marx. Như thế hẳn có mâu thuẫn. Nhưng Sartre cũng đã từng làm người bạn đồng hành (không mấy tin cậy, từ cả hai phía) của phong trào Cộng Sản. Điều này có thể hiểu được, nhưng vẫn để tồn tại một câu hỏi mà bản thân tôi cũng chưa giải quyết được. Trước hết phải hiểu, đối với Sartre, thế nào là một hệ triết học.

Trong *"Critique De La Raison Dialectique"* [*Phê Phán Lý Trí Biện Chứng*], J.P. Sartre có nhận định: những thời điểm triết học hiếm. Ông cho rằng trong lịch sử Tây Âu chỉ có vài thời điểm triết học: ... *"le moment de Descartes-Locke"*, *"le moment de Marx"*. Ông hiểu khái niệm "thời điểm triết

học" như sau: khi một tư tưởng thấm vào đời, biến thành môi trường của tư duy *(le devenir monde de la philosophie)*, khoanh chân trời của ý thức, khiến con người phải luôn luôn đối chiếu với nó để suy luận, tư tưởng ấy mở ra một thời đại triết học mới, tư tưởng ấy đáng gọi là triết lý *(philosophie)*. Tất cả các hệ luận khác, kể cả chủ nghĩa hiện sinh đều là những *idéologies [ý thức hệ]* phát triển và có ý nghĩa trong môi trường ấy. Theo ông, tư tưởng của Marx là triết lý cuối cùng của thời đại này, của nền văn minh này. Câu nổi tiếng : *"Le marxisme est la philosophie indépassable de notre temps" [Chủ nghĩa Marx là nền triết học không thể vượt qua được của thời đại này]* phải hiểu trong nghĩa đó. Nó khô ng có nghĩa là sau Marx không còn gì để tìm hiểu, khám phá trong triết học. Bản thân Sartre là người công kích mãnh liệt nhất chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhiều năm trước khi ông tuyên bố ý trên. Nó có nghĩa: không có tư tưởng của Marx, không thể hiểu thời đại này. Ta có thể nghĩ ta thông minh, ta khó có thể tin người đời cỡ ấy ngu ngốc hơn ta... vượt bực.

Nói thế, để thấy phê phán tư tưởng của Marx không phải chuyện đơn giản, ngay cả đối với một nhà triết học cỡ Sartre. Ông rất tiếc rằng các đảng Cộng Sản, các trí thức Cộng Sản đã tôn giáo hoá tư tưởng ấy, làm nó khô cứng, mất khả năng tiếp thu, chinh phục những kiến thức mới của thời đại. Sinh thời, ông chỉ trọng vài trí thức Mácxít ở Pháp là Politzer, Trần Đức Thảo, và Lefèvre.

Marx và Sartre có một điểm chung cơ bản: họ đều là những người vận dụng phương pháp suy luận biện chứng để tìm hiểu mọi sự trên đời. Nhưng giữa họ cũng có một sự khác biệt gốc: Marx duy vật, Sartre duy tâm. Sartre chấp nhận duy vật lịch sử, không chấp nhận duy vật biện chứng. Marx không chỉ tin rằng sự vận động của vật chất sản sinh ra tư duy, ông còn tin rằng vật chất và tư duy vận động theo những quy luật chung, cơ bản của phép biện chứng. Sartre cho rằng không có biện chứng trong tự nhiên.

Cuộc tranh luận này lại không đơn giản vì Marx không hề viết một tác phẩm về hiện thể học (ontologie). Sau khi thanh toán món nợ với nền triết học Đức, ông tập trung nghiên cứu kinh tế, chính trị, lịch sử. Do đó tư tưởng triết học của ông, đoạn sau, phải tìm rải rác trong những tác phẩm khác, như trong *Tư Bản Luận* chẳng hạn, lắm khi ở những chú thích nho nhỏ. Khi Sartre bắt đầu tranh luận với học thuyết Mácxít, ông tranh luận nhiều với cách diễn giải của Engels trong *Dialectique De La Nature* và *Anti-Dühring*. Sau ông lại cho rằng Engels đã máy móc hoá tư tưởng của Marx. Ngược lại Marx, tác phẩm triết học gốc của Sartre, *L'etre Et Le Néant [Tồn Tại Và Hư Vô]*, tập trung bàn về bản chất của tư duy (*conscience*). Ông đi tới kết luận: tư duy (là) tự do. Do đó người đời gán cho ông danh hiệu "triết gia của tự do" *(philosophe de la liberté)*. Tính tự do của con người, Sartre nếm đủ trong chiến tranh thế giới thứ hai khi ông đột ngột bị biến thành một đơn vị vô danh trong những tập đoàn lính, tập đoàn tù binh. Ra tù, ông kết luận rằng cái thứ tự do độc lập với nhân loại hiện thực, với thời cuộc,. Ông hoạt động kháng

chiến, chủ trương văn chương dấn thân qua bài mở màn cho tạp san *Les Temps Modernes.* Đã dấn thân, phải chiêm chước đến, phải tìm hiểu nhân loại hiện thực trong đó có hai phong trào khổng lồ, Cộng Sản và giải phóng thuộc địa.

Làm sao hoà hợp được tính tự do tuyệt đối của con người với sự lệ thuộc hầu như cũng tuyệt đối của nó đối với hoàn cảnh? Tính cá thể, tính nhân loại, tóm lại, tính lịch sử của con người có thể hiểu được không? Đó là câu h ỏi triết học cuối cùng của Sartre. Ông đặt lại vấn đề từ gốc: ngoài logíc hình thức có thể có một thứ lôgíc nào khác gọi là lôgíc biện chứng cho phép ta hiểu con người hay không? Nêu có, cơ sở của nó là gì? Ông viết được khoảng 2000 trang, mở đầu tác phẩm *Critique De La Raison Dialectique*, rồi bỏ cuộc vì ông thấy giải quyết vấn đề này đòi hỏi một lượng thông tin và kiến thức quá lớn, vượt khả năng một cá nhân, mà tuổi đời ông đã gần cạn.

Những câu hỏi ấy, ngày nay, vẫn chưa có giải đáp thỏa đáng. Cảm tưởng của tôi là vấn đề tập trung ở khái niệm tự phủ định trong lý luận biện chứng. Quy luật ấy vận động dưới một hình thái duy nhất như người ta tưởng hay dưới ba hình thái khác nhau, tuỳ môi trường - vật chất, sinh vật, người? Nếu có ba hình thái, tính đặc thù của mỗi hình thái là gì, và chúng thống nhất với nhau như thế nào? Có điều chắc là con người vừa là vật thể, sinh vật và người.

Một số vấn đề về lôgíc, hiện nay, đang được nêu ra bởi những khám phá mới trong vật lý và trong sinh học. Rất có thể, những kiến thức mới của khoa học ngày nay sẽ mở một ngưỡng cửa cho triết học thoát những đường mòn. Ngày nay, những nhà khoa học lỗi lạc nhất không ngại đặt vấn đề về niềm tin triết học của mình. Các triết gia cũng nên tò mò một tí về khoa học.

Học thuyết của Marx và của Sartre mâu thuẫn? Không, cả hai đều là hệ tư tưởng biện chứng, nhân bản. Có, như mâu thuẫn giữa ánh sáng trong tư cách vật thể và ánh sáng trong tư cách làn sóng. Này, các anh đăng những lời trên lỡ thiên hạ dán cho nhãn hiệu "cấu kết với Cộng Sản trá hình" thì sao? Có mâu thuẫn không?

Thưa anh, hiện nay anh là một trong những cây bút chính của Hợp Lưu. *Anh nghĩ thế nào về chủ trương giao lưu văn hoá và khả năng của việc này trong tương lai.*

Anh khen quá lời. Tôi là một trong những người cộng tác với *Hợp Lưu*, lâu lâu mới nặn được một bài ngắn. Không có giao lưu, làm gì có văn hoá. Chính vì thế mà guồng máy đảng Cộng Sản Việt Nam kịch liệt đàn áp người làm văn học, ngăn cấm *Hợp Lưu*, *Diễn Đàn* tới tay độc giả ở Việt Nam. Điều kiện tồn tại của nó đòi hỏi một dân tộc phi văn hoá, phi khoa học, phi nghệ thuật... Nó sợ giao lưu văn hoá hơn sợ súng đạn. Nó có lý, lý của rừng xanh. Nhưng đó là điều không thể duy trì được mãi vì con người là một con vật văn hóa. Tạm thời, ta nên mở rộng giao lưu văn hoá với thế giới, giữa người Việt ở hải ngoại, và với trong nước trong mức khả năng và tình hình cho phép. Đối với tôi, đây là chuyện có ý nghĩa lâu dài, cơ bản, không tùy thuộc sự diễn biến

của tình hình chính trị. Điều đó không có nghĩa là nên thờ ơ với chính trị!

Thưa anh, xin anh cho biết về tác phẩm đang in của anh, Vẫy Gọi Nhau Làm Người. *Về nội dung và hoàn cảnh hình thành... Tại sao anh định in ở giai đoạn này?*

Năm 1987, sau một số năm im hơi lặng tiếng, khá bế tắc, tình cờ tôi đọc trong *Đoàn Kết* một số truyện ngắn và bài vở đăng trong nước khiến tôi xúc động. Lúc đó tôi đã bắt đầu nghĩ rằng điều nguy hiểm nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực là nó phải tiêu diệt văn hoá, ép con người sống trong hoàn cảnh của những cộng đồng thú. Tôi tập viết tiếng Việt, gửi bài cho báo, tham gia vào chuyện bảo vệ quyền có văn hoá của người Việt. Tôi bình luận một số tác phẩm, luôn chú trọng ý nghĩa văn hoá, văn chương của chúng, đặc biệt khi tôi thấy có điều mới mẻ hay quan trọng trong bút pháp. Đó là nội dung phần *Đọc sách*. Việc ấy giúp tôi hiểu rõ một số suy nghĩ mung lung trong đầu từ lâu. Rồi đến lúc tôi thấy phải làm cho những suy luận, cảm nghĩ của mình rõ ràng, nên tôi viết những bài trong phần *Tiểu luận*. Thời cuộc cũng thôi thúc suy nghĩ, đòi hỏi bình luận, tiếng nói của một con người trong thời cuộc. Trong lãnh vực này tôi cũng chú trọng kích thước văn hoá của các sự kiện hơn nội dung chính trị nhất thời của chúng vì tôi không ham quyền lực, không có máu làm chính trị, không có hoài bão làm chính khách. Những bài ấy gom trong phần *Xuyên Qua Thời Sự, Văn Hoá*. Truyện ngắn *Vũ Hố* đương nhiên là để hầu chuyện độc giả dưới một hình thức ít ngán hơn những hình thức kia.

Chuyện in quyển sách lúc này có phần tình cờ. Một hôm tôi mua một định trình xử lý tiếng Việt trên máy tính để gõ bài. Tôi tập dùng định trình ấy bằng cách sắp các bài thành sách. Đọc lại, thấy tư duy có thay đổi qua năm tháng, nhưng khá thống nhất, tôi chợt nghĩ có thể in. Tôi gửi cho anh Khánh Trường một bản, nhờ anh xem có nhà xuất bản muốn đăng chăng. Tôi tặng Trần Vũ một bản, đáp lễ anh ấy tặng tôi quyển *Cái Chết Sau Quá Khứ*. Nhờ anh Khánh Trường và Trần Vũ giới thiệu, nhà xuất bản Hồng Lĩnh ưng in.

Anh cũng là dịch giả những cuốn Tiểu Thuyết Vô Đề *và* Những Thiên Đường Mù *ra tiếng Pháp và tiếng Anh. Xin anh cho biết thêm chi tiết về hai dịch phẩm này: nhà xuất bản, lượng in, hoàn cảnh hình thành... và tại sao anh quyết định dịch những tác phẩm này.*

Về thân phận các tác phẩm này ở hải ngoại, tôi đã nói. Dương Thu Hương là nhà văn Việt Nam đương đại được dịch ra nhiều ngoại ngữ nhất. Tất cả đều qua hệ thống xuất bản bình thường ở các nước Tây Âu.

Quyển *Những Thiên Đường Mù* do nhà xuất bản Des Femmes ấn hành, nếu tôi nhớ đúng, 3500 bản, nay đã bán cạn, đang tính tái bản theo khổ sác bỏ túi. Ở Mỹ, William Morrow in khoảng 12.000 bản, có tiếng vang khá lớn trong các báo. Ở các nước khác tôi không rõ chi tiết.

Tôi dịch quyển này vì nhiều lý do. Thứ nhất tôi quý mến Dương Thu

Hương qua hành động, các bài phát biểu của chị. Chị là một trong những người nêu gương sống công khai với đầy đủ quyền công dân, không thèm xin phép ai. Lại là người không ngại thẩm định lại cuộc đời của mình, dạp những vùng cấm địa, mở đường cho người khác. Thứ hai, chị có tài kể chuyện, rất lôi cuốn, tình cảm, và có những nhận sét bén về tình yêu, tình người. Điều ấy tôi cảm nhận khi đọc *Bên Kia Bờ Ảo Vọng*. Lý do cuối cùng khiến tôi dịch *Những Thiên Đường Mù* là vì nó trùng hợp với một số vấn đề tôi suy nghĩ hồi đó trong quá trình tìm hiểu sự biến chất của cách mạng Việt Nam. Lý luận trừu tượng hoá cuộc sống. Văn chương hiện sinh hoá ngôn ngữ. Bằng lý luận, t a hiểu đời. Bằng văn chương, ta trả lại cho khái niệm phần máu thịt và phần hồn của nó. Cả hai đều cần thiết để thấu hiểu những sự kiện liên quan tới con người. Bản dịch tiếng Anh cơ bản là do cô Nina McPherson. Tôi không đủ sành tiếng Anh để dịch văn, chỉ giúp cô trong lãnh vực ngữ nghĩa và góp ý về thuật dịch văn. Tôi chịu đứng tên vì cô yêu cầu, vì nể bạn.

Quyển *Tiểu Thuyết Vô Đề*, chị Hương gửi cho tôi trước khi chị bị bắt. Chắc anh còn nhớ những tin về vụ kiện giữa nhà xuất bản Des Femmes và ông Võ Văn Ái khi ông ấy định giựt in quyển sách này và chụp mũ Dương Thu Hương là người của mình. Bây giờ tòa đã xử, buộc ông phải trả lại bản thảo, cấm không được in toàn bộ hay một phần quyển sách này, buột phải thủ tiêu những bản đã in, v.v.

Lúc ấy Dương Thu Hương đang ở tù. Đối với tôi, dịch và đăng *Tiểu Thuyết Vô Đề* là chuyện tự nhiên, không có gì phải suy tính. Tôi gác các chuyện khác lại để thực hiện gấp điều ấy. Số lượng in ở Pháp và Mỹ cũng như *Những Thiên Đường Mù*. Tạp chí Grand Street ở New York đã trích đăng máy chục trang đầu, năm 1993.

Anh cũng là dịch giả Thiên Sứ *của Phạm Thị Hoài ra tiếng Pháp. Xin anh cho biết về dịch phẩm này.*

Đọc *Thiên Sứ*, tôi rất thích, đặc biệt khía cạnh *hài hước (humour)* của nó. Có hai lý do khiến tôi có cảm tưởng đây là tác phẩm thử bút của một nhà văn đang trong quá trình tìm một phong cách viết riêng. Thứ nhất, trong 20 chương, có nhiều chương có thể đọc như một truyện ngắn. Thứ hai, trong một truyện tương đối ngắn, tác giả sử dụng nhiều loại bút pháp rất khác nhau, loại nào dùng cũng đạt. Có chương viết không chấm, không phẩy, làm tôi nhớ quyển *La Route Des Flandres* của Claude Simon, giải Nobel văn chương cuối cùng của Pháp. Thuở ấy, tôi đọc những câu văn dài mấy chục trang, không có chấm, phẩy, mà cứ miên man không chán, không mệt. Quả là nhà văn xuất sắc, giúp ta trực giác một khía cạnh cơ bản của tư duy, tình cảm và ngôn ngữ, khía cạnh tổng hợp: không có chấm, phẩy. Lúc đó tôi đang viết một số bài bằng tiếng Pháp cho *Đoàn Kết*. Tôi quyết định dịch để tập tành tiếng Pháp đôi chút. Dịch vì thích, không nghĩ là sẽ có nhà xuất bản đăng. Không ngờ chỉ trong vòng sáu tháng tôi tìm đượ c nhà xuất bản Ý và Pháp nhận in.

Thưa anh, theo chúng tôi biết, anh dự trù in một bản dịch Pháp văn, gồm truyện ngắn nhiều nhà văn trong và ngoài nước. Xin anh cho biết thêm về tuyển tập này: anh chọn truyện nào, của ai, và tại sao.

Ý định của tôi là giới thiệu cho độc giả Pháp và, nếu được, độc giả vài nước Tây Âu nhiều tác giả Việt Nam trong một thể loại phổ cập trong văn Việt Nam. Do đó tôi không chỉ chọn truyện hợp sở thích riêng về văn chương. Khi tôi cảm nhận được một sự quyến luyến, một sự chân thành nào đó (dù khác xa tôi) đối với thân phận con người Việt Nam ngày nay, tôi dịch. Lúc đó, sách báo Việt Nam ở Pháp cũng hiếm. Tôi lại ít thời giờ, không thể lùng đọc nhiều. Tôi đọc truyện ngắn đăng trong vài tạp chí, báo chí của người Việt ở hải ngoại. Những tác giả tôi đã dịch, nói chung đều đã được đăng trong *Diễn Đàn, Hợp Lưu*. Trong tuyển tập này, thiếu hẳn tác giả Việt Nam ở hải ngoại vì tôi ít dịp đọc văn của họ. Cũng may, hè vừa qua, tôi đọc quyển sách Trần Vũ tặng, thấy hay, và dịch truyện *Pháo Đài Trên Dòng Yang Tsé.*

Thưa anh, chúng tôi biết rằng anh cũng đang viết cho tạp chí Diễn Đàn *bên Pháp. Anh có thể cho biết thêm về tạp chí này... họ là ai, muốn gì...?*

Trong ban biên tập *Diễn Đàn* có nhiều bạn lâu năm của tôi. Đây là một tập hợp người khá lạ, không thuần nhất. Về quá khứ chính trị, có những người đã tham gia Hội Liên Hiệp Việt Kiều tại Pháp ngay từ những bước đầu của nó, có những người gia nhập sau 1975, có những người Phật tử, và những người không tham gia phong trào, hội đoàn nào. Về kiến thức, có đủ loại nghề, nhiều người làm giáo sư hay nghiên cứu toán, kinh tế, xã hội học, luật, y, kiến trúc... một số là kỹ sư hành nghề trong lãnh vực tin học. Tóm lại, họ có cơ sở kiến thức, phương pháp suy luận, và quan điểm khá khác nhau trên nhiều vấn đề, tranh luận khá sôi nổi, có khi găng. Nhưng họ tin và quý trọng tinh thần không vụ danh lợi, sự chân thành và ý thức tôn trọng sự thực của nhau nên cộng tác vui vẻ.

Theo tôi thấy, họ không ham quyền lực, danh vọng, chỉ thích vai trò đóng góp một cách có phê phán vào những vấn đề họ thấy thiết thân cho người Việt hoặc mọi người. Một tập hợp trí thức, tự do, cởi mở, thiên khoa học, và... "ghiền" làm báo. Điều đáng tiếc là thiếu những cây bút trẻ. Có lẽ, những cây bút trẻ xuất sắc của người Việt ở hải ngoại, trong tương lai, sẽ xuất hiện từ Mỹ. Tôi nghĩ, ảnh hưởng của Tây Âu vào Việt Nam sau này, chủ yếu sẽ từ Mỹ. Một ảnh hưởng quan trọng khác có thể từ các nước Đông Âu tới. Xin mời các bạn thanh niên Việt ở Mỹ ra tay, giúp chúng ta tiếp thu sâu đậm, vừa phê phán vừa sáng tạo, những giá trị của nền văn minh này. Và, tại sao không gửi tâm tư, suy nghĩ của mình cho *Diễn Đàn.*

Cuối cùng, anh nhận xét thế nào về văn học Việt Nam quốc nội và hải ngoại hiện nay. Khả năng tương lai của hai khu vực văn học trên.

Câu hỏi quá lớn, tôi chỉ có thể nói vài cảm tưởng nặng tình cảm hơn kiến

thức. Tôi không am hiểu văn học hải ngoại, chỉ mong nó không tự đóng cũi trong quá khứ, không lải nhải những chuyện cũ rích, tiếp thu được văn học của thế giới, sáng tạo được những giá trị tư tưởng và nghệ thuật mới cho người Việt. Xin nhắc lại, tôi không am hiểu mạch văn học này, do đó điều mong muốn kia có thể đã hiện thực từ lâu mà tôi không biết. Mới đây, Trần Vũ tuyển cho tôi khoảng 30 truyện ngắn viết ở hải ngoại. Có một số truyện hay, một hai truyện thật hay.

Mấy năm qua, trong nước đã xuất hiện những tác phẩm đáng gọi là văn chương, đáng gọi là lý luận văn học. Nhưng còn quá ít đối với một dân tộc 70 triệu người. Kích thước giao lưu với văn học thế giới cũng giới hạn.

Điều tôi mừng là thấy khả năng o ép của guồng máy đảng Cộng Sản, các quan văn, các lính đánh hôi, ngày càng đuối, chủ yếu vì ngày càng nhiều người bớt hoặc hết sợ chúng.

Điều tôi tiếc là sự cô lập của người làm văn học đối với thế giới và giữa họ với nhau.

Điều tôi lo nhất là guồng máy đảng Cộng Sản và thị trường phối hợp đè bẹp văn học của ta. Tôi mong một ngày thật gần đây, những người làm văn học ở Việt Nam được cởi trói, tự cởi trói, giao lưu sâu rộng với văn học thế giới, và xây dựng được một nếp thảo luận, tranh luận công khai, sôi nổi, say sưa, sâu sắc, nghiêm túc, trong sự quý trọng nhau, trong tình anh em. Được thế, sẽ có nhiều tác phẩm lý luận hay, nhiều tác phẩm văn chương đẹp, vì vốn văn hóa, vốn sống của dân ta trong thời đại này không nhỏ.

PHAN TẤN HẢI *thực hiện*

---

* Phan Huy Đường sinh năm 1945 tại Hà Nội. Gia đình di cư vào Nam đầu năm 1955. Anh đi du học tại Pháp năm 1963, tốt nghiệp Viện phát triển kinh tế và xã hội của các nước chậm tiến, và Viện Lập Trình (tin học) tại Paris. Anh làm nghề tin học, đã phát minh một hệ lập trình được "Label" của Cơ quan quốc gia khuyến khích ứng dụng công trình nghiên cứu (Agence Nationale pour la Valorisation de la Recherche).

Tác phẩm:

- *Sử dụng máy tính để thiết kế và thực hiện nhu hệ mềm ứng dụng trong quản lý* (*Conception et réalisation assistées par ordinateur de logiciels de gestion.* Nxb Masson, Paris, 1983)

- *Vẫy Gọi Nhau Làm Người.* Nxb Hồng Lĩnh, Mỹ, sẽ in.

- *Un Amour Métèque.* Tập truyện ngắn, Nxb L'Harmattan, Paris 1994.

Dịch phẩm

- *La Messagère De Cristal (Thiên Sứ,* Phạm Thị Hoài, Nxb Des Femmes, Paris 1990)

- *Les Paradis Aveugles (Những Thiên Đường Mù,* Dương Thu Hương, Nxb Des Femmes, Paris, 1991)

- *Roman Sans Titre (Tiểu Thuyết Vô Đề,* Dương Thu Hương, Nxb Des Femmes, Paris 1992)

- *Dormir Sur Terre (Tuyển Tập Truyện Ngắn Việt Nam Đương Đại,* nhiều tác giả, Nxb Philippe Picquier, Paris, sẽ in.)



ĐỖ THẤT KINH

• Thân tặng Phan Ni Tấn

tĩnh vật và tôi

con ốc nhỏ
nằm nhớ sóng xa xăm
em
cơn gió đi qua
thổi tù và
gọi biển

lên non

lên non
hái nhánh củi gầy
đêm sâu nhen lửa
đốt mười ngón tay

lên non
vói sợi mây bay
cho em là lụa
áo ngày phù sinh

lên non
hát nhủ bóng mình
mai sau xuống núi
câu kinh không buồn...

chảy

dập vỡ mình vào sông
để thấy ta được chảy

có bao giờ em nhìn ra dáng nắng?
có bao giờ em cầm hạt mưa nguyên?

nắng sinh để vỡ
mưa sinh để tan

và tim ta
sinh ra cùng em

để mãi mãi được tuôn đi chẳng thiết dáng hình...

vô đề

ba năm học nói
chín bảy năm học im lặng
trăm năm tìm em không dung nhan

bóng đổ phía trước
mặt trời sau lưng
bóng ngã sau lưng
mặt trời phía trước

hạt rụng xuống đất
mầm ngược lên trời
a ha!
nghìn năm ôm em không buông tay!

ĐỖ THẤT KINH
(Trong nước)



TRẦN ĐẠO

gặp gỡ cuối năm
khi lập trường thắt họng văn chương



Với những người khác họ chửi Cộng Sản hay bênh Cộng Sản, tôi đều không quan tâm mấy, họ chửi cũng chả hại được mình, họ bênh cũng chẳng làm mình sang trọng hơn. Viết được về họ kể ra cũng vui vui, không viết gì về họ cũng chẳng ai nỡ trách tại sao lại thiếu... Người ta chỉ say mê có những người của hôm nay thôi.

Ai thế?

Tài đức bao nhiêu mà ngạo mạn đến vậy?

Nếu là một bạo chúa thời Trung cổ thì đã đáng buồn: chúng ta thừa kế quá khứ của nhân loại, một phần nhân phẩm của ta đúc kết bằng di sản đó. Nếu là một nhà chính trị, thật đáng lo: trong lịch sử cận đại, quan điểm đó về đồng loại đã đào khá nhiều hố chôn tập thể khổng lồ, trong đó không thiếu gì người Cộng Sản. Khủng khiếp thay! đây là một câu văn của một nhà văn có tiếng, có miếng, có tác phẩm được đăng, được khen, và có quyền hành, tác giả tiểu thuyết *Gặp Gỡ Cuối Năm*, Nguyễn Khải, một con họa mi trong cao trào đổi "mới " văn học.

Những người không còn là người của hôm nay, những người mà tác giả coi như một loại sâu bọ nhố nhăng, vui vui, chỉ đáng làm vật tiêu khiển khi rảnh dỗi là ai? Là người Việt Nam. Đại khái có thể kể như sau:

1) khoảng hai triệu người đã đi khỏi nước, trong đó:

- một số không nhỏ đã nuôi cá biển
- Một số lang bạt khắp nơi trên thế giới
- Một số đi trước 75 vì nhiều lý do

- và dĩ nhiên con cái của họ: sâu bọ làm sao sinh ra được người?

2) trí thức "cũ " và các loại tư sản còn ở trong nước.

3) những kẻ lý lịch xấu còn lại, kể cả những em vài tuổi khi đất nước độc lập, thống nhất. Mấy con sâu bọ này thuộc loại sâu bọ nhất: chưa vào đời đã mất tương lai, chưa sống đã thành bộ xương thiên cổ.

4) những người cách mạng đã "sa ngã " hay "sai lầm ".

Nhưng thôi, đếm mãi làm gì. Tranh luận về sự đúng sai của quan điểm đó làm giá: chẳng hại được nhau và cũng chẳng làm cho nhau sang trọng. Nhưng nên thử tìm hiểu xem một quan điểm như vậy ảnh hưởng như thế nào vào ngòi bút người muốn viết văn.

Bàn về truyện *Gặp Gỡ Cuối Năm* chẳng có gì vui vui đối với người viết và người đọc. Nhưng có thể có ích. Ta có thể hiểu vì sao một người làm chủ ngòi bút của mình như Nguyễn Khải chưa thể sáng tác được một tác phẩm nghệ thuật.

Câu đó thể hiện điều gì? Điều đó ảnh hưởng như thế nào vào nghệ thuật hành văn?

Phải đọc kỹ mới tìm ra (tác giả có tay nghề gói ghém điêu luyện):

Hãy mơ mộng trong cái hữu hạn ấy. Với cái vĩnh viễn, cái vô tận, cái trôi đi mãi mãi thì mình có là cái gì, chẳng là cái gì cả, đừng nghĩ phải là cái gì đó mà khổ, nhưng ta vẫn có thể là cái gì đó trong cái khoảng khắc ta đang sống, là một sức đẩy dẫu yếu ớt vào cái dòng lưu chuyển chung, tôi vẫn nghĩ như thế, vẫn sống như thế, và tự xem là đủ.

Mấy chục năm qua, tự xét mình, tôi thuộc về sức đẩy, chứ không thuộc về sức cản nhưng cũng chỉ như thế thôi, chẳng là cái gì cả trong cái giòng chẩy ồ ạt, vĩnh viễn của Lịch Sử!

Như thế là rõ. Đây là một cách hiểu học thuyết *Marx* của một số người tưởng mình là Cộng Sản. Con người là sản phẩm của Lịch Sử. Lịch Sử phát triển có Quy luật. Tuân theo quy luật thì được làm người. Trái quy luật làm phản động, làm sâu bọ.

Lịch sử chẩy về đâu? Dính dáng gì với ta? Đã có lãnh đạo lo, hơi đâu mà mệt.

Quan điểm hoàn toàn máy móc kia về Lịch sử, về con người, thể hiện ngay trong ngôn ngữ: con người chỉ **là một sức đẩy, thuộc về sức đẩy, thuộc về sức cản**. Vẻ khiêm tốn tự nhiên lộ mặt giả tạo: đánh đổi thân cây cỏ kia lấy sức mạnh vô địch vĩnh viễn của Lịch sử, vì mình **thuộc về sức đẩy, thuộc** về nó. Chẳng khác con chiên cúi rạp mình xuống đất để giữ phần thiên đường. Giọng khiêm tốn ấy là sự ngạo mạn trá hình của kẻ tưởng mình là Sự thật. Về thực chất: đánh đổi nhân cách lấy sự yên tâm vĩnh cửu.

Khi nhà văn đánh đổi đôi mắt người của mình lấy *cặp mắt thần của chủ nghĩa*, khi chủ nghĩa đó lại là một thứ chủ nghĩa "khoa học ", có quy luật tự nhiên quyết định mọi chuyện, từ nghìn xưa cho đến nghìn sau, tất nhiên tác phẩm phải mang tính chất của sự lựa chọn đó: một thế giới chỉ có đúng hay sai, có sức đẩy và sức cản, không (có) buồn vui, yêu đương hay hận thù, **không**

(có) người. Thế giới phi nhân tính đó, có thể cấu tạo theo quy luật, một cách hệ thống, một cách máy móc.

1) Liệt kê những vấn đề quan trọng của tình hình chính trị (dĩ nhiên đã có lãnh đạo cho biết cái gì quan trọng từng lúc)

2) Học thuộc những lập trường đúng đắn (quy luật Lịch sử) của lãnh đạo

3) Quy định vai trò: nhân vật điển hình, chính diện, phản diện...

4) Lượm lặt chi tiết ngoài đời, mặc áo cho vai trò

5) Kiến thiết cốt truyện, ráp những mảnh vụn đó lại một cách thật hấp dẫn

6) Gọt chữ, tỉa câu để cho xuôi tai, có vẻ tự nhiên (món này gọi là nghệ thuật!)

Và mong tạo được tác phẩm nghìn thu!

Trong điều kiện "sáng tác " đó, nhà văn thiên tài cũng không thể biến bài giảng đạo kia thành tiểu thuyết. Nhưng nhà văn thiên tài chẳng dại gì chui vào thế giới ấy. Hoặc, khi bắt buộc phải chui vào, sẽ làm nó nổ tung.

Trong thế giới ấy, còn gì cho người cầm bút? Một chút thủ thuật gọi là tay nghề, mài đi dũa lại cũng không tiết **ra hồn** được. Giỏi lắm cũng chỉ sản sinh "văn " thực dụng.

Kỹ thuật dựng truyện cứu vãn được gì chăng?

Thì ra khi đã có một cốt truyện quan trọng, với những chi tiết tuyệt vời, lời văn tự nó đến, đến thật mềm mại, thật uyển chuyển và trong trẻo như không có tí văn học nào.

Viết được một câu chuyện hay, chinh phục được lòng người thì người viết lại có cả cái quyền đôi lúc được giỡn mặt bạn đọc tí chút. Là nhà văn có tài nghĩ cũng sướng thật, viết như đùa, triết lý như đùa, nhân vật như đùa mà vẫn quyến rũ biết bao.

Cũng vì thế ba truyện của Nguyễn Khải *(Xung Đột, Thời Gian Của Người, Gặp Gỡ Cuối Năm)* đều là truyện trinh thám hay mang ít nhiều tính chất trinh thám, đều có vai chính gián điệp hay công an.

Gặp Gỡ Cuối Năm xây dựng như truyện trinh thám. Nhân vật chính là một anh gián điệp. Mánh lới nghề nghiệp được sử dụng ở đây là mánh lới của truyện trinh thám: cố tạo **suspense** để giữ sự chú ý của người đọc, tới trang cuối mới lộ. Truyện mở màn với một hứa hẹn ly kỳ rùng rợn: đúng giao thừa chị Hoàng sẽ công bố một chuyện nẩy lửa. Trong khi chờ đợi, mỗi nhân vật kể một vài sự kiện về chính trị, về kinh tế, về đời sống cán bộ, công nhân, viên chức... để tác giả có dịp giảng kinh. Chất men chắp nối những tình tiết lủn mủn đó là đôi mắt thần của một anh gián điệp thần: quen hết thẩy lãnh tụ, tướng tá của tất cả các chính quyền cũ, thân với tất cả các quan thầy và mật thám Mỹ thời chiến tranh, gặp hết thẩy những tay "ba Tàu " mại bản, dự tất cả các buổi họp bí mật cần thiết để biết mọi sự việc đã xẩy ra, đang xẩy ra và tiên đoán mọi việc sẽ xẩy ra, với mọi người.

Một thế giới đúng quy luật trăm phần trăm! Ngay thợ viết truyện trinh thám cũng không đến nỗi ngớ ngẩn như vậy.

Khốn nỗi, trên trần gian này, không có cốt truyện nào tự nó quan trọng, không có chi tiết nào tự nó tuyệt vời. Cốt truyện trở thành quan trọng, chi tiết trở nên tuyệt vời khi người đọc cho nó tầm quan trọng, thấy nó tuyệt vời. Điều này chỉ có thể xẩy ra khi tác giả tôn trọng người đọc, coi nó là người, có buồn, có vui, có lúc sáng suốt, có lúc mê muội, có khi trong sáng, có khi vẩn đục, có lúc cao thượng, có lúc đê hèn, và - quan trọng hơn cả - có tương lai, có tự do lựa chọn, có trách nhiệm của con người, không máy móc nào, dù là Lịch sử, giật dây.

Trong tình huống đó, có thể giỡn mặt nhau chút ít. Đó là cái nháy mắt cảm thông giữa hai con người tự do và tôn trọng nhau: hay lắm nhưng cũng chỉ là hư cấu, và vì thế, là thế giới người trăm phần trăm, không có quy luật nào làm nó hấp dẫn, chỉ có ta với ta, người với người.

Sâu bọ dĩ nhiên không đọc sách. Còn đối với những con rối bị giật dây bởi một Quy luật Lịch sử lơ mơ tới mức đôi mắt trần tục không thể thấy rõ, phải mượn mắt thần mới đoán được (và đã không ít lần đoán sai!), thì không có gì quan trọng hết, không có gì tuyệt diệu cả: mọi chuyện trên đời, mọi giá trị đều đã an bài, đã quyết định ở nơi khác. Tuyệt đối trung thành với lãnh đạo hay thất tha thất thểu cuốn theo chiều gió cũng vậy: một giấc mơ không có chủ, một ảo ảnh trong bóng thời gian, một cuộc sống không gì bằng yên ngủ!

Tiếc thay, trong khoa học hiện nay, chưa ai phát hiện được cái quy luật tự động biến cốt truyện thành văn, làm *lời văn tự nó đến*.

Cốt truyện chỉ là xương của truyện. Phần hồn của truyện nở qua nhân vật. Nó đã thiếu nhân tính, lâu đài ảo kia sụp đổ ngay. Những sự kiện phức tạp, những tình tiết éo le, những bí mật rùng rợn đều trở thành trơ trẽn. Làm sao quyến rũ được người đọc khi, hạ bút, tước đoạt ngay nhân cách của con người, của nhân vật! Hậu quả hiển nhiên là:

nhân vật	= con rối
tương lai	= định mệnh
hành động	= máy móc
lời nói	= kinh kệ
lời bình	= giảng kinh

Như đã thấy, trong *Gặp Gỡ Cuối Năm*, tương lai đã an bài. *Trong cái giòng chẩy ồ ạt, vĩnh viễn của Lịch Sử* những nhân vật hoặc *thuộc về sức đẩy*, hoặc *thuộc về sức cản*, thế thôi. Mỗi nhân vật là một động vật có bản chất bẩm sinh, có thuộc tính khách quan của nó, không gì thay đổi được. Điều đó, dĩ nhiên, thấm vào ngòi bút.

Đây là loài sâu bọ:

con trai lớn đi cải tạo, con trai nhỏ ngồi tù, con dâu thất nghiệp... cái đống xương thịt hư mục, đổ nát... thứ dân thường có phập phồng lo sợ chút ít... là những anh trí thức trùm chăn. Hèn cả, vẫn là những anh hèn... là kẻ thất bại, làm bộ trưởng thất bại, làm nghị sĩ thất bại, làm người yêu nước cũng thất bại.

Đỉnh cao của sự phát triển của loài nay chỉ có thể là:

lấy vợ người Pháp, nhưng không nhập quốc tịch Pháp, biết ân hận, biết xấu

hổ vì đã vắng mặt trong những năm tháng đầy gian truân của dân tộc

Tại sao? Tại:

Người hèn **vốn đã** *hèn, mỗi thay đổi lại mỗi hèn hơn một chút*

và tuy có thể tham gia kháng chiến:

Nhưng cái nửa sau xem ra không được **hồn nhiên** *như cái nửa đầu, có vẻ mệt, có vẻ chán, có vẻ thất vọng vì cái hôm nay không giống mấy những mơ mộng của hôm qua.*

Định mệnh chúng đã vĩnh viễn quy định, không sao thay đổi:

một con số không méo mó khi tính lại những hoạt động vô ích của gần một đời người .

Họ đã không là đồng loại của ta thì hơi đâu tốn:

sự rộng lượng với những người **mãi mãi không thể giống** *cậu.* (thế thì khái niệm cải tạo thật vô lý!)

Và con người được làm người:

vì **trời đã cho** *anh cái tính chất phác, giản dị, tự nhiên.*

hoặc vì:

Tin *rằng cuộc đời dẫu thế nào vẫn cứ là tốt đẹp. Cách mạng dẫu có chuyện gì cũng vẫn là phát triển, tiến bộ.* **Thế là đủ,** *đã rất đủ để làm việc, để vui chơi, để an nghỉ.*

Ra thế! Cũng cần có niềm tin mới **thuộc về sức đẩy!** Nhưng có lẽ niềm tin này cũng là của trời phú!

Nó là người vì nó **là** Lịch Sử, do đó, muốn sao được vậy:

Chuyện của hôm nay **dẫu buồn** *đến đâu, dẫu bực đến đâu* **vẫn cứ vui**, *vì nó là máu thịt của hôm nay, của giờ này, nó* **tươi rói, nó đỏ hồng.**

Cái Lịch sử **tự nó** tốt đẹp, tiến bộ, vui, tươi rói, đỏ hồng kia làm gì có chuyện buồn bực, và cũng chẳng có máu thịt (!) của hôm nay, của giờ này. Mài câu, dũa chữ đến thế mà cũng chỉ thành văn sáo! Tiếc thật!

Những con rối do Lịch sử giật dây này làm sao có thể có tiếng nói của con người? Chỉ có thể gắn cho nó một cái loa để Lịch sử nhạt nhẽo giảng đạo:

Đã là người làm thuê thì không thể là bậc trí giả, là người của phú quý thì không thể là người của đạo lý. (Trong thế giới tư bản, chưa có nhà văn nào khinh miệt Marx và Engels như vậy!)

Bị đồng tiền cám dỗ thì mất hết bác ạ, mất lý tưởng, mất niềm tin, mất cả bạn bè, sẽ sống với tâm địa ích kỷ, tàn độc như dưới chế độ tư bản.

Vâng, nhất định sẽ phải là như thế, với sự kinh doanh mờ ám ấy anh sẽ thành một nhà tư bản thực thụ với tâm lý tư bản, thủ đoạn tư bản, và những niềm vui cũng rất tư bản.

Hay gượng gạo triết lý:

Chúng ta tính toán có khác nhau. Anh là người làm công cho một xí nghiệp, còn tôi là người chủ của một xí nghiệp.

Cái tinh thần tập thể ấy chỉ khuyến khích kẻ bất tài, kẻ lười biếng, kẻ nhút nhát, và cả những thằng ăn cắp nữa.

Điều lý thú duy nhất, và bất ngờ, khi đọc những tràng "áđối thoại " vô

duyên kia lại là đột nhiên phát hiện nhân tính trong loài sâu bọ:

Đợi ở các anh một lời hứa hẹn, một chút ve vuốt rồi mới định được cái thái độ sắp tới nghĩ cũng kỳ (khả năng thấy mình hèn. **La honte est un sentiment révolutionnaire** *[Nhục là một tình cảm cách mạng*. Karl Marx])

Đừng nghĩ tôi là phản động nhá, bộ máy hành chính của các cậu còn kém lắm, còn chậm chạp lắm. (Khả năng hiểu tâm hồn người khác. **L'homme est l'ensemble de ses rapports sociaux.** *[Con người là toàn bộ những quan hệ xã hội của nó.* Karl Marx])

Ngòi bút đã bất lực, người viết chắc cũng thừa thấy, nên đến lúc ngán ngẩm quá lại trắng trợn tỏ tình:

tôi đâu có ngán cái chết nếu cái chết của tôi có thể lưu lại một chút âu yếm trong đáy lòng dăm ba người bạn.

Trong sa mạc tự nhiên kia, tỏ tình với ai nhỉ?

Đọc *Gặp Gỡ Cuối Năm*, muốn ghét, muốn khinh nhân vật phản diện cũng không ghét, không khinh nổi; muốn yêu, muốn quý nhân vật chính diện cũng không yêu không quý nổi. Đó không phải là những con người, chỉ là một mớ rối cho tác giả tiêu khiển, vui vui, tròn bổn phận với Lịch sử và... cấp trên.

Không phải tình cờ mà tác giả lãnh đủ lời khen đanh thép trích ngay từ truyện *Thời Gian Của Người*:

Danh giá của một cán bộ là được cấp trên và bè bạn tin yêu. Đã đánh mất danh giá thì sống cũng bằng thừa, nếu chết cũng chẳng phải tiếc. [Ngô văn Phú, Nhân Dân 11-8-1985].

Chỉ có bấy nhiêu! Hỡi ơi danh giá con người! Hỡi ơi thân phận nhà văn! Hỡi ơi hạt cát của Lịch sử!

Khi đã đánh đổi cặp mắt người của mình lấy đôi mắt thần của cấp trên thì có thể là nhà văn trong lý lịch, thậm chí có tiếng, có địa vị, nhưng không thể sáng tác nghệ thuật!

Một khi đã tự nhốt mình trong thế giới phi nhân tính kia, chỉ còn phép lạ mới biến được lời nói thành văn:

Ngòi bút cứ lia trên trang giấy với bao ý tưởng, hình tượng lạ lùng, như không còn thuộc về mình, mình đâu có những cái đó, mà thuộc về một thế giới kỳ ảo, trong phút chốc. Cái phút đó người trong nghề gọi là phút **nhập thần**, *phút* **nhập đồng.**

Và hy vọng duy nhất để thành công ấp ủ trong khát vọng may rủi tìm được một cốt truyện:

Không phải là một chuyện nhạt nữa rồi, một chuyện có cái tầm vóc riêng của nó, cái huyền bí riêng của nó.

Đầu óc "duy vật " kia đã biện chứng đột ngột thành đầu óc sùng bái. Nhưng trong đời làm gì có phép lạ vớt vát nổi sự què quặt vô phương cứu chữa này. Đổi "mới " bút pháp bao nhiêu cũng chịu.

Giả dụ Lịch sử không có thực, giả dụ Engels có lý khi viết:

Les hommes font leur histoire, **quelque tournure qu'elle prenne**, *en poursuivant chacun leurs fins propres, consciemment voulues, et c'est précisément*

la résultante de ces nombreuses volontés agissant dans des directions différentes et de leurs répercussions variées sur le monde extérieur qui constituent l'histoire. Ce qui importe donc également ici, c'est ce que veulent les nombreux **individus**. *[Con người làm nên lịch sử, bất kể hình dạng của nó, khi đeo đuổi mục đích riêng của mình, một cách ý thức hay vô ý thức, và chính kết quả tổng hợp của những ý chí cá biệt trong những hướng khác nhau ấy và những ảnh hưởng phong phú của chúng vào thế giới hiện thực cấu tạo lịch sử. Do đó, điều quan trọng trong vấn đề này cũng là sở nguyện của đông đảo những* **con người cá thể**. *Engels, sđd: Ludwif Feuerbach et la fin de la philosophie allemande. Ludwig Feuerbach và sự kết thúc của nền triết học Đức. TĐ nhấn mạnh]*

Thì giấc mộng nghệ thuật kia còn gì?

Có lòng nhân chưa chắc đã viết được văn hay *(on ne fait pas de la bonne littérature avec de bons sentiments [không phải tốt bụng mà viết được thành văn]),* nhưng tôi chưa từng thấy có nhà văn nào không có lòng nhân mà có tài văn chương.

Đọc xong *Gặp Gỡ Cuối Năm*, thấy bút pháp của tác giả vững vàng, khéo léo, không thể có được nếu không có một sự say mê nào đó đối với văn chương, tôi hơi ngờ ngợ. Viết theo đơn đặt hàng, cho qua? Tôi chịu khó tìm đọc một tiểu thuyết rất xưa, *Xung Đột* và một tiểu thuyết mới, *Thời Gian Của Người*. Cũng vậy. Cũng những bài kinh kệ. Cũng những anh công an, gián điệp thần v.v. Cứ như thiếu chất keo ấy không thể thành cốt truyện. Kỹ thuật dựng truyện có khá hơn. Trong *Xung Đột,* cả cốt truyện xoay quanh một anh chàng giả vờ chết giữa đám đông suốt cả tuần mà không ai phát hiện được! Kỹ thuật sắp câu, mài chữ, tiến bộ nhiều, khác hẳn xưa, câu văn ngắn gọn, lưu loát, gần hồn nhiên. Nhưng vẫn **vô tình, như mọi kỹ thuật**!

Thế là thế nào?

Tôi hình dung một con người ngồi trước một trang giấy trắng, một ngày nào đó ở Việt Nam năm 1984-85. Viết về cái gì, có thể rõ. Nhưng viết thế nào? Đó là nỗi đau cào ruột, là sự thấp thỏm, lo sợ, là niềm tin. Đó là sáng tác, là hồn người đọng vào ngòi bút. 1985: Hai cuộc kháng chiến vừa chấm dứt, Tổ Quốc vừa thống nhất. Một cuộc chiến tranh khác đã nổ, đang tiếp diễn. Khủng hoảng niềm tin, khủng hoảng kinh tế, xã hội đã rõ ràng. Không thể tiếp tục như vậy, phải... Quá khứ kia không thể phủ nhận sạch. Không những nó là đời mình, nó đã là lương tâm của một thời đại. Hiện tại này không thể chấp nhận mãi. Tương lai kia không ai, không lực lượng nào đảm bảo được, ngoài lực lượng đã làm nên lịch sử hôm nay. Lực lượng đó lại chưa có chính sách đổi mới. Phải đổi mới, nhưng không biết đổi cái gì và tạo cái mới nào. Đó là câu hỏi của thời đại, là bi kịch của con người hôm nay, là nỗi đau của nhà văn.

Lao vào câu hỏi đó, vắt tim, vắt óc để từ chối và đề nghị, là chấp nhận nguy hiểm, chấp nhận trả giá cho sai lầm hoặc thất bại. Tình đó, sự dũng cảm đó, ở Việt Nam có một cái tên: Dương Thu Hương. Vì vậy, văn Dương Thu Hương không mới lạ, độc đáo, vẫn làm lòng người xôn xao.

Cảm nhận câu hỏi đó và dừng lại ở đó: vỏ mới, hàng cũ, văn của *Gặp Gỡ Cuối Năm* và *Thời Gian Của Người*. Nhiều lắm được vài lời khen chung chung loại: viết khỏe, tích cực, sâu sắc, ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết, hiện đại v.v. Nhưng thực sự chẳng ai muốn bàn tới. Thật bất công đối với nhà văn. Dù sao, đổi bút pháp như vậy cũng thể hiện một sự khao khát đổi mới. Hình thức đổi mới không ăn khớp với nội dung không đổi mới ấy, dĩ nhiên, giống một loại thời trang. Nhưng, cũng như mọi thời trang, nó thể hiện một nhu cầu của con người. Trong nghĩa đó, Nguyễn Khải là một nhà văn đổi mới đầu tiên ở Việt Nam, trước khi chính sách đổi mới ra đời. Đừng quá trách sự khao khát ấy, sự đổi mới ấy nửa mùa. Cuộc đời ta nào thiếu những cuộc vùng dậy nửa mùa. Chính tính chất nửa mùa ấy phù hợp với nhiều độc giả. Tôi vừa thích vừa không ưa sự đổi mới ấy trong văn Nguyễn Khải vì vậy. Tới ngày nào ta mới chấp nhận sống là lột xác từng ngày, từng giờ, văn là lột xác từng câu, từng chữ?

Nhưng làm nhà văn kể cũng sướng thật. "Nghề " đặc biệt này có mặt huyền diệu của nó. Nó không ngừng lôi cổ người hành nghề vượt qua mọi giới hạn tư tưởng, mọi hẹp hòi, vươn lên nhân cách của mình.

Vì nghề này sử dụng một vật liệu đặc biệt, có một không hai trên đời, ngôn ngữ.

Một tiếng nói tự nó chỉ là một tiếng động trong muôn nghìn tiếng động, một chữ viết tự nó chỉ là một dấu mực lem nhem, không có nghĩa lý gì.

Nó bắt đầu có ý nghĩa khi con người lồng ý thức và tâm hồn mình vào nó, mang lại nhân tính cho nó: nó trở thành vật liệu của tác phẩm. Giây phút đó là giây phút con người nhập cuộc một cách toàn diện vào nhân giới: tiếng nói một mặt là quan hệ giữa người với người từ nghìn xưa truyền lại, mặt khác là sự tái tạo nhân giới qua con người hiện tại. Người đầu tiên phải nhập cuộc chính là nhà văn. Càng muốn vật liệu hoàn hảo bao nhiêu càng phải cho mượn nhân cách của mình bấy nhiêu. Giây phút say sưa, nhập "thần " là những giây phút yêu thật, ghét thật, xót xa thật, hận thù thật, hết mình, chẳng cần kêu trời, gọi đất, lôi Lịch sử ra biện bạch.

Đọc kỹ ba truyện, cuối cùng, tôi cũng bắt gặp một đoạn văn đẹp, ra hồn văn:

Nghe mẹ cháu kể, khi được tin chú ba hy sinh tại tân sơn nhứt năm 1968, bà vào nhà thờ, quỳ một đêm dưới chân tượng Chúa, rồi trỏ vào Chúa mà nói với cha xứ: "Con tôi đó! Con tôi chính là giêsu! ". Bà đã khùng, nhưng ông cha sứ còn khùng hơn, ông liền quỳ xuống, cầm lấy hai tay bà thưa rằng: "Tôi đã rõ, hai con bà chính là Con Của Người... " [Thời Gian Của Người]

Thì ra không cần *có một cốt truyện quan trọng, với những chi tiết tuyệt vời mà lời văn tự nó đến, đến thật mềm mại, thật uyển chuyển và trong trẻo như không có tí văn học nào* là như vậy!

Tôi vẫn tưởng người Cộng Sản không tin có Thượng Đế hay Định Mệnh, không tin có một thứ bản chất bẩm sinh bất di bất dịch của con người, mà khẳng định con người là sản phẩm của chính nó, đáng lẽ dễ thành nhà văn

hay, thế mà...

Với kỹ thuật viết, với bản năng tín đồ "bẩm sinh" của mình, Nguyễn Khải có thể trở thành một nhà văn tôn giáo hay. Bản năng đó cũng là nhân tính, cũng có thể dẫn tới nhân tình.

Nhưng không thể trở thành một nhà văn Cộng Sản!

TRẦN ĐẠO



THẾ DŨNG

bạch lộ

Gởi em Chi...

Khỏa thân bơi và bay trong ghềnh thác bản ngã
Mưa Ngâu đôi khi cũng làm ta chết đuối giữa đời

Từ đạo đắm đuối trong nhau
Đời ta bỗng trầm tán, tụ
Thần-Kinh-Tinh-Khí giao tình
Gọi nhau hết hồn Hoa-Nụ!

Xõa tóc phong sương bạch lộ!
Cho nhau viên mãn muộn màn,
Cho nhau dở dang trọn vẹn,
Nhịp Đất - phách Trời - tàn nhang...

Hồn đau vỡ trong đá vàng
Nổi trôi Hằng hà sa khát...
Mặc kệ Thủy, Hỏa, Đạo, Tặc?!
Cứ Yêu, cứ Khóc, cứ Hát!

THẾ DŨNG

HOÀNG XUÂN SƠN

sống, ở đây

Buổi sáng lên đường thơ khởi xướng
ca ngâm bàng bạc nét chân mày
sông núi bay đầy khắp chữ nghĩa
ý về thiêm thiếp một bàn tay

Đừng nhé, đừng theo NGƯƠI vô cảm
cứ gió trăng vào có hề chi
nhỡ mai trăng chết tan hình nguyệt
gió trần thân chất chứa nổi gì

Hãy cứ vai hồng nương gót ngọc
cứ phất phơ tà áo xanh xưa
và cứ nỗi buồn trong mắt đẹp
e ấp còn với buổi thẹn thùa

Buổi sáng lăn tròn theo trái đất
thơ vuông như miếng bánh ngậm đầy
và môi hôn cũ tràn dư vị
sống rất thường, sống-ở-nơi-đây.

lại thơ mùa đông

Đông, hè
quất điếng ngọn roi
nhớ khúc hành mã
tuyết ơi!
tuyết à!
giọng chì giọng thiết
ê
a
ngóng ra đường cụt
khói là đà
sương
ngó vô lủ khủ
chăn, giường

ra còn hừng mộng
dưới tường hoa. ngây
bạn hề,
giục tuổi lên mây
một năm một tháng
một ngày
du
di
HOÀNG XUÂN SƠN



NGUYỄN QUANG THIỀU

ám ảnh

Tấm mạng nhện giăng nơi cửa sổ phòng tôi
không có mưu mô độc ác gì
Mỏng như hơi thở con tôi phả vào mặt kính
Nó dịu dàng đỡ những giọt sương đêm
Như tấm võng của bà mẹ đỡ đứa con
Ru êm ái trong ban mai màu ngọc

Nhưng đời tôi phải chăng đã gặp những lọc lừa
Nên tôi sợ và tôi nghi ngờ
Rằng ý nghĩ tôi sẽ mắc vào tơ nhện
Con nhện già lao ra từ một khe cửa sổ
Vồ lấy ý nghĩ của tôi
Phủ lên đó một lớp nhựa độc màu trắng
Như người ta phết bơ lên lát bánh mỳ
Khi ý nghĩ của tôi tê cứng
Nó sẽ ăn ngon lành
Như kẻ ăn mày ăn lát bánh mỳ phết bơ béo ngậy
Vừa ăn no vừa gãi những cái chân dài lên từng sợi tơ mảnh
Như thằng du côn vừa uống rượu vừa gẩy đàn

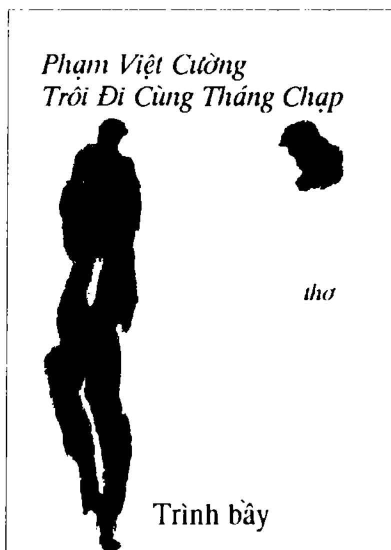
Sự nghi ngờ đã lây lan, sự căn thù đã lây lan
Nhưng mãi mãi tấm mạng nhện kia không có mưu mô độc ác gì
Mỏng như hơi thở của con tôi phả vào mặt kính

NGUYỄN QUANG THIỀU
(Trong nước)



KHẾ IÊM

tình yêu trong thơ phạm việt cường



Có lẽ, với những người cùng trang lứa, thơ Phạm Việt Cường và Đỗ Kh. chuyên chở được nhiều chất thơ và hồn thơ hơn cả. Nếu trong thơ Đỗ Kh., tình yêu bị phủ định tới kỳ cùng, thì trong thơ Phạm Việt Cường, tình yêu lại là một ám ảnh. Bài viết dưới đây không phải là bài điểm sách hay phê bình, mà chỉ là một chút chia xẻ với nhà thơ, qua tác phẩm: Trôi Đi Cùng Tháng Chạp.

Thơ nói thẳng, không quanh co, biện bác, cởi ra cái vỏ ngoài của ngôn ngữ, xắn tay áo lên. Thơ nói tới điều mà mọi người đều biết nhưng không ai nói ra. Hoặc là đã lập lại nhiều lần, nhưng lần nào cũng mới, chừng như chưa ai biết, chưa ai nói. Như nụ hoa mới nở. Nụ hoa đã nở từ muôn đời trước, nhưng luôn luôn mới nở. Thơ đã là bình minh từ khởi điểm.

Tình yêu thực như khi chúng ta sinh ra và khi lìa đời. Đó là khoảng khắc cô đơn chúng ta tìm thấy được chính mình. Tự do là sự thăng hoa của cô đơn và tình yêu, là tiếng vọng về từ muôn kiếp. Tình yêu là rượu ngọt, và là thơ, mãi mãi.

Thơ Việt Nam trong bao năm qua, thường là thơ tình, nhưng chưa hẳn là thơ tình yêu. Thơ mới bay lượn ở bên ngoài, chỉ làm hơi say, chưa làm chết sững hồn người.

Qua thơ Phạm Việt Cường, chúng ta thấy, muốn bắt được hết góc cạnh của tình yêu, phải thay đổi cách diễn đạt. Tình yêu biến thiên, như khí hậu và thời tiết. Ngay cả cách tỏ tình cũng đã khác. Cớ sao chúng ta cứ đi theo

mãi một lối mòn?

Ở thơ ông, nỗi đau có thể nhìn thấy, chạm tới được, thực đến nỗi không có gì có thể thực hơn. Tình yêu không có khởi đầu, chỉ có đổ vỡ và ly tán, ngấm ngầm như dòng nước miên man chảy. Thơ thoát ra khỏi những ràng buộc của ý và lời. Kỹ thuật nhập vào nội dung, không còn thấy kỹ thuật, mặc dù kỹ thuật là chủ yếu trong thơ ông. Và vì thế, thơ ngọt như một giấc mơ.

ngỡ một đêm rất quen
mở vào mùa vĩnh viễn
ngọt ngào tim
trăng chìm đêm trở lại
gió dĩ vãng thổi đầy trời /
mưa
những chiếc gai độc - từ môi xưa
đâm lút vào nỗi nhớ
(Hóa Thạch, tr. 8)

vẫn ôm đàn hát rong
bên khung cửa đời đã khép
lời trắng mây và xanh sông mải miết
mười mấy năm còn lạc
nhịp /
đời
(Hóa Thạch, tr. 9)

Trong Giấy Mời, khẳng định về nơi chốn thơ. Nhà thơ luôn luôn là kẻ phản động, ở mọi thời. Không xã hội nào chấp nhận thơ bởi thơ bứt lìa luật tắc, kêu đòi tự do. Và thơ đối kháng, quay về bên kia cái vô danh, phần tối của đời sống, chốn mờ ảo của thực tại.

ở một nơi tựa tựa như ngã rẽ
ở một thời điểm tựa tựa cuối năm
(Giấy Mời, tr. 12)

Lời Của Đóa Hoa Khô là bài thơ hay. Ở đây, chúng ta nghe thấy được cả bước chân nhẹ nhàng và mong manh của kiếp sống. Tình yêu không bao giờ chết, chỉ tạm bất động để chờ đợi hồi sinh. Ý thơ lạ và sâu sắc.

như xác ướp ai cập
tôi đã trở thành tĩnh vật
thành hằng số
mãi mãi còn - dù không còn hương sắc
trong sự vắng mặt nhau
tôi đã sống đã chết và không bao giờ hư mất
(Lời Của Đóa Hoa Khô, tr. 24)

Trong Gửi Một Người Phụ Nữ Nào Đó, tình yêu vừa là sự tái tạo và hủy hoại, vừa là hy vọng và thất vọng. Tình yêu là sự cô đơn tuyệt cùng và cũng là những khao khát cảm thông. Cũng như thơ, tình yêu thoát ra khỏi thế giới chúng ta bị ném vào và kiến tạo một thế giới khác. Cái thế giới xa xôi đó, không còn một mảy may phân biệt, và cũng đầy rẫy những âm vang nồng cháy của hiện thực.

Bài thơ run lên những cảm xúc, đưa chúng ta đến bên bờ vực thẳm. Đó chính là lúc chúng ta được sống, được tự do, và bắt được khoảng khắc hiếm hoi của vĩnh cửu.

Nhà thơ đã nhìn thấy, như thử thời gian bị cô lại, nụ cười và mắt lệ, cuồng nhiệt và nát tan, cả cái chết và *sự dịu dàng của lòng tuyệt vọng*. Tình yêu kết thúc và lại bắt đầu, *bình thản* và *dửng dưng*. Nhưng thực ra, tình yêu đã chấm dứt từ khi mới khởi sinh, hay nói khác, không có bắt đầu và chẳng bao giờ kết thúc.

sẽ khám phá trở lại
nỗi buồn thảm của thế giới con người
nếm trải lần nữa men đắng cay của niềm khao khát
và lắng nghe lần nữa lời thầm thì của tuổi thơ u uất
ở bên này con dốc đìu hiu
ở bên này mùa thu đời sống
có lẽ chúng ta chỉ còn có thể dâng hiến cho nhau
sự dịu dàng của lòng tuyệt vọng
(Gửi Một Người Phụ Nữ Nào Đó, tr. 56)

Điểm nổi bật trong thơ Phạm Việt Cường vẫn là kỹ thuật. Kỹ thuật là lớp áo của thơ, mỗi ngôn ngữ đòi hỏi một kỹ thuật riêng. Cũng như ý và lời, kỹ thuật phải tan biến đi để thơ bay lên. Những cách rải chữ, bẻ chữ, ngắt hàng ở một vài người làm thơ là sự giả tạo, cầu kỳ mang tính lập dị, thì ở Phạm Việt Cường, ông đã áp dụng thành công và rất tự nhiên trong thơ Việt. Kỹ thuật có tác dụng làm mạnh cảm xúc nơi người đọc và cũng có khả năng phá hỏng thơ.

ngồi im
trong bóng tối nỗi đau
những điếu thuốc
nối tiếp nhau
rực đỏ
xanh khói vào khung cửa sổ sớm mai
(Đêm Dài, tr. 28)

ai
gõ mãi cửa hồn anh
khi mùa xuân tàn trên phố cũ
khôn nguôi tiếng gió

níu
đêm xanh
(Hỏi, tr. 32)
như những cánh hoa đêm
ngoài vườn gió
anh run rẩy
với mùi hương lạ
thoáng trong mơ
(Mộng, tr. 33)
Bởi những vì sao kia là nước mắt muôn đời khao khát
nên lệ nhớ
đã
đầm đìa môi hôn đau
đã hun hút
những dặm đường
mưa gió
(Tháng Mười Một Đêm Nào, tr. 47)

Đạt được sự nhuần nhuyễn của kỹ thuật như vậy không phải là dễ. Phải có một tâm hồn nhạy cảm và tinh tế lắm.

Đặc điểm khác của thơ ông là chữ và câu giắt dây với nhau, không rời, không dứt. Thơ ông có nhiều bóng đêm. Ý, lời, nội dung và hình thức nhập thành dòng sông đêm, đi đâu, về đâu, không biết. Thơ đầy ắp đời sống và bật ra tự nhiên, hồn nhiên như khi sinh ra và thản nhiên khi lìa đời. Đó là thơ.

Trong số người làm thơ muốn đổi mới kỹ thuật sáng tác, Phạm Việt Cường là người đã thành công. Tập thơ là chứng cứ, làm thay đổi cái nhìn của người đọc và mang đến cho chúng ta một tấm lòng, rất chân tình với thơ.

Trên đây chỉ là vài điểm sơ lược. Tập thơ còn cần phải phát hiện nhiều hơn những giá trị, đóng góp vào sự bồi đắp có tính cách nền tảng cho thơ Việt trong giai đoạn chuyển đổi. Có lẽ, đó cũng là một niềm tin mới, nhà thơ muốn gửi đến cho chúng ta.

KHẾ IÊM



ĐOÀN CẦM THI

về nhân vật phương, người phụ nữ hà nội và chủ đề văn học trong "nỗi buồn chiến tranh"* của bảo ninh

"... Em vẫn đạp xe ra phố
Anh vẫn tìm âm thanh mới..."
Nhớ Hà Nội - Hoàng Hiệp.

*



Trong tiểu thuyết của Bảo Ninh, bên cạnh nhân vật Kiên, nhà văn, nổi bật lên hai khuôn mặt nữ, Phương và người đàn bà câm. Cả hai đều giữ vai trò quan trọng trong thế giới tình cảm của Kiên và trong sự nghiệp văn chương của anh. Và kỳ lạ thay, cả hai cùng người Hà Nội. Trong khuôn khổ bài viết này, tôi đề nghị một cách đọc mới cho tiểu thuyết *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, bằng cách tìm hiểu mối quan hệ giữa Hà Nội - Phụ nữ - Văn học.

Nỗi Buồn Chiến Tranh tràn ngập "những khuôn mặt đàn bà mến thương". Bảo Ninh, thật vậy, là một trong những nhà văn dành cho phụ nữ một vị trí trang trọng trong tác phẩm của mình. Từ Hơ-bia, Mây, Thơm, ba người con gái trong căn nhà nhỏ giữa rừng khơi dậy tình yêu của toàn tiểu đội, đến Hòa, gốc Hải Hậu, "con gái miền biển làm giao liên đường rừng", hy sinh năm 1968. Từ Hiền, cô gái phế binh, quê Nam Định, Chợ Rồng, Kiên gặp trong chuyến tàu ngày trở về, đến Lan, người góa phụ trẻ của Đồi Mơ. Tất cả đều dịu dàng, như tên gọi của mình, "Hiền", "Hòa", đều đau thương, đều dũng cảm và đáng mến. Nhưng có lẽ nhân vật nữ đẹp nhất trong *Nỗi Buồn Chiến*

Tranh vẫn là Phương, người con gái Hà Nội. Hà Nội, bởi thành phố của tuổi thơ, của tình yêu tuổi 17 không thể tồn tại mà không có Phương. Hình ảnh của Phương gắn liền với mọi kỷ niệm về Hà Nội. Kỷ niệm lần đầu đi tàu điện ra ngoại ô thành phố, trong một toa tàu bỏ không, "*Hai cánh tay trần của cô bé quàng lên cổ thằng bạn trai cùng tuổi mười ba, và tới tấp cô hôn lên má,...*" (tr. 179). Kỷ niệm buổi chiều mùa hạ 1965, sau sân trường Bưởi, "*Hai đứa bơi sóng đôi mỗi lúc một xa bờ...*" (tr. 129). Phương, đối với Kiên, vừa là bạn, vừa là người yêu, nhưng cũng là người mẹ. Mẹ, trong cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Vì Kiên, không những mất mẹ từ sớm, mà còn không yêu thương gì người phụ nữ đã sinh ra mình, "*về mẹ thì anh càng biết ít hơn*", "*bóng hình của mẹ chỉ còn sơ sài ở vài tấm ảnh*" (tr. 60), đã tìm thấy trong Phương một cái gì đó tương tự như tình mẫu tử. Phương và Kiên, Mẹ và Con, Đoạn tả Phương và Kiên bên Hồ Tây của tuổi 17 mang đậm thứ tình cảm này, "*Kiên gối đầu lên tay cô, áp chặt mình vào cô. Như một cậu bé con (...) Cô như một người chị, một người mẹ trẻ, cô lùa tay vào tóc anh vuốt ve nhè nhẹ và thì thầm kể chuyện về người cha của anh (...) Kiên không nhận thấy là miệng mình đã ngậm chặt đầu vú của Phương còn thành thạo hơn một chú bé con. Anh mút nhè nhẹ thoạt tiên là như thế, như thuở mới ra đời người ta bú.*" (tr. 152).

Nhưng rất nhanh, nhạt dần tất cả những đức tính mang Phương lại gần hình ảnh quen thuộc của người phụ nữ Việt Nam trong văn học, nhường chỗ cho một Phương hoàn toàn khác. Như là một lời từ chối. Từ chối làm người đàn bà truyền thống, nhút nhát, rụt rè, cam chịu. Phương của *Nỗi Buồn Chiến Tranh* yêu và bày tỏ tình yêu của mình. Phương, như Hà Nội của Kiên, chỉ đẹp vào buổi đêm. Khi Phương xuất hiện lần đầu tiên trong tiểu thuyết, đó là một cảnh đêm khuya. Kiên trở về sau bao năm chiến tranh, "*căn nhà tối sầm... Một phụ nữ bận chiếc áo ngủ sáng màu*" (tr. 85). Các cô gái Hà Nội của *Nỗi Buồn Chiến Tranh* có một vẻ đẹp riêng. Cả Phương và Hạnh, đều có "*dáng đi mềm mại dung đưa toàn thân*". Một vẻ đẹp đánh thức tình yêu. Một vẻ đẹp đồng nghĩa với tình yêu. Từ chối làm người phụ nữ hiện đại, những gương mặt "điển hình", nhan nhản không những trong *Nỗi Buồn Chiến Tranh* mà còn trong văn học đương thời, người phụ nữ "dịu dàng, trung hậu, đảm đang". Phương từ chối làm người "đàn bà đoan trang, mẫu mực", mà như một cái bẫy người ta chăng ra để chờ cô. Ông Huỳnh người hàng xóm lái xe điện chẳng mơ rằng Phương trở thành con dâu ông đó sao? Phương không thủy chung chờ Kiên về hay sẵn sàng làm vợ Kiên sau chiến tranh. Phương từ chối trở thành người người con gái "đẹp người đẹp nết", như người ta trông đợi, "*cô gái của ông, chẳng những đẹp người và tính nết lại rất dễ thương...*" (tr. 274), lời một người lính nói với Kiên như thế về Phương sau 7 năm gặp gỡ. Phương từ chối theo hai con đường duy nhất mở ra lúc đó cho các cô thanh nữ đương thời, vào đại học hay đi thanh niên xung phong (như Hạnh, cô hàng xóm). Phương từ chối trở thành "*một dạng thánh nhân*", "*một thiên tài âm nhạc*" như mẹ cô tiên đoán.

Phương chối từ, Phương phản kháng. Nhưng phải chăng cái chất phản kháng không là điểm độc đáo nhất trong nhân vật nữ này của Bảo Ninh?

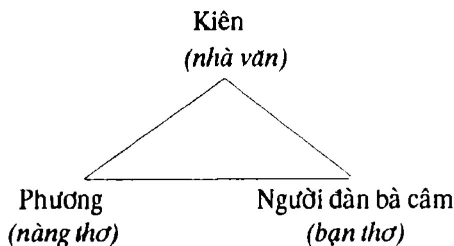
Người đọc luôn ngạc nhiên trước sự bướng bỉnh của Phương. Trong khi cả sân trường Bưởi nô nức bởi cuộc chiến tranh mới bắt đầu, phản ứng đầu tiên của Phương là "Kệ". Trong khi Kiên còn đang sững sờ trước những gì đã xảy ra chờ cô trong chuyến tàu đêm 1965, Phương "*đàng hoàng thản nhiên*". Phương bướng bỉnh không những trong cá tính, mà còn trong cách nhìn cuộc sống. Cái bướng bỉnh đó, theo tôi, là dấu hiệu của một tính độc lập, hơn nữa của sự sáng suốt. Thật thế, Phương luôn tỏ ra vô cùng sáng suốt trong cách nhìn nhận về chiến tranh và nghệ thuật. Nhưng có lẽ chúng ta cũng không được quên rằng Phương là cô gái không cha (cha cô mất từ khi cô còn nhỏ) và cái yếu đuối của mẹ, sự tôn thờ của bà dành cho cô, chỉ càng làm tăng tính độc lập của Phương mà thôi. Chẳng phải chính Phương đã báo trước Kiên, chàng trai mười bảy tuổi đang say mê cuộc chiến tranh đến "*đứng ngồi không yên*": "*Em nhìn thấy tương lai. Đây là sự đổ nát, sự thiêu hủy*" (tr. 149)? Chẳng phải chính Phương là người gần gũi duy nhất với cha Kiên, ông họa sĩ già bị vợ con ruồng bỏ, cơ quan kỷ luật vì không muốn nghệ thuật của mình trở thành một thứ nô lệ cho "lập trường giai cấp"? Có lẽ Phương không hoàn toàn hiểu hết tranh ông, nhưng cô hiểu nghệ thuật của ông, yêu ông, và nhất là đồng lõa với ông. Trong đêm trước khi ông qua đời, chính Phương là người làm chứng duy nhất cho cảnh người họa sĩ tự đốt những bức tranh của mình, một "*nghi lễ cuồng tín, man rợ, dấy loạn*". Nhưng phải chăng chúng ta không nên hiểu sự đồng lõa này của Phương như một thái độ thụ động, bi quan và tiêu cực đối với nghệ thuật?

Vì vậy tôi đề cập ở đây một nhân vật nữ khác của *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, ít được miêu tả bằng Phương, nhưng, theo tôi, giữ một vai trò không kém phần quan trọng trong tác phẩm, đó là nhân vật người phụ nữ câm. Phương giống chị ở chỗ cả hai cùng bị cuốn hút bởi nghệ thuật, Phương bởi những bức tranh của cha Kiên "*cô như bị thu mất hồn...*" (tr. 142), chị bởi những câu chuyện của Kiên "*tất cả những lời lẽ rối mù ấy của anh đối với chị mỗi ngày một thêm quyến rũ, như là bùa ngải, như là phép chài ếm...* (tr. 120). Bên cạnh những người phụ nữ không có khả năng nghệ thuật như mẹ Kiên, người đàn bà đảng viên, "*một trí thức mới*", hay ngay cả mẹ Phương, một người nghệ sĩ trong sạch, nhưng rụt rè và yếu đuối, Phương và người phụ nữ tật nguyền này thật tuyệt vời, không những bởi tình yêu của họ đối với nghệ thuật mà còn bởi lòng dũng cảm bảo vệ nó. Nhưng nếu Phương là người nhóm lửa để đốt đi những bức tranh của người họa sĩ, người đàn bà câm, ngược lại, là người ngăn hành động tiêu hủy của Kiên. Hơn nữa, chính chị là người duy nhất nghĩ đến việc cất giữ bản thảo của anh và tạo điều điện cho tác phẩm ra đời.

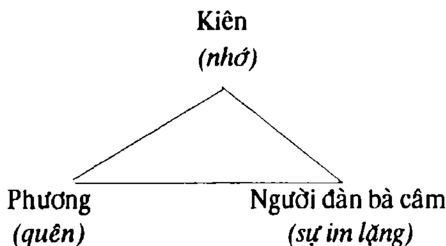
Nếu như chúng ta phải thấy trong hình ảnh Phương nằm trên bờ Hồ Tây kể cho Kiên nghe về cha anh "*giọng Phương đều đều ngái ngủ hệt như giọng*

một người mẹ kể chuyện cổ tích trong màn" (tr. 152), một người đã tạo cho Kiên, nhà văn tương lai, niềm cảm xúc văn học đầu tiên, nếu như đối với Kiên, Phương là một "nàng thơ", "*tất cả những nhân vật nữ mà anh say mê trong sáng tác của mình rút cuộc vẫn chỉ là những giấc mơ về Phương*", cô không bao giờ tồn tại với tư cách là "bạn thơ" của anh. Giữa Phương và Kiên vẫn còn là một khoảng cách. Khoảng cách đó là sự "*tránh hàn huyên về mười năm chiến tranh của nhau*" (tr. 157). Không kể hay không thể kể. Theo tôi, vết nứt trong tình cảm của hai người, chúng ta phải tìm kiếm nó từ rất xa kia, từ trong mối gắn bó đặc biệt giữa Phương và cha Kiên, dẫn đến sự khác nhau trong nhận định về nghệ thuật và cuộc đời giữa cô và Kiên, điều này chúng tôi đã nói đến ở trên. Nhưng có lẽ cũng không nên quên, để giải thích sự chia rẽ này, sự kiện xảy ra trong chuyến tàu tai họa năm 1965, đoàn tàu đưa Phương và Kiên vào cuộc chiến tranh của cả dân tộc, nhưng cũng là cuộc chiến tranh của hai cá nhân. Phương của cái đêm lạc Kiên, bị hiếp và cuối cùng bị Kiên bỏ rơi, nếu không hoàn toàn giải thích, thì cũng báo trước được Phương của ngày trở về. Đó là điểm gạch nối giữa Phương ngây thơ của trước chiến tranh và Phương lạnh lùng của ngày hậu chiến.

Khoảng cách giữa Kiên, nhà văn, và Phương "nàng thơ", kỳ lạ thay lại được lấp đầy bởi người đàn bà câm. Chỉ với người đàn này Kiên mới có thể kể về cha anh, về thời ấu thơ, về cuộc chiến tranh mà anh đã trải qua, và nhất là về quyển sách anh đang viết dở. Hơn thế nữa, người kể người nghe "*tay trong tay*" (tr. 119). Nhưng trong quan hệ bộ ba này, ngoài hình tam giác:



còn tồn tại một hình tam giác khác:



Quá khứ, quên hay nhớ? Thật vậy, đó là câu hỏi của Kiên, mà cũng là của Phương. Phương bỏ Kiên ra đi cũng chỉ vì muốn quên. "*Em đi (...) chỉ xin anh một điều là hãy quên...*", Phương viết cho Kiên trong bức thư cuối (tr. 163). Và nhiều lần trước nữa, ngay sau khi xảy ra sự kiện trong chuyến tàu đêm 1965, Phương đã bảo Kiên "*Quên hôm qua đi*" (tr. 263). Nhưng đằng sau niềm khao khát muốn quên, phải chăng không ẩn dấu một sự thú nhận "*Tôi muốn quên, nhưng chẳng thể quên được*" (tr. 87)? Phương chẳng nói điều đó đấy sao "*Ký ức chẳng buông tha*"? Còn sự im lặng của người đàn bà câm, phải chăng đó là một sự im lặng thực sự, một sự im lặng có ý thức? Nếu đúng, thì làm sao giải thích được các hành động của chị, ngăn cản nhà văn đốt tác phẩm của mình, cất giữ bản thảo của anh để tạo điều kiện cho nó ra mắt độc giả? Vả lại, nơi chị ở, tầng ba, trong một căn phòng áp mái, trước khi trở thành nơi cất giữ bản thảo của Kiên, đã là nơi cha anh vẽ. Căn phòng đó, tự nó đã chẳng là nơi "chứa đựng quá khứ" đó sao? Bởi vì chính Kiên cũng đã nói với chị "*Chị giúp tôi nhớ lại (...). Nhớ lại tất cả (...) Bắt đầu từ căn tầng thượng này*" (tr. 119). Vả lại, sự im lặng phải chăng nhiều khi không hiệu nghiệm hơn lời nói? Im lặng để hiểu nhau hơn. Hiểu nhau trong sự im lặng.

Đối với Kiên, câu trả lời ngày càng trở nên rõ ràng. Nếu như Kiên, ngày đầu giải ngũ, cười là "*cải lương lắm (...) Phải kêu gọi mọi người hãy quên đi*", khi nghe người lái xe chở hài cốt những người tử trận kể về mơ ước của mình: "*Tôi sẽ vác đàn đi hát rong. Hát rong và kể chuyện. Các ông, các bà, các anh, các chị, xin hãy nghe tôi kể câu chuyện đau thương này, và sau đó tôi sẽ hát để mọi người nghe bài ca kinh hoàng về thời đại của chúng tôi*" (tr. 46), Kiên của ngày hòa bình khẳng định: "*Phải viết thôi. Viết để quên đi, viết để nhớ lại. Viết để có một cứu cánh, một niềm cứu rỗi, để mà chịu đựng, để giữ lòng tin, để mà còn muốn sống*" (tr 165).

Viết để giúp con người không quên quá khứ, để giúp con người hiểu được tương lai. Viết để nói hộ những kẻ không nói được, viết để ghi lại những điều không thể nói thành lời, không phải ngẫu nhiên mà có tới hai người phụ nữ câm trong *Nỗi Buồn Chiến Tranh* (người đàn bà hàng xóm và cô y tá năm nào), Phương cũng càng ngày càng trốn vào im lặng, Kiên thì chỉ nói sau khi đã phục rượu cho mình. Viết cho người khác nhưng cũng viết cho bản thân mình. Sự khao khát được viết của Kiên bộc lộ một nhu cầu giao tiếp. Giao tiếp giữa tác giả và độc giả. Giao tiếp giữa tác giả và cái "tôi" của mình. Phải chăng đó không phải là nhiệm vụ của văn học, nhiệm vụ mà nhiều lần trong *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, Bảo Ninh gọi là "Mệnh trời", "Thiên mệnh"?

Viết về chiến tranh, viết về lịch sử, không phải trong khung cảnh huy hoàng của nó, với những tình cảm "thiêng liêng", "lớn lao", hay "vui sướng của kẻ thắng trận", mà viết về những người bình thường với những nỗi niềm, nỗi đau của họ. Đó là quan niệm của Bảo Ninh về văn học. *Nỗi Buồn Chiến Tranh* là một sự phủ nhận. Hay nói rõ hơn, cũng như những nhân vật của nó, những **nhân-vật-phủ-nhận**, Phương phủ nhận vai trò người phụ nữ mới mà

người ta trao cho cô, Kiên phủ nhận theo con đường người mở sẵn cho anh, vào đại học, sống những niềm vui nhạt nhẽo của cuộc đời hậu chiến. Cả tiểu thuyết của Bảo Ninh là một **tác phẩm phủ nhận**. Về cả hình thức lẫn nội dung. Về hình thức, *Nỗi Buồn Chiến Tranh* được đánh dấu bởi "*sự mất bố cục, sự thiếu mạch lạc, trang nào cũng hầu như trang đầu, trang nào cũng hầu như trang cuối* (tr. 279), nó "*buông lơi cốt truyện truyền thống*" (tr. 52). Còn về nội dung, từ chối kể một thời thơ ấu với "*dại loại tôi sinh ra và lớn lên... Cha mẹ tôi lúc sinh thời...* (tr. 60), như lúc đầu dự định, *Nỗi Buồn Chiến Tranh* muốn kể "*một cuộc chiến tranh chưa từng được biết tới, như thể đó là một cuộc chiến tranh của riêng anh*" (tr. 53). **Tác phẩm phủ nhận, nhân vật phủ nhận**, mặc dù đều tự hiểu rằng sự phủ nhận này sẽ là nguồn gốc của mọi bất hạnh.

Nhưng đó là *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh hay "*thiên truyện đầu tay* của Kiên? Bảo Ninh hay Kiên?

Nỗi Buồn Chiến Tranh được viết với một niềm say mê, đúng hơn là ham mê, và mạnh mẽ đến nỗi người đọc cho phép hiểu rằng đây, nếu như không phải là một tự truyện thì ít nhất cũng chứa đựng nhiều chi tiết có tính chất tự truyện. Và điều độc đáo hơn nữa, nhân vật chính của *Nỗi Buồn Chiến Tranh* lại là một nhà văn, với những vấn đề của cuộc sống và của văn học. Vì vậy, theo tôi, bên cạnh hai chủ đề chính của tác phẩm là tình yêu và chiến tranh, một chủ đề nữa, bao trùm lên tất cả vẫn là văn học.

Cũng như *Các Từ* của Jean Paul Sartre, *Tuổi Thơ* của Nathalie Sarraute hay *Người Tình* của Marguerite Dumas, *Nỗi Buồn Chiến Tranh* là một tác phẩm tự truyện, hơn nữa tự truyện của một nhà văn, tác phẩm mà trong đó văn học đi tìm lý do tồn tại của mình, và chính vì lẽ đó chủ đề đầu tiên của nó vẫn là văn học. Câu hỏi lớn nhất vẫn là "Tại sao tôi viết?" hay đúng hơn "Tôi đã trở thành nhà văn như thế nào?"

Cuối cùng, *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, theo tôi, nên được đọc như một tiểu thuyết mà khởi điểm là một sự chia ly, sự chết chóc, của người mình yêu, của cha, của mẹ, của đồng đội, nhưng mục đích chính vẫn là niềm tin hàn gắn, với người con gái bị bỏ rơi, với người cha không được hiểu, người mẹ không được yêu, với người sống và người chết, với chiến tranh và hòa bình, với quá khứ và tương lai.

ĐOÀN CẦM THI
(Paris tháng 11, 1993)



NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN

tâm sự mùa xuân

1.
Cơn gió mùa đông thổi luồn ký ức
Nẻo nhớ quay về khấp khểnh thực hư
Nhịp sống quanh đây dằng dằng gai nhọn
Mười tám năm, đời kết tụ ưu tư

Hạt giống tâm linh trổ nhánh đời oan trái
Trên tảng đá trơ mình bờ biển Thái Bình Dương
Dăm lúc dội vang tiếng sóng ngặt nghèo
Sự-có-mặt-tôi-vô-tình vay mượn

Hơi thở khói sương hắt ngày tháng lạ
Buồng phổi nám cằn vết cứa màu da
Tôi sống ung thư hấp hối Sài-Gòn
Khúc khắc cơn ho có máu đời cặn bã

Em đứng hồn nhiên nụ cười kiểu cách
Son phấn linh hồn trang điểm lương tâm
Bóng tối Việt Nam sáng chỗ em nằm
Em hãnh diện vai trò cung cấm

Nước mắt thủy tinh rơi trên mặt hồ môi sinh phẳng lặng
Huyết quản nhọc nhằn viên đạn tháng Tư
Tôi vẫn hình dung em rất quê mùa
(Loài sứa rần ri những điều hữu sự)

Chín nhánh sông chia một đời rong biển
Tôi đứng sặc cười bên triển vọng vực sâu
Hạnh phúc pha lê của loài ốc mượn hồn
Tôi trở chứng đòi yêu em cẩn trọng

2.
Rừng bên kia biển trầm trầm bất trắc
Con rắn hiện hình chiếc lưỡi nhân tâm
Bầy thú man khai yêu lối sống thị thành
Phố xá lặng thinh bắt đầu suy gẫm

Nói với mùa Xuân nhọc nhằn hương sắc

Diễn nghĩa đất trời cho đúng thời trang
Sa mạc tháng Tư mọc lý tưởng xương rồng
Tôi tự tử vào từng hư ảnh

3.
Tôi có ngày mưa trong văn phòng không cửa sổ
Muốn rủ em về thăm căn phố trọ ngày xưa
Đêm trắng Houston, nhớ ly-cà-phê-đắng-lúc-trước-bình-minh
ở College Station
Nhưng rất ngọt bên này, bên đó

Khủng hoảng con tim lên New York chôn niềm đau nhân bản
Một chuyến quay về thắng thốt niềm tin
Con én cánh nâu cất tiếng hót nhu mì
Đêm đối diện đáy chung trà hạnh ngộ

Khúc nhạc tự tình bỏ quên hôm về thăm trí nhớ
Đóa hoa Quỳnh nở thoát niềm tâm thức nửa đêm
Ngôn ngữ con tim rộng hẹp bất ngờ
Tôi nghiệm thấy những điều khó nghĩ

Giọt sống luân lưu lên nỗi buồn chữ nghĩa
Những mảnh ván thuyền chuyên chở hơi thở biển Đông
Năm ngón tay trơ hốc hác từng âm hưởng dư thừa
Tôi đánh mất. Bỏ quên. Và bắt gặp

Em nào hiểu sông chia, rồi hội nhập
Cũng rất cần, nên trái đất xoay quanh

4.
Đến hỏi thăm em về giấc mơ của một vầng trăng khuyết
Ngày tháng lập lòe trên trí nhớ lân tinh
Tôi có đêm sâu làm rực sáng những mộng mị tinh cầu
Khi cúi xuống hôn em vào lý tưởng

5.
Em có hiểu niềm đau của một ngày nắng tắt
Trên khoảng cách giữa thiên đường và tầm với của đôi tay
Mặt đất bao dung mọc rộ những nhân hình
Chen chúc sống, bóng che nhau, ngỡ rằng nguyệt thực

Giữa nắng và mưa là con đường tuyệt địa

Giữa đêm với ngày là quỹ đạo thực hư
Giữa em và tôi (và khoảng cách vô hình)
Là nhịp dập của buồng tim nhân tạo

Lộng lẫy nỗi buồn trăng rằm tháng tám
Trầm bóng nhân gian kỳ tích cuộc tình
Gửi xác thân tôi mối thù diễm ảo
Mai mốt về độc thoại trước chiêm bao

Trống vắng bình minh lên tháng ngày câm lặng
Con dốc thở dài thoai thoải niềm đau
Tiếng hát em, mặt trăng và sự tích của con người
Đem theo chuyến hành trình vào bản ngã

Tháng chín dời tư có cơn mưa thời hạn
Mai mối bọt bèo vào nguồn cội dòng sông
Tôi sống thong dong trong niềm riêng ràng buộc
Trau chuốt nụ-cười-thành-khẩn-với-lương-tâm

6.
Trước cánh cửa mở đời sau có tấm gương treo soi đời trước
Tôi đối diện mình và hằn học với con tim
NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN



HUỲNH MẠNH TIÊN

tarzan

Lâu nay bận chép thơ chùa
chào ong thăm kiến văng rùa quên em
xuân phong áo mộng trẩy thềm
thảng nghe tay yếu mạnh câu ân tình

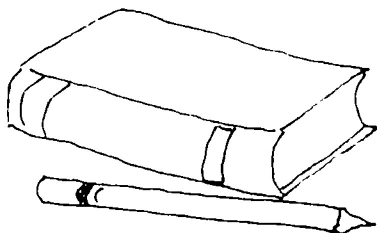
dặn hờ kẻo quên

Con dã tràng nằm nôi lòng ốc bể
ốc với sò muối mặn bốn trùng dương
em chớ muối tôi rách bầm lơ lớ
thuận chóng lành, nghịch ấm ớ đau thương
HUỲNH MẠNH TIÊN



KIM THI

ngày... tháng...



Ngày 4 tháng 1 năm 1994

Nguyên Lương là một chuyên gia kinh tế, từng về Việt Nam nhiều lần sau "thời mở cửa". Về, không phải để "cởi ngựa xem hoa", hay đóng vai "vinh qui bái tổ", mà với khả năng chuyên môn của mình, Nguyên Lương là một trong nhiều trí thức thuộc mọi lãnh vực, đã âm thầm trở lại quê hương, đem sở học, kinh nghiệm góp phần đưa đất nước thoát dần cảnh lầm than, đói nghèo, lạc hậu. Có thể xác quyết một cách khả tín: họ là một trong các động lực tích cực của trong lẫn ngoài nước, đang chung sức mở rộng cánh cửa hướng về phía tự do dân chủ một cách ôn hòa, tình nghĩa và đầy ý hướng xây dựng. Lớp trí thức này thật khác quá xa với đám "nhân sĩ", "chính khách" đang "ngự" tại Bolsa, vừa uống sâm banh vừa thảo nghị quyết, ra thông cáo để... "giải phóng quê hương" bằng cách triệt hạ đến "tên Cọng sản cuối cùng" bằng... mồm!

Do số trang giới hạn, Kim Thi xin phép tác giả được trích một phần bút ký này giới thiệu cùng bạn đọc. Độc giả muốn biết thêm về các hoạt động của Nguyên Lương, xin đón mua toàn tập bút ký sẽ được xuất bản nay mai, tại Mỹ.

NGUYÊN LƯƠNG

HÀ NỘI, LẦN ĐẦU VỀ THĂM

Kính tặng Ba Mẹ, Bảo Nguyên, Lệ Âu
để nhớ Hà Nội 40 năm trước

Tôi đặt chân xuống phi trường Nội Bài lần đầu tiên.

Buổi sáng trời miền Bắc vừa vào thu cho tôi một cảm giác thật lạ. Bảy giờ sáng còn ở Sài Gòn, trời nóng ẩm sau cơn mưa đêm dài, bây giờ, chín giờ, đã có mặt ở đây với khí hậu lạnh, khô ráo dưới bầu trời trong xanh nhiều mây

trắng.

Phi trường Nội Bài nằm giữa cánh đồng trồng lúa và bắp. Tôi nghe nói người ta đã tận dụng tối đa "khả năng phục vụ" của đất: lúa chín vàng vừa gặt xong, đất chưa kịp nghỉ, bắp đã được trồng liền sau đó. Từ trên máy bay nhìn ra cửa kính, cánh đồng còn lổ chổ dấu bom Mỹ. Hố bom quá lớn và sâu nên dù đã bao năm vẫn không lấp lại được, nay trở thành hồ trồng rau muống và ao nuôi cá. Dấu tích chiến tranh còn đầy, những căn nhà gạch, cách không xa phi trường, chỉ còn trơ những vách tường đã sập hết phần trên. Tuy nhiên những dấu tích buồn thảm ấy đã phần nào mờ đi trước sức sống của người dân Hà Nội, qua nhiều biểu hiện tích cực: Từ phi trường về thành phố, nhiều dãy phố mới đã san sát hai bên đường. Những cửa hàng bán đủ loại sản phẩm mọc lên như nấm. Đường sá nhỏ hẹp không đủ chỗ cho số lượng xe mỗi ngày một nhiều. Đường đắp cao hơn mặt ruộng như vừa dùng làm đê ngăn nước sông Hồng vào những mùa nước lớn.

Chiếc Volga cũ kỹ của Nga màu đen ngày trước dùng chở viên chức cao cấp nhà nước, nay các hãng du lịch mua lại, dùng chở khách. Chiếc xe cọc cạch đưa tôi về thành phố qua những con đường nhỏ hẹp, bụi mù mịt. Người tài xế - tên Chí - ngày trước lái xe vận tải trên đường mòn Hồ Chí Minh xuyên rừng tiếp tế vào chiến trường miền Nam, vui vẻ chỉ phía bên phải, cho tôi biết vùng này sẽ biến thành khu chế xuất, các nhà máy trong nội thành sẽ được dời ra đây. Tôi nhìn theo hướng tay của người tài xế, bắt gặp những thân bắp ốm yếu trồng trên những khoảnh ruộng được chia từng ô nhỏ, có lẽ để phân phát cho nông dân, hầu ai cũng có một miếng đất cắm dùi. Bờ ruộng lớn, ngang dọc, chiếm gần hết diện tích canh tác. Máy cày chắc cũng không dùng được ở đây, vì thửa ruộng quá nhỏ, xoay trở sẽ rất khó khăn.

ĐẤT NGÀN NĂM VĂN VẬT

Xe qua cầu Chương Dương trước khi vào thành phố, cầu bắt ngang sông Hồng do kỹ sư Việt Nam hoàn tất xong năm 87, sau 4 năm xây dựng. Song song với cây cầu này là cầu Long Biên, được Pháp xây từ thời thuộc địa, đã bị máy bay Mỹ đánh sập không biết bao nhiêu lần trong chiến tranh, nay chỉ dành cho cho người đi bộ và đi xe đạp. Một cây cầu khác, cầu Thăng Long, ba tầng, cũng bắt qua sông Hồng, lúc đầu do Trung Quốc xây, sau vì xung đột nên các kỹ sư Tàu bị gọi về, kỹ sư Nga (Liên Sô cũ) tiếp tục công việc bỏ dở và hoàn tất năm 85. Chỉ riêng nghe nói về lịch sử của ba cây cầu này, tôi đã thấy được một phần lịch sử Việt Nam thăng trầm trong nửa thế kỷ qua. Những chứng tích đau thương, xen lẫn sự chịu đựng, phấn đấu, hằn học, bạn, thù... còn in rõ trên từng nhịp cầu, cũng như trên khuôn mặt của người dân miền Bắc. Dưới cầu là dòng sông Hồng nước đỏ ngầu, năm này qua tháng kia chảy mãi ra biển, chở đầy phù sa, làm nông cạn lòng sông. Tôi nghĩ, phù sa có thể làm nông cạn lòng sông, đắp bồi cho đất đai hai bên bờ thêm màu

mỡ , nhưng một "lòng sông" khác, trong mỗi tâm hồn người Việt nam, liệu co thứ "phù sa" nào tẩy xoá được vết tích đauthương của chiến tranh, vẫn còn hằn in lên đời sống của người dân nghèo vô tội.

Hà Nội còn nghèo, nghèo lắm! So với Sài Gòn và các thành phố miền Nam. Nhưng Hà Nội đẹp, thật đẹp! Một nét đẹp cổ kính, thơ mộng với những cái hồ lớn nhỏ, những đại lộ rợp bóng mát dưới hai hàng cây cổ thụ cao đầy lá, với những biệt thự xây từ thời Pháp bám đầy rêu xanh trên các vách tường. Chưa một thành phố nào ở Á Châu tôi từng đi qua có vẻ đẹp tự nhiên, đầy nét Tây phương như ở đây.

Những đường phố chính có tàn cây phượng lớn, lá nhỏ che mát phố chợ, người đi. Đêm thả bộ ngang qua đường Phan Đình Phùng ngửi mùi hoa sữa thơm nhẹ, ngọt ngào, gợi nhớ mãi một mùi hương Hà Nội, thật đặc biệt, không nơi nào có. Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây, Thiều Quang, Trúc Bạch... nước gợn lăn tăn, in hình những tàn cây cao, những tòa nhà cổ, dưới trời mùa thu làm nhớ lại những câu thơ của cụ Tam Nguyên Yên Đổ: "*Ao thu lạng lẽ nước trong veo. Một chiếc thuyền con bé tẻo teo*". Những con đường ngày xưa trong thơ văn tôi nghe nói tới nhiều đã đổi tên từ lúc nào. Đi trên đường Thanh Niên giữa một bên là Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch, hỏi thăm một người bộ hành, mới hay đây là con đường Cổ Ngư trong nhạc của Phạm Duy. Cầu Thê Húc đưa trai gái vào thăm đền Ngọc Sơn đang được sơn sửa lại với gỗ đá chất đầy, nhưng du khách không màng, vẫn qua lại đều. Người làm tiếp tục làm, khách nhàn du vẫn thong thả tản bộ thưởng ngoạn. Trời trong xanh, gió mát lạnh nhẹ nhàng. Một cảm giác khoan khoái rung lên trong từng tế bào da thịt.

Tôi yêu quá cái thành phố này. Từ lúc sinh ra, lớn lên ở miền Trung, đi học. Ở trường chỉ biết được một phần nửa bản đồ miền Nam sơn vàng, còn miền Bắc, màu đỏ, như một cái gì cấm kỵ không được nhắc nhở tới. Tuổi thơ tò mò đọc trong thơ văn, trong sách sử, đất ngàn năm văn vật được nhắc tới nhiều làm tôi càng thấy khao khát được biết Hà Nội một lần. Thời thế nổi trôi, 21 năm ở miền Nam, 18 năm ở ngoại quốc, lấy vợ, sinh con, nhiều lần nghe ba Mẹ nói về Hà Nội (Ba mẹ tôi gốc Bắc, di cư vào Nam), lòng thêm náo nức. Nhưng về Việt Nam đã không biết bao nhiêu lần, tôi chỉ ở miền Nam và một vài lần về miền Trung thôi. Tôi vẫn cứ chần chừ , lưỡng lự, chưa muốn đi Hà Nội vì ngại, mà chẳng biết ngại cái gì. Nhưng rồi bạn bè cũ bảo nếu không về để thấy Hà Nội bây giờ, vĩnh viễn chắc sẽ không còn thấy Hà Nội với nét xưa cũ nữa. Tôi đã nghe lời khuyên và bây giờ đang ở đây, hít thở cái không khí về đêm tĩnh mịch với mùi hoa sữa lâng lâng, nhè nhẹ, để thấy lòng dạt dào và mãn nguyện với tình yêu mến quê hương và đồng bào ruột thịt, và đất nước một dải từ Nam ra Bă1c đã trọng vẹn nă2m trong tay của người dân Việt. Để biết được Hà Nội cổ kính với bao di tích lịch sử: trên tường ở cửa Bắc còn in dấu đạn đại bác của Tây; Tháp Rùa huyền bí trên Hồ Gươm, nơi Lê Lợi phụng mệnh trời chiến đấu giành độc lập và giữ yên bờ cõi; Nhà Hát Lớn, chợ Đồng Xuân; Những Phố Hàng Mã, Hàng Chiếu trong ba mươi sáu

phố phường nhỏ hẹp nhưng thật nhộn nhịp. Tất cả những hình ảnh đã từng đọc trong chuyện của *Tự Lực Văn Đoàn* vẫn còn đây, chưa thay đổi mấy.

Buổi trưa ghé lại Văn Miếu, trường Đại Học Quốc Tử Giám, nơi ngàn năm trước đã có mấy mươi ông Tiến Sĩ dùi mài kinh sử và tốt nghiệp ở đây. Mái trường cong dưới tàng những cây cổ thụ già soi bóng trên hồ sen tĩnh mịch. Đâu đó còn vương vất hình ảnh những ngày xa xưa trong cổ sử, với *"dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo"*. Những bậc thềm qua bao thời đại hình như còn khua vang tiếng guốc của bao sĩ tử, và trong khí hậu lành lạnh của tiết trời vào thu, tôi như nhìn thấy hình ảnh những danh tài đất nước với tóc búi và áo thụng đen đang nhàn nhã qua lại. Tôi thấy mình nhỏ bé đứng trước những bia đá đề tên các danh nhân từ thời Lê, Lý. Một thoáng hãnh diện, sung sướng dâng lên khi nghe một đám du khách ngoại quốc bảo nhau: *"Quả đây là đất đã có văn hóa từ ngàn đời"*. Tôi đã dành nhiều thời giờ đứng ngắm những người thợ đang xây lại văn miếu theo đúng kích thước và kiến trúc xưa. Đã có một tổ chức lấy tên là Oriental Culture Club với sự tài trợ của UNESCO đứng ra trùng tu lại toàn bộ di tích lịch sử này. Trong nhóm có tên hơn 400 thành viên, nhưng không biết trong đó có được bao nhiêu người Việt Nam? Cũng may trong thời chiến, bom Mỹ chưa rơi xuống khu vực này. Những trận bom B-52 long trời lở đất, thả không thương tiếc, không nhân nhượng, đã cày xới miền Bắc thành sa mạc, với trăm nghìn những hố bom sâu, ngoài thực địa, và nghìn vạn những hố cách ngăn, hận thù, trong lòng người, mà sau thời gian dài, mãi tới bây giờ vẫn chưa lấp lại được hết. Hôm nay tôi về đây nhìn những bia đá, tưởng đến tiền nhân, nhớ ơn muôn vàn tên tuổi của bao danh tài đã vun bồi văn hóa và khí tiết dân tộc. Tôi càng tin tưởng một cách mãnh liệt, rằng với chiều dày văn hóa và khí tiết đó, tổ quốc Việt Nam, dù đã và sẽ còn hứng chịu nhiều tai ương, nhưng chắc chắn sẽ có một ngày, đất nước sẽ có cơ hội ngẩn cao đầu, đường hoàng đứng ngang hàng với các dân tộc khác, trong cộng-đồng nhân loại. Tuy nhiên tôi cũng không khỏi đau lòng khi nghĩ, cũng trong dòng lịch sử lẫm liệt kia, không phải không có nhiềutên tội đồ, gian tặc, đã bao phen làm hỏng cơ đồ nước Việt. Ngay cả bây giờ, cũng vẫn còn có những kẻ thừa nước đục thả câu, làm lợi bất chính, toa rập với ngoại bang và bán rẻ tài sản đất nước.

Tôi không thấy cảnh Hà Nội xa lạ, người Hà Nội không quen. Ngược lại những gì tôi thấy ở đây có lẽ đã in sâu từ trong tâm thức. Người Hà Nội cũng lịch sự, vui vẻ và hòa nhã như bất cứ người Việt nào tôi gặp trên những nẻo đường đất nước. Có lẽ họ còn lịch sự và chải chuốt hơn trong lời ăn tiếng nói thật dịu dàng. Họ không ồn ào, cợt nhả và lúc nào cũng giữ ý tứ. Họ không thấy tôi xa lạ vì là Việt kiều, hay từ miền Nam ra. Những buổi tối đi uống cà phê ở vỉa hè, ăn phở trong các con hẻm, hay nhậu thịt cầy ở ngoại ô, tôi không thấy mình bị kỳ thị từ một ánh mắt xa lạ nào. Khi còn ở Sài Gòn, nhiều người đã bảo tôi những cái không đẹp về Hà Nội. Ra đây tôi mới thấy những nhận xét đó hoàn toàn không đúng và nhiều ít nhiều mang định kiến chủ quan hơn

là sự thật.

NHỮNG THAY ĐỔI THẤY RÕ

Hà Nội, nơi bao nhiêu người vội vã bỏ ra đi với nỗi kinh hoàng trên những con tàu há mồm, những chiếc thuyền con, những bè tre ghép lại của gần bốn mươi năm trước, như chuyện trong phim *"Chúng Tôi Muốn Sống"*.

Hà Nội nay vẫn còn đó quán Chả Cá Lã Vọng. Cũng với những chiếc bàn ọp ẹp với chiếc khăn trải đã ngả màu vàng đen và cái lò than hồng được ràng lại bao nhiêu lần kẽm của hơn 50 năm về trước. Hà Nội sau bao nhiêu năm hứng chịu những trận mưa bom tan tác, vẫn còn đó, vẫn sống, dù đã bị tiêu hao thật nặng nề. Phố Khâm Thiên bị san bằng mùa Giáng Sinh năm nào bây giờ chỉ còn dấu tích của một bức tượng người mẹ bồng đứa con chết trên tay mà không còn nước mắt để khóc. Người Hà Nội không ai muốn nhắc đến quá khứ, họ đang mãi lo cho hiện tại và tương lai. Không còn ai buồn nhớ tới tiếng bom, chỉ còn một âm thanh rất thanh bình là tiếng rao cốm, xôi lanh lảnh, mỗi sáng đánh thức tôi dậy, vọng ra rừ một con hẻm gần khách sạn ở đường Trần Hưng Đạo.

Nếu một người nào mới đến Việt Nam lần đầu, ghé Sài Gòn trước, họ sẽ thấy sự nhộn nhịp ở đó, rồi vội nghĩ là Việt Nam đã đổi mới nhanh quá mức. Thật ra những sinh hoạt của Sài Gòn bây giờ chỉ tiếp theo những gì đã có từ trước 75, sau một thời gian gián đoạn. Còn Hà Nội, sự đổi mới mới thật sự đã xảy ra , nhanh chóng và vội vã. Hà Nội đang thật sự chuyển mình. Ngay tại đây, cái nôi của cách mạng, nơi có những người phất cờ một mùa thu năm nào, giờ đang bận lo những kế hoạch kinh tế theo lối thị trường của tư bản. Tại nơi từng được gọi là thành trì của cách mạng vô sản, bây giờ ai cũng đi theo con đường cách mạng mới để trở thành hữu sản. Nhà nước cũng đã có những kế hoạch tư sản hóa một phần hay toàn bộ những cơ sở sản xuất một thời là xương sống của chế độ. Cũng tại đây tôi đã thấy người dân sau bao nhiêu năm được bao cấp, nay phải ra công sức để kiếm sống và vươn lên. Mỗi thu hoạch bây giờ đều do bàn tay và khối óc của họ, không còn được cho không nữa. Từ sáng tinh sương, mọi người túa ra đường, ra đồng, làm một cái gì để lo cho hiện tại và ngày mai.Qua rồi những ngày mọi người cùng làm một việc, cùng ăn một khẩu phần, cùng ở một chung cư. Dần dần người Hà Nội được trả lại cái quyền thi thố tài năng và sở trường của họ. Bây giờ làm giàu không phải là cái tội của tư sản mại bản ngày xưa nữa. Mà làm giàu được đồng nghĩa với yêu nước, phát triển kinh tế và giúp nâng cao đời sống người dân. Xa rồi những ngày người dân vô tội bị đấu tố chỉ vì có mỗi cái tội là "có của". Cũng qua rồi những ngày phải sắp hàng dài chờ mua một phần thịt, một ít muối, một chút đường...

Người Hà Nội bảo với tôi rằng họ phải chạy đua và mong sẽ bắt kịp Sài Gòn trong mười năm nữa. Nhưng đó chỉ là mơ ước, thực tế rất khó xảy ra , vì ở vùng tam giác Sài Gòn, Biên Hòa, Vũng Tàu độ phát triển tăng 17 phần

trăm một năm, còn Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh chưa tới 5 phần trăm. Nếu nhịp độ thi đua ráo riết, Sài Gòn sẽ bỏ xa Hà Nội những khoảng cách dài hơn nữa, nếu nhà nước cứ để cho độ phát triển tự nhiên và không tìm ra cách hãm lại cái tiến trình đó ở miền Nam và gia tốc độ phát triển ở miền Bắc.

Mới đây, trong chuyến viếng thăm Hà Nội, tại buổi lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng khách sạn 20 tầng, 50 triệu đô la, trên một diện tích 38 ngàn mét vuông của công ty PID Singapore ở Hồ Tây, ông Tổng Trưởng Văn Hóa, Nghệ Thuật George Yeo đã nói: "*Tôi đoan chắc rằng chánh phủ Việt Nam sẽ không đẩy mạnh phát triển ở miền Nam nếu đã không đặt hết ưu tiên cho công cuộc phát triển miền Bắc. Hà Nội không thể bỏ đi những hy sinh để chiến thắng miền Nam bằng vũ lực để rồi chịu thua miền Nam trong công cuộc phát triển kinh tế...*" Trong lời nói đó ẩn chứa lời khuyên nhủ giới doanh thương người Singapore về một sự thật chính trị ở Việt Nam. Đã có những phàn nàn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài là có những dự án xin thiết lập ở miền Nam thì mất vài năm mới được cấp giấy phép, trong khi nếu cũng dự án ấy, đặt ở miền Bắc thì chỉ mất vài tháng. Những công ty ngoại quốc nào muốn vào làm ăn ở Việt Nam đã được chính thức khuyến cáo là nên đặt văn phòng chính ở Hà Nội, sau đó mới mở chi nhánh ở miền Nam, ắt sẽ được thông qua dễ dãi, còn đi ngược lại thì gặp rất nhiều trở ngại. Cũng vì tình trạng đó mà mới đây những người trong giới lãnh đạo ở Sài Gòn đã vận động và phấn đấu để xin được quyền ký giấy phép cho những đầu tư nhỏ dưới năm triệu đô la mà không cần phải chờ sự chấp nhận của ủy ban phát triển và đầu tư nước ngoài (SCCI) đặt tại Hà Nội.

Một trong những bằng chứng của sự đổi mới nhanh chóng là nhà tù Hỏa Lò do người Pháp xây để bỏ tù những người yêu nước từ thời Pháp thuộc, sau đó Hà Nội làm nơi giam giữ lính Mỹ bị bắt làm tù binh, nay sẽ được xây khách sạn. Theo như chương trình thì công ty Burton ở Singgapore sẽ bỏ ra 33 triệu đô la để xây khách sạn 14 tầng và cao ốc dùng làm văn phòng 22 tầng trên khoảng đất rộng 7500 mét vuông. Một phần nhà tù sẽ được giữ lại, khoảng 2500 mét vuông, làm chứng tích lịch sử. Số tù nhân hiện tại đang bị giam giữ ở đó sẽ được chuyển ra một nhà tù khác mới xây cách Hà Nội 10 cây số. Những đường phố chung quanh khu Hỏa Lò sẽ được gọi là trung tâm thương mại và tài chánh (Financial and Commercial District). Nơi sẽ có những nhà băng quốc tế lớn và văn phòng đầu não của những đại công ty ngoại quốc có mặt ở Việt Nam.

Sinh viên các trường đại học đa số bây giờ chỉ học Anh ngữ, máy điện toán, và thống kê chứ không ai theo học kinh điển Mác Lê nữa. Mới đây trong lần tiếp xúc với Thủ Tướng Lý Quang Diệu của Singapore tại Hà Nội, Tổng Thống Lê Đức Anh đã nói: *"Nhìn lại quá khứ, con đường kinh tế theo kiểu Mác Lê mà Việt Nam đã đi theo thật là sai lầm"*. Ai cũng biết điều đó, nhưng nghe một người có chủ trương cứng rắn như ông Anh nói lên, thì quả đã có

một sự đổi mới tư duy rất lớn trong tư tưởng những người đã bỏ trọn đời mình để tiêu diệt bọn tư bản bóc lột và mơ tưởng xây dựng một xã hội ưu việt theo sự chỉ đạo của Mác, Lênin. Không đợi người trong nhóm lãnh đạo tuyên bố những lời cởi mở như trên, đường phố Hà Nội đã tràn ngập hàng hóa, xe gắn máy, xe hơi đủ loại. Những khách sạn sửa lại từ những biệt thự xây từ xưa không đủ chỗ chứa số du khách đến Hà Nội mỗi ngày một nhiều. Trên bờ Hồ Tây, nhiều khách sạn, nhà nghỉ, biệt thự mọc lên rất nhanh. Đất ở đây đắt hơn cả những thành phố lớn như Băng Cốc, Đài Bắc.

Tuy nhiên, trong cảnh mạnh ai nấy lo làm ăn phần nào giống đường phố Hà Nội mạnh ai nấy chạy mà không cần luật lệ lưu thông. Chỉ có một ít ngã tư có đèn đường, tất cả còn lại không có đèn mà cũng không có cảnh sát chỉ đường. Người Hà Nội vội vã đi theo đường lối kinh tế cởi mở dựa theo tư bản cũng như lái xe trên đường phố, không hiểu luật lưu thông, không biết nhường, không chịu thua, chen lấn, mạnh ai nấy chạy, mạnh ai nấy đi, mất cả trật tự nên tai nạn lưu thông thường xảy ra. Luật pháp dù có cũng không rõ ràng, minh bạch, và cũng chẳng ai thèm đem ra áp dụng. Tất cả đều suy diễn theo sự hiểu biết của riêng mình, nên đã có những sự tống tiền, và đưa hối lộ trái phép. Một xã hội bên ngoài có vẻ rất yên và thượng tôn luật pháp, nhưng bên trong ai cũng bận rộn để tìm những kẽ hở, những ngõ ngách hầu luồn lách kiếm sống. Báo chí Hà Nội có lên tiếng về những tệ đoan, những sự lạm dụng thời cơ của giới chức quyền để tham nhũng, ăn hối lộ, nhưng không hiểu có làm thức tỉnh được ai không?

Có hai tờ báo tiếng Anh viết về tình hình kinh tế và đầu tư ở Việt Nam như tờ Sài Gòn Times và tờ Vietnam Investment Review mà tôi vẫn thường đọc. Độc giả theo dõi sự trưởng thành của hai tờ báo này từ lúc ra đời, biết ngay rằng tờ VIR của Trung Ương Đảng đã được nhà nước nâng đỡ hết mình, nên bài vở viết rất hay, trình bày đẹp, tin tức sốt dẻo và nội dung thật phong phú. Trong lúc đó tờ Sàigòn Thời Báo của anh Võ Như Lành, lúc mới ra rất nổi tiếng, nay đã thua sút xa so với tờ VIR về hình thức lẫn nội dung.

CHIA RẼ BẮC NAM

Những ngày còn chiến tranh, lúc còn học ở Đại Học Đà Lạt, nhóm sinh viên Bình Định chúng tôi có tổ chức một buổi lửa trại ở Sân Cù. Trong đêm ca hát vui vẻ đó, có một người bạn ở Ban Mê Thuộc xin được hát một bài ca do chính anh sáng tác. Đêm tối lạnh gió cao nguyên, giữa đồi cao, trong tiếng lửa cháy tí tách có tiếng nhạc bập bùng. Người bạn hát không rõ vì hàm răng của anh đã bị cảnh sát đánh bằng báng súng gãy gần hết. Tuy thế, tiếng hát của anh đã ám ảnh suốt đời tôi: *"Đường vào thành phố có bar, có Mỹ, có con gái học trò. Đường vào rừng có chông sắt, có hầm hố cá nhân. Đường vào đời có dao kiếm, có thù ghét, căm hờn. Con đã chứng minh nhiều lần, đường ngoằn ngèo qua Mỹ, qua Paris rất ngắn. Nhưng không có những con đường nối liền*

Sài Gòn, Hà Nội. Không có những con đường nối liền thành thị với làng quê..." Hơi hai mươi năm sau, lời bài hát đó và hình ảnh thương tích của người sinh viên mất hết hàm răng cửa, phải dùng lưỡi để chặn hơi lại khi nói và hát, như vẫn còn hiện rõ trước mắt tôi. Đường Hà Nội và Sài Gòn đã thông suốt 18 năm qua. Người từ Paris, Cali đã không bị cấm cản nếu muốn trở về với quê hương. Nhưng sao sự kỳ thị, chia rẽ giữa Nam-Bắc, trong-ngoài vẫn còn âm ỉ, nặng nề hơn bao giờ hết. Bài hát đó, làm trong buổi chiến tranh, nói lên cái mơ ước được nghe quê hương im tiếng súng, được thấy cảm tình dân tộc trải dài trên đất tổ, quê cha. Nhưng sao tới nay, hòa bình đã hơn mười tám năm mà mơ ước đó vẫn chưa trọn vẹn có được. Nhà nước cũng có nói nhiều đến những hòa giải, xóa bỏ hận thù, nhưng nói không thôi chưa đủ, còn phải có nhiều hành động cụ thể hơn nữa.

Đã có biết bao nhiêu người ngày trước gục ngã vì dám đứng giữa hai lằn đạn. Họ chỉ có một chính nghĩa dấn thân duy nhất là chính nghĩa dân tộc, và một con đường phụng sự duy nhất là phụng sự đồng bào. Thế hệ đàn em của những người cam đảm đó bây giờ vẫn tiếp tục lên đường, vẫn đi làm lịch sử. Họ từ chối không cho phép một thế lực nào, một đế quốc nào xẻ đôi đất nước họ, chia rẽ dân tộc họ. Họ không còn muốn tham dự vào cái cảnh *"bôi mặt đá nhau"* của những đứa con *"cùng một mẹ"*. Tôi đã gặp biết bao nhiêu người ở trong cũng như ở ngoài, miền Nam cũng như miền Bắc đã có những tâm tình và ước mơ như vậy. Họ ý thức được rằng Việt Nam sẽ không phát triển đúng mức được nếu tình trạng chia rẽ và thù hận vẫn còn tiếp tục. Đã có biết bao nhiêu người đã và đang tìm cách hàn gắn lại những đổ vỡ, xoa dịu những vết thương. Nhưng cùng lúc cũng còn có những người muốn kéo dài mãi sự phân chia lằn mức, thù hận, và kéo dài cuộc chiến ủy nhiệm mà đại khối dân tộc đã từ chối tham gia ngay từ phút đầu, và các đế quốc đã thỏa hiệp từ lâu.

Trẻ em nghèo cần sự giúp đỡ để đi học, người bệnh nghèo cần thuốc chữa. Chùa, lăng miếu, nhà thờ, trường học đổ nát cần được tu bổ lại. Nông nghiệp cần phát triển. Kinh tế cần chấn chỉnh. Dân chủ, Tự Do, Công bằng... tất cả đều bắt buột phải có đồng đều cho mọi người.

Gần một nửa thế kỷ mà tị hiềm Bắc Nam vẫn còn giữa dân tộc Việt. Bắc-Nam bây giờ không còn chỉ trong phạm vi địa lý mà là chính trị giữa kẻ thắng người thua, giữa cộng sản và quốc gia, giữa người có quyền và người yếu thế, giữa những kẻ còn muốn nắm mãi địa vị độc tôn và những người muốn đóng góp phần khả năng của mình để kiến thiết đất nước. Muốn nước giàu dân mạnh, thực sự hòa hợp hòa giải, cần phải có đối thoại xây dựng thật sự giữa người trong đảng cầm quyền và ngoài đảng. Phải mở ra cơ hội để những người trong trong và ngoài nước dễ thông cảm và cùng nhau tìm một đường lối có sự tham gia đông đủ của mọi thành phần, mọi lớp, trong công cuộc xây dựng những đổ vỡ của đất nước và phát triển đến tương lai. Người Việt Nam có khả năng, đất nước Việt Nam nhiều tài nguyên, nhưng nếu tình trạng chia rẽ còn kéo dài mãi, tất cả những tinh hoa của dân tộc sẽ không được vận động

và dùng đúng mức, sẽ bị phí phạm đi. Những bế tắc và khó khăn của Việt Nam sau 50 năm không dễ gì thay đổi và xây dựng chỉ bởi một nhóm người nào. Đầu tư và giúp đỡ của ngoại quốc phần lợi lớn là về phía họ. Chỉ có người Việt mới thương xót và hy sinh cho người Việt và tiền đồ của nước Việt thôi.

NGƯỜI HÀ NỘI

Ở Hà Nội gần một tuần, tôi thật không ngờ sự thân thiện và cởi mở của người Hà Nội dành cho tôi. Trong những lần gặp gỡ đầu tôi còn e ngại vì không biết họ nghĩ gì về mình. Nhưng sau đó, nhiều lần tiếp xúc từ những người trong các Bộ, giới thương gia, và dân thường, tôicảm thấy gần gũi và tự nhiên với họ hơn. Rồi chúng tôi nói nhiều đến mọi vấn đề của đất nước, chia xẻ các khó khăn, thông cảm những hoài nghi, và cởi mở một cách thẳng thắn để nói về những vấn đề mình trăn trở. Đa số đều hỏi tôi về những tình cảm và ý nghĩ nào mà người Việt ở hải ngoại dành cho họ. Tôi cũng thẳng thắn nói lên sự bất mãn và chống đối chế độ của một số tập thể người Việt ở ngoại quốc và suy tư của các thành phần dấn thân, lo lắng cho tình hình đất nước, cùng cố gắng của họ để xóa bỏ mọi dị biệt, chung sức làm cái gạch nối, cái cầu giao lưu. Sau khi nghe tôi trình bày, đa số đều tán đồng phải có sự thông cảm giữa hai bên ngõ hầu tìm một đồng thuận, cho mọi thành phần dân tộc cùng tham gia tiến trình xây dựng đất nước. Tôi cũng tâm sự, tôi chỉ đóng vai trò một chyên viên, mong đem hiểu biết của mình về đây chia xẻ với người trong nước, giúp đỡ họ làm việc hữu hiệu hơn và đạt kết quả nhiều hơn. Trên cơ sở đó, không ngần ngại phê bình những điều mắt thấy tai nghe một cách trung thực.

Vì tôi nghĩ rằng chúng ta không còn nhiều thì giờ để cứ ngồi đó mà nghi kỵ nhau, không dám đặt thẳng vấn đề với nhau, hay cứ loay hoay mãi với những luận cứ, những triết lý, những giáo điều rỗng tuếch. Một cơ hội mới đã mở. Hãy bắt tay vào việc và làm ngay những việc phải làm trong lúc này cho dù hoàn cảnh chưa được thuận tiện cho lắm. Ưu tiên hóa những gì có thể làm được trong hoàn cảnh cho phép. Ngày lại qua ngày, chẳng bao lăm nữa nhân loại bước vào thế kỷ 21 mà hình như Việt Nam chưa ra khỏi tình trạng của những quốc gia đang ở vào thời điểm của đầu thế kỷ 20. Nâng cao dân trí, kiện toàn hệ thống giáo dục, chấn chỉnh lại toàn bộ cơ chế xã hội và phát triển tối đa nền kinh tế, lợi dụng số dân đông, cần cù mà cạnh tranh với thế giới. Chúng ta cũng không chờ đợi đến khi Mỹ bỏ hẳn lệnh cấm vận hay Nhật Bản đổ thêm tiền vào hơn nữa. Không thể ngồi đó, chửi đổng, tiếp tục mãi hận thù, mà không tìm ra được một đường lối, một hành động cụ thể nào cho công cuộc phát triển, cứu dân, giúp nước.

Tại một khách sạn ở đường Trần Hưng Đạo, tôi đã quen với anh Quang, chủ nhân, và được cả gia đình tiếp đãi nồng hậu. Cũng tại đây tôi quen được một chuyên gia từ Boston về làm giám đốc cho hãng Mitsubishi của Nhật.

Anh Hòa, qua Mỹ năm 13 tuổi, được công ty đưa về đây thành lập văn phòng và đôn đốc mọi công việc đầu tư. Tuổi còn rất trẻ, độc thân, Hòa đã trưởng thành với sự hiểu biết và dày dạn của mình. Anh không để một khó khăn nào cản đường và làm anh nhụt chí. Dù đang làm việc trong một xã hội còn nặng lối "kính lão đắc thọ", Hòa đã làm cho nhiều người Hà Nội ngạc nhiên về sự thành thật, thẳng thắn, thực tế và hiệu quả ở công việc. Những người như Hòa đã đóng góp phần mồ hôi của mình để làm những việc làm ý nghĩa. Anh đã hy sinh những ngày sống thoải mái, vui vẻ với bạn bè và đầy đủ phương tiện ở Boston mà tình nguyện về đây. Anh đã trải qua bao nhiêu khó khăn để hội nhập trở lại một xã hội hoàn toàn khác biệt. Anh đã trau dồi thêm phần tiếng Việt cho thông thạo và cũng quen đi lối làm việc còn quan liêu, trì trệ ở đây. Tuy vậy anh cũng đã ảnh hưởng đến biết bao nhiêu người làm việc với. Họ đã học hỏi ở anh cái lối đặt vấn đề, cách giải quyết và công việc nào cũng đều có mục đích hẳn hòi. Hòa có tâm sự với tôi ở đây có lúc cũng nhớ về Boston với những đêm thứ hai coi football và những lần đi câu mùa hè với bạn bè. Ở đây không có ngày nghỉ, anh làm việc sáu ngày một tuần như những nhân viên khác.

Trong những lần tâm sự với những người trong giới chính quyền quan tâm đến người Việt hải ngoại như ban Việt Kiều Trung Ương, tôi nhận xét rằng nhà nước đã không có những chính sách đúng, vì không hiểu đúng tâm trạng của người hải ngoại. Nhất là đối với giới chuyên gia trẻ. Họ cứ nghĩ là họ có thể vận động được dễ dàng lớp người này vì người trẻ không có mặc cảm và hận thù với quá khứ, dễ dàng bỏ qua những vấn đề hiện tại mà chung sức lo việc tương lai. Nhà nước cứ nghĩ thành phần này sẽ dễ dãi, sẵn sàng cộng tác với họ. Họ đã không hiểu được là mặc dù ra nước ngoài lúc còn rất trẻ, thanh niên Việt ở hải ngoại đã trưởng thành sớm và có cái nhìn rất sát thực về những vấn đề đất nước. Không ai dễ mua chuộc, và đừng nghĩ rằng họ sẽ mù quáng đi theo. Tuổi trẻ ngày nay thao thức bằng con tim nhưng hành động thuần lý trí. Họ không quá sức mơ mộng, lãng mạn trong tinh thần dấn thân và ước muốn phục vụ. Lời kêu gọi yêu nước, yêu đồng bào, yêu quê hương không chưa đủ. Điều kiện làm việc, môi trường sống phải thuận tiện và trong sạch, không bất công, không bè phái, không úp mở là những cái cơ bản tất yếu. Cho dù họ không có kinh nghiệmđau thương về chiến tranh, nhưng bù lại họ rất thực tế, cởi mở, thẳng thắn, không giáo điều, không câu nệ. Họ đã học được óc thực tế, tinh thần khai phóng và lòng vị tha, rộng rãi của người Tây phương. Họ có thể bỏ qua những lầm lỗi hôm qua nhưng không thể chấp nhận mọi sự nhập nhằng hôm nay. Họ chỉ làm điều mà lương tâm họ nghĩ đúng là làm, được việc là làm, không mất thì giờ, không do dự. Họ có thể sống ở đâu, làm bất cứ việc gì nếu những việc làm đó đem lại cái tốt cho nhân loại, và dân tộc Việt Nam. Đó là nếp suy nghĩ của lớp người trẻ mới ở hải ngoại, muốn đóng góp và xây dựng vì họ còn nặng nợ với tổ quốc, quê hương. Họ đã học được những bài học của người đi trước và không lý

tưởng hóa sự dấn thân để rồi bị sai khiến, lạm dụng, thất bại và bỏ cuộc. Nếu hiểu rõ tâm lý đó và đưa ra những chính sách phù hợp, tôi nghĩ rằng sự hiểu biết và kinh nghiệm của giới này sẽ được dùng đúng chỗ và đúng mức, và sẽ giúp ích rất nhiều cho công cuộc kiến thiết xứ sở.

Sau một tuần lễ ở Hà Nội tôi nhận thấy người Việt ở hải ngoại cũng có những ý nghĩ sai lạc không kém về người dân và tình hình trong nước. Có những người ra đi đã lâu, họ chưa bao giờ về nước, nhận xét của họ dựa trên trí tưởng tượng phong phú, hoặc qua cái cầu trung gian là báo chí bi quan hải ngoại, nên không rõ được những thay đổi hiện tại đang xảy ra ở bên trong. Đâu phải người nào trong nước cũng là người của đảng cầm quyền và họ không có trách nhiệm trực tiếp nào về sự thành bại của chính sách nhà nước đưa ra. Mặc dầu những sự thay đổi chưa đủ và chưa đúng mức, nhưng nhịp độ thay đổi trong mấy năm qua tôi đã thấy tiến triển rất nhanh. Hơn nữa đâu phải những người ở Việt Nam đều không hiểu biết vấn đề, ngược lại họ hiểu rất rõ những khó khăn mà họ phải đương đầu từng ngày, từng giờ, họ cũng đã âm thầm tranh đấu để được tham gia, dần dần tiếng nói của họ cũng đem lại nhiều kết quả, dù khiêm nhường. Họ không chờ đợi cho hoàn cảnh thật thuận tiện mới làm, hay ngồi chờ người ở hải ngoại tranh đấu thay cho họ. Họ có nhiều mơ ước, nhưng phải chấp nhận thực tế và những điều kiện cho phép. Có sự giúp đỡ từ bên ngoài hay không, phần chính vẫn là trách nhiệm mà họ phải gánh vác.

Lịch sử sẽ tiếp tục đi tới, thời thế sẽ không ngừng thay đổi, nếu tinh thần phục vụ cứ mãi là tinh thần dấn thân, thì những người trong nước đang âm thầm và can đảm làm việc là những người đang làm lịch sử vậy.

NGUYÊN LƯƠNG

` *Ngày 25 tháng 1, 1994*

Họa sĩ Phan Nguyên, trong hai tháng cuối của năm 1993, đã cho trưng bày phòng tranh trừu tượng của anh tại Trung Tâm Văn Hoá Pháp Việt , thuộc quậnNăm, Paris, dưới một tên chung *Fractus* (Mảnh Vụn). Cuộc triển lãm đã gây được sự chú ý của giới thưởng ngoạn hội họa . Bài viết dưới đây của nhà thơ Chân Phương, phần nào cho chúng ta thấy một vài nét phát thảo khái quát về "họa pháp Phan Nguyên". Chúng tôi hy vọng sẽ có dịp đi sâu hơn vào thế giới màu sắc của người nghệ sĩ còn tương đối trẻ này:

CHÂN PHƯƠNG

XEM TRANH PHAN NGUYÊN

Lần đầu tôi đến Savigny-Le-Temple, chuyến tàu ngoại ô chạy trễ một tiếng. Người bạn đón chờ tại bến. Chúng tôi lên xe nhỏ về ngôi nhà ngoại ô

tọa lạc giữa khu vườn yên ả. Phòng ăn phòng khách bày biện thoáng và đẹp mắt, trên tường treo nhiều bức trừu tượng khá lớn. Bên cạnh là chái hiên lồng kính ăn liền với khoảng sân sau. Chủ khách ra đây chuyện trò, vừa nhâm nhi cốc rượu vừa ngắm mấy chậu bonsai lạ mắt và cỏ cây mùa hè xanh mát ngoài vườn. Tôi nghĩ bụng, đúng là một khung cảnh thích hợp để sáng tác và trầm tư. Ngoài thú hội họa anh bạn nghệ sĩ này chắc phải là một tay say mê triết, đạo, và tư tưởng.

Tôi đã không lầm. Họa sĩ Phan Nguyên trước đây từng là sinh viên ban triết tại Văn Khoa Sàigòn trước khi sang Pháp vào những năm đầu thập niên 70. Anh tự học vẽ từ hồi còn nhỏ, vọc sơn và vẽ sơn dầu trên vải từ 1979-1980. Vào giai đoạn đầu, sáng tác của anh phần nào phản ảnh thế giới bên ngoài, thí dụ loạt tranh *Bốn Mùa* trong đó sắc màu đường nét cố chụp bắt các xúc cảm do biến đổi mùa màng, thời tiết gây nên. Mấy năm gần đây chủ yếu anh vẽ tranh trừu tượng với loại sơn acrylic trên vải, gỗ hoặc giấy. Phần lớn tranh khổ lớn tôi được xem tại nhà anh hôm ấy mang nặng tính thể nghiệm về bố cục; họa sĩ có vẻ đang tìm tòi một không gian hội họa riêng, cố gắng tách mình khỏi các bậc thầy trừu tượng hiện đại. Bút pháp Phan Nguyên làm tôi liên tưởng đến Pollock và Mathieu, hai danh họa của chiêu pháp action-painting. Cây cọ đầy sinh lực của anh có vẻ bị giằng xé giữa hai cực của Tĩnh và Động, đang ẩn mình đâu đó trong cõi vô hình bất ngờ, phóng ra theo một vũ điệu mãnh liệt, vẫy vùng torng khoảnh khắc xuất thần để để sống đến mức tột cùng của nó giữa phù du và hằng cửu. Đa số tranh lớn, tranh nhỏ của anh là vết tích từ vũ điệu của cây cọ ấy, một vũ điệu sảng khoái vô tâm rất gần nghệ thuật bắn cung, múa kiếm của Thiền môn. Trong một bức thư, họa sĩ thố lộ về họa pháp của anh như sau:

"Đầu óc thanh thản, tứ chi mềm mại, tâm thần thiền định, trống vắng.

Một màu vải trắng tinh như bông giúp ta lắng nghe mọi rung động, cảm xúc đến từ cõi sâu kín.

Âm vang nội tâm được phóng vào vũ trụ vô tận, dội trở lại những tín hiệu mơ hồ nào đấy, thấm vào lòng, chuyển qua tim, lan qua từng thớ thịt, bật ra thành nét vẽ.

Người đời thường gọi là xung lực. Mức độ thiền định càng sâu thì xung lực càng mạnh, nó chỉ đến trong phút chốc để đòi chuyển hóa thành màu sắc, hiện hình lên khung vải và tức thì, phải bắt lấy.

Đôi tay chỉ là phương tiện, sức mạnh nội tâm kia mới chính là đôi mắt hướng dẫn mọi động tác sáng tạo trung thực, chân tình, tự do, là gạch nối giữa hữu hình và vô hình, là nền tảng đưa không gian quyện lấy thời gian, đẩy vô thức trở thành nhận thức mà tác phẩm là tụ điểm.

Sự kết tinh đó là giây phút hạnh phúc lớn nhất của người nghệ sĩ".

(Trích thư riêng ngày 12, 9, 1993)

Nhưng cây cọ của họa sĩ không chỉ thể hiện xung lực nội tâm mà còn đối thoại, trầm tư trước vũ trụ. Những lúc ấy vũ điệu cây cọ chậm lại, thu mình vào chiều sâu và mặt trái của mọi biến động biến thành độc thoại giữa mối ám ảnh về đất trời câm lặng. Tôi rất thích bức *Thái Dương Tàn Lụi* (Cendre Solaire) treo nơi phòng ăn với vầng mặt trời đang cháy rụi và đảo nghịch thành một lỗ đen vũ trụ. Bức tranh làm tôi nhớ lại bài thơ Fénix (Phượng Hoàng) của thi sĩ Tây Ban Nha José Ángel Valente:

Trú ngụ
nơi những gì còn lại
sau khi lửa cháy,
tàn tích - cội rễ duy nhất
từ đó tiếng hát có thể mọc lên

Phải chăng Phan Nguyên đã và đang sống trong biện chứng Đông Phương của Thái Cực với Lưỡng Nghi, của Âm Dương, của Tĩnh và Động những khi anh ngồi trước khung vải trắng? Trong một số bức tranh thành công, họa sĩ đã đạt được tính hòa điệu giữa nền tranh tĩnh lặng, sâu lắng âm tính, che phủ dưới lớp sắc màu nhòa phai, nguội tắt, và vũ điệu của hội họa bừng cháy bên trên trong sát na sáng tạo như một tấu khúc hai bè với các nhạc khí trầm chơi contrepoint cho niềm say đắm nồng nhiệt của ghita với vĩ cầm.

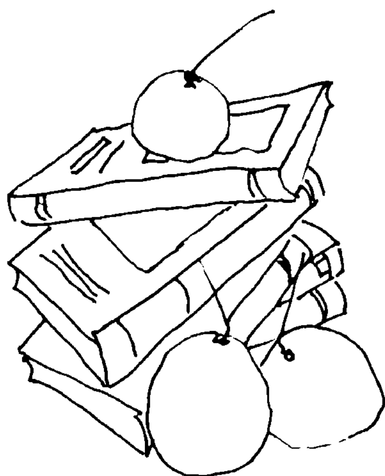
Được biết phần lớn các bức tranh tôi được xem tại nhà họa sĩ đã được triển lãm vào hai tháng cuối năm 1993 tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp Việt ở quận Năm Paris. Phòng tranh mang đề tài *Fractus* (Mảnh Vụn) đã thu hút được sự chú ý của giới thưởng ngoạn và bạn bè sành điệu. Xin chúc mừng họa sĩ Phan Nguyên và hẹn gặp lại anh một mùa hè khác giữa những tìm tòi, sáng tác mới.

CHÂN PHƯƠNG



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



KẺ ĐÀO MỒ, tập truyện Trần Long Hồ, Bìa, phụ bản Đinh Cường, Minh Văn xuất bản 1993. Giá 11MK.

Trong giới y khoa cầm bút, Trần Long Hồ có lẽ là người có sức sáng tác dồi dào nhất. Trên dưới hai năm, nhà văn bác sĩ này đã liên tiếp cho ra đời sáu tác phẩm: *Ngày Quanh Quẩn* (Tập truyện), *Niềm Vui Ung Thư* (tập truyện), *Kẻ Đào Mồ* (tập truyện), *Cõi Sa Mù* và *Cửa Địa Ngục* (quyển I và II của trường thiên *Dung Thân*).

Về văn chương Trần Long Hồ, nhà văn Nguyễn Mộng Giác nhận xét: "*Tôi thích lối viết truyện ngắn của anh (...), anh thoát ra ngoài cái mẫu truyện phong tục, đi sâu vào ngóc ngách chi li của tâm lý và xã hội, khiến truyện không dàn trải bề rộng mà có chiều sâu*".

Thiết tưởng, nhận xét trên, phần nào đủ để bảo chứng cho tác phẩm của tác giả này.

CỬA ĐỊA NGỤC, quyển thứ hai trong bộ trường thiên DUNG THÂN của Trần Long Hồ. Bìa Đinh Cường. Minh Văn xuất bản. Giá 22MK.

Dày 558 trang, hình thức tuyệt đẹp.

Tiếp theo CÕI SA MÙ, tập I, CỬA ĐỊA NGỤC vẽ lại bối cảnh ở một huyện lỵ rất nhỏ, nhỏ và nghèo nàn, và đìu hiu, có tên Gò Quao, thuộc tỉnh Rạch Giá, Kiên Giang, miền Nam Việt Nam. Tuy nhỏ bé, nhưng ở đó đã xảy ra bao nhiêu chuyện đau thương, khốn khổ. Và nếu lấy cái đau thương, khốn khổ này nhân lên, người ta có thể hình dung được phần nào khuôn mặt đầy bi kịch của đất nước, trong một giai đoan phân ly cùng cực.

Hợp Lưu trân trọng giới thiệu cùng độc giả *Cửa Địa Ngục*, có lẽ là một trong vài cuốn sách "có trọng lượng" nhất trong năm nay. Mua sách trực

tiếp: Nhà xuất bản Minh Văn. P.O.Box 647. Oakton, VA 22124. USA. Tél: (703) 560-0390.

CHÂN TRỜI LAM NGỌC, ký sự của Hồ Trường An. Bìa Đinh Cường. Minh Văn Xuất Bản. Giá 11MK.

Viết về mười hai tác giả: Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Vi Khuê, Võ Đình, Kiệt Tấn, Nguyễn Ngọc Ngạn, Hàn Song Tường, Võ Kỳ Điền, Hoàng Du Thụy, Trần Long Hồ, Trần Thị Diệu Tâm.

Người ta biết đến Hồ Trường An như một cây viết tiêu biểu của một dòng văn chương được Nguyễn Tấn Hưng tự hào là "văn chương miệt vườn" (Nguyễn Tấn Hưng có hẳn một nhà xuất bản lấy tên "Miệt Vườn"). Hồ Trường An chẳng những có văn tài, mà còn có một sức sáng tác đáng nể: trong vòng gần mười năm anh cho ra đời 18 tác phẩm, chưa kể 7 tác phẩm khác "sẽ xuất bản". Có thể nói đây là cây bút chuyên nghiệp hiếm hoi tại hải ngoại (chuyên nghiệp, hiểu theo nghĩa sống được bằng ngòi bút của mình, không vịn vào bất cứ một nghề phụ - hay chính - nào khác).

Trong tác phẩm này, 12 tác giả vừa nêu trên đã được Hồ Trường An soi rọi, nhìn ngắm bằng cái nhìn rất riêng của anh, một cái nhìn chi li, tẩn mẩn, nhẹ nhàng, khinh khoái và đầy cảm tính. Để hiểu rõ hơn về cái nhìn đó, xin mời độc giả hãy tìm mua *Chân Trời Lam Ngọc*, đã bày bán tại các nhà sách.

TRẠM NGHỈ CHÂN, tập đầu của một trường thiên tiểu thuyết của Trương Anh Thụy. Bìa và phụ bản Võ Đình. Tủ sách Cành Nam xuất bản 1993. Giá 10MK.

Trương Anh Thụy nói về tác phẩm của mình:

Một khung cảnh rất tự nhiên, rất dễ dẫn đến sự trao đổi chân tình: một người là sinh viên du học từ trong nước ra ("lưu học sinh" theo tiếng nói thông thường ở bên nhà bây giờ) và một người Mỹ gốc Việt, gốc tỵ nạn. Vì không ai là đại chính thức của bên nào, nên vấn đề không thể đặt ra là biểu tình, xuống đường, hoan hô, đả đảo! Vấn đề trước tiên là của hai con người, một nam, một nữ, rồi lại của hai con người Việt Nam mà không nhất thiết lúc nào cũng phô ra ngoài màu cờ hay khẩu hiệu. Vấn đề được rút xuống đến hai mẫu số căn bản nhất: hai tâm hồn Việt Nam gặp nhau rồi tương tác lẫn nhau, trong một không khí và một khung cảnh hoàn toàn tự do.

Câu chuyện từ đó nẩy nở....

Chúng ta có thể tạm gọi đây là một tác phẩm "cổ điển", dù vấn đề được đặt ra trong tác phẩm hoàn toàn mang tích cách thời sự nóng sốt, hiện đại. Từ bố cục đến hành văn, Trương Anh Thụy không cố tình làm "mới", chị đặt nặng trọng tâm vào chủ đề của tác phẩm hơn là gọt chữ, tìm câu, xáo trộn không thời gian,len lách ngòi bút vào các vùng sâu thẳm của ý thức, tiềm thức v.v... Vậy nhưng qua cái bút pháp có vẻ như "hiền lành" đó, người đọc bị cuốn hút vào tác phẩm lúc nào không hay. *Trạm Nghỉ Chân* là một tác phẩm đáng đọc.

NGƯỜI HOA TẠI VIỆT NAM, biên khảo của Nguyễn Văn Huy, nhà xuất

bản NBC 1993. Không ghi giá bán.

Tác giả đã, qua hơn bốn trăm trang sách (khổ chữ nhỏ, khung rộng), đưa độc giả đi ngược nguồn lịch sử, bắt đầu từ thời quân chủ, thời Bắc Thuộc, đến thời độc lập, rồi thời Trịnh Nguyễn (Đàng Trong, Đàng Ngoài), thời khai phá, bình định đất đai miền Tây, thời Tây Sơn, nhà Nguyễn Gia Long, đến thời thuộc địa Pháp, rồi Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc), Việt Nam Cộng Hòa (Nam) và cuối cùng: thời Việt Nam Cộng Sản... Trải dài hàng nhiều nghìn năm như thế, người Hoa đã đến Việt Nam, sinh sống ra sao, cùng người bản địa khai phá biên cương, bờ cõi thế nào, và họ đã chi phối, tham dự, gắn bó với người Việt đến chừng mực nào trên tất cả mọi lĩnh vực? Tựu chung, tác giả cho rằng cộng đồng người Hoa đã góp công không nhỏ trong việc dựng và giữ một quốc gia mang tên Việt Nam, nhưng có lẽ do nghi kỵ, ghen ghét, nhiều chế độ đã tỏ ra bất công với cộng đồng này. Từ đó, ông đưa ra một giải pháp: đã đến lúc phải có sự đồng thuận dân tộc, không phân biệt, kỳ thị với bất cứ sắc dân nào sống trên lãnh thổ Việt Nam, làm được việc đó, quốc gia sẽ hùng cường hơn.

Dù đồng ý hay không với quan điểm của tác giả, chúng ta cũng không thể phủ nhận: đây là một biên khảo công phu, nghiêm chỉnh và khách quan rất cần tìm đọc. Liên lạc mua sách: Nhà xuất bản NBC. P.O.Box 3492, Costa Mesa, CA 92628. USA.

KIẾN THIẾT VIỆT NAM TƯƠNG LAI: KINH TẾ, CHÍNH TRỊ VÀ GIÁO DỤC, của Phạm Viết Chương, Nguyễn Viết Hồng. Việt Phong xuất bản. Không ghi giá bán.

Chúng tôi đọc thấy trong *Lời Phi Lộ:*

... muốn giải quyết toàn triệt những vấn nạn của đời sống của con người nói chung và của dân tộc Việt Nam nói riêng, chúng ta phải nhận thức rằng chính trị là thiết kế, kinh tế là kiến tạo và giáo dục là để tự chủ hóa con người, đồng thời giáo dục là khởi điểm cũng là chung điểm của chính trị. Chính con người làm băng họai xã hội; thế nên, muốn kiến tạo xã hội chúng ta ít nhất phải đồng hành kiến tạo con người.

Dựa trên cơ sở đó, hai tác giả đã thử đi tìm một phương cách hầu "kiến thiết Việt Nam tương lại về các mặt chính trị, kinh tế và giáo dục"

Sách in trên giấy tốt, nhẹ, chữ lớn dễ đọc.

KHU VƯỜN MÙA MƯA, truyện dài Thế Uyên, bìa tranh Nguyên Khai. Xuân Thu xuất bản tại Hoa Kỳ 1993. Giá 15MK.

Ở trang 7, tác giả ghi: "*Tặng người nữ mà tôi đã mượn đường nét và cá tính để tạo ra nhân vật nữ chính trong truyện*". Như thế, cũng có nghĩa, tác phẩm không hoàn toàn là sản phẩm của hư cấu. Giữa sự thật (nhân vât, bối cảnh lịch sử...) và tưởng tượng (tình tiết, diễn biến...) hình như không có biên giới rõ rệt. Chuyện xảy ra vào những ngày xao động nhất của thời kỳ tiền đảo chính 1963 với những vấn đề nóng bỏng mang tính thời sự. Nhưng xuyên suốt toàn cuốn truyện, một vấn đề khác cũng được tác giả lưu ý và cũng nóng bỏng

không kém: đó là tình dục. Hầu như trong 11 chương của cuốn sách, không có chương nào không đề cập đến, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, có khi táo bạo, có khi thơ mộng.

Thế Uyên là một nhà văn nổi tiếng, trước và sau 75, trong lẫn ngoài nước. Ngoài tư tưởng cấp tiến và thái độ dấn thân trên lãnh vực chính trị, Thế Uyên có lẽ là một trong vài nhà văn Việt Nam đầu tiên can đảm đi sâu vào thế giới tính dục trong văn chương.

MÂY TRỜI AI NHUỘM TÍM của Lê Quang Phục. Bìa, phụ bản: họa sĩ Nguyễn Tài. Tác giả xuất bản. Không ghi giá bán.

Thật khó định danh cho tác phẩm này. Nửa thơ, nửa tùy bút, chủ đề xoay quanh một "cô bé" nào đó. "*Cô bé đến, và lòng si rạo rực*", rồi "cô bé" đi. "*Cái-rạo-rực-của-đến. cái-ray-rức-của-đi. cái-mê-muội-giữ-đến-và-đi như không còn ranh giới - với anh muôn thuở vẫn dịu dàng*" (những dòng chữ nghiêng là của tác giả, cũng của tác giả những gạch nối và sau chấm câu không viết hoa.

Một cách làm mới văn chương? Thú thật, người giữ mục này rất bối rối. Xin mời đọc giả liên lạc với: Lê Quang Phục, 59 Bayshore. Apt. 612, Nepean, Ontorio K2B 7G8, Canada nếu muốn mua sách và tìm hiểu về tác phẩm này.

MẶT THẬT, hồi ký chính trị của Thành Tín (tức Bùi Tín). Việt Press xuất bản 1993. Giá 16 MK.

Dày non bốn trăm trang. Là cuốn thứ hai sau *Hoa Xuyên Tuyết*. Chúng ta hẳn không xa lạ gì với tác giả, môt cựu đảng viên Cộng Sản, người từng gây xôn xao dư luận hải ngoại một thời, hiện sống lưu vong tại Pháp.

Cuốn hồi ký ghi lại sự thật về các vụ án bí mật, về cuộc thanh trừng vây cánh ông Võ Nguyên Giáp, về các tranh chấp quyền lực trong đảng CS Việt Nam, về cuộc đời và những phụ nữ trong đời ông Hồ Chí Minh, về cuộc họp báo ở Hà Nội của ông Võ Đại Tôn, về những lời chứng của nhiều người trong cuộc tàn sát nhiều ngàn người Tết Mậu Thân ở Huế, về việc đảng CSVN tổ chức vượt biên lấy vàng, và nhiều, rất nhiều bí mật khác...

Theo tác giả, "*Những dòng chữ này chỉ để nói lên sự thật, sự thật và chỉ sự thật về một chế độ đã đưa nước mình, dân mình vào một trong những thời kỳ đen tối nhất của lịch sử*"

Liệu rồi đây, "chuyện Bùi Tín" sẽ được hâm nóng trở lại, tại hải ngoại, bởi cuốn sách này?

CÕI NGOÀI, thơ Nguyễn Tiến, mẫu bìa Khánh Trường, tranh Nguyên Khai, phụ bản Khánh Trường, Võ Đình, Nguyên Khai. Thời Văn xuất bản 1993. Giá 8MK.

Chỉ trong vòng hai tháng, nhà thơ Nguyễn Tiến liên tiếp cho ra đời hai tập thơ. Một, đã giới thiệu ở số báo trước: *Nét Phẩy Bên Ngàn*, trường thi. Tập thứ hai này gồm gần 80 bài thơ, đủ thể loại: lục bát, ngũ ngôn, tự do...

Như chúng tôi từng nhận xét: thơ Nguyễn Tiến tắm đẫm trong "khí hậu" Phật Giáo đại thừa, và ở một số bài, với một số người, thơ anh có vẻ như... "bí hiểm". Nhưng nếu chúng ta đọc thơ, không phải chỉ cốt để nghe một "câu

chuyện kể" bằng văn vần hay để tìm một cảm thông phù hợp với tâm cảnh của ta, thì thơ Nguyễn Tiến sẽ trở nên dễ hiểu, vô cùng dễ hiểu. Nói cách khác: đừng tìm ở thơ Nguyễn Tiến một tư tưởng hay một "ý đồ" nào hết, hãy cứ đọc lên, và hãy lắng nghe âm hưởng của tiếng thơ vang động trong đầu, khởi từ những con chữ có khi dường như vô nghĩa, tối nghĩa, nhưng khi chúng đứng gần nhau, lại có được một hấp đáng kể, thử đọc:

Mộng thiếp trôi lững thững
Trên lời kinh tám phương
Chốn so le chín ngón
Mây dục hồn trăm đường

Giải thích thế nào đây cho trọn ý của tác giả? Nhưng rõ ràng, dù không ai hiểu cái "chốn so le chín ngón" ấy là chốn mô, ta vẫn thấy... rất thơ.

BIỂN ĐÃ MẤT, Thơ Phạm Thị Ngọc Liên, bìa Hồ Hữu Thủ, phụ bản Nguyên Mỹ, biên tập Ý Nhi. nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Giá 2.500 đồng VN. Và **EM MUỐN GIĂNG TAY GIỮA TRỜI MÀ HÉT**, cũng thơ Phạm Thị Ngọc Liên, bìa Phạm Viêm Phương, phụ bản tranh Hồ Hữu Thủ, trình bày Lữ Quỳnh, biên tập Ý Nhi, sửa bản in Quý Tâm. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Giá 15.000 đồng Việt Nam.

Tập thứ nhất dày 64 trang, gồm 33 bài thơ, khổ 5.50" X 11". Tập thứ hai dày 160 trang, khổ 8.50 X 8.00", gồm ba phần: 1) Nhật Ký, 20 bài. 2) Quán Trọ, 23 bài. 3) Hương Thơm, 21 bài, và một bài viết ngắn thay lời bạt của Ý Nhi có tên: *"Hình Dung Về Phạm Thị Ngọc Liên".*

Về hình thức, hai tập thơ được chăm sóc kỹ lưỡng, với phần kỷ thuật và mỹ thuật tương đối hoàn hảo.

Về nội dung, như chúng ta đã biết, Phạm Thị Ngọc Liên là một trong những nhà thơ nữ "có tầm cỡ" của Việt Nam hiện nay. Chị sáng tác mạnh, thơ tuy không mang những khai phá táo bạo về tư tưởng cũng như hình thức thể hiện, nhưng một điều ai từng đọc chị, đều nhận thấy: dồi dào cảm xúc và thành thật đến tận cùng bản ngã. Đúng như Ý Nhi nhận xét: *phải đau khổ, đau khổ đến cùng kiệt, đến tuyệt vọng, phải kêu lên "Ta như kẻ qua sông nhìn được phút đắm đò"* người ta mới có đủ "nội lực" để quay đầu nhìn lại, rồi vượt qua, rồi tiếp tục sống, rồi đặt cho mình những câu hỏi, và rồi rau rốt: tìm ra những lời giải đáp. *Đã đành, mọi điều không dễ dàng. Nhưng đó là thái độ cần phải có của một con người, của một nhà thơ thực sự.* Chúng ta hẳn sẽ đồng ý với Ý Nhi ở kết luận này.

TRÔI ĐI CÙNG THÁNG CHẠP, thơ Phạm Việt Cường, hình bìa; Bernadd Quesniaux, mẫu bìa: Huỳnh Đàn, chân dung tác giả qua nét vẽ Bùi Quang Ngọc. Trình bày xuất bản.

Một bạn văn nhận xét: Gần hai mươi năm văn học ngoài nước, đây có lẽ một trong số vài ba tập thơ "tới" nhất của thi ca Việt Nam hải ngoại. Nhận xét trên có thể ít nhiều chủ quan, nhưng nếu lấy con mắt của người thưởng ngoạn (hoàn toàn không quen biết với tác giả) để bình giá, thì nếu tập thơ

này không phải là "tới" nhất, tôi tin, nó cũng rất xứng đáng được xem như một tác phẩm thi ca mà giới thưởng ngoạn và phê bình cần đặc biệt lưu ý.

Phạm Việt Cường làm thơ luôn luôn với sự cẩn trọng tối đa. Tất nhiên, ai từng làm thơ, đều hiểu, làm thơ khác viết văn (xuôi) ở chỗ: viết văn, cần có kỷ luật. Phải ngồi vào bàn mỗi ngày bao nhiêu giờ, phải viết mỗi ngày bao nhiêu trang, dù có cảm hứng hay không. Làm thơ, khác: cảm hứng đến trước, cảm hứng nẩy ra thơ. Nhưng không phải chỉ chụp bắt cảm hứng, thể hiện thành chữ, thành câu, một lần, là câu thơ, đoạn thơ, bài thơ coi như hoàn tất. Hy hữu mới có ít nhiều trường hợp ngoại lệ: một câu thơ tràn ra trang giấy, tuyệt bích đến không còn cách nào sửa chữa cho hay hơn, còn thì hầu hết đều phải đẽo gọt lại, không phải một vài lần, mà có khi hàng chục lần, hay nhiều hơn nữa. Phạm Việt Cường là một trong số rất hiếm những thi sĩ đã từng "o bế" mỗi bài thơ của mình dễ chứng cả... trăm lần. Thậm chí, có lúc, thơ được đánh máy, lay-out, mang đến nhà in chờ lên máy, nhà thơ của chúng ta bất ngờ tìm ra một chữ "đắt" hơn, thế là dù bản thảo đã được chụp phim, làm kẽm, vẫn bị tác giả ra lệnh vất... sọt rác, thay bản mới. Phải chăng nhờ sự cẩn trọng này, cộng với tư chất bẩm sinh của một thi sĩ, sẽ không dễ dàng gì nếu ta muốn tìm ở thơ anh các nhược điểm, từ kỹ thuật đến cách sử dụng chữ nghĩa.

Về nội dung, thơ Cường là tiếng thở dài khôn nguôi cho tình yêu, phận người, những chia tan, gãy, vỡ, những dạt trôi, đứt, lìa, những ước mơ không thành, những thực tại bất ưng, và nhất là dĩ vãng, dĩ vãng hiện diện, ám ảnh, quằn quại trên từng chữ, từng câu... được thể hiện bằng một thứ ngôn ngữ và cấu trúc mang rất nhiều hình ảnh, ma lực.

Đây là tập thơ cần tìm đọc, cần cất giữ trong mọi tủ sách của những người yêu mến thi ca.

NGHĨA ĐEN, thơ Phương Sinh (Chân Phương). Trình bày xuất bản.

Tác phẩm thứ tư của một nhà thơ làm thơ nhanh và nhiều nhất trong số các thi sĩ tôi từng biết.

Vẫn rất hiện đại và rất nhiều ẩn dụ, thơ Phương Sinh có lẽ chỉ hợp với "tạng" của một số người không thích nằm mãi một chỗ, cùng với những định kiến, nguyên tắc bất di về một cung cách thưởng ngoạm nào đó. Nói cách khác, muốn đến với thơ Phương Sinh, điều trước tiên ta phải đoạn tuyệt hẳn - giải trừ hẳn - thói quen thưởng ngoạn cũ: thơ, phải bằng trắc vần điệu êm tai; thơ, chữ nghĩa phải óng ánh; thơ, phải mênh mông trời biển... Thơ Phương Sinh là sự kết hợp giữa nhịp rung nhạy bén của một trái tim thi sĩ với cường độ mạnh của một trí tuệ minh mẫn.

THƠ DIỄM CHÂU, Trình bày Xuất Bản.

Dày ngót 300 trang, kết hợp ba tập: *Người Làm Vườn Và Bông Hoa. Đốm Hương. Niềm Vui Mỗi Ngày.*

Đây là tuyển tập thi ca của một tác giả, có lẽ, đồ sộ nhất mà tôi biết, được in ra thành sách.

Đồ sộ, về chiều dày, về số lượng, tất nhiên không đáng kể (tôi từng thấy có những nhà thơ, chỉ trong vòng năm ba năm, đã "sản xuất" trên.... năm nghìn bài thơ, nghĩa là ngày nào cũng có thơ, ngày nào cũng vài ba bài, dễ dàng như ta bóc giấy một cây kẹo!), đáng kể chăng là cái chiều dày ấy, cái số lượng ấy có phải là "thơ" hay không? (Xin đừng hiểu "thơ" theo nghĩa một trang chữ có vần điệu, câu kéo, bằng, trắc êm tai). Thơ Diễm Châu rất xứng đáng để chúng ta khẳng định: Ông đã, cùng các bằng hữu của ông, đưa thi ca Việt Nam hiện đại tiến một bước khá xa trong giai đoạn này.

TRĂNG NGÀN DẶM LỮ, thơ Phù Du. Bìa Đinh Cường. Copyright bởi Vĩnh Hảo. Không ghi giá bán.

Tập *Trăng Ngàn Dặm Lữ"* gồm 55 bài lục bát, đa số ngắn ngắn, từ 4 đến 8 câu, hơi thơ phảng phất một chút Bùi Giáng, một chút Phạm Thiên Thư. *Thử đọc một bài có tên "Ngẫu Tác": mùa tôi đã mấy phen tình / lòng xuân ngẫu hạnh nẩy lên ngẫu phùng / ngẫu nhiên vào hội gió đông / trận mưa thu chớm mơ màng ngẫu nhiên / tình chung ngẫu nhĩ đời riêng / cõi hè bát ngát hiện tiền ngẫu sinh.*

XUNG QUANH VỤ PHONG THÁNH TỬ ĐẠO (NHẬT KÝ 1988) của Nguyễn Ngọc Lan. Bìa Thanh Lý và Tấn Đức. Xếp chữ: Bạch Nhựt. Nhà xuất bản Tin ấn hành tại Paris cuối năm 1993. Giá 100FF. 15MK.

Cuốn nhật ký thứ III của cùng tác giả được in tại hải ngoại.

So sánh với tập I và II, nhật ký Nguyễn Ngọc Lan tập III thoạt tiên có vẻ cục bộ. Nội dung chủ yếu xoay quanh những dữ kiện và diễn tiến của một biến cố có tính cách thuần túy tôn giáo và thuộc về nội bộ người Công giáo: việc Phong Thánh 117 Chân Phúc Tử Đạo Việt Nam...

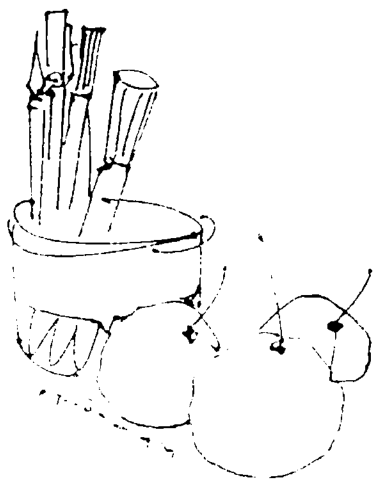
... Tác giả không chỉ ghi chép và phân tách tỉ mỉ biến cố Phong Thánh như một chứng nhân say mê. Ông còn là một trong những nhân vật quan trọng. Nguyễn Ngọc Lan đã lên tiếng "bênh vực" các Thánh Tử Đạo Việt Nam một cách quyết liệt, với một lý luận chặt chẽ, nhất là với một cảm tình nồng nàn và một sự phẫn nộ xứng đáng với tầm mức của biến cố... (Lời nhà xuất bản)

Mua sách, xin liên lạc: TIN, Paris. 54 Avenue Léon Blum - 92160 Antony-France.



với văn hữu và bạn đọc

THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



Góp ý về một tinh thần dân chủ

Tôi xin tự giới thiêu là một người, vì hoàn cảnh riêng, đã rời đất nước khá sớm, vào giữa thập niên 60. Thời đó, những người đi học xa như tôi còn ít, cuộc sống rất buồn, may nhờ sách báo ở bên nhà gởi sang nên tôi cảm thấy còn một sợi dây, một khúc ruột nối liền mình với quê hương. Ngày ấy, *Bách Khoa* và *Văn* là hai tờ báo tôi nhận được thường xuyên hơn cả, do anh em trong nhà gởi cho.

Sau 75, bị cắt đứt khỏi quê hương trong khoảng 3, 4 năm trời, tôi lại rơi vào hoàn cảnh buồn thảm cũ. Sách vở, báo chí ở bên này trong những năm đầu chẳng là bao, số người viết cũng èo uột và đề tài chưa có gì khởi sắc. Tôi đành sống thu gọn vào ngành chuyên môn của mình, rất nản. Khoảng 5, 7 năm sau, số người trong nước bỏ đi mỗi lúc một đông, lượng người viết mỗi lúc một nhiều, các nhà văn tôi yêu mến lần lượt qua đây, sinh hoạt văn học báo chí Việt ngữ mỗi ngày mỗi phong phú hơn. Tôi lại được trở lại với thú vui của mình là đọc sách báo Việt Nam. Nhưng rồi sự phong phú nở rộ quá, đến một lúc trở thành cánh rừng với quá nhiều đầm lầy và bãi hoang, làm tôi hoảng sợ. Tôi quay về đọc kỹ hơn những tờ báo văn học của Mỹ mà sự nghiêm chỉnh của nó làm tôi yên tâm, mặc dù nhiều đề tài tôi không hẳn thích thú. Người Mỹ họ không có loại nhu cầu tâm lý (đôi khi bất thường) như một số hiện tượng thấy xuất hiện ở vài người cầm bút hay ở một số độc giả cầm bút như trong cộng đồng chúng ta. Nói chung, tôi thấy báo chí của họ thể hiện một tinh thần dân chủ có tính... truyền thống và nề nếp hơn báo chí của mình ở đây.

Hợp Lưu là tờ báo tôi theo dõi từ khoảng hai năm nay. Tôi nghĩ đây là một tờ báo có khuynh hướng cấp tiến, cởi mở và có nhiều bài đáng xem. Một vài tờ báo khác cũng có một số nét tích cực, nhưng tôi sẽ không bàn về chúng ở đây, vì tôi đang viết thư cho *Hợp Lưu*, muốn bàn về *Hợp Lưu*, và vì đây là tờ báo có những điểm tôi quí.

Tôi muốn bàn về tinh thần dân chủ của *Hợp Lưu*

Dân chủ, theo tinh thần biểu hiện và hành xử của ngay như người Mỹ, theo tôi nhận xét, vẫn nằm trong vài định chế, qui chế, nghi thức nào đó. Nếu sự thực thi dân chủ không được đặt vào những qui chế, thể thức thì e rằng dân chủ chắc cũng khó mà sống sót được. Vì bản chất của con người là *loạn động* và *hiếu chiến* như ít nhất là Edward O. Wilson (*On Human Nature*), Konrad Lorenz (*On Agression*) và Erich Fromm (*The Anatomy of Human Destructiveness*) đã tin như thế.

Theo tôi, ở số báo vừa rồi, tinh thần dân chủ của *Hợp Lưu* đã được "mở rộng" quá khiến đi đến chỗ mất đi phần tế nhị và khéo léo. Tôi muốn nói tới việc *Hợp Lưu* đăng phần được tòa soạn gọi là "góp ý" của một độc giả với hai nhà phê bình được nhiều người yêu mến (một người viết khá thường xuyên cho *Hợp Lưu*; người kia trong khoảng một, hai năm nay không thấy viết, nhưng hình như vẫn là thân hữu của *Hợp Lưu*). Viết bài, có người quan tâm góp ý là tốt; nhưng các bài báo chuyên về văn học của Mỹ mà tôi đã được đọc trong khoảng 30 năm qua, hình như chẳng có tờ nào có những lá thư góp ý viết thiếu cẩn trọng như vậy (Những góp ý của độc giả trên những tờ báo *Time* hay *Newsweek* - là những tờ báo có tính phổ thông, đại chúng, không chuyên về văn học - lại là một vấn đề khác). Các báo chuyên về văn học của thế giới có thể đăng phản ảnh của một độc giả qua một bài viết cẩn trọng và công phu (ở mức độ nào đó), chứng tỏ sự nghiên cứu và suy nghĩ kỹ của người viết trước khi cầm bút. Nội dung và thái độ của những bài viết ấy cũng phải cho thấy tác giả của nó có một sự hiểu biết và một lối ứng xử tối thiểu nào đó để được những người đọc khác đánh giá là xứng đáng. Phần "góp ý" của độc giả mà tôi vừa nhắc ở trên không có được những tiêu chuẩn cần thiết ấy.

Về thái độ của *Hợp Lưu* khi đăng lá thư nọ, thật sự tôi không hiểu. Dù không trực tiếp trách nhiệm về nội dung bài viết của các tác giả, tòa soạn có trách nhiệm tinh thần khi chọn lựa bài vở. Thái độ chọn lựa bài vở của một tờ báo thể hiện đường lối của tờ báo ấy, đồng thời, thể hiện thái độ "chọn lựa" độc giả của mình. Tôi không biết *Hợp Lưu* nghĩ sao chứ một tờ báo cũng có quyền chọn lựa cho mình một tầng lớp độc giả, cũng như độc giả có quyền chọn lựa lấy tờ báo cho họ. Nếu *Hợp Lưu* tôn trọng độc giả của mình, nghĩ rằng họ ở "một tầng lớp nào đó" (và điều này thì cũng là điều hợp lý!), việc chọn lựa những điều để đưa lên báo nên thể hiện rõ thái độ đó.

Trong sự hiểu biết giới hạn của tôi, vấn đề tranh luận chỉ đặt ra khi tác giả một bài nhận định, khảo luận.....kết bài của mình bằng một thái độ mở, (có tính) kêu gọi sự góp ý, tranh luận. Hoặc khi tác giả kết bài theo một chiều hướng nào đó có tính cách tạo vấn đề, gây ngộ nhận, hoặc tạo sự bất đồng ý nơi độc giả (ở mức độ nào đó). Vấn đề tranh luận không được đặt ra khi người góp ý không nắm vững vấn đề hoặc, tệ hơn, không nghiên cứu vấn đề hay là không đọc kỹ bài viết của tác giả mình muốn thảo luận. Một điều không thấy *Hợp Lưu* nói ra nhưng tôi nghĩ là tác giả các bài góp ý, tranh luận nên cho

tòa soạn biết tên thật và địa chỉ (nếu dùng bút hiệu) để tòa soạn tiện việc liên lạc khi cần. Và ban chủ biên cũng nên làm việc này khi cần thiết. Ngoài ra, lời lẽ của bài tranh luận, góp ý phải lịch sự. Nếu nội dung tranh luận tốt mà lời lẽ vụng, còn thiếu tế nhị, tòa soạn là người phải làm việc cắt xén, sửa chữa. Đó là vai trò của người (hay ban) chủ biên của bất cứ một tờ báo đứng đắn nào (chưa kể đến một tờ báo văn học, vốn được coi là tờ báo của chữ nghĩa). Bài viết của nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc kỹ lưỡng và có thiện chí. Nó chứng tỏ rằng ông thẳng thắn và tôn trọng người đọc ông, cho dù tôi nghĩ là ông hiểu rõ hơn tôi thái độ đọc của người góp ý. Những đóng góp cũng như thái độ ứng xử của ông khiến tôi rất quí và phục. Dù sao, tôi vẫn nghĩ, *Hợp Lưu* có nên đăng cái thư "góp ý"... kỳ lạ và "khó hiểu" của vị độc giả nọ lên báo không? Nhà phê bình có cảm thấy bị (*Hợp Lưu*) dồn vào cái thế phải chọn sự trả lời hoặc giữ im lặng (và có thể bị ngộ nhận) không? Tại sao *Hợp Lưu* không đưa thư "góp ý" cho nhà phê bình để ông trả lời trực tiếp cho độc giả (nếu ông thấy việc ấy đáng làm hoặc nên làm)?

Tôi nghĩ *Hợp Lưu* nên khéo léo đối với độc giả cũng như đối với những người cộng tác của mình. Độc giả có yêu mới đọc báo, mới nghiêm chỉnh và thiết tha góp ý (khi cần). Tác giả có quí tờ báo mới bỏ tâm lực để viết bài. Nhiều bài trên *Hợp Lưu* là những bài viết công phu và kỹ. Tôi rất yêu những bài viết được tác giả của chúng để tâm và trình bày một cách công phu. Những bài viết ấy mở rộng cái nhìn của chúng ta về văn học và con người. Những điều ấy được gởi tới người đọc không phải chỉ là công phu và tâm huyết của người viết, mà còn là do công lao của (ban) chủ biên tờ báo mà bài viết ấy xuất hiện nữa. Mong *Hợp Lưu* luôn duy trì đường hướng đóng góp ấy và nên luôn cẩn trọng và tế nhị trong thái độ hướng dẫn cũng như giao tế của mình. Tôi ước mong độc giả cũng như các văn hữu của *Hợp Lưu* luôn thấy được nó là diễn đàn của những suy nghĩ nghiêm chỉnh, nhân bản và tiến bộ.

NGUYỄN CHÂU PHONG

(13714 Boudreaux Etate Dr. Tomball, TX 77375)

Tòa soạn rất cảm động và vô cùng cảm ơn ông đã bỏ công ngồi viết lá thư khá dài trên, để "bàn" với Hợp Lưu *về thái độ, cung cách "góp ý" của độc giả với các tác giả. Những lời "bàn" của ông chúng tôi hoàn toàn đồng ý và xin ghi nhận để sửa chữa.*

Tuy nhiên, nếu ông không coi đây là những lời "biện minh" thì xin ông cho phép chúng tôi được "giải thích" đôi lời:

- Trước khi quyết định đăng thư "góp ý" kia, chúng tôi có liên lạc với nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc, đưa thư cho ông đọc và xin ý kiến, đồng thời cũng gợi ý với ôn: nhân chuyện này, nên có một bài viết liên quan đến "thái độ phê bình của người thưởng ngoạn". Ông Bùi Vĩnh Phúc đồng ý. Vì vậy, như ông thấy, mới có việc "thư góp ý" và "bài trả lời" cùng đi chung một số, trên dưới liền nhau. Điều này chứng tỏ sự cẩn trọng của chúng tôi với tác giả cũng như độc

giả. Riêng chuyện lời lẽ không được nhã của người góp ý, chúng tôi quyết định để nguyên văn, không sửa chữa, là vì chúng tôi nghĩ rằng khi độc giả đọc xong cả hai bài, sẽ dễ dàng nhận ra cái "nhân", đưa đến cái "quả". Do vậy, vấn đề sẽ minh bạch và có tính thuyết phục hơn. Việc làm của chúng tôi, một cách nào đó, có lẽ không ra ngoài những suy nghĩ mà ông đã nêu ra trong lá thư của ông.

- Về chuyện cắt bỏ, sửa chữa, nhuận sắc một bản văn... Thưa ông, là chuyện chúng tôi vô cùng khổ tâm. Tất cả các tờ báo, nhà xuất bản... của các quốc gia khác, điển hình như Mỹ, có cả một ban "nhuận sắc" hẳn hòi, những vị trong ban này có toàn quyền cắt, đục, đẽo, gọt, mang đoạn trên xuống đoạn dưới. lồng đoạn giữa vào đoạn áp chóp v.v... Thậm chí, nhiều bản văn, chính tác giả cũng không nhận ra là của mình, ngoại trừ cái "ý". Và hầu hết - dĩ nhiên không kể các tác giả tên tuổi thuộc loại "cổ thụ", mà mỗi chữ của họ viết ra, đã và sẽ trở thành "kinh điển" - đều mặc nhiên chấp nhận sự việc trên, chẳng những họ không phiền trách, trái lại, còn cảm ơn ban "nhuận sắc" đã giúp họ hoàn chỉnh bản văn. Ai cũng biết: người viết, mãi chạy theo điều muốn thể hiện, đôi khi sơ xuất không kịp hay không lưu ý trau chuốt lời văn, câu đoạn, cũng như hình thức sắp xếp bố cục. Riêng các tác giả Việt Nam, kể cả các "lính mới", đều rất "kỵ" chuyện này. Nói cách khác, người viết chúng ta không quen và không chấp nhận cái công việc "nhuận sắc" kia, họ không mấy tin tưởng ở khả năng của người nhuận sắc (do "cái tôi số một", vốn là tinh thần, bản sắc của đa số người mình!), họ quên rằng người nhuận sắc không phải là người sáng tác. Người nhuận sắc chỉ làm cái công việc thuần túy kỹ thuật, chuyên môn, và bởi vì họ là "người đọc", nên thường "sáng" hơn, dễ thấy ra những lợn cợn trong một bản văn hơn.

Bởi vậy, Hợp Lưu, và nhiều tờ báo ở hải ngoại mà chúng tôi có dịp quen biết, vẫn thường bị "lên lớp", bị "nghỉ chơi", chỉ vì... lỡ dại cắt, hoặc đẽo, gọt một câu, một chữ của tác giả! (công việc này nào sướng ích gì đâu, vừa tốn thì giờ vừa nơm nớp lo bị la mắng). Ôi, có nằm trong chăn mới biết chăn có rệp! Cho nên, Hợp Lưu vẫn tự hào là tờ báo khá tế nhị, và khiêm cung, thế mà rất nhiều khi vẫn không thể làm vừa lòng tất cả mọi văn hữu. Thậm chí, chỉ là chuyện sắp xếp bài vở hoàn toàn có tính kỹ thuật, mà nhiều khi bị "nghỉ chơi", mới đau! Ví dụ: một bài thơ bốn câu, không thể chiếm trọn một trang, người lay-out cho nó nằm dưới một bài viết khác. Báo ra, tác giả bài thơ gởi thư về, mỉa mai: "thơ tôi có lẽ chỉ xứng đáng để... trám chỗ trống"! Hoặc, cũng là vô tình, người chủ biên đặt bài viết của ông A đứng cạnh chị C. Lập tức: "Bài tôi mà cùng đi chung với ... à? Anh khinh tôi vừa vừa chứ!" Chưa kể, một phẩy, một chấm, một dấu hỏi ngã, một chữ c, t, g, d do lỗi chính tả, không mấy nguy hại lắm cho tinh thần bản văn, vẫn bị "chỉnh" sát sạt (tôi nói chỉnh sát sạt, chứ không phải trách cứ nhẹ nhàng). Quí vị ấy không thông cảm cho, làm báo, ở hải ngoại là một hình thức "một mình một ngựa" trăm phần trăm, từ A đến Z, từ đọc bài, chọn bài, đánh máy, lay-out, trình bày, mang in, lấy về, đóng gói, vô

bao bì, mang ra bưu điện, viết invoice đòi tiền, thâu tiền, trả lời thư văn hữu, độc giả... chỉ duy nhất một người, như trường hợp Hợp Lưu, *thì dù có ba đầu sáu tay cũng khó mà hoàn chỉnh trọn vẹn được!*

Những điểm chúng tôi vừa trình bày, hy vọng sẽ giúp ông hiểu cho hoàn cảnh của Hợp Lưu, *và mong ông tha thứ. Kính mến.*

Một chấm, một chữ, một phẩy... đã xô nghĩa, lệnh nguồn...

Tôi đã nhận được hai tập *TBQ*... Thành thật cảm ơn các anh chị trong ban chủ trương nhà xuất bản Tân Thư (thuộc tạp chí Hợp Lưu) đã ra lòng, và bỏ công chăm sóc sách khá chu đáo, đẹp, lại thêm bốn phụ bản thân thương. Thuở nay, sách của tôi chào đời tại nội địa, nghĩa là xứ văn hiến tự thuở Hùng Vương, chưa có quyển nào đẹp vậy. Tôi có mang nặng đẻ đau nhưng nhờ các anh chị làm Bà Mụ khá hiện đại. Xin cho tôi được gởi lời cám ơn tới Đinh Cường, Phan Tấn Hải, cùng những quý anh chị có liên hệ tới công tác "Bà Mụ" cho TBQ vậy.

Tuy nhiên sách có vài ba lỗi morasse sai, thật tiếc. Tỉ như trang 108, dòng 8, thay vì "*rất*" hoàn chỉnh lại là "*bất*"; trang 170 là mưa "*tạnh*", thay vì mưa "*lạnh*"; trang 191, dòng 5, là "*sóng*", không phải "*sông*". Hãy sơ bàn về *rất, tạnh* và *sóng*, cho vui:

"*Rất*". Đoạn tả thằng Bảy Rô say rượu ném gạt tàn thuốc vào người vợ, văn chỗ đó có chất humour, là người say có cái nhìn "*rất*" hoàn chỉnh, ấy là: nhìn một hóa hai. Nào "*bất*" hoàn chỉnh, bởi vì say bí tỉ còn nói gì hoàn chỉnh với không.

"*Mưa tạnh. Chiều lên*"?. Đó là bút pháp ngắt đoạn, để giàu thêm kịch tính: cuộc gay cấn giữa Chiêu và Trinh khởi đầu. Vả, mưa "*tạnh*" thì tan mây, ửng nắng, vén màn trời, nên chiều "*lên*". Nếu mưa "*lạnh*", hẳn là chiều phải sa sầm, buông rũ thôi.

"*Thấy sóng đó không*", chớ không phải "*sông*". Sông cũng có sóng. Nhưng mà nói tới sóng là điều của biển. Biển mới tạm gọi là lớn, cho sóng tạm gởi cái âm vang. Sông cũng có tiếng nói, đa dạng, tỉ tê từ đầu ghềnh cuối bãi, tới thôi thúc lúc hóa thân vào biển; nhưng sông hẹp hòi chỗ tài sản con người; nói tới Tổ Quốc người ta gọi Núi Sông. Thiên Địa, Trời Biển là của chung, vũ trụ; cổ kim Đông Tây vẫn ngân ấy tiếng gầm vang. Mà nào tôi có nói "*sông biển*", đồ bỏ chỗ cát bụi đâu. Chỉ nói sóng, cái không có; hải triều âm hoàn toàn có đó mà không hình hài, cái tiếng thét vọng tâm linh của chính các anh, tôi, kiếp người trong cõi người. Nó vô biên, con người có khi đi tới cái chết mà vẫn ở trong niềm đau tiềm vọng.

Vậy đấy, một chấm, một chữ, một dấu phẩy, một dấu mũ trên đầu chữ, đã xô nghĩa, lệch nguồn. Nhưng mà các anh chị hiểu đó, toàn quyển sách các anh chị in cho tôi, rất may, chỉ năm ba chỗ sai. Sách nội địa nơi đây, mỗi trang sai năm bảy chỗ; nghĩ vậy mà tôi hiểu rằng các anh chị đã tốn rất nhiều công sức cho tôi, điều ấy thành thật tri ân...

CUNG TÍCH BIỀN (Việt Nam)

Cũng rất muốn gởi cho anh trăm cuốn để tặng bằng hữu (có khi ra mắt cho vui, như lời anh nhắn qua người bạn vừa về Mỹ), nhưng không biết phải làm cách nào. Đường bưu điện thì bị bít lối chỗ hải quan, đường "chui" thì chẳng ai dám nước một lúc cả kiện hàng to tổ bố như thế, nhất là hàng "văn hóa phẩm"! Khổ vậy đó, trên thế giới, người ta "giao lưu" với nhau mỗi năm hàng triệu đầu sách, lại được ưu tiên miễn thuế, giá hạ, trong lúc "xứ văn hiến bốn nghìn năm ta" thì cứ phải "thậm thà thậm thụt" như vụng trộm ngoại tình. Nghĩ vừa tức vừa buồn!

Tôi rất áy náy về chuyện chị và các cháu hy vọng, rồi thất vọng! Nhưng như anh đã biết, qua LT, mọi sự không "lạc quan" một tí nào hết. Tuy nhiên, sẽ cố. Tôi sẽ lo một ít, trước tết. Chúc một năm tươi tốt mọi mặt. Thân mến.

Giảm bớt hoặc cắt những phần, những bài nặng về sex...

Chúng tôi rất đồng tình với quan điểm, đường lối mà HL đưa ra. Và chúng tôi rất thông cảm với HL về điều kiện kinh tế tài chính, cũng như những khó khăn với những quan điểm không thống nhất. Nhưng năm tháng rồi cũng qua đi, chiến tranh rồi cũng kết thúc, chỉ có tình yêu và nghệ thuật là còn mãi mãi và làm cho con người trở nên gần gũi nhau hơn.

Chúng tôi, những người sống nơi đất khách quê người, cũng lưu bạt giang hồ, cũng là những kẻ lang thang, nhìn về Quê Mẹ với tấm lòng chua xót trước cảnh nghèo nàn và lạc hậu. Chúng tôi cũng chẳng biết làm gì hơn (?!)

Về hình thức, HL trình bày đẹp, trang nhã, chất liệu tốt. Tuy nhiên nếu có thể in thêm tranh vẽ của các họa sĩ Việt Nam "cổ điển", như tranh phố Bùi Xuân Phái, tranh lụa Nguyễn Phan Chánh... thì sẽ phong phú hơn.

Nội dung, chúng tôi đã thấy HL có rất nhiều tiến bộ từ chỗ câu, từ, dấu (huyền, sắc, hỏi, ngã...) còn in thiếu in sai, đến nay đã trôi chảy. Riêng truyện ngắn và thơ, chúng tôi có ý kiến nên giảm bớt hặc cắt những phần, những bài nặng về sex. Không biết chúng tôi có phong kiến cổ hủ không? Nhưng chúng tôi thực tâm muốn tôn trọng nghệ thuật ngôn từ, nó hiện thực nhưng không quá trần tục và lõa lồ. Chúng tôi rất quan tâm đến các cuộc phỏng vấn của HL thực hiện với các nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nghệ sĩ... trong và ngoài nước. Vì từ đó chúng tôi biết được trực diện hơn những quan điểm, quan niệm về thời cuộc và văn chương nghệ thuật hiện tại mà các tác giả đang sống và đang hoạt động. Rất mong HL thực hiện được thêm nhiều cuộc phỏng vấn khác...

Thay mặt nhóm trí thức NAM HÀ
NGUYỄN NAM HÀ (Warszawa)

Cảm ơn góp ý của các anh chị. Chúng tôi ghi nhận và sẽ thảo luận để kiện toàn hơn về mọi mặt. Thân mến.

vượt qua được những chuyện tủn mủn

Hợp Lưu thỉnh thoảng vẫn có những bài viết kém. Tuy nhiên nhìn chung là có sinh khí và trẻ trung. Một điều nữa tôi cho là rất đáng khen: các anh chị đã vượt qua được những chuyện tủn mủn, như chuyện đôi co đúng sai phải trái mà hàng ngày, hàng tuần trên các tờ báo lá cải, báo biếu vẫn không mỏi miệng, tốn mực ném qua trả lại. Vô ích, vô bổ và tỏ lộ một thái độ coi thường độc giả quá lắm.

Cứ thế mà đi, dần dần rồi sự thật, trắng đen, phải trái cũng lộ ra. Tôi nhớ không lầm thì những bước đầu của HL quả là gian nan. Dù là độc giả từ số đầu, tôi vẫn không tin tưởng "nó" sẽ tiếp tục đi được quá ba số. Vậy mà nay đã đến số 14. Tôi không biết tình trạng tài cính của HL như thế nào, nhưng tôi tin, đã qua được một đoạn đường dài, và đã vững vàng như thế (ý tôi muốn nói đến sự cộng tác đông đảo của các cây viết trong, ngoài nước) thì HL chắn chắn sẽ không thể "bất đắc kỳ tử" nữa, phải không?

Sau đây là những ý kiến của tôi, thay vì ghi vài dòng trong phiếu góp ý, tôi gởi hẳn lá thư này đến các anh chị, để nói năng thoải mái hơn.

- Có lẽ nên tăng cường thêm truyện, thơ trong nước. Độc giả hải ngoại thích theo dõi văn chương, hẳn cũng đã là độc giả của *Văn, Văn Học*..., các tác giả xuất hiện trên Hợp Lưu đa số đều cũng xuất hiện trên các tờ báo kia. Sở dĩ chúng tôi tìm mua HL là vì muốn biết thêm sinh hoạt văn chương trong nước, mà do tình thế chúng tôi không thể giao tiếp dễ dàng.
- Dời phần lý luận chính trị qua Đối Thoại (có ra được không? Và bao giờ ra?) rất hợp lý. Thú thật, đọc các bài viết chính trị, tôi cảm thấy nhức đầu quá lắm, dù rằng vẫn không thể phủ nhận: những bài chính trị đứng đắn là vô cùng cần thiết cho chúng ta, trong cũng như ngoài.
- Mở thêm mục "Tin Tức Văn Học" để các độc giả không có thì giờ nhiều tiện cập nhật kiến thức văn học.
- Cố gắng thực hiện và duy trì phần phỏng vấn. Rất là cần thiết.
- Mục "Ngày... Tháng..." được. Thực tâm, cảm động. Đôi chỗ vui vui (tuy hơi quá đà), giúp cho tờ báo có được "chất tươi", sinh khí.
- Mục "Giới Thiệu Sách Mới" nên trung thực hơn. Nghĩa là nên phê phán thật công minh (trong HL số 14, "phê" cuốn "Vẻ Vang Dân Việt" như thế là phải lắm. Cứ vậy mà làm. Có thể tòa soạn sẽ "mất lòng" nhiều cây bút, nhưng nếu sợ mất lòng MỘT cây bút mà làm mất lòng HÀNG NGHÌN độc giả thì sao? Có công bằng không? Đã đến lúc HL nên can đảm chấm dứt đi những trò tung hứng, áo thụng vái nhau, làm cho văn chương mất hết giá trị, độc giả không còn tin tưởng vào chức năng cao quý của nhà văn nữa.

TRẦN LIỆU (California)

Cảm ơn anh đã sốt sắng hưởng ứng góp ý. Nhiều độc giả cũng có cùng suy nghĩ như anh, nên chúng tôi xin được dùng lá thư của anh làm mẫu đúc kết. Tòa soạn sẽ lưu tâm để điều chỉnh. Thân mến.

VỚI VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ

Bà Tôn Nữ Phương Chi (MD): Chúng tôi vừa tìm trong máy, phát hiện: đã gởi báo từ số 9 đến số 11 đến địa chỉ : Thịnh Ngô, 990 Saint Francis Bl. #2028, Daly city, CA 94075-4349. Như vậy, có thể do bà thay đổi địa chỉ quên thông báo, hoặc cũng có thể do lầm lộn của chúng tôi. Dù bởi bất cứ lý do nào, cũng xin thành thật xin lỗi. Để bù lại, chúng tôi sẽ gởi báo đến bà từ số này (15) đến số 17. Kính mến.

Anh Đoàn Nhật, do sơ xuất khi lấy bài từ máy ra, đã đi thêm một lần nữa bài thơ "Thức dậy Ở Cố Quận" đã đi trên Hợp Lưu 13. Mong anh và độc giả thứ lỗi. Kỳ nào bưu điện cũng gởi lên... hỏa tinh vài số báo của văn hữu và độc giả. Cảm ơn anh đã "khiếu nại", nhờ vậy chúng tôi mới biết mà gởi bù. Nhân đây, cũng xin nhắn riêng với tất cả độc giả dài hạn: nếu mua First Class, trong vòng 4 ngày, nếu mua hạng tư, trong vòng 10 ngày (trong nội địa Hoa Kỳ) chưa nhận được báo, xin cho tòa soạn biết ngay bằng điện thoại hoặc thư, để gởi bù. Ngoài Hoa Kỳ, chúng tôi không biết đích xác thời gian đến, tuy nhiên, vẫn "khiếu nại" với chúng tôi, nếu báo không đến đúng chu kỳ. Sự lưu ý của quí vị là cách giúp tòa soạn điều chỉnh hiệu quả những sai sót. Thân mến.

Chị Bùi Bích Hà (CA): Tại sao báo bị trả lại? Chị đã thay đổi địa chỉ? Ở đâu, xin cho biết. Kính mến.

Chị Trần Mộng Tú (Seattle): Tòa soạn Hợp Lưu vừa moved ra khỏi garage, đến một nơi khá hơn garage một tí. Trong "cuộc hành trình gian nan" nầy (vì cả thước bản thảo mới, cũ, hàng nghìn cuốn sách Tây Tàu Mỹ Việt...), tôi đã để lạc bài thơ của chị trong cái "rừng" chữ nghĩa đó, tìm toát mồ hôi suốt hai buổi sáng không thấy, muốn gọi điện thoại xin bản sao, ngại chị "nẹt", nên đành viết mấy lời này tạ lỗi, và rất mong chị rộng lòng tha thứ, gởi cho bản sao hoặc bài mới. Nếu có cái gì cho số đặc biệt Mai Thảo thì hay lắm. Kính. Điện thoại mới của Hợp Lưu, đã ghi trong "Lời tòa soạn", nhưng nhắc lại, lần nữa, cho chắc: (714) 531-6693. Kính mến.

Anh Nguyễn Quốc (CA): Quên cuốn sách đó đi. Nhảm nhí. Nó ra đời do yêu cầu tồn tại của Hợp Lưu. Nay, Hợp Lưu đã tự đi được rồi. Qua sông phải dìm

Cùng văn hữu và độc giả trong, ngoài nước đã gởi thiệp mừng Giáng Sinh và Tết 1994: Số lượng thiệp chúng tôi nhận được vào những ngày trước giáng sinh và tết quá nhiều, không thể ghi tên hết trên số báo này. Vậy xin được gởi chung đến tất cả các văn hữu và độc giả đã ưu ái quan tâm đến Hợp Lưu: chân thành cảm ơn quí vị, cầu chúc quí vị một mùa giáng sinh và năm mới hạnh phúc, bình an. Kính mến.

HỢP LƯU

Điện thoại mới của Hợp Lưu: **(714) 531-6693**

● Nếu âm nhạc là đôi cánh chở chúng ta đến bến bờ của yêu thương, mơ mộng, thì DẠ KHÚC PRODUCTIONS đã đóng trọng vai trò của mình: kẻ thừa sai tận tụy nhất.

●Nếu âm thanh là nhịp cầu nối liền cõi nhân gian đầy phiền muộn này với thế giới của cỏ hoa, trái ngọt, thì các giọng ca góp mặt trong những cuốn CD này có thể tự hào thầm nhủ: ta, chính ta, là tiếng chim đánh thức mầm Xuân vùi chôn dưới lớp lớp địa tầng buốt giá mùa Đông.



KHI ANH HÔN EM
NHẬT HA
ĐỨC HUY
JULIE



BÊN EM
NHẬT HẠ

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi rõ bằng chữ in)

Tôi tên: ____________________

Địa chỉ: ____________________

____

____

Điện thoại: ____________________

nhận mua dài hạn tập chí HL từ số ____ đến số ____

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) - 40MK ☐ (1 năm)

Hạng nhất: 26MK ☐ (1/2 năm) - 50MK ☐ (1 năm)

Âu châu:

Đường thủy: 24MK ☐ (1/2 năm) - 48MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 34MK ☐ (1/2 năm) - 65MK ☐ (1 năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 24MK ☐ (1/2 năm) - 48MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 38MK ☐ (1/2 năm) - 75MK ☐ (1 năm)

Xin gởi bằng MỸ KIM. Ngoài Hoa Kỳ và Canada bằng International Money Oder, trả cho:

HỢP LƯU

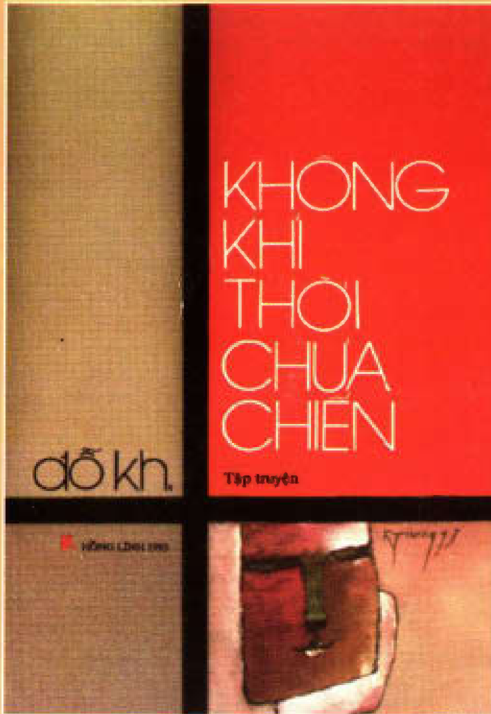
P.O Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

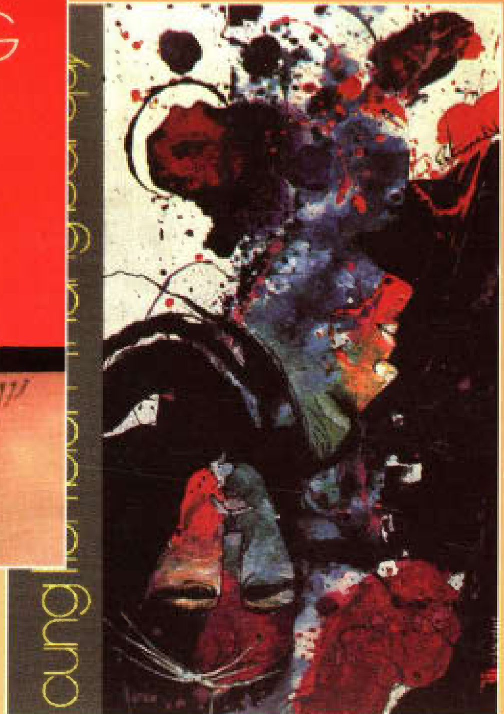
Nếu thay đổi địa chỉ hoặc không nhận được báo đúng chu kỳ, xin cho tòa soạn biết ngay để điều chỉnh.



HỒNG LĨNH
9601 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683. USA
Tél: (714)531-7223 • Fax: (714)531-1107

ĐỖ KH.: KHÔNG KHÍ THỜI CHƯA CHIẾN (200 trang. Giá 10MK)
CUNG TÍCH BIỀN: THẰNG BẮT QỦY (200 trang. Giá 10MK)





Và những tác phẩm khác sắp phát hành:
NGUYỄN KỲ PHONG: CHỢ CHỒM HỔM (*Phóng sự tiểu thuyết*)
VŨ NGỌC PHAN: NHỮNG NĂM THÁNG ẤY (*Hồi ký*)
RECHUNG (ĐỖ ĐÌNH ĐỒNG dịch): MILAREPA CON NGƯỜI SIÊU VIỆT
NGUYỄN QUANG LẬP: NHỮNG MẢNH ĐỜI ĐEN TRẮNG
PHAN HUY ĐƯỜNG: VẪY GỌI NHAU LÀM NGƯỜI

15
Giá 7MK